

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**






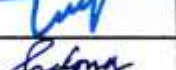
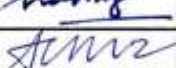

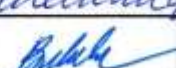
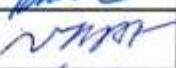




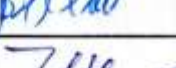


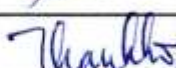
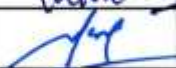


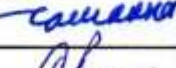
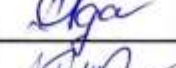
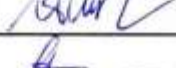





BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

**(ĐỂ ĐĂNG KÝ KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC)**

Hà Nội, năm 2016

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
01	Trần Thọ Đạt	GS.TS - Hiệu trưởng	Chủ tịch	
02	Phạm Quang Trung	GS.TS - Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch TT	
03	Phạm Hồng Chương	PGS.TS - Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
04	Trần Thị Vân Hoa	PGS.TS - Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
05	Hoàng Văn Cường	PGS.TS - Phó Hiệu trưởng	Phó chủ tịch	
06	Lê Xuân Tùng	ThS - TP. Khảo thí & ĐBCLGD	Ủy viên	
07	Nguyễn Hữu Đồng	TS - Chủ tịch Công đoàn	Ủy viên	
08	Bùi Trung Hải	ThS - Bí thư Đoàn Thanh niên	Ủy viên	
09	Nguyễn Thanh Hà	PGS.TS - TP. Tổ chức cán bộ	Ủy viên	
10	Phạm Thị Bích Chi	PGS.TS - TP. Tài chính kế toán	Ủy viên	
11	Nguyễn Quang Đông	GS.TS - Khoa Toán kinh tế	Ủy viên	
12	Bùi Đức Thọ	PGS.TS - TP QLKH	Ủy viên	
13	Nguyễn Hoàng Hà	ThS - TP CTCT&QLSV	Ủy viên	
14	Bùi Đức Dũng	ThS - TP Tổng hợp	Ủy viên	
15	Nguyễn Đình Trung	TS - TP Quản trị thiết bị	Ủy viên	
16	Đình Tiến Dũng	TS - PVT Viện ĐT SDH	Ủy viên	
17	Lê Thị Lan Hương	PGS.TS - VT Viện QTKD	Ủy viên	
18	Đặng Ngọc Đức	PGS.TS - VT Viện NH-TC	Ủy viên	
19	Nguyễn Trung Tuấn	TS - VT Viện CNTT&KT	Ủy viên	
20	Nguyễn Thành Hiếu	TS - Trưởng Khoa QTKD	Ủy viên	
21	Bùi Đức Triệu	PGS.TS - TP Quản lý đào tạo	Ủy viên	
22	Nguyễn Thị Chính	TS - Trưởng Khoa Bảo hiểm	Ủy viên	
23	Đỗ Thị Hải Hà	PGS.TS - Trưởng khoa KHQL	Ủy viên	
24	Tạ Mạnh Thắng	ThS - PTP Khảo thí & ĐBCLGD	Ủy viên	
25	Dương Nguyệt Nga	TS - Trưởng BM Pháp luật KD	Ủy viên	
26	Lâm Tùng	ThS - Chủ tịch Hội sinh viên	Ủy viên	
27	Vũ Thị Thu Hòa	ThS - CV P.Khảo thí & ĐBCLGD	Thư ký	

MỤC LỤC

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ.....	iii
MỤC LỤC.....	v
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO.....	viii
PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ	1
PHẦN II. TỔNG QUAN.....	5
I. Bối cảnh chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân	5
II. Một số vấn đề cơ bản được rút ra trong quá trình tự đánh giá	7
PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ.....	17
Tiêu chuẩn 1. SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐHKQTĐ.....	17
Tiêu chí 1.1.....	17
Tiêu chí 1.2.....	20
Tiêu chuẩn 2. TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ	25
Tiêu chí 2.1.....	25
Tiêu chí 2.2.....	27
Tiêu chí 2.3.....	28
Tiêu chí 2.4.....	31
Tiêu chí 2.5.....	35
Tiêu chí 2.6.....	37
Tiêu chí 2.7.....	39
Tiêu chuẩn 3. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	41
Tiêu chí 3.1.....	41
Tiêu chí 3.2.....	44
Tiêu chí 3.3.....	46
Tiêu chí 3.4.....	47
Tiêu chí 3.5.....	50
Tiêu chí 3.6.....	52
Kết luận về tiêu chuẩn 3.....	54
Tiêu chuẩn 4. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO	55
Tiêu chí 4.1.....	55
Tiêu chí 4.2.....	59

Tiêu chí 4.3.....	61
Tiêu chí 4.4.....	64
Tiêu chí 4.5.....	67
Tiêu chí 4.6.....	68
Tiêu chí 4.7.....	72
Kết luận về tiêu chuẩn 4.....	74
Tiêu chuẩn 5. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN	75
Tiêu chí 5.1.....	75
Tiêu chí 5.2.....	77
Tiêu chí 5.3.....	79
Tiêu chí 5.4.....	81
Tiêu chí 5.5.....	82
Tiêu chí 5.6.....	83
Tiêu chí 5.7.....	85
Tiêu chí 5.8.....	86
Tiêu chuẩn 6. NGƯỜI HỌC.....	88
Tiêu chí 6.1.....	88
Tiêu chí 6.2.....	90
Tiêu chí 6.3.....	94
Tiêu chí 6.4.....	96
Tiêu chí 6.5.....	99
Tiêu chí 6.6.....	101
Tiêu chí 6.7.....	103
Tiêu chí 6.8.....	105
Tiêu chí 6.9.....	107
Kết luận về Tiêu chuẩn 6:	108
Tiêu chuẩn 7. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ.....	110
Tiêu chí 7.1.....	110
Tiêu chí 7.2.....	112
Tiêu chí 7.3.....	114
Tiêu chí 7.4.....	115
Tiêu chí 7.5.....	117
Tiêu chí 7.6.....	118
Tiêu chí 7.7.....	119

Tiêu chuẩn 8. HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ	121
Tiêu chí 8.1.....	121
Tiêu chí 8.2.....	123
Tiêu chí 8.3.....	126
Tiêu chuẩn 9. THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC	128
Tiêu chí 9.1.....	129
Tiêu chí 9.2.....	132
Tiêu chí 9.3.....	134
Tiêu chí 9.4.....	136
Tiêu chí 9.5.....	138
Tiêu chí 9.6.....	140
Tiêu chí 9.7	142
Tiêu chí 9.8.....	143
Tiêu chí 9.9.....	144
Kết luận về tiêu chuẩn 9:.....	146
Tiêu chuẩn 10. TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH.....	147
Tiêu chí 10.1.....	148
Tiêu chí 10.2.....	151
Tiêu chí 10.3.....	154
PHẦN IV. KẾT LUẬN	157
PHẦN V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ	159
PHẦN VI. PHỤ LỤC	160
Phụ lục 1. Cơ sở dữ liệu Kiểm định chất lượng giáo dục.....	162
Phụ lục 2. Các văn bản về hoạt động Tự đánh giá của Trường.....	184
Phụ lục 3. Danh mục các minh chứng dùng trong Báo cáo Tự đánh giá	201

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT TRONG BÁO CÁO

Viết tắt	Từ
BGH	Ban Giám hiệu
Bộ GD&ĐT	Bộ Giáo dục và Đào tạo
BTK	Ban thư ký
CBCC	Cán bộ công chức
CBGD	Cán bộ giảng dạy
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa
CNTT	Công nghệ thông tin
CP	Chính phủ
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
NSNN	Ngân sách Nhà nước
ĐHCQ	Đại học chính quy
ĐHKTD	Đại học Kinh tế Quốc dân
Đoàn TNCS HCM	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh
ĐTSDH	Đào tạo sau đại học
ĐTTC	Đào tạo tại chức
GV	Giảng viên
HĐTĐG	Hội đồng Tự đánh giá
HTQT	Hợp tác quốc tế
KCN	Khu công nghiệp
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KT&ĐBCLGD	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục
KT,QL&QTKD	Kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh

Viết tắt	Từ
KTPT	Kinh tế phát triển
KTX	Ký túc xá
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
LLVT	Lực lượng vũ trang
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCS	Nghiên cứu sinh
NEU	NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY
PTNNL	Phát triển nguồn nhân lực
PTP	Phó Trưởng phòng
PTTH	Phổ thông trung học
PVTTDTT	Thể dục thể thao Phó Viện trưởng
QL	Quản lý
QLĐT	Quản lý đào tạo
QTKD	Quản trị kinh doanh
SĐH	Sau đại học
SV	Sinh viên
TP	Trưởng phòng
TSKH	Tiến sĩ khoa học
TTĐT	Thanh tra đào tạo
TTg	Thủ tướng
TTND	Thanh tra nhân dân
UBND	Ủy ban Nhân dân
VT	Viện trưởng
XHCNTM	Xã hội chủ nghĩa Thương mại

PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trường ĐHKQTĐ là trường trọng điểm quốc gia, trường đầu ngành đào tạo về kinh tế, quản lý và QTKD, là trung tâm nghiên cứu, tư vấn khoa học kinh tế có uy tín tham gia hoạch định chiến lược, chủ trương và các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Trong quá trình phát triển, Trường luôn coi trọng tới công tác cải thiện, nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH đặc biệt trong bối cảnh hội nhập vào xu thế chung của toàn cầu và trong vai trò một trường đại học được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Là một trong những trường đại học đầu tiên trên cả nước đăng ký tham gia KĐCL giáo dục, sau khi hoàn thành công tác tự đánh giá lần thứ nhất vào năm 2005, Trường ĐHKQTĐ đã đăng ký đánh giá ngoài và đã được Hội đồng quốc gia KĐCL giáo dục công nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (*Thông báo số 97/TB-BGDĐT ngày 25/2/2009 của Bộ GD&ĐT*).

Trong những năm tiếp theo sau, tập thể lãnh đạo và CBVC Nhà trường đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược và tổ chức triển khai cải thiện những điểm còn tồn tại theo kiến nghị của Hội đồng KĐCL giáo dục và kết quả đã mang lại nhiều thay đổi tích cực, đáng khích lệ trong các hoạt động đào tạo, NCKH, phát triển đội ngũ, phát triển CSVC phục vụ dạy và học.

Thực hiện Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số: 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, Trường ĐHKQTĐ đã tổ chức triển khai tự đánh giá chất lượng trường theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học của Bộ GD&ĐT (*ban hành kèm theo Văn bản số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/3/2014 của Bộ GD&ĐT*).

Mục đích tự đánh giá: Nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường và thực hiện kế hoạch KĐCL của trường đại học đã đăng ký với Bộ GD&ĐT.

Báo cáo Tự đánh giá tổng hợp kết quả đánh giá toàn diện các hoạt động, từ đó đề xuất phương hướng khắc phục những tồn tại, thiếu sót nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH của trường. Đồng thời, Báo cáo Tự đánh giá cũng là điều kiện để các cơ quan đánh giá ngoài tiến hành kiểm định. Kiểm định để tự khẳng định và để được công nhận đạt chuẩn chất lượng đại học Việt Nam.

Phạm vi tự đánh giá: Đánh giá tổng thể các hoạt động của Trường theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục gồm 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí ban hành theo Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04/03/2014 của Bộ GD&ĐT.

Hội đồng tự đánh giá: HĐĐG giá được thành lập theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHKQTGD ngày 06/5/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHKQTGD. Hội đồng gồm 27 thành viên (*Phụ lục 2*).

Giúp việc cho HĐĐG gồm có: Ban Thư ký gồm có 52 thành viên được thành lập theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHKQTGD ngày 14/8/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHKQTGD (*Phụ lục 2*).

Nguyên tắc triển khai Tự đánh giá:

- Chủ tịch HĐĐG phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Hội đồng.

- HĐĐG trường ủy nhiệm cho Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục (KT&ĐBCLGD) chủ động tổ chức các hoạt động hội thảo, khảo sát thu thập ý kiến giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên và các nhà tuyển dụng nhằm phục vụ việc cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và hoạt động tự đánh giá của trường.

- Định kỳ HĐĐG sẽ giao ban về hoạt động tự đánh giá trường. Nội dung giao ban do Phòng KT&ĐBCLGD chuẩn bị.

- Trong quá trình thực hiện tự đánh giá có nhiều cán bộ quản lý các khoa, phòng ban chức năng tham gia góp ý kiến, tìm minh chứng. Ban lãnh đạo các khoa, phòng, ban, trung tâm thuộc trường thực hiện:

+ Triển khai lại chủ trương và các hoạt động tự đánh giá trường đến toàn thể giảng viên, CBCC thuộc đơn vị.

+ Phối hợp và thực hiện tốt các yêu cầu của các Nhóm công tác chuyên trách, của BTK tự đánh giá nhằm giúp cho việc tự đánh giá của trường thực hiện kịp tiến độ theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT và đạt kết quả tốt.

Phương pháp triển khai tự đánh giá: Quá trình tự đánh giá được thực hiện theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí của Bộ tiêu chuẩn KĐCL các trường đại học. Với mỗi tiêu chí, trường tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả thực trạng;
- Phân tích, giải thích, so sánh để đưa ra những nhận định đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm yếu hoặc thiếu sót;
- Lập kế hoạch hành động nhằm phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, thiếu sót để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Xác định mục đích, phạm vi tự đánh giá;
- Bước 2: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các tổ công tác;
- Bước 3: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;
- Bước 4: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;
- Bước 6: Viết báo cáo tự đánh giá;
- Bước 7: Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá tổng thể;
- Bước 8: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để đọc và góp ý kiến;
- Bước 9: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phương pháp mã hóa minh chứng: Các minh chứng được sắp xếp theo từng tiêu chí và được mã hóa theo quy tắc như sau: Hnx.a.b.c.

H: Viết tắt của hộp minh chứng

n: Số thứ tự của tiêu chuẩn (có giá trị từ 1 đến 10)

a.b: Số thứ tự của tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn)

c: Số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (có giá trị từ 1 đến hết).

Ví dụ: [H1.1.1.1] là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1.1 thuộc tiêu chuẩn 1 được đặt ở hộp

PHẦN II. TỔNG QUAN

Bối cảnh chung của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được thành lập theo Nghị định số 678-TTg ngày 25 tháng 1 năm 1956 với tên gọi ban đầu là Trường Kinh tế Tài chính. Lúc đó, Trường được đặt trong hệ thống Đại học nhân dân Việt Nam trực thuộc Thủ tướng Chính phủ. Trải qua hơn nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Trường ĐHKQTĐ luôn luôn giữ vững vị trí là:

- Một trong những trung tâm đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kinh tế quản lý và quản trị kinh doanh lớn nhất ở Việt Nam. Bên cạnh các chương trình đào tạo cấp bằng cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ, Trường cũng thường xuyên tổ chức các khoá bồi dưỡng chuyên môn ngắn hạn về KT, QL&QTKD cho các nhà quản lý các doanh nghiệp và các cán bộ kinh tế trên phạm vi toàn quốc. Cho đến nay, Trường ĐHKQTĐ đã đào tạo được nhiều thế hệ cán bộ quản lý chính quy, năng động, dễ thích nghi với nền kinh tế thị trường và có khả năng tiếp thu các công nghệ mới. Trong số những sinh viên tốt nghiệp của Trường, nhiều người hiện đang giữ những chức vụ quan trọng trong các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và các doanh nghiệp.

- Trung tâm NCKH kinh tế phục vụ đào tạo, hoạch định chính sách kinh tế - xã hội của Đảng, Nhà nước, các ngành, các địa phương và chiến lược kinh doanh của các doanh nghiệp. Trường đã triển khai nhiều công trình nghiên cứu lớn về kinh tế và kinh doanh ở Việt Nam, được Chính phủ trực tiếp giao nhiều đề tài nghiên cứu lớn và quan trọng. Ngoài ra, Trường cũng hợp tác về nghiên cứu với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức quốc tế.

- Trung tâm tư vấn và chuyển giao công nghệ KT, QL&QTKD. Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc tư vấn cho các tổ chức ở Trung ương, địa phương và các doanh nghiệp. Ảnh hưởng sâu rộng của trường ĐHKQTĐ đến toàn bộ công cuộc đổi mới được tăng cường bởi các mối liên kết chặt chẽ của Trường với các cơ quan thực tiễn.

Trường ĐHKQTĐ có quan hệ trao đổi, hợp tác nghiên cứu - đào tạo với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu nổi tiếng và nhiều tổ chức quốc tế của các nước như Liên Bang Nga, Trung Quốc, Bungari, Ba Lan, CH Sec và Slovakia, Anh, Pháp, Mỹ, Úc, Nhật, Thụy Điển, Hà Lan, CHLB Đức, Canada, Hàn Quốc, Thái Lan... Đặc biệt, Trường cũng nhận được tài trợ của các nước và các tổ chức quốc tế như tổ chức Sida (Thụy Điển), UNFPA, CIDA (Canada), JICA (Nhật Bản), Chính phủ Hà Lan, ODA (Vương quốc Anh), UNDP, Ngân hàng Thế giới, Quỹ Ford (Mỹ), Quỹ Hanns Seidel (Đức)... để tổ chức nghiên cứu, xây dựng CTĐT và mở các khoá đào tạo thạc sĩ tại Trường về kinh tế, quản lý, QTKD và các lớp bồi dưỡng về kinh tế thị trường... Đồng thời, Trường cũng có quan hệ với nhiều công ty nước ngoài trong việc đào tạo, nghiên cứu và cấp học bổng cho sinh viên. Với những đóng góp của Trường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Trường đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như:

- Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001 và 2011
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới năm 2000.
- 01 Huân chương Độc lập Hạng Nhất năm 1996.
- 01 Huân chương Độc lập Hạng Nhì năm 1991
- 01 Huân chương Độc lập Hạng Ba năm 1986.
- 01 Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 1983.
- 02 Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1978, 2013.
- 03 Huân chương Lao động Hạng Ba năm 1961, 1972, 2007.
- Huy chương Hữu nghị của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Lào năm 1987 và 2008.

Mục tiêu phấn đấu của Trường đến năm 2020 là trở thành một trường đại học hiện đại với đầy đủ các trang thiết bị tiên tiến. Để đảm bảo chất lượng giảng dạy và học tập đạt tiêu chuẩn quốc tế, Trường đang nâng cấp hệ thống phòng học, mua các thiết bị hiện đại, soạn và xuất bản giáo trình và các tài liệu tham

khảo, hệ thống thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu, đổi mới và nâng cấp CSVC hiện có.

Một số vấn đề cơ bản được rút ra trong quá trình tự đánh giá

1. Trường ĐHKQTĐ có sứ mạng rõ ràng và phù hợp với chức năng và nguồn lực của mình. Sứ mạng của Trường đã được công bố chính thức trên website Trường. Sứ mạng của Trường gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Các mục tiêu cụ thể của Trường đều rõ ràng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng năm học và được cụ thể hóa trong các văn bản kế hoạch chiến lược phát triển trung và dài hạn của Trường. Mục tiêu giáo dục có sự thống nhất cao giữa các cấp Ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể, đây là điều kiện tiên quyết để Trường thực hiện các mục tiêu đề ra. Mục tiêu giáo dục cũng được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong cán bộ, viên chức và sinh viên thông qua công tác tuyên truyền, sinh hoạt đầu khóa, các tài liệu giới thiệu Trường.

Từ năm học 2016-2017, với việc đưa vào sử dụng Cổng thông tin điện tử mới hiện đại, giao diện thân thiện và đầy đủ các chức năng, Trường sẽ thông báo rộng rãi sứ mạng, hình ảnh của Trường ra bên ngoài qua các hình thức khác nhau (phương tiện thông tin đại chúng, mạng lưới cựu sinh viên...). Trường cũng sẽ thường xuyên tổ chức lấy ý kiến cán bộ, viên chức và sinh viên về phương hướng phát triển của Trường. Ngoài ra, Trường sẽ thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và địa phương nhằm bổ sung và hoàn chỉnh sứ mạng của mình. Bên cạnh đó, tuyên bố sứ mạng của Trường sẽ được đưa vào các bảng đặt tại các vị trí trang trọng của các hội trường, thư viện, ký túc xá và các cơ sở trực thuộc (*Tiêu chuẩn 1*).

2. Cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với thực tế, linh động và được thể chế hóa bằng các quy chế hoạt động rõ ràng, tạo điều kiện phát huy được mối quan hệ giữa các đơn vị nhằm phục vụ mục tiêu chung. Trường là một trong

những trường đầu tiên triển khai thành lập Hội đồng trường theo Điều lệ trường đại học, vì thế đã thuận lợi trong việc hoạch định các mục tiêu chiến lược, xây dựng kế hoạch phát triển trong trung và dài hạn, phù hợp với quy hoạch mạng lưới các trường đại học của quốc gia.

Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý cấp trường được biên soạn đầy đủ, tập hợp thành Bộ Quy định Tổ chức và Quản lý Trường ĐHKQTĐ và được triển khai phổ biến tới từng đơn vị, cá nhân thuộc Trường. Đồng thời, cơ cấu tổ chức có sự phân công rõ ràng, cụ thể, không có sự chồng chéo trong công việc giữa các cá nhân và đơn vị trong trường nên công việc luôn được hoàn thành nhanh chóng và hiệu quả cao.

Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội và cả nước. Các kế hoạch chiến lược này đã thể hiện được tầm nhìn, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của Trường.

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, Trường hoạt động ổn định và luôn là một trong những trường trọng điểm quốc gia, trường đầu ngành của cả nước trong lĩnh vực đào tạo về KT, QL & QTKD cũng như trong tư vấn NCKH.

Năm 2017, Trường sẽ hoàn thiện hệ thống giám sát việc thực thi các văn bản quản lý, trong đó sẽ quy định chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm; thực hiện triển khai đồng bộ và đều khắp hệ thống E-office trong tổ chức điều hành và quản lý của Trường.

Trường sẽ thường xuyên cập nhật các chiến lược phát triển của địa phương và cả nước để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược dài hạn của mình nhằm góp phần xây dựng nguồn nhân lực cho cả nước, đặc biệt chú trọng tới chủ trương phát triển kinh tế - xã hội các vùng kinh tế trọng điểm trên cả nước theo quy hoạch của Quốc hội và Chính phủ (*Tiêu chuẩn 2*).

3. Chương trình đào tạo của Trường ĐHKQTĐ được xây dựng trên cơ sở

chương trình khung do Bộ GD&ĐT ban hành, phù hợp với sứ mạng, mục tiêu giáo dục và chức năng, nhiệm vụ của Trường, đồng thời luôn đáp ứng nhu cầu xã hội. Trường có đầy đủ CTĐT, kế hoạch đào tạo giảng dạy và học tập cho các ngành, chuyên ngành đào tạo theo từng hệ đào tạo. Trường đã xây dựng nhiều chuyên ngành đào tạo mới nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và của các nhà tuyển dụng.

Nhà trường có kế hoạch và thường xuyên tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh, hoàn thiện CTĐT cho các ngành và các chuyên ngành dựa trên các ý kiến đóng góp của các tổ chức giáo dục, các nhà tuyển dụng, các chuyên gia, các cựu sinh viên thuộc các hệ, bậc đào tạo. Trong những năm qua, Trường đã đổi mới toàn bộ các CTĐT và đã tổ chức biên soạn thành công Bộ Giáo trình trọng điểm cho các chuyên ngành đào tạo tại Trường. Các CTĐT đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra, đảm bảo tính hội nhập, liên thông. Trường thực hiện đào tạo liên thông giữa các trình độ đào tạo, giữa các phương thức đào tạo theo đúng Quy định hiện hành và đạt kế hoạch, mục tiêu đề ra.

Trong thời gian tới, Trường sẽ tiến hành xây dựng một số chuyên ngành giảng dạy bằng tiếng Anh, đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của nền kinh tế, của người học. Trường sẽ phát triển và nâng cao chất lượng chương trình cũng như chuẩn đầu ra của CTĐT Tiếng Anh theo chuẩn Quốc tế.

Trường sẽ ban hành văn bản về tổ chức định kỳ lấy ý kiến phản hồi về CTĐT từ giảng viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng và các tổ chức giáo dục khác. Tiếp tục mở rộng hình thức hợp tác, ký kết thỏa thuận công nhận CTĐT với các trường, học viện ở các nước phát triển trong thời gian tới (*Tiêu chuẩn 3*).

4. Trường ĐHKQTĐ đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo, trên cơ sở đó, Nhà trường mở rộng các hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài và với các địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội. Quy trình tổ chức hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo luôn được quan tâm, thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan, công bằng.

Trường đã thực hiện việc đổi mới phương pháp giảng dạy, qua đó phát huy tính tích cực, chủ động của người học. Nhà trường có hệ thống CNTT phục vụ quản lý kết quả học tập của người học, đảm bảo thuận lợi cho việc quản lý, truy cập và tổng hợp báo cáo, đồng thời có các giải pháp đảm bảo an toàn cho dữ liệu. Việc lấy ý kiến người học về hiệu quả của các phương pháp giảng dạy được thực hiện thường xuyên và rộng rãi với quy mô toàn trường và được áp dụng linh hoạt theo các phương thức khác nhau (online và phiếu giấy) để phù hợp với các loại hình đào tạo tương ứng.

Trường có kế hoạch cải tiến hệ thống phần mềm quản lý đào tạo để liên kết chặt chẽ giữa các CSDL phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo lâu dài của Nhà trường.

Trường sẽ tổ chức nghiên cứu kết quả của các cuộc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học làm cơ sở cho việc đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy và sẽ tiến hành nghiên cứu quy định về việc xây dựng, quản lý và đánh giá ngân hàng đề thi; tiến hành việc thống kê phân tích định lượng các kết quả thi để điều chỉnh các hình thức thi và mức độ khó của đề thi nhằm đảm bảo công tác đánh giá kết quả học tập hiệu quả hơn, từ đó cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội (*Tiêu chuẩn 4*).

5. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu, sứ mệnh của Nhà trường. Trường có Kế hoạch tuyển dụng dài hạn và ngắn hạn; thông tin tuyển dụng, chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng được thông báo công khai trên website của Trường. Song song với công tác tuyển dụng, Trường luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên. Về cơ bản, đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên của Trường hiện nay tương đối đủ về số lượng và ngày càng được trẻ hóa, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác đào tạo, NCKH của Trường. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức và có năng lực chuyên môn đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ, vị trí công tác đang đảm

trách. Trường có đội ngũ giảng viên trình độ chuyên môn cao, thể hiện ở tỷ lệ giảng viên có học hàm, học vị chiếm tỷ lệ cao và có bề dày thâm niên giảng dạy.

Trường ĐHKQTĐ có đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ chuyên nghiệp cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên, sinh viên. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được tạo điều kiện tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ.

Do yếu tố lịch sử, một số Khoa/Viện đào tạo vẫn còn giảng viên có trình độ cử nhân, chưa đủ tiêu chuẩn để giảng dạy đại học do các giảng viên chưa thực sự chú trọng trong việc bồi dưỡng nghiệp vụ. Cơ cấu đội ngũ giảng viên ở một số ngành, chuyên ngành chưa hợp lý, số lượng kỹ thuật viên, nhân viên được đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn ít. Trong thời gian tới, thực hiện đề án tự chủ, Nhà trường sẽ có kế hoạch chủ động bồi dưỡng, đào tạo sau đại học cho các giảng viên trẻ còn trình độ cử nhân để đáp ứng được quy định của Luật giáo dục đại học về tiêu chuẩn của giảng viên. Đồng thời, Trường sẽ tiếp tục tổ chức các buổi tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên và cử các kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ (*Tiêu chuẩn 5*).

6. Trường ĐHKQTĐ luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm “người học là trung tâm”. Người học tại Trường luôn được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả. Trường đã có những biện pháp cụ thể giúp sinh viên hiểu rõ mục tiêu đào tạo, CTĐT, các yêu cầu về kiểm tra đánh giá, quy chế đào tạo, rèn luyện và những vấn đề khác liên quan đến người học. Ngoài việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với sinh viên theo quy định của Nhà nước, Trường còn nỗ lực vận động nguồn kinh phí ngoài từ các ngân hàng, doanh nghiệp mỗi năm hàng tỷ đồng để trợ cấp, trao học bổng cho những sinh viên vượt khó. Đảng ủy, Ban Giám hiệu Trường luôn quan tâm và tạo mọi điều kiện cho công tác Đoàn, Hội và phong trào sinh viên bằng cách tạo cơ chế, điều kiện và hỗ trợ kinh phí hoạt động. Công tác phát triển

Đảng trong sinh viên được Đảng ủy Trường quan tâm chú trọng, chỉ đạo và xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể.

Nhà trường đã có chủ trương kịp thời và đúng đắn trong việc đa dạng hóa kênh tư vấn hướng nghiệp cho người học, đa dạng hóa các chương trình hoạt động nhằm hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho người học đồng thời có nhiều biện pháp tuyên dương khen thưởng các sinh viên, Đoàn viên gương mẫu và đạt thành tích xuất sắc trong các phong trào.

Trong những năm tới, thực hiện Đề án tự chủ, Trường sẽ triển khai các kế hoạch cụ thể nhằm cải thiện một cách hiệu quả công tác sinh viên như: Đa dạng hóa các kênh thông tin đến sinh viên thông qua Cổng thông tin điện tử của Trường; Thông qua Mạng lưới Cựu sinh viên NEU, qua các trang mạng xã hội, hoặc Sổ tay sinh viên; Lập kế hoạch dài hạn thuê các CSVC phục vụ cho hoạt động thể dục thể thao, đầu tư thiết bị, hội trường phục vụ cho các hoạt động phong trào; Lập kế hoạch phân cấp và giao nhiệm vụ cho các khoa trong việc tổ chức các buổi báo cáo thời sự về tình hình chính trị, xã hội (*Tiêu chuẩn 6*).

7. Với lịch sử 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHKQTĐ đã có được lực lượng nghiên cứu về KT, QL&QTKD hàng đầu của cả nước. Kết quả nghiên cứu của Nhà trường đã được xã hội ghi nhận và đánh giá cao với nhiều công trình nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho các cơ quan của Đảng và Nhà nước, cho các Bộ, Ban, Ngành, các địa phương và các doanh nghiệp. Với uy tín và thế mạnh hiện có về NCKH, Trường ĐHKQTĐ đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 sẽ trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế.

Kế hoạch hoạt động NCKH của Trường được sự đồng thuận cao từ cán bộ, giảng viên và nhiều công trình khoa học có giá trị khoa học cao, nhiều bài báo quốc tế, sách tham khảo, chuyên khảo đã được các giảng viên Nhà trường công bố từ các kết quả nghiên cứu đề tài các cấp. Nhà trường đã quan tâm và thúc đẩy hoạt động NCKH ở cả 2 khía cạnh, nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Hoạt động NCKH không chỉ đóng góp về nghiên cứu và thực tiễn còn

có sự gắn kết chặt chẽ với đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Mặc dù số lượng bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tăng nhưng số lượng bài đăng tải quốc tế còn hạn chế, đặc biệt là các bài đăng trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng cao. Nhiều giảng viên của Trường có nhiều kinh nghiệm khai thác các đề tài NCKH đã đến độ tuổi nghỉ hưu trong khi lực lượng trẻ lại chưa tiếp cận kịp. Trong thời gian tới, Nhà trường sẽ thay đổi chính sách điều chỉnh tăng mức hỗ trợ cán bộ, giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín và hỗ trợ lệ phí tham dự hội thảo. Đồng thời, trong năm học 2016-2017, Nhà trường triển khai ứng dụng phần mềm Turnitin vào công tác kiểm tra, phát hiện trùng lặp đối với các sản phẩm NCKH trong Trường (*Tiêu chuẩn 7*).

8. Thực hiện chính sách đổi mới trong quan hệ quốc tế của Đảng và Chính phủ, các hoạt động HTQT của Trường ĐHKQTĐ luôn phát triển theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa để phát huy những cơ hội do hoạt động HTQT mang lại nhằm phát triển Nhà trường về mọi mặt.

Trường ĐHKQTĐ ưu tiên phát triển các hoạt động HTQT về đào tạo thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị của Trường. Trường đã chủ động xây dựng mạng lưới hợp tác với các đối tác uy tín tại nhiều nước trên thế giới tạo tiền đề cho việc xây dựng và phát triển các hoạt động HTQT về đào tạo, NCKH như các CTĐT bằng tiếng Anh, các chương trình trao đổi giảng viên và sinh viên, trao đổi học thuật.

Các chương trình hợp tác đào tạo nước ngoài đóng góp nguồn thu lớn, ước tính gần 1/3 tổng thu của Nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập, nghiên cứu, nâng cấp CSVC và trang thiết bị của Trường theo chuẩn quốc tế cũng như theo yêu cầu của các đối tác nước ngoài và xây dựng nguồn tư liệu, học liệu của Nhà trường qua tài trợ của các đối tác.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động HTQT, Nhà trường luôn bám sát các yêu cầu quản lý hoạt động HTQT, đảm bảo quy trình quản lý thống nhất xuyên suốt giữa các đơn vị, thường xuyên đánh giá, tổng kết hoạt động và báo cáo với các đơn vị quản lý chức năng.

Triển khai đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015-2017, Trường sẽ đẩy mạnh việc tăng cường phối hợp nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động HTQT cấp đơn vị và cấp trường; Xây dựng và ban hành quy định về xây dựng, phê duyệt đề án và quản lý các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, các dự án hợp tác quốc tế cho bộ phận quản lý chung của Nhà trường với các quy định nội bộ về điều kiện liên kết đào tạo, thủ tục phê duyệt các chương trình, công tác thẩm định cấp phép và kế hoạch báo cáo, kiểm tra hàng năm.

Nhà trường sẽ chủ động tìm kiếm, khai thác các mối quan hệ, liên kết với các cơ quan, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nước ngoài có uy tín được kiểm định và có thứ hạng cao để phát triển cơ hội HTQT về đào tạo và NCKH. Đồng thời, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, Nhà trường cũng sẽ có chính sách, chủ trương khuyến khích tạo điều kiện cho các Khoa, Viện chủ động, sáng tạo trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài để liên kết trong đào tạo, NCKH (*Tiêu chuẩn 8*).

9. Trường ĐHKQTĐ có 1 hệ thống Thư viện với trang thiết bị học tập và CSVC đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng để phục vụ tốt cho các hoạt động dạy, học, NCKH của Trường.

Thư viện của Trường có vốn tài liệu đa dạng, phong phú và có một hệ thống CSDL điện tử đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, NCKH cho CBGV, sinh viên, học viên của Trường cũng như bạn đọc nghiên cứu về kinh tế ngoài trường. Năm 2017, Trường sẽ có Thư viện mới tại tòa nhà Trung tâm đào tạo. Đây là một Thư viện được thiết kế mới hoàn toàn, với diện tích hơn 10.000 m², cùng với trang thiết bị hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế.

Hệ thống Phòng học được trang bị đầy đủ CSVC như: các thiết bị âm thanh, ánh sáng, thiết bị trình chiếu và hệ thống điều hoà hiện đại. 2/3 số phòng học đạt tiêu chuẩn phòng học hiện đại. Toàn bộ máy tính trong Trường được nối mạng Internet 24/24 giờ, hệ thống mạng Wifi đã phủ sóng toàn bộ khu vực trong Trường. Viên chức, sinh viên được cấp account thư điện tử miễn phí. Trường đầu tư hệ thống máy chủ để đảm bảo cho hoạt động CNTT của trường thông suốt và đạt hiệu quả tốt nhất.

Ký túc xá cho người học đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định. Công tác quy hoạch tổng thể được chú trọng thực hiện đúng các quy định Nhà nước, quy hoạch phù hợp chiến lược phát triển của Trường cũng như phù hợp quy hoạch chung của Thành phố. Trường có biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Nhà trường đang đẩy nhanh tiến độ xây dựng Nhà trung tâm đào tạo, và theo kế hoạch đến cuối năm 2017, toà nhà này sẽ được khai thác đưa vào sử dụng. Trường sẽ có thêm 146 phòng học, 08 hội trường với sức chứa 168 chỗ và 01 hội trường có sức chứa 1.000 chỗ. Với số phòng học này, Nhà trường sẽ có kế hoạch đầu tư phát triển thành các phòng học đa năng gồm: Phòng học, phòng thực hành theo từng lĩnh vực, chuyên ngành đào tạo. Với hệ thống CSVC hiện đại này, Trường sẽ đáp ứng đủ cả về số lượng và chất lượng phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo (*Tiêu chuẩn 9*).

10. Trường Đại học Kinh tế Quốc dân là 01 trong 04 trường đại học đầu tiên được Thủ tướng Chính phủ giao thí điểm thực hiện tự chủ tài chính, cả chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2015-2017. Công tác quản lý, quản trị tài chính được tin học hóa trên hệ thống các phần mềm quản lý tài chính. Chế độ báo cáo quyết toán tài chính được thực hiện định kỳ với số liệu tài chính được phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đảm bảo tính công khai,

minh bạch, hiệu quả và đúng quy định. Công tác lập và giao kế hoạch tài chính hàng năm đã gắn với kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế của Trường và của các đơn vị. Song song với việc lập kế hoạch hợp lý và giao kế hoạch phù hợp, Trường cũng đã có nhiều giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế để thay đổi cơ cấu nguồn thu theo hướng tăng dần tỷ trọng các hoạt động dịch vụ, chương trình tiên tiến, chất lượng cao và liên kết với nước ngoài.

Trường đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện quy chế thu chi nội bộ sao cho phù hợp với các quy định hiện hành. Quản lý tài chính Trường theo nguyên tắc minh bạch, công khai, hiệu quả. Trường đầu tư xây dựng CSVC phục vụ trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực NCKH, tăng cường khai thác, chủ động tìm kiếm các nguồn tài chính từ các hoạt động đào tạo liên kết, hoạt động tư vấn và các hoạt động khác của Trường (*Tiêu chuẩn 10*).

PHẦN III. TỰ ĐÁNH GIÁ

TIÊU CHUẨN 1

SỨ MẠNG VÀ MỤC TIÊU CỦA TRƯỜNG ĐHKQTĐ

Sứ mạng và mục tiêu của Trường ĐHKQTĐ đã được xác định ngay từ khi thành lập, đó là kim chỉ nam chi phối mọi hoạt động có kế hoạch, có chất lượng của Nhà trường. Việc xác định sứ mạng rõ ràng và đề ra được những mục tiêu cụ thể là bằng chứng quan trọng về việc đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường. Trong từng giai đoạn phát triển mục tiêu đào tạo của Trường đã được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Mục tiêu chung của Trường hiện nay là trở thành trường đa ngành, có uy tín trong lĩnh vực đào tạo, NCKH, tư vấn; Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy có trình độ cao; Đảm bảo đủ CSVC phục vụ các hoạt động của Trường.

Tiêu chí 1.1: Sứ mạng của trường đại học được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực định hướng phát triển của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

1. Mô tả

Sứ mạng và mục tiêu của Trường được xác định ngay từ khi thành lập. Trong 60 năm phát triển và trưởng thành Trường ĐHKQTĐ luôn xác định vai trò, vị trí, trọng trách trước Đảng, Nhà nước và xã hội. Sau nhiều lần điều chỉnh, sửa đổi và bổ sung để phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường, tới năm 2011 sứ mạng của Trường ĐHKQTĐ đã được công khai trên Cổng thông tin của Trường và các tài liệu của Trường, trong đó nêu rõ: *Trường ĐHKQTĐ có sứ mạng cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế về lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới.* [H1.1.1.1]

Sứ mạng trên phù hợp với chức năng nhiệm vụ của Nhà trường là: Tư vấn cho Chính Phủ về chính sách kinh tế vĩ mô; Đào tạo về kinh tế và kinh doanh ở bậc đại học và sau đại học đạt tiêu chuẩn chất lượng khu vực Châu Á Thái Bình Dương và thế giới; Đào tạo cán bộ quản lý các các doanh nghiệp thuộc khu vực nhà nước, khu vực tư nhân và các nhà kinh tế trẻ. [H1.1.1.2]

Để thực hiện sứ mạng, Trường đã xây dựng chiến lược phát triển trường giai đoạn 2011-2020. Từ đó, Trường đã huy động và tranh thủ mọi nguồn lực cho sự phát triển của Trường và được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước xây dựng Trường ĐHKQTĐ thành trường trọng điểm quốc gia. Dự kiến cuối năm 2017, tòa nhà trung tâm đào tạo hơn với 2 khối nhà 20 và 15 tầng lớn nhất, hiện đại nhất trong các trường đại học Việt Nam hiện nay sẽ đi vào hoạt động - là nơi làm việc, giảng dạy, học tập của cán bộ, giảng viên, sinh viên, học viên góp phần nâng cao vị thế của Trường.

Để thực hiện Sứ mạng nêu trên, tập thể sư phạm của Trường gần 1300 cán bộ, giáo viên, công nhân viên đã nỗ lực với quyết tâm xây dựng Trường ĐHKQTĐ thành trường đại học hàng đầu của Việt Nam về đào tạo cán bộ quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và quản lý; một cơ sở, địa chỉ tin cậy trong NCKH về kinh tế; một cơ quan tham mưu, tư vấn cho Đảng và Chính phủ trong việc hoạch định các chính sách về quản lý kinh tế ở Việt Nam. Sứ mạng của trường đã được nêu trong: "Chiến lược phát triển trung hạn trường Đại học Kinh tế Quốc dân"; các báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 26, 27, [H1.1.1.3] và đặc biệt được khẳng định trong Dự án xây dựng Nhà trung tâm đào tạo [H1.1.1.4]. Sứ mạng của Trường luôn bám sát, gắn kết với mục tiêu phát triển Kinh tế Xã hội của đất nước và địa phương. Qua gần 60 năm, Trường đã đào tạo trên 65.000 cử nhân, gần 1200 tiến sỹ và gần 12.000 thạc sỹ. Về NCKH: Tính riêng trong giai đoạn 2011-2015, Trường đã chủ trì nghiên cứu 30 đề tài cấp Nhà nước, 38 đề tài cấp Bộ và hàng trăm đề tài cấp cơ sở phục vụ thiết thực cho giảng dạy, học tập, nâng cao trình độ của giảng viên và đóng góp một cách đáng kể cho phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước. Trong những năm gần đây, Trường

tham gia nhiều đề tài tư vấn quy hoạch các địa phương, ký kết thỏa thuận hợp tác với các địa phương. Qua đó, Trường tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho các địa phương như: UBND tỉnh: Quảng Ninh, Lào Cai, Điện Biên, Lạng Sơn... [H1.1.1.5].

Sứ mạng của trường phù hợp và gắn với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước giai đoạn 2011-2020: *Giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đến năm 2020, có một số lĩnh vực khoa học và công nghệ, giáo dục, y tế đạt trình độ tiên tiến, hiện đại. Số sinh viên đạt 450 trên một vạn dân. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; gia đình tiến bộ, hạnh phúc; con người phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng lực sáng tạo, ý thức công dân, tuân thủ pháp luật.*

Sứ mạng của Trường đã khái quát những nét cơ bản về vai trò, vị trí, trọng trách và cam kết của Trường ĐHKQTĐ với Đảng, Nhà nước và xã hội. Sứ mạng của Trường đã được công bố rõ ràng trên Cổng thông tin, trong sổ công tác, các ấn phẩm truyền thông, trong các Nghị quyết của Đảng ủy, nhờ đó mà cán bộ, viên chức, nghiên cứu sinh, học viên, sinh viên và cá nhân ngoài trường hiểu về sứ mạng của Trường.

Ngày 17 tháng 3 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 368/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý của Trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015 -2017[H1.1.1.6] mở ra một cơ hội lớn trong bối cảnh trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKQTĐ có sứ mạng rõ ràng và phù hợp với chức năng và nguồn lực của mình. Sứ mạng của Trường đã được công bố chính thức trên website Trường. Sứ mạng của Trường gắn kết chặt chẽ với nhu cầu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước.

Các mục tiêu cụ thể của Trường đều rõ ràng, được định kỳ rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng năm học và được cụ thể hóa trong các văn bản kế hoạch chiến lược phát triển trung và dài hạn của Trường.

3. Tồn tại

Công tác tuyên truyền về sứ mạng đôi lúc chưa được chú trọng và thường xuyên do đó, cán bộ, viên chức, người học chưa ghi nhớ và thực hiện tốt sứ mạng của mình.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, với việc đưa vào sử dụng Cổng thông tin điện tử mới hiện đại, giao diện thân thiện và đầy đủ các chức năng, Ban Giám hiệu Trường có chủ trương thành lập Phòng Truyền thông và Quan hệ công chúng, đơn vị này sẽ chịu trách nhiệm thông báo rộng rãi sứ mạng, hình ảnh của Trường ra bên ngoài qua các hình thức khác nhau (phương tiện thông tin đại chúng, mạng lưới cựu sinh viên...). Trường cũng giao đơn vị này thường xuyên tổ chức lấy ý kiến cán bộ, viên chức và sinh viên về phương hướng phát triển của Trường cũng như thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến các doanh nghiệp, tổ chức, cơ quan và địa phương nhằm bổ sung và hoàn chỉnh sứ mạng của mình. Bên cạnh đó, tuyên bố sứ mạng của Trường sẽ được đưa vào các bảng đặt tại các vị trí trang trọng của các hội trường, thư viện, ký túc xá và các cơ sở trực thuộc.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 1.2: Mục tiêu của trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường; được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện.

1. Mô tả

Trong từng giai đoạn phát triển, mục tiêu đào tạo của Trường đã được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế đất nước.

Trong từng giai đoạn phát triển của Nhà trường, mục tiêu đào tạo đã được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Từ khi Trường Kinh tế Tài chính được thành lập (1956-1965) mục tiêu của Trường là đào tạo và bổ túc kiến thức kinh tế cho cán bộ quản lý kinh tế tài chính phục vụ

cho công cuộc kiến thiết đất nước; giai đoạn (1965 -1985) Trường đổi tên là Trường Đại học Kinh tế Kế hoạch mục tiêu của Trường giai đoạn này là đào tạo cán bộ quản lý kinh tế đáp ứng yêu cầu xây dựng XHCN theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung; Năm 1986 Trường đổi tên thành Trường ĐHKQTĐ ngày nay.

Từ năm 2011 đến nay, ngoài mục tiêu phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học theo chức năng nhiệm vụ đào tạo được giao theo quy định tại Luật Giáo dục Đại học, Trường đã xác định rõ thêm mục tiêu chung là: ***Giữ vững, phát huy và khẳng định vị thế trường trọng điểm quốc gia, trường đầu ngành trong hệ thống giáo dục đại học của cả nước, phát triển Trường Đại học Kinh tế Quốc dân thành trường đại học đa ngành về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế nhằm phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, phục vụ có hiệu quả nhu cầu phát triển nhanh và bền vững nền kinh tế - xã hội Việt Nam.***

Các mục tiêu cụ thể đến 2020:

Đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, chuẩn hoá đội ngũ giảng dạy và phục vụ; tạo ra sự đột phá về chất lượng đào tạo ở một số ngành, chuyên ngành mũi nhọn, đạt tiêu chuẩn khu vực và quốc tế đảm bảo sự lan toả và làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng toàn diện các hệ đào tạo.

- Mở rộng, phát triển và khẳng định vị thế là một trung tâm NCKH và tư vấn kinh tế, quản trị kinh doanh lớn và có uy tín hàng đầu của Việt Nam. Phát triển quan hệ hợp tác, liên kết chặt chẽ và nâng cao vai trò đào tạo, nghiên cứu và tư vấn trong mạng lưới các trường đại học có đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh, trong hệ thống giáo dục đại học, Viện nghiên cứu, các doanh nghiệp ở Việt Nam; mở rộng quan hệ hợp tác trao đổi có hiệu quả với các trường đại học, Viện nghiên cứu và các Tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Mở rộng ảnh hưởng và không ngừng nâng cao hình ảnh uy tín của Trường trong và ngoài nước.

- Phấn đấu trở thành trường đại học hiện đại với đầy đủ CSVC và các trang thiết bị tiên tiến, môi trường phục vụ đào tạo và nghiên cứu cơ bản đạt

tiêu chuẩn khu vực với hệ thống giảng đường đủ tiêu chuẩn, hệ thống thư viện hiện đại cùng một hệ thống các dịch vụ cung cấp có chất lượng cao./.

Mục tiêu chiến lược và mục tiêu ngắn hạn được cụ thể trong kế hoạch hoạt động của Trường và được xem xét, rà soát, điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với đặc điểm, diễn biến tình hình, yêu cầu nhiệm vụ mới của Trường thông qua các báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 26, 27 [H1.1.1.2], trong các báo cáo tổng kết hàng năm của Hội nghị cán bộ, viên chức trường [H1.1.2.1], [H1.1.2.2].

Đối với từng khoa, bộ môn đào tạo đều xây dựng mục tiêu riêng cho từng chuyên ngành đào tạo xuất phát từ các đặc điểm, yêu cầu nhiệm vụ đào tạo của từng khoa và chuyên ngành. Mục tiêu này thể hiện sự phong phú đa dạng của các chuyên ngành đào tạo thuộc Trường và tương đối ổn định. Tuy nhiên, các mục tiêu của các khoa và các chuyên ngành cũng có thể xem xét lại và điều chỉnh, bổ sung khi những yêu cầu thực tiễn về đào tạo thay đổi. Có TTMC?

Trong nhiều năm qua, Trường ĐHKQTĐ luôn chú trọng đến xây dựng chiến lược kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để nhằm thực hiện sứ mạng của mình cũng như thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Nội dung cơ bản của chiến lược phát triển Trường là phân tích, dự báo sự phát triển môi trường kinh tế - xã hội và đánh giá thực trạng của Trường; tuyên bố sứ mạng, đề ra mục tiêu, mô hình phát triển và chiến lược phát triển Trường. Nội dung cốt lõi của chiến lược phát triển Trường là tập trung phát triển chiến lược đào tạo trong đó xác định về quy mô, chất lượng đào tạo, xác định về cơ cấu ngành học, khung chương trình, phương pháp giảng dạy... tiếp cận với chuẩn mực quốc tế phát triển chiến lược về khoa học công nghệ, chiến lược xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để thực hiện các chương trình đào tạo tiên tiến trên thế giới; phát triển chiến lược xây dựng CSVC, huy động mọi nguồn lực và chiến lược về phát triển nguồn tài chính.

Mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với quy định tại Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học: Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân

tài; NCKH, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân.

Khi Quyết định 368/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ được ban hành, Trường xác định đây là cơ hội cho sự phát triển của Nhà trường, Trường đã thành lập tổ công tác để thực hiện đề án và xác định lại sứ mạng cũng như mục tiêu của Nhà trường trong bối cảnh Trường được tự chủ về tài chính. [H1.1.1] Đây vừa là thuận lợi nhưng cũng là thách thức không nhỏ.

2. Điểm mạnh

Mục tiêu phát triển Trường đã khái quát những nét cơ bản về vai trò, vị trí, trọng trách và cam kết của Trường ĐHKQTĐ với Đảng, Nhà nước và xã hội. Mục tiêu của Trường được xác định phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục Đại học và sứ mạng đã tuyên bố của Nhà trường; Mục tiêu của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và được triển khai thực hiện để qua từng giai đoạn Trường ĐHKQTĐ đã và đang có những đóng góp to lớn cho đất nước trong sự nghiệp đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực, NCKH, tư vấn kinh tế và quản trị kinh doanh cho đất nước. Chiến lược và kế hoạch chiến lược đã thể hiện được tầm nhìn của Trường và được xây dựng trên cơ sở yêu cầu của xã hội, chức năng, nhiệm vụ, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của Trường.

3. Tồn tại

- Chưa công bố chiến lược, kế hoạch phát triển Trường lên Cổng thông tin.

- Chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển hàng năm với kế hoạch phát triển dài hạn, với chiến lược và mục tiêu, sứ mạng của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Hiện nay, Ban Giám Hiệu Nhà trường cùng Hội đồng trường đang nghiên cứu xây dựng chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016-2021 và xác định sứ mạng, mục tiêu phát triển Trường trong điều kiện tự chủ. Tăng cường rà soát, điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với từng giai đoạn phát triển Trường nhằm đảm bảo cho chiến lược được thực hiện thành công.

- Chú trọng đa dạng hóa các hình thức giới thiệu tuyên truyền, quảng bá sứ mạng của Trường trong nội bộ và toàn xã hội.

- Công bố trên Cổng thông tin chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 1: Đạt yêu cầu: 2/2 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 2

TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 2.1. Cơ cấu tổ chức của trường đại học được thực hiện theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, được cụ thể hoá trong quy chế về tổ chức và hoạt động của Nhà trường.

1. Mô tả

Trường ĐHKQTĐ được thành lập theo Nghị định số 678-TTg ngày 25/01/1956 với tên gọi ban đầu là Trường Đại học Kinh Tế tài chính. Ngày 11/11/2011, Hiệu trưởng Trường ĐHKQTĐ ký Quyết định số 769/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ban hành Bộ quy định Tổ chức và quản lý, trong đó có quy định về sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường [H2.2.1.1],[H2.2.1.2].

Qua việc tổng kết kết quả thực hiện nhiệm vụ của các mảng công tác mỗi năm học, Trường có thể đánh giá được hiệu quả hoạt động của cơ cấu tổ chức hiện tại [H2.2.1.3] [H2.2.1.4] . Nhận thức được tầm quan trọng của cơ cấu tổ chức, ngày 27/9/2013, Trường ĐHKQTĐ thành lập Tổ công tác rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện tổ chức bộ máy của Trường kèm theo Quyết định số 562/QĐ-ĐHKQTĐ [H2.2.1.5]. Định kỳ, Tổ công tác có báo cáo kết quả hoạt động nhằm đánh giá hiệu quả cơ cấu tổ chức của Trường [H2.2.1.6].

Cơ cấu tổ chức của Trường được cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 và Quyết định số 154/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 30/3/2015 sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.2.1.7]. Cơ cấu tổ chức của Trường được cụ thể hóa chi tiết bao gồm các đơn vị được thành lập theo quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan. Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHKQTĐ bao gồm: Đảng bộ trường; Hội đồng trường; Ban Giám hiệu; Hội đồng Khoa học và Đào tạo; 16 đơn vị chức năng giúp Hiệu trưởng thực hiện hoạt động quản lý; 27 đơn vị đào tạo; 04 đơn vị

NCKH; 05 đơn vị hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ. Cơ cấu hiện tại của Trường phù hợp và đáp ứng với yêu cầu, mục tiêu chiến lược phát triển Trường. Ngoài ra, Trường có các tổ chức đoàn thể - xã hội. Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường được quy định trong Bộ quy định Tổ chức và quản lý giúp cán bộ, viên chức và người lao động của Trường biết đến rộng rãi [H2.2.1.1]. Cơ cấu tổ chức này cũng được đăng công khai trên website của Trường: neu.edu.vn [H2.2.1.2]. Từ mô hình cơ cấu tổ chức chung, tổ chức bộ máy của Trường được cụ thể hóa chi tiết thành chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận thông qua các quyết định phân công nhiệm vụ của BGH [H2.2.1.8]; các chức năng, nhiệm vụ chung của các đơn vị thuộc Trường quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.2.1.9]. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý được ban hành kèm theo Quyết định số 1724/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11/2010 [H2.2.1.10].

2. Điểm mạnh

Cơ cấu tổ chức của Trường được sắp xếp và kiện toàn theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan, đồng thời phù hợp với tình hình thực tế và mục tiêu phát triển của Trường. Các đơn vị thuộc Trường có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công việc, luôn có tinh thần đoàn kết cùng một sứ mệnh và mục tiêu chung.

3. Tồn tại

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ phù hợp với quy định mới của Nhà nước và bối cảnh phát triển của Nhà trường, một số đơn vị mới được thành lập nhưng chức năng nhiệm vụ chưa được ban hành, chưa có văn bản chính thức quy định về chức năng nhiệm vụ...

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, Nhà trường sẽ hoàn thiện việc quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị mới thành lập, đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ trường đại học và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.2. Có hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý một cách có hiệu quả các hoạt động của Nhà trường.

1. Mô tả

Trường ĐHKQTĐ có một hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường một cách hiệu quả. Hệ thống các văn bản quy định này đã được soạn thảo, chỉnh sửa, bổ sung và tập hợp thành Bộ quy định tổ chức và quản lý của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 769/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2011 và Quyết định số 154/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 30/3/2015 sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường [H2.2.02.1]. Tuy nhiên, có những văn bản về tổ chức, quản lý của Trường không còn áp dụng được nữa, được thay thế bởi các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản đã cũ, không còn phù hợp [H2.2.2.2].

Các quy định về phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu [H2.2.1.8] cũng được Nhà trường cập nhật phù hợp với hoàn cảnh thực tế và quy định của Nhà nước.

Việc triển khai hệ thống các văn bản tổ chức và quản lý không có sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa các bộ phận liên quan. Nhà trường luôn quan tâm tới tính hiệu quả và sự phù hợp của nội dung các văn bản với thực tế hoạt động của bộ máy hành chính, quản lý: Trường thành lập Tổ rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện các văn bản pháp lý của Trường [H2.2.2.3] và có các báo cáo định kỳ để thấy được mức độ hiệu quả của việc áp dụng các hệ thống văn bản trong tổ chức, quản lý [H2.2.2.4].

2. Điểm mạnh

Hệ thống văn bản để tổ chức, quản lý các hoạt động của Trường được soạn thảo, ban hành một cách đồng bộ, đầy đủ và được phổ biến rộng rãi đến toàn trường.

3. Tồn tại

Việc rà soát, thay thế văn bản chưa kịp thời, chưa đáp ứng về mặt thời

gian với thực tế hoạt động của hệ thống quản lý điều hành. Hệ thống văn bản của Trường còn một số văn bản cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp hơn với tình hình hoạt động của trường, phù hợp với Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015-2017.

4. Kế hoạch hành động

Ngày 08/6/2015, Nhà trường đã có Quyết định số 313/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập Ban chỉ đạo và các Tổ công tác xây dựng cơ chế và kế hoạch thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường giai đoạn 2015-2017. Các Tổ công tác có nhiệm vụ: Rà soát, đánh giá hiện trạng việc thực hiện cơ chế hoạt động của Trường theo phân công công việc; đề xuất xây dựng chiến lược phát triển Trường, cơ chế và kế hoạch triển khai thực hiện theo Đề án thí điểm; tổ chức lấy ý kiến các đơn vị, viên chức trong Trường; báo cáo Ban chỉ đạo và Hiệu trưởng xem xét ký ban hành.

Kết thúc năm 2016, Nhà trường sẽ hoàn thành công tác rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản không còn phù hợp và trong năm 2017 sẽ ban hành hệ thống văn bản hoàn thiện để Trường có một hệ thống văn bản chuẩn theo quy định của pháp luật trong tổ chức và quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.3. Chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được phân định rõ ràng.

1. Mô tả

Trường ĐHKQTĐ có Quy định cụ thể, rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, các tổ chức trong Trường cũng như có đầy đủ các Quy định về chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên.

Trường có Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị một cách tổng quát như chức năng, nhiệm vụ chung của các đơn vị chức năng, các đơn vị đào

tạo, các đơn vị NCKH, các đơn vị hỗ trợ đào tạo và các tổ chức đoàn thể - xã hội. Tất cả các chức năng, nhiệm vụ này đều dựa trên mục tiêu, tầm nhìn, sứ mệnh của Trường và không trái với quy định của Nhà nước. Các quy định này được ban hành trong Bộ quy định tổ chức và quản lý của Trường thông qua các văn bản cụ thể. Các chức năng, nhiệm vụ chung của các đơn vị thuộc Trường quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHKQTĐ ban hành kèm theo Quyết định số 1723/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 [H2.2.1.9].

Đối với các đơn vị chức năng, Trường có quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của một số đơn vị đóng vai trò quan trọng trong việc giúp Hiệu trưởng thực hiện chức năng quản lý như Phòng Tổng hợp, Phòng Tổ chức cán bộ, Phòng Tài chính - Kế toán, Phòng Quản lý đào tạo, Phòng Quản lý khoa học, Phòng KT&ĐBCLGD, Phòng Thanh tra - Pháp chế. Các Quy định này ban hành kèm theo Quyết định số 1724/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 [H2.2.1.10].

Chức năng, trách nhiệm, quyền hạn của từng thành viên trong Ban Giám hiệu cũng được phân định rõ ràng, được nêu rõ trong các Quyết định phân công nhiệm vụ của BGH [H2.2.1.8]. Các quyết định này có thể được thay đổi theo từng thời điểm để phù hợp với tình hình hoạt động và mục tiêu của Nhà trường. [H2.2.1.8]. Trường có quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với giảng viên/nghiên cứu viên, có quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của nhân viên không trái với các quy định của Nhà nước và các cấp quản lý liên quan không trái với các quy định của Nhà nước và các cấp quản lý liên quan; [H2.2.3.1]. Hàng năm, việc tuyển dụng của Trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về tuyển dụng viên chức. Khi được tuyển dụng chính thức, các viên chức sẽ thực hiện nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định về trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên ban hành theo Quy chế làm việc của Trường ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 19/11/2010 [H2.2.3.1]. Quy chế này quy định cụ thể trách nhiệm, phạm vi và cách thức giải quyết công việc của các vị trí quản lý như BGH; người đứng đầu, cấp phó của các đơn vị trực thuộc Trường; người đứng đầu các bộ môn. Trách nhiệm, phạm vi và cách

thức giải quyết công việc của giảng viên và viên chức hành chính cũng được quy định trong quy chế này. Các quy định trên đều được khái quát từ quy định chung đến quy định cụ thể đối với từng đối tượng.

Việc đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và xét thi đua khen thưởng của Trường cũng được dựa trên các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, viên chức và mức độ thực hiện các quy định đó.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKQTĐ có hệ thống văn bản quy định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên. Hệ thống văn bản này góp phần tăng cường tính chủ động, tự chủ của các đơn vị, cán bộ, viên chức và người lao động trong lĩnh vực được phân công.

Việc phân định rõ ràng chức năng, trách nhiệm và quyền hạn của các bộ phận, CBQL, GV và nhân viên đem lại sự chủ động trong công việc, sự phối hợp hiệu quả tốt hơn trong các mảng công tác, lĩnh vực quản lý, tránh chồng chéo trong thực hiện nhiệm vụ.

Hệ thống văn bản tổ chức và quản lý cấp trường được biên soạn đầy đủ, tập hợp thành Bộ Quy định Tổ chức và quản lý Trường ĐHKQTĐ và được triển khai phổ biến tới từng đơn vị, cá nhân thuộc Trường. Đồng thời, cơ cấu tổ chức có sự phân công rõ ràng, cụ thể không có sự chồng chéo trong công việc giữa các cá nhân và đơn vị trong Trường nên công việc luôn được hoàn thành nhanh chóng và hiệu quả cao.

Trường đã xây dựng được các kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với tình hình KT-XH của thành phố Hà Nội và cả nước. Các kế hoạch chiến lược này đã thể hiện được tầm nhìn, vị thế và khả năng huy động các nguồn lực của Trường.

Nhờ sự phối hợp chặt chẽ hoạt động của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, Trường hoạt động ổn định và luôn là một trong những trường trọng điểm quốc gia, trường đầu ngành của cả nước trong lĩnh vực đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh cũng như trong tư vấn NCKH.

3. Tồn tại

Một số quy định về chức năng, trách nhiệm của cán bộ, viên chức và người lao động chưa được cụ thể, chi tiết để hàng năm có thể đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động một cách hiệu quả hơn.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, Nhà trường sẽ xây dựng Bộ tiêu chuẩn cụ thể để đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động gắn với chức năng, trách nhiệm của từng vị trí việc làm.

Năm 2017, Trường sẽ hoàn thiện hệ thống giám sát việc thực thi các văn bản quản lý, trong đó sẽ quy định chế độ khen thưởng và xử lý vi phạm; thực hiện triển khai đồng bộ và đều khắp hệ thống E-office trong tổ chức điều hành và quản lý của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.4. Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong trường đại học hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật.

1. Mô tả

Tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể trong Trường hoạt động hiệu quả và hàng năm được đánh giá tốt; các hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể thực hiện theo quy định của pháp luật. Đảng ủy Trường ĐHKQTĐ đóng vai trò hạt nhân trong việc lãnh đạo các hoạt động của Nhà trường. Công đoàn Trường đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho tập thể cán bộ, viên chức và người lao động. Đoàn Thanh niên giữ vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua, rèn luyện của sinh viên toàn Trường. Đây đều là những tổ chức không thể thiếu trong môi trường đại học.

Các hoạt động của Đảng ủy Trường, Công đoàn Trường và Đoàn Thanh niên Trường được Hiệu trưởng, Bí thư Đảng ủy phê duyệt trong Kế hoạch công việc hàng năm [H2.2.4.1]. Các kế hoạch đó được các tổ chức thực hiện và báo

cáo kết quả hoạt động trong Báo cáo hoạt động hàng năm của Văn phòng Đảng ủy, Công đoàn Trường và Đoàn Thanh niên Trường [H2.2.4.2] như: Công đoàn trường có báo cáo tổng kết công tác công đoàn và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm trong các năm học; Đảng ủy Trường có báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW về chống sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại; Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Báo cáo việc triển khai công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, các nghị quyết của Đảng ủy về chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ; Đoàn Thanh niên Trường có báo cáo tổng kết công tác Đoàn và phong trào sinh viên, báo cáo kết quả hoạt động tháng thanh niên. Các báo cáo này đều phản ánh một cách chân thực và chi tiết kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức Đảng - Đoàn thể trong thời gian qua.

Trong thời gian qua tính đến nay, Đảng ủy Trường ĐHKQTĐ không ngừng lớn mạnh. Hiện tại, Đảng bộ Trường ĐHKQTĐ có hơn 700 đảng viên. Theo từng giai đoạn, Đảng ủy Trường có số liệu thống kê về số lượng cán bộ, viên chức và sinh viên được kết nạp Đảng và được công bố trong Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường [H2.2.4.3]. Các hoạt động của Đảng ủy Trường đạt nhiều thành tích và được cấp có thẩm quyền đánh giá cao qua các khen thưởng của cấp trên [H2.2.4.4] như giấy khen Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; khen thưởng tổ chức Đảng trong sạch, vững mạnh và các quyết định tặng bằng khen cho các cá nhân khác. Các chi bộ duy trì và luôn nâng cao chất lượng các buổi sinh hoạt, quán triệt tinh thần phê và tự phê, đoàn kết xây dựng Đảng.

Công đoàn Trường đã hoạt động hiệu quả với vai trò là đại diện cho quyền lợi chính đáng và hợp pháp của người lao động, đồng thời chăm lo cho đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Công đoàn Trường đi đầu trong các phong trào thi đua toàn trường như "Giỏi việc trường, đảm việc nhà", hưởng ứng các phong trào quyên góp ủng hộ và các hoạt động nhân đạo cho người nghèo,

các trường học ở vùng sâu, vùng xa. Công đoàn Trường cũng là đầu mối trong việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao cho cán bộ, giảng viên, sinh viên. Các hoạt động này được cấp có thẩm quyền đánh giá cao và được cấp trên khen thưởng [H2.2.4.4] như Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn giáo dục Việt Nam và Ban chấp hành Tổng liên đoàn lao động Việt Nam cho tập thể và các cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động công đoàn cơ sở; quyết định công nhận Công đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc các năm học.

Đoàn Thanh niên Trường cùng Hội sinh viên luôn tích cực hưởng ứng và vận động sinh viên tham gia các phong trào thi đua, rèn luyện. Mỗi năm, có hàng nghìn sinh viên tham gia các hoạt động tình nguyện như “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Cánh én vùng cao”, “Đông ấm”, “Xuân yêu thương”,... Đoàn trường cùng Hội sinh viên thành lập nhiều câu lạc bộ và các cuộc thi thiết thực để tạo ra sân chơi cho đoàn viên, sinh viên, tạo cầu nối giữa sinh viên và các doanh nghiệp, tổ chức tuyển dụng, nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện của Trường. Đoàn Thanh niên Trường tích cực triển khai các phong trào thanh niên tích cực như: Phong trào xung kích phát triển kinh tế, Đồng hành cùng Thanh niên lập thân, lập nghiệp, Tôi yêu Hà Nội, cuộc vận động “5 tiết kiệm” và duy trì đội Sinh viên tình nguyện “Hà Nội xanh” nhằm thực hiện các hoạt động vệ sinh môi trường. Các hoạt động của Đoàn trường đạt được nhiều thành tích xuất sắc, kết quả tích cực, được Trung ương Đoàn và các cấp có thẩm quyền tặng bằng khen đối với tập thể và cá nhân trong công tác Đoàn [H2.2.4.4].

Hàng năm, Văn phòng Đảng - Đoàn thể có số liệu về tỷ lệ các chi bộ, đảng viên được đánh giá tốt và được công bố trong các nghị quyết về kết quả công tác năm học và chủ trương lãnh đạo trong năm học mới [H2.2.4.5]. Năm 2015, 100% các đảng bộ và chi bộ trực thuộc Đảng bộ Trường đều đạt danh hiệu từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có tổ chức Đảng yếu kém. Có 26/51 tổ chức Đảng (chiếm 51%) đạt danh hiệu tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh. Số Đảng viên được xếp loại từ hoàn thành nhiệm vụ trở lên là 100%, trong đó số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 88 đồng chí (chiếm

13,95% tổng số đảng viên được phân loại), số đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ là 538 đồng chí (chiếm 85,26% tổng số đảng viên được phân loại).

Các tổ chức Đảng - Đoàn thể của Trường thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Nhà trường ban hành. Trường giao nhiệm vụ cho Tổ công tác phối hợp với Văn phòng Đảng - Đoàn thể xây dựng Quy chế làm việc của Văn phòng Đảng - Đoàn thể. các tổ chức này có các báo cáo liên quan đến lĩnh vực hoạt động của mình trong Báo cáo hoạt động hàng năm của văn phòng Đảng ủy, Công đoàn Trường, Đoàn Thanh niên Trường [H2.2.4.2].

2. Điểm mạnh

Hoạt động của tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể của Trường mang lại hiệu quả tích cực trong việc xây dựng tinh thần đoàn kết, tạo uy tín, thống nhất trong toàn Trường, thu hút nhiều cán bộ, viên chức và sinh viên tham gia các hoạt động.

Các hoạt động Đảng - Đoàn thể đạt nhiều thành tích và được cấp có thẩm quyền đánh giá cao.

3. Tồn tại

Một số Đảng viên trẻ còn chưa thật sự mạnh dạn trong tinh thần phê bình và tự phê bình. Do công tác chuyên môn, thời gian biểu của các Đảng viên khác nhau nên đôi khi khó quản lý, tập trung sinh hoạt.

Do mới thành lập và chuyển đổi mô hình từ việc tách riêng văn phòng Đảng ủy, văn phòng Công đoàn Trường, văn phòng Đoàn Thanh niên Trường kết hợp lại thành Văn phòng Đảng - Đoàn thể nên hiện tại, văn phòng Đảng - Đoàn thể chưa có quy chế làm việc chính thức. Tuy nhiên, mọi hoạt động của Văn phòng Đảng - Đoàn thể hiện được thực hiện dựa theo quy chế cũ của Văn phòng Đảng ủy, Văn phòng Công đoàn Trường, Văn phòng Đoàn Thanh niên Trường.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, Trường sẽ ban hành Quy chế làm việc mới cho các hoạt

động của Văn phòng Đảng - Đoàn thể. Nhà trường sẽ yêu cầu các tổ chức Đảng - Đoàn thể quán triệt tinh thần phê bình và tự phê bình, bố trí thời gian sinh hoạt hợp lý cho các Đảng viên; các tổ chức đoàn thể phải chủ động tổ chức các hoạt động, phong trào thi đua nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, viên chức và sinh viên. .

5. Tự đánh giá:Đạt.

Tiêu chí 2.5. Có tổ chức đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, bao gồm trung tâm hoặc bộ phận chuyên trách; có đội ngũ cán bộ có năng lực để triển khai các hoạt động đánh giá nhằm duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

1. Mô tả

Thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT về đảm bảo chất lượng giáo dục trong trường đại học, Trường ĐHKQTĐ đã thành lập Phòng Thanh tra, đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí. Sau đó tách Phòng Thanh tra, đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí và thành lập Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục theo Quyết định số 809/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/12/2013 [H2.2.5.1]. Qua việc thành lập Phòng KT&ĐBCLGD, Trường giao nhiệm vụ cho Tổ công tác phối hợp với Phòng KT&ĐBCLGD soạn thảo Quy chế hoạt động của Phòng trình Hiệu trưởng phê duyệt. Do có những hạn chế về thời gian và để đồng bộ với công tác rà soát hệ thống văn bản chung của Trường nên trong thời gian hiện tại, tạm thời chức năng, nhiệm vụ của Phòng KT&ĐBCLGD vẫn tuân thủ theo Quy định về chức năng nhiệm vụ của Phòng Thanh tra, đảm bảo chất lượng giáo dục và Khảo thí trước đây.

Trong tổng số 11 cán bộ Phòng KT&ĐBCLGD có 01 tiến sĩ, 04 thạc sĩ và 06 cử nhân. Đội ngũ cán bộ Phòng KT&ĐBCLGD có đầy đủ năng lực để thực hiện, triển khai các hoạt động đánh giá, đảm bảo chất lượng giáo dục của trường. Cụ thể, Phòng KT&ĐBCLGD có 3 cán bộ có trình độ tiếng Anh bậc đại học và một cán bộ có trình độ thạc sĩ tiếng Pháp và có một cán bộ có Chứng chỉ

kiểm định viên do tổ chức IIG cấp. 100% cán bộ của Phòng sử dụng tốt máy tính và các ứng dụng tin học văn phòng. [H2.2.5.2] [H2.2.5.3].

Ngoài ra, định kỳ hàng năm, để tăng cường kỹ năng và kiến thức cho cán bộ làm công tác chuyên môn của Phòng, Nhà trường cử cán bộ đi tập huấn về kiểm định và đảm bảo chất lượng theo các đợt tập huấn do Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng tổ chức [H2.2.5.4].

Từ khi thành lập, Phòng KT&ĐBCLGD có các hoạt động thiết thực theo quy định và Kế hoạch công việc hàng năm của Phòng KT&ĐBCLGD được Hiệu trưởng phê duyệt [H2.2.5.7], được thể hiện qua Báo cáo định kỳ các hoạt động của Phòng [H2.2.5.5].

Hàng năm, Phòng đã tham mưu, trình Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường và triển khai thực hiện các công tác liên quan để đảm bảo chất lượng đào tạo của Trường. Theo Quy định về chu kỳ tự đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, Phòng KT&ĐBCLGD đã tham mưu, trình Hiệu trưởng kế hoạch Tự đánh giá của Trường [H2.2.5.6] và phối hợp với các đơn vị thuộc Trường thực hiện Kế hoạch theo đúng tiến độ. Để đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, mỗi năm học, Phòng gửi các bảng hỏi, phiếu đánh giá hoạt động giảng dạy đến sinh viên, học viên [H3.3.6.1] để thăm dò hiệu quả giảng dạy của giảng viên trong trường.

Các hoạt động của Phòng KT&ĐBCLGD góp phần duy trì, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường được thể hiện qua các báo cáo ý kiến phản hồi về hoạt động giảng dạy của giảng viên qua các năm học [H2.2.5.5].

2. Điểm mạnh

Trường có Phòng KT&ĐBCLGD với đội ngũ cán bộ, viên chức có năng lực, được tập huấn về kiểm định và đảm bảo chất lượng.

Trường đã triển khai kế hoạch tự đánh giá theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên, học viên về hiệu quả giảng dạy của giảng viên hàng năm.

3. Tồn tại

Hiện tại, Phòng KT&ĐBCLGD của Trường chưa có quy chế tổ chức và hoạt động riêng mà vẫn hoạt động theo quy chế hoạt động của Phòng Thanh tra, đảm bảo chất lượng và khảo thí cũ nên còn tồn tại nhiều bất cập.

4. Kế hoạch hành động

Kết thúc năm 2016, theo yêu cầu của Ban Giám hiệu, Phòng Tổ chức cán bộ sẽ hoàn thiện và trình Hiệu trưởng ký ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động chính thức của phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.6. Có các chiến lược và kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường; có chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Nhà trường.

1. Mô tả

Nhằm đảm bảo nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền giáo dục đang có những chuyển biến mới, Trường ĐHKQTĐ đã có Kế hoạch chiến lược và tầm nhìn hướng đến năm 2020[H2.2.6.1]. Kế hoạch chiến lược của Trường nêu rõ những thành tích quan trọng mà Trường cần đạt được trong tương lai, trong đó, Trường ĐHKQTĐ phấn đấu phát triển thành trường đại học định hướng nghiên cứu, trường đại học đa ngành có uy tín, đạt chất lượng đẳng cấp khu vực và quốc tế trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh và một số lĩnh vực mũi nhọn khác. Phấn đấu trong những thập kỷ tới, Trường được xếp trong số 1000 trường đại học hàng đầu trên thế giới [H2.2.6.1].

Kế hoạch chiến lược của Trường được cụ thể hóa thành các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn qua kế hoạch công việc hàng năm được Hiệu trưởng phê duyệt nhằm cụ thể hóa và triển khai thực hiện các kế hoạch chiến lược dài hạn [H2.2.4.2].

Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Trường được diễn ra liên tục thông qua các Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức hàng năm. Kết quả rà soát được công bố rộng rãi và những tồn tại cần khắc phục đều có kế hoạch và phương án cụ thể được trình bày, công bố rộng rãi, công khai trong tập thể sư phạm của Trường [H2.2.1.4]. Việc rà soát công tác thực hiện các mục tiêu đề ra trong kế hoạch công việc được thực hiện thông qua các Tổ công tác rà soát việc thực hiện kế hoạch hàng năm được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H2.2.4.1]; các buổi họp và kết luận giao ban tháng, quý [H2.2.6.3] và kết quả hoạt động của Trường trong Báo cáo tại các Hội nghị CB, CC, VC hàng năm [H2.2.1.].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKQTĐ đã xây dựng các kế hoạch phát triển và tầm nhìn đến năm 2020.

Công tác giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Trường được tổ chức định kỳ qua các Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức của Trường hàng năm.

3. Tồn tại

Việc phổ biến, lấy ý kiến góp ý cho việc xây dựng và thực hiện các chiến lược, kế hoạch phát triển của Trường, chưa nhận được sự quan tâm rộng rãi của toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động trong Trường...

4. Kế hoạch hành động

Theo Đề án Tự chủ của Trường và kế hoạch năm 2016, Trường sẽ tiến hành thay đổi việc lấy ý kiến xây dựng các chiến lược và kế hoạch phát triển của Trường một cách rộng rãi khắp toàn Trường để việc đóng góp trở nên dân chủ và tiếp thu được nhiều sáng kiến hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 2.7. Thực hiện đầy đủ chế độ định kỳ báo cáo cơ quan chủ quản, các cơ quan quản lý về các hoạt động và lưu trữ đầy đủ các báo cáo của Nhà trường.

1. Mô tả

Trường ĐHKQTĐ có quy định về chế độ báo cáo cơ quan chủ quản và cơ quan quản lý [H2.2.7.1]. Công tác báo cáo về các hoạt động của Trường luôn được thực hiện đúng quy định này về nội dung cũng như về thời gian, tính kịp thời.

Hàng năm, Trường thực hiện đầy đủ các báo cáo thống kê và xác định chỉ tiêu tuyển sinh các năm học, các báo cáo thể hiện rất đầy đủ các mảng hoạt động chính của Trường. [H2.2.7.2].

Trường có quy định về công tác văn thư của Trường ĐHKQTĐ ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/01/2011 và Quyết định số 1235/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 11/11/2011 sửa đổi, bổ sung [H2.2.07.3]. Công tác lưu trữ các báo cáo hoạt động của Trường được thực hiện tốt, các văn bản được lưu trữ ở ít nhất 02 bộ phận. Đó là tại nơi viết báo cáo (các đơn vị thuộc Trường) và tại phòng Tổng hợp, lưu trữ đầy đủ các báo cáo đã ban hành [H2.2.7.4].

2. Điểm mạnh

Trường báo cáo đầy đủ, thường xuyên theo yêu cầu của các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý có liên quan.

Công tác lưu trữ các báo cáo của Trường được thực hiện đúng quy định, đầy đủ.

3. Tồn tại

Công tác lưu trữ tài liệu còn chưa được chú trọng tại các đơn vị thuộc Trường đặc biệt việc bàn giao tài liệu giữa người mới tiếp nhận công việc và người cũ chưa tuân thủ đúng quy trình;

Công tác lưu trữ các báo cáo tại các đơn vị chưa được tin học hóa để dễ dàng tra cứu.

4. Kế hoạch hành động

Trong Kế hoạch triển khai thực hiện đề án tự chủ năm 2016, Nhà trường sẽ yêu cầu Phòng Tổ chức cán bộ quán triệt các đơn vị thực hiện tốt việc bàn giao công việc mỗi khi có thay đổi và phối hợp với Viện CNTT kinh tế, phòng Tổng hợp hướng dẫn các đơn vị trong việc tin học hóa lưu trữ các báo cáo, cải cách thủ tục hành chính.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 2: Đạt yêu cầu: 7/7 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 3

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Trường ĐHKQTĐ cho rằng chương trình đào tạo là một nội dung, là một bản thiết kế về các yếu tố và sự kết hợp giữa chúng để tạo ra sản phẩm mà Nhà trường đã cam kết với xã hội thông qua tuyên bố về chuẩn đầu ra. Vì vậy, việc thiết kế các chương trình đào tạo trước hết phải đảm bảo các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định của Trường. Trong 5 năm qua Trường đã đổi mới toàn bộ các chương trình đào tạo. Quá trình đổi mới chương trình đào tạo được sự tham gia của các nhà khoa học trong và ngoài Trường, các nhà tuyển dụng và người học đã tốt nghiệp. Các chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu của chuẩn đầu ra, đảm bảo tính hội nhập, liên thông.

Tiêu chí 3.1. Chương trình đào tạo của trường đại học được xây dựng theo các quy định hiện hành do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; có sự tham khảo chương trình đào tạo của các trường đại học có uy tín trong nước hoặc trên thế giới; có sự tham gia của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp.

1. Mô tả

Tính đến tháng 5 năm 2016, Trường ĐHKQTĐ có 22 ngành đào tạo bậc đại học, đào tạo 64 chuyên ngành/chương trình. Trong đó có 02 chương trình tiên tiến, 6 chương trình chất lượng cao, 02 chương trình đào tạo bằng Tiếng Anh (E-BBA, PMP), 6 chương trình POHE và các chương trình đại trà khác [H3.3.1.1], [H3.3.1.2], [H3.3.1.3], [H3.03.1.4], [H3.3.1.5].

Trường đào tạo sau đại học bậc thạc sỹ và tiến sỹ. Thạc sỹ có 38 chuyên ngành và Tiến sỹ đào tạo 26 chuyên ngành [H3.3.1.6].

Trong 5 năm gần đây, Trường đã mở 14 ngành học mới trình độ đại học,

và 8 chuyên ngành/CTĐT mới. Trong các ngành học mới có 13 ngành do Bộ GD&ĐT phê duyệt; 01 ngành Trường phê duyệt theo thẩm quyền ghi trong Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 14/02/2016 của Thủ tướng [H3.3.1.7].

Việc xây dựng chương trình đào tạo được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT thông qua việc áp dụng khung CTĐT do Bộ ban hành (các khối kiến thức, thời lượng, các học phần bắt buộc, các học phần tự chọn, đánh giá sinh viên,...), và thực hiện theo Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT về điều kiện, hồ sơ, quy trình mở ngành đào tạo. Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 về khối lượng kiến thức, quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT.

Các CTĐT đều do các Khoa/Viện/ đơn vị chức năng đề xuất. Đơn vị chức năng của Nhà trường nghiên cứu và nêu đủ căn cứ xây dựng Chương trình đào tạo/ xây dựng ngành mới sẽ đề xuất Hiệu trưởng thành lập Tổ công tác xây dựng CTĐT/ngành đào tạo. Tổ công tác thực hiện các công việc: Viết đề án, dự thảo chương trình đào tạo [H3.3.1.8].

Nhà trường có quy định về khối lượng kiến thức cho một chương trình, khối lượng kiến thức đến cấp ngành, số tín chỉ cho một học phần, tổng số học phần cho một chương trình đào tạo và phần kiến thức chuyên ngành phân cấp cho các Khoa/Viện đề xuất có sự rà soát của bộ phận chức năng [H3.3.1.9].

Dự thảo CTĐT được các Khoa/Viện/Bộ môn thảo luận góp ý [H3.3.1.10].

Nhà trường có Quy trình xây dựng CTĐT rất rõ ràng, chặt chẽ. Quy trình này yêu cầu các Khoa/Viện tham khảo CTĐT của nước ngoài. Mỗi chương trình tham khảo ít nhất 2 CTĐT của nước ngoài [H3.03.1.10]. Quy trình này được thực hiện nghiêm túc và đều có sự kiểm tra giám sát của Hội đồng khoa học và đào tạo cùng các đơn vị chức năng liên quan.

CTĐT còn được gửi cho các chuyên gia ngoài trường, làm công tác giảng dạy, các chuyên gia đang làm việc tại các cơ quan nhà nước, các Hiệp hội nghề nghiệp có ý kiến nhận xét [H3.3.1.11].

Trong những năm gần đây, xây dựng các CTĐT còn có sự tham gia ý kiến của các doanh nghiệp, của các cán bộ làm tại cơ quan quản lý nhà nước, các

doanh nghiệp. Việc góp ý được thông qua các tổng kết khóa học, tham gia xây dựng mới. Thông qua hoạt động lấy ý kiến góp ý, Trường thiết lập được quan hệ với nhiều cơ sở để đào tạo sinh viên tại đó đối với một số môn học [H3.3.1.12]

Hội đồng khoa/viện (trước đây gọi là HĐ KH&ĐT khoa/viện) thảo luận, hoàn thiện [H3.3.1.13] trước khi tổ công tác trình bày ở HĐ KH&ĐT Trường. Các thành viên đã cho ý kiến bằng văn bản về từng chương trình bao gồm mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, kết cấu, thời lượng của chương trình, thời lượng từng học phần, đề cương chi tiết,...[H3.3.1.14].

Đối với việc thành lập các ngành học mới/chuyên ngành, ngoài việc thực hiện quy trình như trên, các đơn vị đề xuất còn phải lập đề án, trong đó có điều tra khảo sát nhu cầu, khảo sát các nhà tuyển dụng. Trong thời gian 2010-2015, có 8 chuyên ngành mới/chương trình mới được thành lập [H3.3.1.15]. Trường cũng chú trọng tới việc mở và phát triển các CTĐT bằng tiếng Anh, hiện Trường có 10 CTĐT bằng tiếng Anh trong đó có 5 CTĐT bậc đại học và 5 CTĐT SDH.

Trong quá trình xây dựng các CTĐT, Trường cũng thực hiện rà soát các môn học/học phần, quản lý chặt chẽ các môn học, đề cương chi tiết các học phần. Hiện tại, Trường có 512 môn học cùng 832 đề cương chi tiết (www.daotao.neu.edu.vn). Sắp xếp các học phần bị chồng chéo [H3.3.1.16]. Việc phát triển các môn học mới được khuyến khích và quản lý [H3.3.1.17].

2. Điểm mạnh

Việc mở ngành đào tạo, xây dựng các CTĐT tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT.

- Có quy trình xây dựng các CTĐT, đảm bảo các chương trình được xây dựng có chất lượng cao, hội nhập, liên thông.

- Xây dựng CTĐT có sự tham gia của các nhà quản lý đào tạo, các nhà khoa học, có tập thể các bộ môn, Hội đồng Khoa, Hội đồng KH&ĐT, sự tham gia của cựu sinh viên, của các chuyên gia ngoài trường và của các hiệp hội nghề nghiệp.

- Gắn với các CTĐT là các môn học/học phần, Trường đã quản lý, phát

triển, bổ sung cũng như không đưa vào các chương trình các môn học không phù hợp với mục tiêu đào tạo.

3. Tồn tại

- Mở các CTĐT bằng tiếng Anh chưa tương xứng với tiềm lực của Trường.
- Mặc dù các CTĐT phi chính quy đều dựa trên CTĐT chính quy, tuy nhiên mức độ đạt được chuẩn theo chính quy còn có khoảng cách.

4. Kế hoạch hành động

- Trong giai đoạn thực hiện Đề án tự chủ từ năm 2015 tới 2017, Nhà trường có kế hoạch mở thêm các CTĐT bằng tiếng Anh và Nâng cao chuẩn đầu ra của các CTĐT, nâng cao chuẩn đầu ra tiếng Anh cho một số chương trình hiện có của Trường...

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.2. Chương trình đào tạo có mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

1. Mô tả

100% các CTĐT các hệ, các bậc học của Trường đều có mục tiêu đào tạo rõ ràng đầy đủ, cấu trúc hợp lý và được thiết kế một cách hệ thống. Mỗi ngành học có mục tiêu và CTĐT riêng. Mục tiêu đào tạo của mỗi ngành bao gồm: mục tiêu đào tạo chung và các mục tiêu cụ thể (mục tiêu cụ thể về kiến thức, về kỹ năng, về thái độ, vị trí và nơi làm việc và mục tiêu về ngoại ngữ và tin học) [H3.3.1.1].

Với quan điểm, Trường Đại học hàng đầu về kinh tế, quản trị kinh doanh và quản lý, nên trong CTĐT của các ngành đều có 3 học phần (Kinh tế học 1, Quản trị kinh doanh 1 và Quản lý học1, mỗi học phần 3 tín chỉ) đặc trưng cho ba lĩnh vực đào tạo mà Trường hướng tới. Với các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, quản lý truyền thống, Trường quy định ba môn bắt buộc cho tất cả các

ngành: Kinh tế lượng 1, Lý thuyết tài chính tiền tệ 1, Nguyên lý kế toán. Khối kiến thức chuyên ngành (20%), Trường phân cấp cho các khoa/viện đề xuất với sự quản lý của Trường [H3.3.1.9].

Các CTĐT được xây dựng, chuẩn hóa theo Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT và Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ GD&ĐT. Đặc biệt đề cương các học phần được Hiệu trưởng phê duyệt [H3.3.2.1].

- Cấu trúc của các chương trình hợp lý, có sự trao đổi rất kỹ lưỡng của ban soạn thảo, ý kiến phản biện, Hội đồng KH&ĐT Nhà trường. Mỗi học phần đưa vào chương trình có mục tiêu cụ thể để đạt được mục tiêu chung. Mỗi một tổ hợp có các môn tự chọn đưa vào đều nhằm cung cấp các kiến thức cụ thể (ví dụ kiến thức về xã hội nhân văn, kiến thức về kinh tế ngành, kiến thức nghiệp vụ về một lĩnh vực, các kiến thức hỗ trợ tin học, toán học,...) [H3.3.1.9]

- Tất cả các CTĐT được xây dựng theo quy định của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường. Hiệu trưởng ban hành các chương trình và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường phục vụ giảng dạy, học tập của sinh viên cũng như đào tạo chương trình thứ 2 (www.neu.edu.vn)

Tất cả các ngành đều có chuẩn đầu ra và công bố công khai (www.neu.edu.vn). Việc công bố chuẩn đầu ra có tác động rất tốt đối với người học. Cùng với ưu thế của việc học theo tín chỉ, hàng năm có khoảng 30% SV tốt nghiệp trước thời hạn. Riêng chuẩn ra về ngoại ngữ, với khóa đầu tiên (K54) thực hiện chuẩn này có trên 80% SV tự học để đạt chuẩn [H3.3.2.2].

Chương trình đào tạo được xây dựng có đáp ứng linh hoạt nhu những thay đổi về nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Tất cả các CTĐT khi xây dựng đều có sự tham gia của các nhà khoa học, các chuyên gia ngoài trường, và sự đóng góp của một số hiệp hội nghề nghiệp nên các chương trình đều có tính hợp lý cao [H3.3.1.11], [H3.3.1.12] Tính hợp lý của các CTĐT được thể hiện ở việc lấy ý kiến phản hồi của người học sau khi tốt nghiệp được ghi nhận; ý kiến phản hồi của sinh viên sau mỗi học kỳ góp phần quản lý, thực hiện chương trình tốt hơn.

2. Điểm mạnh

- Tất cả các CTĐT của Trường đều có mục tiêu rõ ràng, cụ thể;
- Tất cả các CTĐT đều được Hiệu trưởng phê duyệt;
- Các CTĐT đều đáp ứng mục tiêu đào tạo về kiến thức, kỹ năng của trình độ đào tạo đại học/sau đại học.
- Trường đã chủ động, nhanh chóng mở các CTĐT mới đáp ứng nhu cầu xã hội.

3. Tồn tại

- Việc khảo sát người đã tốt nghiệp ở hệ giáo dục thường xuyên (vừa làm vừa học) chưa được thực hiện thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường đã có chủ trương từ năm 2017 giao Văn phòng mạng lưới cựu sinh viên của Trường ĐHKQTĐ tổ chức lấy ý kiến người đã tốt nghiệp (tất cả các hệ) và người sử dụng lao động một cách thường xuyên tạo lập CSDL sử dụng lâu dài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.3 Chương trình đào tạo chính quy và giáo dục thường xuyên được thiết kế theo quy định, đảm bảo chất lượng đào tạo

1. Mô tả

Trường ĐHKQTĐ đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm 2006 (K48 hệ chính quy). Năm 2011, Trường hoàn thiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Quá trình xây dựng mới, hoàn thiện chương trình được thiết kế theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Tất cả các chương trình đều có mục tiêu chung và các mục tiêu cụ thể, có chuẩn đầu ra tương ứng. Kết quả hoàn thiện CTĐT, thời lượng cho một CTĐT không quá 130 tín chỉ, chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ là B1 (theo quy định chung của Bộ GD&ĐT) [H3.3.1.1]. Tất cả các học phần đều có đề cương chi tiết được công bố công khai, trong đó có phương thức đánh giá học phần, tỷ trọng các điểm thành phần (thông thường 10:20:70), tỷ lệ giảng dạy lý thuyết và thực hành

(www.daotao.neu.edu.vn)... Năm 2013, Trường ban hành CTĐT hệ vừa làm vừa học khối ngành kinh tế, quản trị kinh doanh và ngành luật [H3.3.1.4] theo hệ thống niên chế. Quá trình xây dựng mới, hoàn thiện chương trình thực hiện như đối với hệ đào tạo chính quy.

2. Điểm mạnh:

- Chương trình cho hệ vừa làm vừa học của Trường ĐHKQTĐ được thiết kế đúng quy định, hợp lý và phù hợp với nhu cầu xã hội. Công tác đảm bảo, duy trì chất lượng CTĐT luôn được chú trọng nên trong thời điểm hiện tại vẫn thu hút được số lượng người học đáng kể tại Hà Nội và các địa phương trên cả nước

3. Tồn tại

Tổ chức đào tạo hệ vừa làm vừa học vẫn theo niên chế, chưa đào tạo theo học chế tín chỉ. Từ đó việc đánh giá, thực hiện chuẩn đầu ra còn khác biệt giữa hệ chính quy và vừa làm vừa học.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017 Khoa Đại học tại chức của trường sẽ kết thúc việc bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện Quy chế đào tạo hệ vừa làm vừa học của Trường ĐHKQTĐ, trình Hiệu trưởng ký ban hành để nâng cao chất lượng CTĐT và tăng cường năng lực, chất lượng giảng dạy, đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 3.4: Chương trình đào tạo được định kỳ bổ sung, điều chỉnh dựa trên cơ sở tham khảo các chương trình tiên tiến quốc tế, các ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng lao động, người tốt nghiệp, các tổ chức giáo dục và các tổ chức khác nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc cả nước.

1. Mô tả

Trong quá trình triển khai công tác đào tạo, Trường ĐHKQTĐ xác định việc rà soát, bổ sung và điều chỉnh CTĐT là yêu cầu cần thiết để CTĐT phù hợp với những thay đổi của thị trường lao động; đáp ứng tốt hơn chuẩn đầu ra, mục

tiêu đào tạo; tăng cường sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Việc bổ sung, điều chỉnh được thực hiện một cách thường xuyên trong từng năm học và định kỳ.

Theo quy định cũng như xuất phát từ nhu cầu thực tế, CTĐT của Trường được định kỳ bổ sung được thực hiện bằng hai cách cơ bản:

Một là, rà soát, sắp xếp, bổ sung, chỉnh sửa lại toàn bộ CTĐT của các ngành, chuyên ngành [H3.3.4.1]. Năm 2012, rà soát và ban hành CTĐT 16 ngành [H3.3.4.2]. Năm 2013, rà soát, sắp xếp lại 47 chuyên ngành đào tạo [H3.3.4.3], [H3.3.1.1]. Chương trình E-BBA được đánh giá sau 5 năm đào tạo [H3.3.4.4]. Các chương trình POHE, chương trình CLC chuyên ngành Kinh doanh quốc tế (2011, 2015), Marketing (2014, 2015) [H3.3.1.12].

Hai là, rà soát nội dung của từng môn học, học phần thông qua điều chỉnh bổ sung, sửa đổi đề cương chi tiết. Trong vòng 5 năm qua (từ năm 2010-2015), 100% các học phần trong CTĐT của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh, bổ sung thông qua việc rà soát và hoàn thiện hệ thống đề cương chi tiết học phần. Cụ thể, có 832 đề cương chi tiết học phần trong CTĐT của 49 chuyên ngành được rà soát, hoàn thiện và công bố công khai (www.daotao.neu.edu.vn). Trong đó chủ yếu là cập nhật nội dung của học phần, giáo trình học liệu, tài liệu tham khảo; điều chỉnh phương pháp đánh giá học phần,... Để thực hiện việc này Nhà trường đều có kế hoạch và quy trình triển khai cụ thể (từ cấp cơ sở: Bộ môn, Khoa/Viện đến cấp Trường: Tổ công tác, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường). Tất cả đều có văn bản, biên bản họp thảo luận ở các cấp.

Để đảm bảo tính khoa học và hội nhập quốc tế của các CTĐT được áp dụng triển khai, Nhà trường đã yêu cầu các Khoa/Viện khi thực hiện rà soát và xây dựng các môn học thuộc CTĐT đều phải kèm theo minh chứng của các trường đại học nước ngoài về CTĐT, chương trình môn học. Trong quá trình rà soát, Nhà trường đã không đưa vào chương trình đào tạo 81 môn học không phù

hợp, thiết kế lại 18 học phần trùng lặp. Hiệu trưởng đã ban hành danh mục môn học áp dụng thống nhất trong toàn Trường [H3.3.1.16].

Để có cơ sở thực tiễn trong việc điều chỉnh CTĐT, Nhà trường tiến hành thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTĐT thông qua tiến hành lấy ý kiến của cựu sinh viên, các nhà tuyển dụng, các chuyên gia về CTĐT [H3.3.4.5].

2. Điểm mạnh

- CTĐT được đổi mới thường xuyên xuất phát từ nhu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng thị trường lao động. CTĐT được rà soát, điều chỉnh và bổ sung theo một quy trình chặt chẽ từ cấp cơ sở (Bộ môn, Khoa/Viện) đến cấp Trường (Tổ công tác, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường và được tham khảo các CTĐT tiên tiến của nước ngoài, đặc biệt các Trường là đối tác của Trường trong đào tạo các chương trình đào tạo quốc tế, chương trình đào tạo tiên tiến,...

3. Tồn tại

Trong quá trình điều chỉnh, bổ sung CTĐT Nhà trường chưa mở rộng việc khảo sát nhu cầu thực tế của các địa phương, các doanh nghiệp trong nhiều lĩnh vực khác nhau. Việc tiến hành khảo sát cựu sinh viên chưa đảm bảo tính hệ thống (chưa tiến hành khảo sát lại với những sinh viên đã từng khảo sát 1 lần).

4. Kế hoạch hành động

- Nội dung: Tiến hành rà soát, đánh giá tổng thể CTĐT, thực hiện điều chỉnh CTĐT đảm bảo tính hội nhập quốc tế.

- Đơn vị thực hiện: Nhà trường

- Thời gian thực hiện: Năm 2017

- Thời gian hoàn thành: Trước 8/2017

- Quy trình: (1) Các Bộ môn, Khoa/Viện đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện; thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải điều chỉnh và bổ sung CTĐT; (2) Nhà trường (Tổ công tác) tổng hợp những

nội dung cần bổ sung, điều chỉnh; (3) Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài Trường, các nhà khoa học, các doanh nghiệp, các tổ chức sử dụng lao động liên quan và cựu sinh viên về CTĐT dự kiến thay đổi; (4) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét thông qua các nội dung cần bổ sung, điều chỉnh và trình Hiệu trưởng phê duyệt ban hành.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.5: Chương trình đào tạo được thiết kế theo hướng đảm bảo liên thông với các trình độ đào tạo và chương trình đào tạo khác.

1. Mô tả

Trong các năm qua, CTĐT của Trường ĐHKQTĐ được thiết kế dựa trên nguyên tắc cơ bản đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo, với các CTĐT khác, bao gồm: liên thông dọc, liên thông ngang.

Liên thông dọc trong việc xây dựng CTĐT của Trường được thực hiện như sau:

- Trước năm 2012, CTĐT liên thông từ cao đẳng lên đại học được thiết kế và ban hành riêng]. Trường ban hành quy định về việc công nhận tín chỉ ở bậc cao đẳng và thực hiện việc bảo lưu, chuyển điểm các học phần cho sinh viên. CTĐT ở các hình thức khác được xây dựng cơ bản cũng dựa trên nguyên tắc này.

- Ở bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ, năm 2015 Trường ban hành quy định về danh mục ngành đào tạo đúng, ngành đào tạo gần với bậc đại học để tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên tốt nghiệp của Nhà trường khi tiếp tục học tập nâng cao.

Liên thông ngang trong việc xây dựng CTĐT của Trường được thực hiện như sau:

- Năm 2014, Trường đã ban hành nguyên tắc xây dựng CTĐT văn bằng 2 chính quy đảm bảo tính liên thông đối với CTĐT chính quy: (1) Thừa nhận các tín chỉ của sinh viên đã học ở bằng 1; (2) Các môn học, học phần trong CTĐT văn bằng 2 có nội dung giống với CTĐT chính quy, tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong quá trình tích lũy tín chỉ [H3.3.5.1].

- Năm 2015, Trường cũng ban hành quy định cho phép sinh viên có thể theo học cùng lúc 2 chương trình (2 chương trình thuộc 2 ngành khác nhau, 2 chương trình thuộc cùng 1 ngành), cho phép sinh viên có thể học các học phần trong hệ thống CTĐT của Nhà trường theo nhu cầu, điều này cho phép sinh viên có thể tích lũy các kiến thức cần thiết để tăng cơ hội học tập lên cao và cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Bên cạnh đó Trường cũng ban hành quy định về việc miễn học, miễn thi và quy đổi điểm các học phần Tiếng Anh trong CTĐT đối với sinh viên có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế, tạo điều thuận lợi cho sinh viên trong việc Tiếng Anh đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế [H3.3.5.2]. (Đào tạo cùng lúc 2 chương trình, Quyết định ban hành Đề án đào tạo cấp giấy chứng nhận hoàn thành môn học trình độ đại học).

- Ngoài ra, Trường đã ký kết thỏa thuận công nhận CTĐT với một số Trường đại học của nước ngoài để tạo điều kiện cho việc trao đổi sinh viên (của chương trình E-BBA; IBD@NEU; CTĐT Tiên tiến,...).

2. Điểm mạnh

- CTĐT của Trường ĐHKQTĐ được thiết kế dựa trên nguyên tắc cơ bản đảm bảo tính liên thông giữa các trình độ đào tạo, với các CTĐT khác. Trường đã xây dựng và ban hành hệ thống môn học, hệ thống học phần thống nhất giảng dạy trong toàn trường làm cơ sở để xây dựng các CTĐT ở các bậc đào tạo khác nhau, các hình thức đào tạo khác nhau, liên thông giữa các chương trình.

- CTĐT của Trường được thiết kế đảm bảo tính khoa học; tính hội nhập quốc tế; phù hợp và tương thích với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác.

3. Tồn tại

- Trường chưa ký kết thỏa thuận công nhận CTĐT, chương trình môn học với các trường đại học trong nước để tạo điều kiện cho việc trao đổi sinh viên giữa các trường.

- Chưa mở rộng việc ký kết các thỏa thuận công nhận CTĐT, chương trình môn học với các trường nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động

Triển khai ký kết thỏa thuận thừa nhận CTĐT, chương trình môn học với các cơ sở đào tạo khác.

- Nội dung: Tiến hành ký kết thỏa thuận thừa nhận CTĐT, chương trình môn học với các trường đại học trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Học viện Tài chính, các cơ sở đào tạo với nước ngoài... tạo cơ sở pháp lý và điều kiện cho việc trao đổi sinh viên trong quá trình đào tạo. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường theo xu hướng hội nhập quốc tế.

- Đơn vị thực hiện: Nhà trường

- Thời gian thực hiện: Năm 2017

- Thời gian hoàn thành: Trước 12/2017

- Quy trình: (1) Tổ chức Hội nghị với Trường dự kiến ký kết thỏa thuận công nhận CTĐT, chương trình môn học của nhau; (2) Xây dựng kế hoạch và quy trình triển khai việc đánh giá CTĐT lẫn nhau giữa các Trường; (3) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét thông qua các CTĐT, chương trình môn học dự kiến ký kết thỏa thuận công nhận với các Trường; (4) trình Hiệu trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 3.6: Chương trình đào tạo được định kỳ đánh giá và thực hiện cải tiến chất lượng dựa trên kết quả đánh giá.

1. Mô tả

Với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, Trường ĐHKQTĐ coi việc đánh giá CTĐT là một việc làm hết sức cần thiết, cần thực hiện thường xuyên và định kỳ. Qua đó làm cơ sở để cải tiến CTĐT phù hợp hơn với nhu cầu của người học, yêu cầu của công việc thực tế.

Hàng kỳ, Nhà trường đều tổ chức lấy kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy bằng hình thức khảo sát trực tuyến đối với 100% các học phần

tổ chức giảng dạy trong kỳ. Kết quả phản hồi của sinh viên (trong đó có nhiều nội dung gắn với chương trình môn học, chương trình đào tạo,...) được Nhà trường tổng hợp, phân tích và gửi về các bộ môn phụ trách môn học để bộ môn làm căn cứ điều chỉnh nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy,... cho phù hợp hơn với nhu cầu của người học. Ý kiến phản hồi của sinh viên góp phần không nhỏ vào việc cải tiến CTĐT của Nhà trường [H3.3.6.1].

Hàng năm Nhà trường tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp ra Trường, trong đó rất coi trọng đánh giá của người học về CTĐT (đánh giá về sự phù hợp của kiến thức, kỹ năng,... được đào tạo tại Trường với yêu cầu của công việc thực tế). Để có CSDL cho việc tiến hành khảo sát, trước khi sinh viên nhận bằng, Phòng Quản lý đào tạo của Nhà trường cho sinh viên đăng ký thông tin cá nhân (điện thoại, Email, địa chỉ thường trú/tạm trú,...). Do đó 100% CTĐT có sinh viên tốt nghiệp được khảo sát. Các báo cáo về đánh giá của người học sau khi tốt nghiệp về CTĐT là căn cứ quan trọng để Nhà trường cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo nói chung và CTĐT nói riêng.

Bên cạnh đó, Nhà trường chủ trì hoặc giao cho các đơn vị đào tạo chủ trì tổ chức các hội nghị, tọa đàm để đánh giá về các CTĐT đang được thực hiện, thành phần tham dự bao gồm các chuyên gia trong các lĩnh vực chuyên ngành, đại diện của các nhà tuyển dụng lao động, đại diện của các cơ sở đào tạo khác. Các ý kiến góp ý của chuyên gia và các nhà chuyên môn giúp Trường có cơ sở quan trọng để cải tiến chất lượng CTĐT tốt hơn [H3.3.6.2]

2. Điểm mạnh

- Trường định kỳ tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học bằng hình thức trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc trả lời, giúp việc xử lý dữ liệu nhanh chóng.

- Trường tạo điều kiện và khuyến khích các khoa/viện (đơn vị đào tạo) chủ động tổ chức hội thảo, hội nghị, tọa đàm về các CTĐT do khoa/viện phụ trách. Qua đó tăng cường hiệu quả của sự đánh giá về các CTĐT.

3. Tồn tại

- Việc tiến hành khảo sát sinh viên tốt nghiệp chưa được mở rộng và việc đánh giá lại (đánh giá lần 2, 3...) của cựu sinh viên chưa được tiến hành.

- Ý kiến đánh giá về CTĐT từ các nhà tuyển dụng chưa nhiều và chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường chủ trương từ năm 2017 giao Văn phòng mạng lưới cựu sinh viên của Trường ĐHKQTĐ tổ chức lấy ý kiến người đã tốt nghiệp (tất cả các hệ) và người sử dụng lao động một cách thường xuyên tạo lập CSDL sử dụng lâu dài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 3

Trường ĐHKQTĐ là trường đào tạo về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh với 60 năm tuổi đời, 57 năm đào tạo trình độ đại học, 25 năm đào tạo thạc sỹ và 39 năm đào tạo tiến sỹ. Từ trường đơn ngành, đến nay trường đã phát triển thành trường đa ngành. Để quản lý Trường nói chung và quản lý đào tạo nói riêng, Trường không chỉ tuân thủ các văn bản pháp quy mà Trường còn ban hành các văn bản quản lý trong đó có các văn bản về QLĐT. Hoạt động đào tạo tuân thủ các văn bản này. Trong 5 năm gần đây, Trường đã sắp xếp lại các ngành học, phát triển thêm 14 ngành học mới, đổi mới toàn bộ các CTĐT. Xác định nội dung của 508 môn học, xây dựng và công khai hóa 832 đề cương chi tiết các học phần. Sự phát triển này xuất phát từ yêu cầu nguồn nhân lực của xã hội, từ nhu cầu nội tại nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Các CTĐT mới đã được tham khảo từ các chương trình của các nước tiên tiến, có sự đóng góp ý kiến của các nhà khoa học trong và ngoài trường, của các nhà sử dụng lao động, các cựu sinh viên của trường. CTĐT được định kỳ bổ sung, không chỉ điều chỉnh về kết cấu mà điều chỉnh nội dung của môn học (nếu cần). Các CTĐT là sản phẩm trí tuệ của tập thể sư phạm Nhà trường, có mục tiêu rõ ràng, liên thông đáp ứng được chuẩn đầu ra.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 3: Đạt yêu cầu: 6/6 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 4

HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

Mở đầu:

Trường ĐHKQTĐ tổ chức các hoạt động đào tạo theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT. Trường ban hành đầy đủ các quy định để tổ chức và quản lý các hoạt động đào tạo của Nhà trường. Từ năm 2006 đến nay, Nhà trường đã từng bước chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Nhà trường chú trọng đổi mới CTĐT, đổi mới phương pháp đánh giá và phương pháp giảng dạy để không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Trường từ lâu đã thực hiện đa dạng hóa các hình thức đào tạo, trên cơ sở đó, Nhà trường mở rộng các hình thức liên kết đào tạo với nước ngoài và với các địa phương, đáp ứng nhu cầu của người học và xã hội. Với bất kỳ hình thức đào tạo nào, Nhà trường đảm bảo tuân thủ quy định trong các văn bản của Bộ và Nhà nước. Quy trình tổ chức hoạt động đào tạo, kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng đào tạo luôn được quan tâm, thực hiện nghiêm túc, đảm bảo tính khách quan, công bằng.

Điều đó được thể hiện qua các tiêu chí đánh giá sau đây:

Tiêu chí 4.1: Đa dạng hóa các hình thức đào tạo, đáp ứng yêu cầu học tập của người học theo quy định

1. Mô tả

Các hình thức đào tạo của Trường ĐHKQTĐ rất đa dạng đáp ứng các nhu cầu khác nhau của người học và tuân thủ theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, Bộ GD&ĐT [H4.4.1.1]. Các hình thức đào tạo của Trường đều được đảm bảo các điều kiện về chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên

cũng như CSVN theo các quy định hiện hành. Trường hiện có các hình thức đào tạo như sau:

- Đào tạo bậc đại học (gồm cả văn bằng 2, liên thông từ cao đẳng lên đại học, liên thông từ trung cấp lên đại học) có các hình thức khác nhau:

+ Hình thức đào tạo chính quy với số lượng 4.800 sinh viên/khóa: Chính quy đại trà đào tạo 22 ngành với 48 chuyên ngành; Chương trình tiên tiến với 2 ngành Kế toán và Tài chính; Chương trình chất lượng cao với 6 chuyên ngành (Kiểm toán, Ngân hàng, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Quản trị kinh doanh quốc tế, Kinh tế đầu tư); Chương trình cử nhân đào tạo bằng tiếng Anh với 2 chương trình: Cử nhân quản trị kinh doanh (E-BBA), Cử nhân quản lý công và chính sách (E-PMP); CTĐT định hướng ứng dụng (POHE) với 05 chuyên ngành: Quản trị khách sạn, Quản trị lễ hành; Quản trị kinh doanh thương mại; Truyền thông Marketing; Luật kinh doanh. [H3.3.1.1], [H3.03.1.2], [H3.3.1.]

+ Hình thức đào tạo phi chính quy:

Đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học với đa dạng các ngành, chuyên ngành đáp ứng nhu cầu của người học tại các địa phương và đến học tại Trường. Hình thức đào tạo này do Khoa Đại học Tại chức là đầu mối quản lý [H3.3.1.4].

Đào tạo theo hình thức từ xa đáp ứng nhu cầu của người học không có điều kiện trực tiếp đến lớp học. Hình thức đào tạo này do Trung tâm Đào tạo Từ xa là đầu mối quản lý [H3.3.1.5].

+ Hình thức liên kết đào tạo với các Trường đại học trong nước và nước ngoài:

Liên kết đào tạo với Trường Đại học Tây Bắc chương trình cử nhân chính quy ngành Tài chính - Ngân hàng; Liên kết đào tạo với Trường Đại học Tây Nguyên. [H4.4.1.1].

Liên kết đào tạo với các trường đại học của nước ngoài, bao gồm các chương trình: Chương trình cử nhân quốc tế IBD@NEU liên kết với các

trường đại học Sunderland (ngành QTKD), trường đại học West of England (ngành TC-NH) của vương quốc Anh; Chương trình đào tạo ADB2+2 (ngành Quản trị) liên kết với trường đại học California, San Bernardino - Hoa kỳ; Chương trình liên kết đào tạo với đại học York Saint John - vương quốc Anh (ngành Kế toán - Tài chính); Chương trình liên kết đào tạo cử nhân - thạc sĩ với đại học Lyon 1, cộng hòa Pháp chuyên ngành Định phí bảo hiểm và tài chính (Actuary). [H4.04.1.2].

- Đào tạo bậc sau đại học gồm Thạc sĩ với 25 khóa; Tiến sĩ với 37 khóa tại Trường và Đào tạo thạc sĩ cho các vùng trọng điểm của quốc gia: Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam bộ và một số tỉnh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho các vùng này [H4.4.1.3].

+ Hình thức đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ cho người học:

Nhà trường thường xuyên và định kỳ mở các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ cho người học về các lĩnh vực KT, QL&QTKD. Hình thức đào tạo này do Trung tâm Đào tạo Liên tục làm đầu mối quản lý.

Bên cạnh đa dạng hóa các hình thức đào tạo đáp ứng yêu cầu của người học, Trường ĐHKQTĐ cũng tổ chức các hình thức đào tạo gắn với nhu cầu của các địa phương:

- Đào tạo theo nhu cầu xã hội bao gồm: Đào tạo theo đơn đặt hàng của Doanh nghiệp (trung tâm Vietcare), đào tạo theo đơn đặt hàng của Bộ quốc phòng, Bộ công an [H4.4.1.3]

- Đào tạo theo chế độ cử tuyển và đào tạo theo địa chỉ cho các tỉnh miền núi phía bắc, bắc trung bộ (đào tạo cử tuyển từ năm 1984-1985; đào tạo theo địa chỉ từ năm 2004-2005) với khoảng 1.200 sinh viên đã tốt nghiệp. [H4.4.1.5]

Ngoài ra, Trường ĐHKQTĐ cũng là địa chỉ đáng tin cậy của các lưu học sinh nước ngoài đến học tập (Lưu học sinh Lào, Campuchia, Ucraina,...) [H4.4.1.5].

2. Điểm mạnh

- Trường đã tổ chức đào tạo tất cả các bậc đào tạo, các hình thức đào tạo với nhiều ngành, chuyên ngành trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường;

- Mở các chương trình tiên tiến, chất lượng cao và POHE đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao. Quy mô tuyển sinh nhóm này hàng năm 600-700 sinh viên.

- Trường đã mạnh dạn mở các chương trình liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài có uy tín để đào tạo nguồn lực có trình độ cao đáp ứng được nhu cầu hội nhập quốc tế.

- Trường cũng thực hiện tốt việc đào tạo theo đơn đặt hàng của doanh nghiệp, của các địa phương, các cơ quan, bộ ngành với đa dạng các hình thức đào tạo khác nhau góp phần cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho nhu cầu phát triển kinh tế của địa phương và đất nước.

3. Tồn tại

- Việc liên kết đào tạo với các trường đại học nước ngoài chưa được mở rộng tương xứng với tiềm năng của Trường;

- Việc thu hút sinh viên quốc tế đến học tại Trường để học tập và nghiên cứu chưa nhiều và chưa đa dạng (chủ yếu là lưu học sinh Lào, Campuchia).

4. Kế hoạch hành động

- Tiếp tục phát triển các chương trình chất lượng cao, POHE, các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh.

- Năm 2017, Trường sẽ mở rộng ký kết thỏa thuận thừa nhận chương trình đào tạo với các trường đại học nước ngoài và với các trường đại học trong nước để tạo cơ hội liên kết đào tạo giữa các trường với nhau đáp ứng nhu cầu của người học.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.2: Thực hiện công nhận kết quả học tập của người học theo niên chế kết hợp với học phần; có kế hoạch chuyển quy trình đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ có tính linh hoạt và thích hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học.

1. Mô tả

Trước đây, Trường ĐHKQTĐ áp dụng học chế đào tạo theo niên chế (Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/02/1999 của Bộ GD&ĐT và Quy định hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ GD&ĐT cho hệ đào tạo đại học chính quy của Trường). Nhà trường đã cho phép sinh viên tích lũy kết quả học tập theo từng học phần. Với kết quả của từng học phần trong từng kỳ, năm và toàn khóa, Nhà trường tính điểm trung bình chung để đánh giá, xét tốt nghiệp đối với sinh viên.

Năm 2005, Trường tiến hành tổ chức đào tạo hệ đại học văn bằng 2 khóa 17 (Vừa làm vừa học) theo hệ thống tín chỉ. Năm 2006, Nhà trường bắt đầu tổ chức đào tạo hệ đại học chính quy khóa 48 theo hệ thống tín chỉ. Năm 2013 bắt đầu tổ chức đào tạo hệ liên thông từ cao đẳng lên đại học chính quy khóa 14 theo hệ thống tín chỉ.

- Hiện nay tại 100% CTĐT bậc đại học chính quy được đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Công tác tổ chức đào tạo của Nhà trường được thay đổi toàn bộ theo quy định chung của Bộ GD&ĐT và quy định của Trường, toàn bộ CTĐT và hệ thống đề cương chi tiết học phần đều được áp dụng hoàn toàn theo học chế tín chỉ và được công khai để người học chủ động trong việc xây dựng kế hoạch học tập (www.daotao.neu.edu.vn). Các học phần trong các CTĐT ở các hình thức đào tạo khác nhau đều cùng một nội dung, thể hiện ở các đề cương chi tiết học phần, điều này tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể chủ động tích lũy tín chỉ của các học phần trong CTĐT một cách linh hoạt (ví dụ: sinh viên hệ văn bằng 2 có thể học cùng với sinh viên hệ chính quy và ngược lại). [H4.4.2.1], [H3.3.1.5],

[H3.3.1.6]. Việc chuyển sang hệ thống đào tạo theo tín chỉ đã tạo điều kiện cho nhiều sinh viên ra trường trước thời hạn. Hàng năm có 20-30% sinh viên ra trường trước thời hạn [H4.4.2.2]. Trong quá trình chuyển đổi đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ, Nhà trường luôn chú trọng đến việc đảm bảo chất lượng đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi nhất để người học có thể thích nghi với quy trình đào tạo mới (thành lập bộ phận Cố vấn học tập để hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập; công khai hóa CTĐT, tiến trình đào tạo, hệ thống đề cương chi tiết học phần, quy định đào tạo theo tín chỉ). Dù chuyển đổi quy trình đào tạo thì việc tập trung vào chất lượng dạy và học vẫn được Nhà trường hết sức coi trọng.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKQTĐ là một trong những cơ sở đào tạo đại học đầu tiên của hệ thống giáo dục đại học Việt Nam đã thực hiện chuyển đổi từ hình thức đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ. Với hơn 10 năm triển khai Nhà trường đã có nhiều kinh nghiệm để hoàn thiện và cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Tồn tại

Hệ thống Cố vấn học tập còn có nhiều hạn chế, bất cập trong công tác hỗ trợ sinh viên, CSVC cũng như các nguồn tài nguyên còn hạn hẹp nên việc đáp ứng nhu cầu tự chọn học phần của sinh viên còn hạn chế.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2017, Phòng KT&ĐBCLGD sẽ nghiên cứu và trình Ban Giám hiệu Đề án đề xuất điều chỉnh mô hình cơ cấu tổ chức, nâng cao năng lực đội ngũ cố vấn học tập của Trường. Trong năm 2017, với việc thực hiện Đề án tự chủ, Nhà trường sẽ có kế hoạch tăng cường CSVC đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.3: Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.

1. Mô tả

Nhà trường xác định đội ngũ giảng viên là lực lượng nòng cốt trong việc thực hiện các hoạt động đào tạo của Nhà trường, do đó việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được Nhà trường hết sức chú trọng và thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ từ khâu tuyển dụng đầu vào, khâu tập sự cho đến các hoạt động giảng dạy hàng kỳ, cụ thể:

- Tiêu chuẩn về giảng viên giảng dạy được Nhà trường cụ thể hóa trong Quy chế tuyển dụng với các tiêu chí cụ thể quan trọng nhất là năng lực chuyên môn và khả năng sư phạm [H4.4.3.1]

- Hàng năm, vào cuối mỗi kỳ học Nhà trường có kế hoạch lấy ý kiến phản hồi của người học về công tác giảng dạy của giảng viên đối với từng lớp học phần [H4.4.3.2]. 100% giảng viên giảng dạy trong học kỳ đều được người học đánh giá. Kết quả đánh giá được tổng hợp, phân tích và đánh giá để làm cơ sở cho các bộ phận tổ chức tham mưu cho Ban Giám hiệu trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy; kết quả cũng được gửi cho các Bộ môn để rút kinh nghiệm, điều chỉnh công tác giảng dạy cho phù hợp với yêu cầu của người học [H4.4.3.3].

Việc lấy ý kiến của người học được thực hiện ở tất cả các hệ, hình thức đào tạo [H4.4.3.4]

- Ở cấp Khoa/Viện, Bộ môn, đều tổ chức sinh hoạt chuyên môn trong đó nội dung cơ bản là thảo luận về các nội dung môn học, phương pháp giảng dạy, đánh giá người học. Cuối mỗi kỳ đều có tổng kết đánh giá công tác giảng dạy, ra đề, chấm thi,... của giảng viên. Kết quả tổng kết đánh giá giúp cho các Bộ môn, các Khoa/Viện kịp thời điều chỉnh nội dung học phần, phương pháp đánh giá cho

phù hợp hơn, kết quả cũng là cơ sở để các Bộ môn, Khoa/Viện đề xuất với Trường các giải pháp để đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Nhà trường cũng khuyến khích các giảng viên đề xuất nghiên cứu các đề tài khoa học liên quan đến việc đánh giá có hiệu quả hoạt động giảng dạy của Bộ môn.

Bên cạnh công tác đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, Nhà trường hết sức chú trọng đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy; phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học, cụ thể:

- Nhà trường cho phép các Bộ môn tự chủ trong việc đề xuất nội dung học phần, nội dung giảng dạy và phương pháp đánh giá học phần, thể hiện trong từng đề cương chi tiết học phần do các Bộ môn thảo luận và đề xuất với Nhà trường. Các học phần được đánh giá một cách đa dạng theo các trọng số khác nhau (ví dụ: điểm đánh giá của giảng viên - Điểm bài kiểm tra - Điểm bài thi học phần: 10-20-30; 10-30-60; 10-15-15-60;...) (www.daotao.neu.edu.vn). Hàng năm, các Bộ môn có thể điều chỉnh phương pháp đánh giá theo hướng phù hợp hơn (ví dụ: nhiều học phần bộ môn đề xuất tỷ trọng điểm bài kiểm tra trong điểm học phần của các bài kiểm tra khác nhau; có thể có nhiều bài kiểm tra với mục đích chuyển từ hướng đánh giá tại 1 thời điểm sang đánh giá theo quá trình của người học). Việc chủ động trong xác định nội dung giảng dạy, phương pháp đánh giá học phần góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đánh giá kết quả học tập của người học đồng thời khuyến khích, nâng cao tinh thần tự chủ, sáng tạo, linh hoạt của Bộ môn.

Nhà trường còn tổ chức lấy ý kiến của người học đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy của giảng viên, bằng hình thức lấy phiếu khảo sát của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Sau khi có kết quả đánh giá, Nhà trường nắm bắt được một cách khách quan về quá trình giảng dạy của giảng viên ở Bộ môn. Kết quả khảo sát hàng kỳ được gửi tới các phòng ban chức năng, các Khoa, Bộ môn để kịp

thời có kế hoạch phát huy những điểm mạnh hay khắc phục điều chỉnh những mặt còn chưa tốt của giảng viên [H4.4.3.3].

2. Điểm mạnh

- Việc đánh giá các hoạt động giảng dạy của giảng viên được Nhà trường thực hiện một cách hệ thống, đồng bộ. Nhà trường có kế hoạch hàng năm và triển khai từng học kỳ công tác lấy ý kiến phản hồi của người học ở tất cả các bậc học, hình thức đào tạo. Kết quả triển khai công tác đánh giá giảng viên được Nhà trường sử dụng để đưa ra các chính sách phù hợp, kịp thời nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

Nhà trường hết sức chú trọng đến việc đổi mới phương pháp giảng dạy; phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học, tạo sự chủ động, nâng cao năng lực của Bộ môn trong đào tạo giảng dạy.

3. Tồn tại

Kết quả công tác lấy ý kiến đánh giá của người học về công tác giảng dạy của giảng viên chưa được sử dụng vào công tác đánh giá viên chức và chưa có cơ chế khuyến khích khen thưởng hoặc kỷ luật trên cơ sở ý kiến góp ý của người học. Vì vậy, chưa đánh giá được tác động của công tác này đối với một số giảng viên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2016-2017, Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng Tổ chức cán bộ xây dựng Đề án mở rộng việc lấy ý kiến của người học về hoạt động giảng dạy theo hướng sử dụng kết quả vào công tác đánh giá viên chức là giảng viên; Hoàn thiện bảng hỏi để khai thác được nhiều thông tin phù hợp với yêu cầu đặt ra. Tổ chức đánh giá tác động của công tác đánh giá đối với giảng viên sau khi áp dụng quy trình đánh giá mới..

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 4.4: Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề.

1.Mô tả

Phương pháp kiểm tra đánh giá áp dụng đối với các chương trình, các hệ đào tạo của Trường ĐHKQTĐ được đa dạng hóa và phù hợp với các hình thức đào tạo tương ứng. Phương pháp đánh giá học phần được thể hiện rõ ràng trong Đề cương chi tiết học phần. Tất cả đề cương chi tiết học phần được thiết kế theo quy định tại Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và đều được Hiệu trưởng phê duyệt. Trong mỗi đề cương đều có mục "Phương pháp đánh giá học phần" trong đó nêu rõ: (1) Điều kiện dự thi hết học phần; (2) Quy định về tỷ trọng các điểm thành phần: Điểm đánh giá của giảng viên (thống nhất là 10% theo quy định chung của Trường tại Quy định 1212/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/12/2012), điểm bài kiểm tra (số bài và tỷ trọng tùy theo từng học phần do Bộ môn đề xuất và Hiệu trưởng phê duyệt), điểm thi hết học phần (tỷ trọng tùy theo từng học phần); (3) Hình thức thi đánh giá hết học phần (thi viết hoặc trắc nghiệm, bài tập lớn,...). Nhà trường quy định mã riêng cho mỗi học phần để quản lý, nội dung các học phần được các bộ môn thống nhất giảng dạy ở tất cả hình thức đào tạo trong cùng bậc đào tạo; đảm bảo tính tương thích với các học phần khác trong chương trình đào tạo và tính liên thông với các học phần khác ở trình độ đào tạo cao hơn.

Phương pháp đánh giá học phần do các Bộ môn chủ động đề xuất phù hợp với mục tiêu của học phần, và trình Hiệu trưởng phê duyệt, điều này tạo ra sự đa dạng trong phương pháp đánh giá của các học phần trong các CTĐT.

Việc tổ chức kiểm tra đánh giá các học phần được thực hiện một cách khoa học nhằm đảm bảo đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và kỹ năng phát hiện giải quyết vấn đề. Trong

mỗi đề cương chi tiết học phần đều nêu rõ mục tiêu của học phần, nội dung chi tiết của từng chương, trong mỗi chương đều có mục tiêu cần đạt được của người học sau khi học xong (mục tiêu về kiến thức chuyên môn, thực hành,...); danh mục tài liệu tham khảo được chỉ dẫn rõ ràng để giúp người học chủ động tự học để tích lũy thêm những kiến thức, kỹ năng cần thiết.

Nhà trường coi việc kiểm tra đánh giá nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng là hoạt động quan trọng trong quá trình quản lý giảng dạy. Quy định về kiểm tra, đánh giá được thể hiện tại Quy chế 43/2007/QĐ-BGD&ĐT; Thông tư 55 (hệ liên thông), Thông tư 57 đối với hệ chính quy và Quy chế 36/2007/QĐ-BGD&ĐT đối với hình thức vừa làm vừa học, cũng như cụ thể tại các Quy chế được áp dụng tại Nhà trường.

Các hệ đào tạo không chính quy đều tuân thủ theo những quy định chung về kiểm tra, đánh giá trong Nhà trường, kể cả đối với các lớp đào tạo liên kết với các địa phương. Công tác kiểm tra đánh giá được đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, hình thức học tập, mục tiêu môn học và đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo; Nhà trường đã ban hành quy định về công tác chấm thi học phần theo hình thức thi viết, Quy định về tổ chức thi hết học phần theo hình thức trắc nghiệm trên máy [H4.4.4.1]. Nhà trường đã xây dựng ngân hàng câu hỏi cho các môn thi viết và các môn thi trắc nghiệm. Quy trình tổ chức ra đề thi được triển khai với 6 đề thi. Phòng KT&ĐBCLGD bốc thăm 4 đề thi để đảm bảo tính khách quan. Việc chấm thi của tất cả các hệ, bậc đào tạo đều tuân thủ theo quy định: Bài thi được rọc phách và do hai giảng viên chấm độc lập đảm bảo tính công bằng, khách quan [H4.4.4.2].

Kế hoạch thi được lập từ đầu học kỳ và công bố công khai. Các lớp tín chỉ thi cùng môn sẽ được xếp thi cùng giờ. Trong trường hợp có nhiều lớp thi phải thi làm nhiều ca, thì đề thi của các ca thi là khác nhau. Công tác coi thi do các bộ môn đảm nhiệm, có sự giám sát của Thanh tra Nhà trường, của Phòng KT&ĐBCLGD. Bài thi do Phòng KT&ĐBCLGD thu về thực hiện các công việc tiếp theo [H4.4.4.3].

Để đảm bảo quyền lợi cho sinh viên, Nhà trường có quy định về tổ chức xem lại bài thi [H4.4.4.4].

Nhà trường liên tục thực hiện lấy ý kiến phản hồi từ người học, trong đó có những câu hỏi về hoạt động kiểm tra đánh giá của giảng viên. Đa số các ý kiến đánh giá cao đối với phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên [H3.3.6.1]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường đã triển khai thực hiện đa dạng hóa phương pháp kiểm tra đánh giá, phù hợp với các phương thức đào tạo và các bậc đào tạo, đảm bảo khách quan, công bằng, đánh giá được mức độ tích lũy kiến thức, các kỹ năng của người học.

3. Những tồn tại:

Mặc dù đã tập trung tổ chức triển khai phương pháp kiểm tra đánh giá khách quan, công bằng nhưng hệ thống ngân hàng câu hỏi chưa nhiều, chưa có tính đồng nhất cao trong đề thi học phần, còn khác nhau giữa các hình thức đào tạo.

4. Kế hoạch hành động

- Ban Giám hiệu giao Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với Phòng QLĐT xây dựng kế hoạch tổ chức khảo sát giảng viên và người học về chất lượng đề thi, từ đó có phương án xây dựng, hoàn thiện ngân hàng câu hỏi thi trong thời gian sắp tới. Tiếp tục phát huy hiệu quả của các hình thức kiểm tra, đánh giá để đảm bảo tính khách quan, công bằng ở các hệ, bậc đào tạo.

- Phòng KT&ĐBCLGD phối hợp với các Bộ môn và Viện Công nghệ thông tin kinh tế nghiên cứu xây dựng ngân hàng câu hỏi để đánh giá được năng lực, kỹ năng của người học; hoàn thiện trong năm 2017 phần mềm tạo đề thi cho các bộ môn để thực hiện công việc nhanh, khách quan và phần mềm hỗ trợ công tác khảo thí, làm phách, nhập điểm tự động để áp dụng vào kỳ 2 năm 1016-2017

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.5: Kết quả học tập của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Văn bằng, chứng chỉ được cấp theo quy định và được công bố trên trang thông tin điện tử của Nhà trường.

1. Mô tả

Nhà trường có quy định về việc công bố kết quả của người học một cách rõ ràng, kịp thời. Điểm thành phần đánh giá về quá trình học tập (gồm cả điểm các bài kiểm tra định kỳ) phải được công bố cho người học trước khi thi kết thúc học phần. Điểm thi của người học được công khai sau mỗi kỳ thi và được cập nhật vào hệ thống Quản lý đào tạo trực tuyến, người học có thể sử dụng tài khoản để tra cứu [H4.4.5.1].

Việc lưu trữ kết quả học tập của người học được thực hiện thường xuyên, đầy đủ, chính xác và an toàn. Ngoài các bảng điểm gốc được lưu tại Phòng Quản lý đào tạo để tổng hợp, kiểm tra, còn có bảng điểm sao lưu tại Phòng KT&ĐBCLGD và tại Bộ môn quản lý môn học. Theo quy định của Nhà trường, kết thúc một khóa học, người học được cấp một bảng điểm cuối khóa kèm theo bằng tốt nghiệp. Ngoài ra, nếu người học có nhu cầu, ngoài việc nắm bắt được điểm số của mình ở tài khoản cá nhân trên hệ thống quản lý đào tạo, người học còn có thể được cấp bảng điểm theo nhu cầu [H4.4.4.1].

Trường có hệ thống sổ sách lưu giữ kết quả học tập của người học một cách khoa học, an toàn bằng hệ thống song song với hệ thống quản lý đào tạo trong Nhà trường. Dữ liệu được lưu trữ trên máy chủ, sao lưu trên ổ cứng có dung lượng lớn và trên đĩa DVD [H4.4.5.2].

Vì tổ chức theo học chế tín chỉ, nên trong 1 năm học, Nhà trường tổ chức 3 lần xét tốt nghiệp, cấp giấy chứng nhận, cấp bằng điểm và giải quyết những thắc mắc về điểm trung bình chung khóa học và xếp loại tốt nghiệp cho người học nhanh chóng, kịp thời và thuận tiện.

Văn bằng, chứng chỉ học tập được cấp cho người học tuân thủ theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Kết thúc khóa học, người học được nhận bằng tốt nghiệp và ký nhận tại Sở phát bằng [H4.4.5.3]. Sổ được lưu giữ, quản lý một cách

an toàn, minh bạch. Thông tin về văn bằng của người học được cung cấp công khai theo quy định ba công khai tại địa chỉ tra cứu[H4.4.5.4],

Ngoài bảng điểm cuối khóa, văn bằng tốt nghiệp, Nhà trường còn cung cấp cho sinh viên đang trong quá trình học các giấy tờ, bảng điểm trung gian ,... theo nhu cầu của sinh viên. Sinh viên có thể đăng ký trực tuyến [H4.4.5.5].

2. Điểm mạnh

- Nhà trường thông báo kịp thời cho sinh viên về kết quả học tập sau mỗi kỳ học.

- Nhà trường lưu giữ kết quả học tập của người học và cấp văn bằng chứng chỉ theo quy định, an toàn.

3. Tồn tại

Vẫn còn có một số lớp học phân bị trả chậm kết quả đánh giá môn học.

Thông tin về việc cấp văn bằng, chứng chỉ mới chỉ được cung cấp trên trang thông tin điện tử của Nhà trường từ tháng 3/2016.

4. Kế hoạch hành động

Cuối năm 2016, Nhà trường sẽ hoàn thành công tác số hóa thông tin văn bằng của những năm học từ 2015 về trước và công bố thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ trên trang Cổng thông tin điện tử của Nhà trường. Hoàn thiện trong năm 2017 phần mềm hỗ trợ công tác khảo thí, làm phách, nhập điểm tự động để áp dụng vào kỳ 2 năm 2016-2017 nhằm rút ngắn thời gian chấm thi, công bố kết quả sớm cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.6: Có CSDL về hoạt động đào tạo của Nhà trường, tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp.

1. Mô tả

Trường có CSDL về hoạt động đào tạo ở tất cả các hình thức đào tạo, bậc đào tạo và được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tuân thủ theo quy định của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Trường.

CSDL được tổ chức dưới nhiều hình thức khác nhau, Nhà trường có hệ thống trang thông tin điện tử đối với từng cá nhân người học, giúp người học chủ động trong việc lựa chọn môn học, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian học tập. CSDL đào tạo được Nhà trường giao phòng Quản lý đào tạo là đầu mối thống nhất quản lý CSDL về thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách học sinh sinh viên được lưu giữ tại Phòng Quản lý đào tạo và các đơn vị liên quan.

Cụ thể:

- Kế hoạch, thông báo tuyển sinh được Nhà trường công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường (www.neu.edu.vn) mục Thông tin tuyển sinh và được lưu giữ tại các đơn vị quản lý đào tạo của Nhà trường;

- Dữ liệu về điểm chuẩn đầu vào được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường (www.neu.edu.vn) và được lưu giữ tại các đơn vị quản lý đào tạo. Danh sách, hồ sơ sinh viên, học viên trúng tuyển được bộ phận quản lý hồ sơ phân loại và lưu giữ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước, của Bộ GD&ĐT và của Trường. - Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi tổ chức tuyển sinh và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường (<https://neu.edu.vn> mục ba công khai) và trên trang web cấp 2 của các đơn vị đào tạo. Chương trình đào tạo được lưu giữ tại các đơn vị quản lý đào tạo và các khoa/viện đào tạo chuyên ngành và công khai trên www.daotao.neu.edu.vn [H4.4.6.1]

- Hệ thống đề cương chi tiết học phần được Hiệu trưởng phê duyệt và công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường, trên www.daotao.neu.edu.vn, được lưu giữ tại Phòng Quản lý đào tạo và các Bộ môn quản lý môn học [H4.4.6.1].

- Kế hoạch đào tạo hàng năm, thời khóa biểu từng học kỳ được Nhà trường xây dựng và công bố trước kỳ học ít nhất 1,5 tháng, được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường (<https://neu.edu.vn>, mục Thông báo), trên website cấp 2 của các đơn vị quản lý đào tạo và được gửi về cho các khoa, viện, bộ môn để chủ động triển khai thực hiện.

- Kết quả học tập của sinh viên được quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính khách quan, minh bạch: Bộ môn chấm bài sau khi đã được rọc phách, bộ môn lưu giữ bài thi và 01 bản phô to Bảng điểm, Bảng điểm gốc được gửi về phòng QLĐT để tổng hợp, kiểm tra và lưu giữ lâu dài. Sau khi cập nhật điểm lên hệ thống sinh viên sử dụng tài khoản cá nhân để tra cứu và theo dõi kết quả học tập của mình. Sinh viên có thể xin bảng điểm học phần tạm thời theo nhu cầu tại Phòng Quản lý đào tạo. [H3.3.2.1]

- Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện xét tốt nghiệp được Nhà trường xét và công nhận tốt nghiệp (01 năm 3 đợt). Quyết định công nhận tốt nghiệp được lưu giữ tại Phòng Quản lý đào tạo, được gửi về các khoa, viện đào tạo chuyên ngành và được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường (<https://neu.edu.vn>, mục thông báo và mục văn bằng chứng chỉ).

- Trong vòng 01 tháng kể từ khi được công nhận tốt nghiệp, Phòng Quản lý đào tạo in bằng và bảng điểm cuối khóa cho sinh viên và trình Ban Giám hiệu phê duyệt và phát cho sinh viên. Sinh viên khi nhận bằng phải khai báo thông tin cá nhân để phục vụ cho công tác quản lý sinh viên sau khi tốt nghiệp (số điện thoại, địa chỉ email, địa chỉ tạm trú/thường trú) [H4.4.6.4].

- Hàng năm, dựa vào thông tin sinh viên khai báo, Nhà trường tổ chức khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp cũng như lấy ý kiến đánh giá của sinh viên về các kiến thức, kỹ năng được đào tạo tại Trường. Thông tin sinh viên cung cấp sẽ được tổng hợp, báo cáo và là cơ sở quan trọng để Nhà trường kịp thời điều chỉnh chương trình đào tạo cho phù hợp với thực tiễn, đồng thời có những giải pháp hỗ trợ sinh viên các khóa tốt nghiệp tiếp theo tìm việc làm [H4.4.6.4]

Việc theo dõi, thu thập và xử lý thông tin về sinh viên sau khi tốt nghiệp ra trường được Nhà trường giao cho Văn phòng mạng lưới cựu sinh viên phụ trách.

Phần mềm quản lý đào tạo cùng với CSDL về các môn học, modul thiết kế thời khóa biểu, hệ thống tài khoản của sinh viên giúp người học chủ động đăng ký học, lựa chọn học phần, đẩy nhanh hay rút ngắn thời gian học tập, biết được kết quả học tập của cá nhân. Đồng thời, Nhà trường có CSDL về thông tin tuyển sinh, chương trình học, danh mục môn học, thời khóa biểu, điểm tổng kết, các văn bản quy định về hoạt động đào tạo, danh sách học sinh, sinh viên được lưu giữ tại Phòng Quản lý đào tạo và các đơn vị liên quan [H4.4.6.2].

Nhà trường đã tổ chức điều tra tình hình sinh viên tốt nghiệp, tình hình việc làm và thu nhập sau khi tốt nghiệp trong nhiều năm qua. Các báo cáo kết quả khảo sát được lưu giữ tại Phòng KT&ĐBCLGD [H4.4.3.3]

2. Điểm mạnh

Nhà trường chú trọng xây dựng, phát triển, lưu giữ CSDL liên quan đến hoạt động đào tạo, tổ chức đào tạo, khảo sát tình hình sinh viên sau khi tốt nghiệp và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên.

Qua gần 10 năm sử dụng và phát triển phần mềm quản lý đào tạo, đến nay hệ thống hoạt động khá tốt, đáp ứng yêu cầu cơ bản của công tác quản lý.

3. Tồn tại

Liên kết các CSDL để phục vụ công tác quản lý, phát triển, hoàn thiện các CTĐT còn chưa được tốt.

Chưa có tổng kết các thông tin nhận được từ khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp và lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tác động như thế nào đối với quá trình điều chỉnh CTĐT, cải tiến phương pháp giảng dạy,...

4. Kế hoạch hành động

Liên kết chặt chẽ giữa các CSDL phục vụ mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo lâu dài của Nhà trường.

Nghiên cứu các kết quả của các cuộc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của sinh viên làm cơ sở cho việc đổi mới CTĐT, phương pháp giảng dạy.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 4.7: Có kế hoạch đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học sau khi ra trường và kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

1. Mô tả

Mục tiêu đào tạo của Nhà trường là tạo ra các "sản phẩm trí tuệ" có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Do đó, đánh giá chất lượng đào tạo từ người học sau khi tốt nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động là thước đo quan trọng nhất đối với chất lượng đào tạo của một trường đại học. Với cách tiếp cận này, Nhà trường luôn chú trọng đến việc lấy ý kiến phản hồi từ người học sau khi tốt nghiệp ra trường và các đơn vị sử dụng lao động để làm căn cứ cho việc điều chỉnh hoạt động đào tạo của Nhà trường cho phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch và triển khai lấy ý kiến của người học sau khi tốt nghiệp và các đơn vị sử dụng lao động về "chất lượng sản phẩm" do Nhà trường đào tạo: về sự cần thiết, hữu ích của các kiến thức chuyên môn được đào tạo tại Trường; các kỹ năng nghề nghiệp; kỹ năng mềm được trang bị trong quá trình học tập tại trường trong công việc thực tế; về yêu cầu khung năng lực nghề nghiệp. Việc lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp được thực hiện theo cả ba hình thức: gửi phiếu lấy ý kiến qua bưu điện, qua thư điện tử và khảo sát trực tuyến [H4.4.3.3]. [H4.4.7.1]. [H4.4.7.2].

Dựa trên kết quả khảo sát, Nhà trường xây dựng kế hoạch điều chỉnh hoạt động đào tạo cho phù hợp với yêu cầu của người học, của các đơn vị tuyển dụng để đề xuất các giải pháp giúp sinh viên tốt nghiệp tìm kiếm được việc làm phù hợp:

+ Điều chỉnh nội dung CTĐT; nội dung học phần; phương pháp đánh giá học phần,... (Nâng cấp một số chuyên ngành thành các ngành đào tạo để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực có kiến thức chuyên sâu trong một số ngành, ví dụ: Bảo hiểm; Kinh tế đầu tư; Kinh tế quốc tế; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Kinh tế nông nghiệp) [H3.3.1.14] [H3.3.1.8].

+ Phát triển một số CTĐT theo phương thức mới đáp ứng nhu cầu của

người học, của các đơn vị sử dụng lao động: chương trình E-PMP; chương trình POHE: chuyên ngành Luật kinh doanh; Quản trị kinh doanh thương mại [H3.3.1.8].

+ Xây dựng và điều chỉnh quy định về việc học và kiểm tra chuẩn đầu ra Ngoại ngữ để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập. [H4.4.5.1].

Trong 05 năm vừa qua, có trên 50% các ngành đào tạo được Nhà trường lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp ra trường để làm căn cứ hoàn thiện CTĐT của Nhà trường.

(Từ năm 2012 đến nay, Trường đã mở mới 14 ngành đào tạo trên cơ sở các chuyên ngành đào tạo đã có; 01 chương trình cử nhân quản lý công và chính sách bằng tiếng Anh; 02 chương trình POHE (Luật kinh doanh, Quản trị kinh doanh thương mại). Để xây dựng đề án Nhà trường đều phải tiến hành khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp ra trường để làm căn cứ thực tiễn khi xây dựng đề án mở ngành) [H3.3.1.14].

2. Điểm mạnh

Nhà trường không những tổ chức tốt việc điều tra việc làm sau khi người học tốt nghiệp và người sử dụng lao động, mà còn thăm dò được ý kiến đánh giá về quá trình đào tạo tại Nhà trường, từ đó Nhà trường có kế hoạch phát huy điểm mạnh, khắc phục điểm yếu của công tác tổ chức đào tạo, hoạt động giảng dạy trong Nhà trường để đáp ứng nhu cầu xã hội.

Việc triển khai thực hiện các khảo sát đánh giá chất lượng người học đã tốt nghiệp góp phần quan trọng trong việc hình thành những ngành học mới, các chương trình đào tạo mới, các nội dung mới cho nhiều môn học.

3. Tồn tại

Việc đánh giá đối với người học sau khi tốt nghiệp chưa được tổ chức trên phạm vi toàn trường mà mới chỉ dừng lại ở bậc đào tạo đại học chính quy, sau đại học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường chủ trương giao cho Văn phòng mạng lưới cựu sinh viên xây dựng kế hoạch triển khai lấy ý kiến đánh giá chất lượng đào tạo đối với người học đã tốt nghiệp hệ đào tạo sau đại học, liên thông, văn bằng 2... từ năm học 2017-2018 để từ đó có thể điều chỉnh giúp Nhà trường mở rộng phạm vi, quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo chung của toàn trường .

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về tiêu chuẩn 4

Hoạt động đào tạo của Nhà trường đã được đa dạng hóa hình thức đào tạo đáp ứng nhu cầu của người học. Với bất kỳ hình thức đào tạo nào, Nhà trường vẫn luôn lấy hệ đào tạo đại học chính quy làm cơ sở xây dựng và thực hiện. Quy trình kiểm tra đánh giá kết quả của người học được thực hiện thống nhất, chính xác, khách quan và công bằng đối với người học. Việc cấp phát văn bằng chứng chỉ đảm bảo kịp thời, tuân thủ đúng theo quy định hiện hành. Nhà trường từ đó không ngừng phát huy, xây dựng nâng cao chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, một thực tế cần ghi nhận rằng, việc mặc dù mọi công tác ở Nhà trường đều được triển khai, tuy nhiên phạm vi tổ chức thực hiện chưa rộng.

Từ năm học tới, Nhà trường sẽ tập trung vào việc phát huy tốt các vấn đề hỗ trợ giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu, từ đó tìm cơ hội tổ chức tốt các hoạt động ở phạm vi rộng hơn. Vấn đề xây dựng ngân hàng đề thi, Nhà trường ghi nhận đây là vấn đề hết sức quan trọng cần triển khai, vì vậy Nhà trường có kế hoạch triển khai sớm việc xây dựng ngân hàng đề thi đối với các học phần trong Nhà trường.

Nhà trường đồng thời sẽ đăng tải các thông tin cần thiết cho người học lên trang web của Trường.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 4: Đạt yêu cầu: 7/7 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 5

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIẢNG VIÊN VÀ NHÂN VIÊN

Tiêu chí 5.1. Có kế hoạch tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên; quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và phù hợp với điều kiện cụ thể của trường đại học; có quy trình, tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm rõ ràng, minh bạch.

1. Mô tả

Công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý là đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu, sứ mệnh của Nhà trường.

Về công tác tuyển dụng, hàng năm, Trường có Kế hoạch tuyển dụng dài hạn và ngắn hạn, thông báo công khai theo luật định. Số lượng và chỉ tiêu tuyển dụng được Nhà trường xây dựng trên cơ sở nhu cầu của các đơn vị trực thuộc [H5.5.1.1]. Các thông tin tuyển dụng, chỉ tiêu, tiêu chí tuyển dụng được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường: neu.edu.vn [H5.5.1.2]. Song song với công tác tuyển dụng, Trường luôn chú trọng đến công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên. Căn cứ nhu cầu hàng năm về nguồn nhân lực của các đơn vị trực thuộc, Trường lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, viên chức của Trường.

Nhiệm kỳ Hiệu trưởng 2008-2013, Trường có quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí bổ nhiệm cho từng vị trí quản lý ban hành kèm theo Quyết định số 1906/QĐ-TCCB và Quyết định số 1907/QĐ-TCCB ngày 27/10/2008 của Hiệu trưởng [H5.5.1.3]. Đến nhiệm kỳ mới, để phù hợp hơn với quy định mới của Nhà nước và mục tiêu phát triển của Nhà trường, Hiệu trưởng ban hành Quyết định số 789/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/12/2013 quy định Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, thôi giữ chức vụ và miễn

nhiệm viên chức quản lý của Trường và Quyết định số 396/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/7/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 789/QĐ-ĐHKQTĐ [H5.5.1.4]. Đối với công tác tuyển dụng, Trường có quy trình tuyển dụng, tiêu chí tuyển dụng ban hành kèm theo Quyết định số 1489/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/10/2010 của Hiệu trưởng [H5.5.1.5]. Năm 2015, Trường thực hiện công tác sửa đổi, bổ sung và ban hành Quyết định số 94/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 03/3/2015 quy định Quy chế tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức của Trường [H5.5.1.6]. Từ đó, Trường có các yêu cầu, tiêu chuẩn đối với cán bộ, viên chức từ quản lý đến nhân viên và dựa vào đó có kế hoạch bồi dưỡng, phát triển phù hợp.

Về công tác bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường đã thực hiện triển khai có hiệu quả thông qua Kế hoạch bổ nhiệm cán bộ [H5.5.1.7], thể hiện qua kết quả quy hoạch cán bộ theo từng thời kỳ, giai đoạn.

Quy trình bổ nhiệm của Trường ĐHKQTĐ được ban hành theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/12/2013 về việc ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm viên chức quản lý và Quyết định số 396/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/7/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 789/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/12/2013 [H5.05.01.004]. Quy trình bổ nhiệm viên chức giữ chức vụ quản lý của Trường ĐHKQTĐ được quy định và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và nhà nước.

2. Điểm mạnh

Đảng ủy, Ban Giám hiệu xác định công tác tuyển dụng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giảng viên và nhân viên, quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu, sứ mệnh của Nhà trường. Trường ĐHKQTĐ có kế hoạch, tiêu chí và quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý rõ ràng, minh bạch, hiệu quả và phù hợp với nhu cầu thực tế.

3. Tồn tại

Do yếu tố lịch sử, một số Khoa/Viện đào tạo vẫn còn một số giảng viên có trình độ cử nhân, chưa đủ tiêu chuẩn để giảng dạy đại học do các giảng viên chưa thực sự chú trọng trong việc bồi dưỡng nghiệp vụ.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện đề án tự chủ, từ năm học 2016-2017, hàng năm Nhà trường sẽ có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo sau đại học cho các giảng viên trẻ còn trình độ cử nhân để đáp ứng được quy định của Luật giáo dục đại học về tiêu chuẩn của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên được đảm bảo các quyền dân chủ trong trường đại học.

1. Mô tả

Nhằm thực hiện Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường ban hành kèm theo Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2000 của Bộ GD&ĐT [H5.5.2.1], Trường ĐHKQTĐ ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động kèm theo Quyết định số 73/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 19/11/2011 [H5.5.2.2] nhằm cụ thể hóa và áp dụng các quy định trong Quyết định số 04/2000/QĐ-BGDĐT phù hợp với điều kiện và mục tiêu, sứ mệnh của Nhà trường.

Hàng tuần, Ban Giám hiệu đều họp giao ban với đại diện Công đoàn trường; hàng tháng có một buổi họp giao ban với các đơn vị chức năng trong trường. Riêng trong nhiệm kỳ 2013-2018, tuần nào cũng có họp giao ban chung giữa Ban Giám hiệu với Công đoàn và các đơn vị chức năng.

Hàng năm, Trường tổ chức Hội nghị Cán bộ, công chức, viên chức nhằm tạo môi trường dân chủ để cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, hoàn chỉnh các chủ trương, chiến lược và kế hoạch hoạt động của Nhà trường [H2.2.1.4]. Đối với các chủ trương chính sách lớn và

quan trọng, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản ánh, góp ý trực tiếp bằng văn bản gửi các đơn vị liên quan hoặc tới toàn thể cán bộ, viên chức thuộc trường.

Mỗi tuần, Nhà trường dành một ngày để Ban Giám hiệu bố trí lịch tiếp cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường để lắng nghe, tiếp thu và giải quyết các công việc phát sinh một cách dân chủ, rộng rãi [H5.5.2.3].

Các quy chế hoạt động và chủ trương lớn của Trường như Quy chế thu chi nội bộ, Quy chế về tuyển dụng, Quy chế Nâng bậc lương trước thời hạn do thực hiện xuất sắc nhiệm vụ, Quy chế hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo,... được soạn dự thảo và phổ biến rộng rãi, công khai đến các cá nhân, đơn vị có liên quan trong trường nhằm thu thập ý kiến đóng góp của tập thể cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên [H5.5.2.4].

Để thực hiện quy chế dân chủ hiệu quả hơn, Trường thành lập và ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng trường [H5.5.2.5], Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường [H5.5.2.6] và thành lập Ban Thanh tra nhân dân (TTND) theo Quyết định số 37/QĐ-CĐT ngày 18/11/2015 [H5.5.02.7]. Ban TTND định kỳ có các báo cáo Nhà trường về kết quả hoạt động thông qua Hội nghị cán bộ công chức, viên chức hàng năm [H2.2.1.4]. Theo báo cáo tại Hội nghị cán bộ công chức, viên chức năm học 2015-2016, năm học 2014-2015, số vụ khiếu nại, tố cáo, kiến nghị giảm nhiều so với năm học trước nên có thể coi đây là một trong những kết quả của việc thực hiện Quy chế dân chủ của Trường. Một số vụ việc tố cáo, thanh tra, khiếu nại trong năm đã được Hiệu trưởng xử lý kịp thời, dứt điểm, đúng quy định. Hiệu trưởng luôn sẵn sàng và tích cực lắng nghe ý kiến phản ánh, phê bình của cán bộ, viên chức và người lao động; thông báo công khai những việc được quy định phải công khai với các hình thức và thời gian quy định tại Điều 8 Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015. Năm 2016, Ban TTND Trường có Báo cáo tổng kết 10 năm (2006-2015) đưa ra những thuận lợi cũng như khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ, tình hình, kết quả hoạt động và đánh giá 10 năm thực hiện nhiệm vụ [H5.5.2.8].

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKQTĐ đã thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường đại học, tạo môi trường dân chủ trong các hoạt động của Trường, tạo tinh thần đoàn kết, đóng góp ý kiến xây dựng chủ trương và kế hoạch hoạt động của Trường.

Các ý kiến góp ý, khiếu nại được tôn trọng và giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3. Tồn tại

Ban TTND hoạt động chưa thực sự hiệu quả do các thành viên phải kiêm nhiệm cả nhiều nhiệm vụ khác.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, Nhà trường sẽ tăng cường hoạt động của Ban TTND trong công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.3. Có chính sách, biện pháp tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước.

1. Mô tả

Trường luôn chú trọng, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ, giảng viên đi đào tạo, bồi dưỡng và tham gia các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ ở trong và ngoài nước. Nhà trường có các quy định cụ thể, rõ ràng và thuận tiện cho giảng viên, cán bộ chuyên viên tham gia các hoạt động học tập, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H5.5.3.1]

Trường xây dựng Quy chế thu chi nội bộ có quy định chính sách khuyến khích đào tạo bồi dưỡng, NCKH như chính sách giảm khối lượng công việc tại đơn vị đối với cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng trong nước; cán bộ, giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được Trường tạo điều kiện học tập theo thời gian đào tạo và được hưởng 40% tiền lương theo ngạch bậc trong thời gian đào tạo, bồi dưỡng được cho phép. Ngoài ra, cán bộ, giảng

viên có nhu cầu bồi dưỡng ngắn hạn, tham gia các hội thảo, hội nghị khoa học phù hợp với chuyên môn, công việc cũng được Trường tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để tham gia các khóa học, hội thảo [H5.5.3.2].

Nhận thức được tầm quan trọng trong việc bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, Nhà trường luôn tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, giảng viên. Việc hỗ trợ kinh phí này căn cứ vào các chế độ, chính sách của nhà nước, Nhà trường và kế hoạch công việc hàng năm của từng đơn vị. Việc hỗ trợ kinh phí sẽ được thể hiện cụ thể trong quyết định cử cán bộ, giảng viên đi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước [H5.5.3.2]. Trường có chính sách khuyến khích giảng viên NCKH như việc Trường thưởng cho viên chức có bài đăng trên các tạp chí quốc tế có chỉ số ISI [H5.5.3.2].

Năm 2013, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đạt 280 người. Hiện tại, tính đến 5/2016, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên đã đạt 320 người. Như vậy, số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên của trường đã tăng 14,29% từ năm 2013 đến đầu năm 2016 [H5.5.3.3]. Có thể thấy rằng, trong một thời gian ngắn, chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên đã tăng lên nhanh chóng.

2. Điểm mạnh

Trường có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho các giảng viên trẻ đi bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tồn tại

Trường chưa có biện pháp đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên và nhân viên.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, Nhà trường sẽ tổ chức các hội nghị đánh giá hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, giảng viên và nhân viên

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.4. Đội ngũ cán bộ quản lý có phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn, nghiệp vụ và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

1. Mô tả

Đội ngũ CBQL của Trường có phẩm chất đạo đức tốt, được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ và theo đúng các tiêu chuẩn bổ nhiệm đối với từng chức danh. Ngoài các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật, CBQL phải đáp ứng các tiêu chuẩn chuyên ngành và các điều kiện tiêu chuẩn riêng. [H5.5.1.4].

Nhà trường có quy trình bổ nhiệm cụ thể đối với từng chức vụ quản lý từ thông qua chủ trương đến ra quyết định bổ nhiệm chức vụ [H5.5.1.4].

Đội ngũ CBQL của Trường có trình độ chuyên môn cao, có năng lực quản lý. Tính đến 2016, Nhà trường có tổng số 107 CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị đến các thành viên trong Ban Giám hiệu. Trong đó, có 3 giáo sư (2,8%), 43 phó giáo sư (40,2%), 29 tiến sĩ (27,1%) (không bao gồm GS, PGS), 28 thạc sĩ (26,1%), 3 trình độ đại học (2,8%) và 1 người trình độ khác (0,9%). Chia theo giới tính, Trường có 77 CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị là nam (72%) và 30 nữ (28%). Qua số liệu trên cho thấy đội ngũ CBQL từ cấp phó trưởng đơn vị có trình độ thạc sĩ trở lên chiếm 96,3%. [H5.5.4.1].

Hàng năm, việc đánh giá về năng lực và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đội ngũ CBQL được Nhà trường thực hiện qua nhiều hình thức, trong đó có Kết quả đánh giá thi đua hàng năm [H5.5.4.2]. Thông qua hình thức này, Trường đã đánh giá đúng CBQL về năng lực chuyên môn, trách nhiệm, thực hiện nhiệm vụ theo đúng các quy trình và chính sách của Nhà trường trong điều hành công việc. Nhà trường cũng tổ chức đánh giá, giám sát đội ngũ CBQL qua Bản tự đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, chuyên môn và phẩm chất đạo đức của CBQL [H5.5.4.3].

2. Điểm mạnh

Công tác bổ nhiệm chức vụ quản lý theo đúng quy trình, tiêu chuẩn nên đáp ứng được các yêu cầu về phẩm chất đạo đức, năng lực quản lý chuyên môn và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Tồn tại

Thời gian vừa qua Trong thời gian 5 năm từ 2010 tới 2015, tổng kết đánh giá viên chức hàng năm vẫn có cán bộ quản lý, dù chỉ là số ít, được đánh giá chỉ ở mức hoàn thành nhiệm vụ, chưa đạt yêu cầu đặt ra

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, Nhà trường sẽ tiếp tục đánh giá về hiệu quả công tác của cán bộ quản lý để giám sát, tăng cường năng lực quản lý, phẩm chất đạo đức và mức độ hoàn thành công việc và có kế hoạch cải thiện chất lượng, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ quản lý thuộc Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.5. Có đủ số lượng giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo và NCKH; đạt được mục tiêu của chiến lược phát triển giáo dục nhằm giảm tỷ lệ trung bình sinh viên/giảng viên.

1. Mô tả

Nhà trường có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng để đảm nhiệm công tác giảng dạy các chương trình đào tạo của Trường, cũng như để hoàn thành các nhiệm vụ hướng dẫn luận văn, luận án. Tính đến 2016, Trường có tổng số 790 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 65,67% trên tổng số cán bộ cơ hữu. Ngoài ra, Trường cũng mời giảng viên thỉnh giảng từ các trường đại học, tổ chức có uy tín ngoài trường về giảng dạy một số học phần và chương trình đào tạo. Số lượng giảng viên thỉnh giảng tại Trường tính đến 30/9/2016 là 81 người [H5.5.5.1]. Tính đến tháng 5 năm 2016, Trường có khoảng 19.000 sinh viên chính quy trên tổng số 790 giảng viên cơ hữu. Tỷ lệ sinh viên chính quy/giảng viên cơ hữu vào khoảng 24 sinh viên/giảng viên [H5.5.5.4].

Đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường có trình độ chuyên môn cao 36,3SV/GV (quy đổi) và có uy tín trong thực hiện nhiệm vụ NCKH. Hiện Trường có 17 Giáo sư (chiếm tỷ lệ 2,1%), 112 Phó giáo sư (chiếm tỷ lệ 14,8%), 183 Tiến sỹ không bao gồm Giáo sư, Phó Giáo sư (chiếm tỷ lệ 22,4%), 474 thạc sỹ (chiếm

tỷ lệ 54,8%). Trong năm học 2014-2015, số lượng đề tài NCKH được phê duyệt là 07 đề tài cấp Nhà nước, 12 đề tài cấp Bộ và 136 đề tài cấp Trường. Trong 5 năm từ 2011 - 2015 số lượng bài báo đăng tạp chí trong và ngoài nước đạt 2432 (đã quy đổi) bài báo, trong đó có 174 bài báo đăng tạp chí quốc tế; số lượng bài đăng hội thảo trong và ngoài nước đạt 2303 (đã quy đổi) bài, trong đó có 1027 bài đăng hội thảo quốc tế [H5.5.5.2]. Theo Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015-2017, tỷ lệ giảng viên có thể giảng dạy bằng tiếng Anh năm 2015 là 15% [H5.5.5.3].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên của Trường có đủ năng lực, trình độ chuyên môn đáp ứng nhiệm vụ đào tạo và NCKH.

3. Tồn tại

Tỷ lệ sinh viên chính quy/giảng viên của Trường vẫn còn cao hơn chuẩn quy định chung của ngành (20 sinh viên/giảng viên) quy định tại Thông tư số 24/2015/TT-BGDĐT ngày 23/9/2015.

4. Kế hoạch hành động

Trong năm 2016, Nhà trường sẽ tiếp tục đổi mới phương pháp tuyển dụng theo hướng nâng cao chất lượng và đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng giảng viên nhằm giảm tỷ lệ sinh viên/giảng viên và tăng cường năng lực NCKH của giảng viên theo mục tiêu Trường trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.6. Đội ngũ giảng viên đảm bảo trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Giảng dạy theo chuyên môn được đào tạo; đảm bảo cơ cấu chuyên môn và trình độ theo quy định; có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu về nhiệm vụ đào tạo, NCKH.

1. Mô tả

Đội ngũ giảng viên của Trường đạt trình độ chuẩn được đào tạo của nhà giáo theo quy định. Theo danh sách trích ngang giảng viên cơ hữu của trường

báo cáo Bộ GD&ĐT năm 2015 (31/10/2015), Trường có tổng số 790 giảng viên cơ hữu, chiếm tỷ lệ 65,67% trên tổng số cán bộ cơ hữu. Trong đó có 17 Giáo sư (chiếm tỷ lệ 2,1%), 112 Phó Giáo sư (chiếm tỷ lệ 13,8%), 183 tiến sĩ không bao gồm Giáo sư, Phó Giáo sư (chiếm tỷ lệ 23,4%), 474 thạc sĩ (chiếm tỷ lệ 54,1%) và 75 trình độ đại học (chiếm tỷ lệ 6,6%) [H5.5.5.1]. Về trình độ, năng lực ngoại ngữ, tin học, 100% số lượng giảng viên đạt trình độ về ngoại ngữ, tin học do được tuyển dụng theo đúng quy chế tuyển dụng của Trường [H5.5.6.1] và có bằng cấp đạt yêu cầu trong hồ sơ viên chức [H5.5.6.3]. Từ năm 2015, theo quy chế tuyển dụng mới của Trường, tiêu chuẩn đối với ngạch giảng viên tối thiểu phải có chứng chỉ IELTS quốc tế đạt điểm 5.0 hoặc tương đương [H5.5.6.1]. Hơn nữa, phần lớn đội ngũ giảng viên của Trường được đào tạo tại các cơ sở đào tạo nước ngoài [H5.5.6.2] nên có trình độ cao về ngoại ngữ, đáp ứng được yêu cầu về giảng dạy và NCKH trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Về trình độ tin học, yêu cầu tối thiểu đối với giảng viên của Trường là phải có chứng chỉ tin học văn phòng. Ngoài ra, phần lớn giảng viên của Trường giảng dạy tại các hệ đào tạo đều sử dụng thành thạo các công cụ tin học, CNTT trong quá trình giảng dạy (trình chiếu, SPSS, Stata, Office,...). Đặc biệt, các giảng viên thuộc Khoa Tin học kinh tế và Viện CNTT kinh tế có trình độ cao trong lĩnh vực tin học và hệ thống thông tin quản lý [H5.5. 6.2].

Số lượng giảng viên có chuyên môn phù hợp với môn học được minh chứng thông qua Lý lịch khoa học của giảng viên [H5.5.6.3], Báo cáo và số liệu đánh giá về cơ cấu chuyên môn và trình độ của giảng viên theo quy định và Các công bố khoa học (sách, bài báo, tham luận khoa học...) của đội ngũ giảng viên trong vòng từ 3 đến 5 năm gần đây.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực chuyên môn, trình độ ngoại ngữ, tin học, năng động và sáng tạo.

3. Tồn tại

Trường vẫn còn một số ít giảng viên lớn tuổi chưa đạt chuẩn về trình độ tin học và ngoại ngữ và một số giảng viên chưa đạt trình độ thạc sĩ.

4. Kế hoạch hành động

Trong giai đoạn từ 2016 tới 2018, Nhà trường sẽ có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo sau đại học cho các giảng viên trẻ còn trình độ cử nhân để đáp ứng được quy định của Luật giáo dục đại học về tiêu chuẩn của giảng viên.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.7. Đội ngũ giảng viên được đảm bảo cân bằng về kinh nghiệm công tác chuyên môn và trẻ hoá của đội ngũ giảng viên theo quy định.

1. Mô tả

Trong những năm gần đây, nhằm đảm bảo thực hiện đúng theo mục tiêu và kế hoạch chiến lược của Trường, Trường ĐHKQTĐ luôn chú trọng việc phát triển đội ngũ giảng viên vừa đảm bảo kinh nghiệm chuyên môn vừa được trẻ hóa.

Tính đến hết năm học 2014-2015, độ tuổi trung bình giảng viên cơ hữu của Trường là 37 tuổi. Theo kết quả thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi, tỷ lệ giảng viên dưới 30 tuổi chiếm 17,47% tổng số giảng viên cơ hữu, tỷ lệ giảng viên có độ tuổi từ 30 đến 50 chiếm 64,18%, tỷ lệ giảng viên có độ tuổi từ 51 tuổi trở lên chiếm 18,35% [H5.5.7.1]. Giảng viên có trình độ thạc sĩ và đại học đa số có độ tuổi dưới 35 tuổi [H5.5.7.2]. Trình độ đại học chủ yếu nằm ở số giảng viên có độ tuổi dưới 30. Số liệu trên cho thấy sự trẻ hóa đội ngũ giảng viên của Trường còn thấp. Đa phần giảng viên cơ hữu của Trường có độ tuổi từ 30 đến 50 tuổi, là các giảng viên có kinh nghiệm, thâm niên công tác lâu năm.

Đối với các giảng viên trẻ, Trường có chế độ hướng dẫn giảng viên tập sự qua các quyết định phân công hướng dẫn tập sự và chế độ, chính sách đối với người hướng dẫn tập sự [H5.5.7.3].

Hàng năm, Trường có các chính sách, chương trình đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên trẻ của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ giảng viên trẻ có năng lực chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhanh chóng hội nhập với xu hướng giáo dục trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy tiếp cận khoa học tiên tiến, hiện đại.

Trường có nhiều cán bộ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm công tác đào tạo các hệ chương trình bậc sau đại học.

3. Tồn tại

Một số giảng viên trẻ chưa có bằng thạc sĩ, kinh nghiệm công tác chưa nhiều.

4. Kế hoạch hành động

Trong 2 năm từ 2016 tới 2018, Nhà trường sẽ có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo sau đại học cho các giảng viên trẻ còn trình độ cử nhân để đáp ứng được quy định của Luật giáo dục đại học về tiêu chuẩn của giảng viên và thực hiện đề án tự chủ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 5.8. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đủ số lượng, có năng lực chuyên môn và được định kỳ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, phục vụ có hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH.

1. Mô tả

Song song với việc tuyển chọn đội ngũ giảng viên, Trường ĐHKQTĐ cũng chú trọng trong việc tuyển dụng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên đảm bảo về số lượng và chất lượng, có năng lực chuyên môn, phục vụ hiệu quả cho việc giảng dạy, học tập và NCKH. Tính đến hết năm học 2014-2015, số lượng đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường là 77 người, chiếm 6,4% tổng số cán bộ, viên chức của Trường. Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên được phân công công việc hiệu quả, hợp lý theo giới tính, tuổi đời, học vị, chức danh nghề nghiệp, thâm niên công tác [H5.5.8.1].

Để nâng cao hiệu quả công việc cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên, Trường có Quy định về nhiệm vụ, mô tả chức danh, trách nhiệm của các kỹ thuật viên, nhân viên trong việc hỗ trợ cán bộ và giảng viên sử dụng trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH [H5.5.8.2]. Trường tổ chức định kỳ hàng năm buổi Đối thoại với sinh viên trong đó có nội dung tham khảo ý kiến người học

về hoạt động hỗ trợ của đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên trực giảng đường, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin... (Minh chứng là kế hoạch tổ chức buổi đối thoại sinh viên).

Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ đối với nhân viên, kỹ thuật viên qua các khoá/lớp bồi dưỡng cập nhật và nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho kỹ thuật viên, nhân viên, Nhà trường cũng có các chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên kỹ thuật của Nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường ĐHKQTĐ có đầy đủ đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập, NCKH của giảng viên, sinh viên của Trường.

Đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên của Trường có trình độ chuyên môn cao hoàn toàn đảm nhiệm được các nhiệm vụ chuyên môn không cần phải thực hiện thuê khoán chuyên môn bên ngoài.

3. Tồn tại

Số kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghiệp vụ còn ít.

4. Kế hoạch hành động

Để thực hiện đề án tự chủ, Nhà trường có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho tất cả các loại hình chuyên viên phòng ban, phục vụ, đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên.

Trong năm 2016, Nhà trường sẽ tiếp tục tổ chức các buổi tập huấn nâng cao kỹ năng nghiệp vụ cho đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên và cử các kỹ thuật viên, nhân viên tham gia các khóa bồi dưỡng.

6. Tự đánh giá: Đạt.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 5: Đạt yêu cầu: 8/8 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 6

NGƯỜI HỌC

Mở đầu

Trường ĐHKQTĐ là trường đại học được thành lập đầu tiên về kinh tế ở Việt Nam. Với hơn 60 năm thành lập và phát triển, Trường luôn được đánh giá là một trong những trường đại học hàng đầu về đào tạo lĩnh vực KT, QL & QTKD ở Việt Nam. Trong mục tiêu đào tạo của mình, Nhà trường luôn hướng đến chính sách phục vụ người học theo quan điểm “người học là trung tâm”. Người học tại Trường luôn được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi, các chế độ chính sách xã hội và được chăm sóc, tạo điều kiện để tu dưỡng, rèn luyện bằng các biện pháp thiết thực, hiệu quả. Người học tại Trường có chỉ số năng lực tốt, có nền tảng kiến thức phổ thông vững chắc, sức học từ khá và giỏi; thái độ tinh thần học tập tích cực, chăm chỉ, tự tin, thể hiện được năng lực của bản thân, luôn đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng nói riêng và của xã hội nói chung.

Tiêu chí 6.1. Người học được hướng dẫn đầy đủ về chương trình đào tạo, kiểm tra đánh giá và các quy định trong quy chế đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Mô tả

Các thông tin về Nhà trường cũng như quy chế đào tạo, quy chế quản lý sinh viên là những thông tin cần thiết mà người học cần nắm được khi tham gia quá trình học tập, nghiên cứu tại Trường.

Người học tại Trường ĐHKQTĐ được hướng dẫn, cung cấp đầy đủ các thông tin, quy định, quy trình liên quan tới chương trình đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá thông qua các hình thức cung cấp thông tin đa dạng cho người học.

- Đầu khóa học, mỗi người học đều được cung cấp cuốn “Những điều sinh viên Đại học Kinh tế quốc dân cần biết”.

- Ngoài việc hướng dẫn sinh viên tìm hiểu Quy chế đào tạo, Quy định về

Công tác học sinh, sinh viên của Bộ GD&ĐT, Trường còn hướng dẫn chi tiết việc thực hiện, cụ thể hóa Quy chế này bằng cách thêm các ví dụ về tích lũy điểm, thuyết minh rõ, cụ thể hóa quy chế, cung cấp chương trình đào tạo của từng ngành học tới sinh viên trong cuốn sách này và trên trang web của Trường, trang web của Đoàn Thanh niên [H6.6.1.1].

- Trong chương trình của “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên” được tổ chức đầu mỗi khóa học, Nhà trường luôn dành 15 - 20 tiết để phổ biến tới sinh viên Quy chế đào tạo và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy chế, nhất là đối với hệ đào tạo tín chỉ [H6.6.1.2].

- Trường có trang web riêng để hướng dẫn người học các nội dung liên quan đến đào tạo và đăng ký các học phần phục vụ cho công tác đào tạo theo tín chỉ [H6.6.1.3].

- Khi triển khai “Kế hoạch giảng dạy” đầu mỗi năm học, Trường đều yêu cầu các đơn vị quản lý sinh viên (Khoa, Viện, Trung tâm) bố trí lịch tiếp người học để giải đáp các thắc mắc liên quan đến đào tạo [H6.6.1.4] và thông qua cố vấn học tập để phổ biến, hướng dẫn đầy đủ tới sinh viên về các quy định trong quy chế đào tạo.

- Với các lớp học phần, giảng viên lên lớp đều được yêu cầu phải giới thiệu cho người học về mục tiêu đào tạo, đề cương, lịch trình giảng dạy, các yêu cầu về kiểm tra đánh giá, các bài tập, các bài thực hành, các điều kiện điểm, điều kiện dự thi kết thúc học phần. Chương trình và lịch trình giảng dạy cũng được đăng tải trên trang web Quản lý đào tạo của Trường [H6.6.1.3].

- Kết quả thăm dò ý kiến người học ở tất cả các hệ đào tạo cho thấy đại đa số người học hiểu rõ các quy định trong quy chế đào tạo, mục tiêu đào tạo và các yêu cầu kiểm tra. [H6.6.1.5].

2. Điểm mạnh

Trường quan tâm cung cấp thông tin đầy đủ cho người học, có hướng dẫn đầy đủ, chi tiết về quy chế đào tạo. Người học hiểu rõ mục tiêu, chương trình và quy chế đào tạo. Được cung cấp đầy đủ thông tin, người học hiểu và thực hiện tốt

quy chế đào tạo, kết quả học tập được đảm bảo. Số người học vi phạm quy chế đào tạo chỉ chiếm một tỉ lệ rất nhỏ, không đáng kể mỗi năm

3. Tồn tại

Việc cập nhật thông tin về công tác đào tạo trên trang web đôi khi chưa kịp thời. Một số chuyên viên viên làm công tác đào tạo còn hạn chế về kỹ năng giao tiếp với người học.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, sau khi Cổng thông tin điện tử của Trường được hoàn thiện, Nhà trường sẽ có quy định thống nhất các trang web trong trường, hướng tới mục đích chính là phục vụ công tác đào tạo, NCKH. Đồng thời, Trường sẽ thiết lập bộ phận thường trực, kịp thời cập nhật thông tin đào tạo và các thông tin khác liên quan, tăng cường bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp với sinh viên cho đội ngũ làm công tác đào tạo và quản lý sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.2. Người học được đảm bảo chế độ, chính sách xã hội, được khám sức khỏe theo quy định y tế học đường; được tạo điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục, thể thao và được đảm bảo an toàn trong khuôn viên của Nhà trường.

1. Mô tả

Với mục tiêu đặt người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Người học luôn được Nhà nước quan tâm, tạo điều kiện với các chế độ, chính sách rõ ràng. Là một trường đại học công lập, Nhà trường cũng coi việc đảm bảo các chế độ chính sách xã hội đối với người học là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình đào tạo của mình.

Nhà trường giao cho Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên phụ trách mảng công tác quan trọng này. Các chế độ chính sách được phổ biến, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng, công khai (kèm theo các mẫu đơn và hướng dẫn ghi mẫu đơn từng loại) từ đầu khóa học và định kỳ nhắc lại mỗi đầu năm học qua

cuốn “Những điều sinh viên Đại học Kinh tế Quốc dân cần biết” [H6.6.2.1], cũng như trên trang web của Trường [H6.6.2.2] (thông qua trang web của Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên), theo hệ thống Đoàn - Hội, đội ngũ cán bộ, chuyên viên quản lý sinh viên ở các khoa, viện, trung tâm và trên các bảng tin và bảng thông báo của các văn phòng khoa, viện, trung tâm.

Nhà trường không những thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người học thuộc diện chính sách, Trường còn hỗ trợ đối với những sinh viên gặp khó khăn bất thường không nằm trong diện chính sách (địa phương bị thiên tai, mất mùa) [H6.6.2.3], đồng thời huy động các nguồn lực xã hội và dùng kinh phí này để tặng học bổng cho những sinh viên vượt khó, học giỏi, những sinh viên xuất sắc, có thành tích đặc biệt trong các kỳ thi. Số tiền này khoảng 5 tỷ đồng/năm. Hiện nay, Nhà trường đã vận động được hơn 30 tỷ tiền học bổng từ các nguồn lực xã hội [H1.1.1.4].

Người học tại Đại học Kinh tế Quốc dân, đặc biệt sinh viên hệ đào tạo đại học chính quy được Nhà trường quan tâm chăm sóc sức khỏe, được Nhà trường tổ chức khám sức khỏe theo đúng quy định về y tế học đường. Việc khám sức khỏe cho người học được thực hiện đầu và cuối mỗi khóa học. Trường giao cho Trạm Y tế tổng hợp kết quả khám, tiến hành tư vấn cho những người học sức khỏe chưa tốt, hướng dẫn người học tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tự nguyện và chăm sóc sức khỏe ban đầu, phổ biến cách phòng, chống dịch bệnh thường xuyên, đặc biệt là trong “Tuần Sinh hoạt công dân sinh viên” đầu mỗi khóa học [H6.6.2.6]. Tủ thuốc của Trạm Y tế có đầy đủ các loại thuốc phục vụ sơ, cấp cứu [H6.6.2.7]. Trong 5 năm qua, các trường hợp người học gặp vấn đề sức khỏe ở Trường đều được chăm sóc kịp thời và chu đáo. Trường có Trạm Y tế, có 01 bác sĩ và 02 y tá thường trực, đồng thời đặt quan hệ với các Trung tâm Y tế, bệnh viện ở gần Trường để chăm sóc sức khỏe cho người học một cách tốt nhất [H6.6.2.4]. Lịch trực của Trạm Y tế, các số điện thoại cấp cứu ở từng khu vực, hướng dẫn người học khám sức khỏe tổng quát đầu mỗi năm học, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn tự nguyện và chăm sóc sức khỏe thường xuyên

được in trong quyển “Những điều sinh viên Đại học Kinh tế quốc dân cần biết” [H6.6.2.1]. Số lượng sinh viên tham gia bảo hiểm Y tế, bảo hiểm tai nạn tự nguyện hàng năm trung bình đạt 100%. [H6.6.2.5].

Trường khuyến khích và tạo điều kiện cho người học gắn kết các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao trong quá trình học tập; thông qua các hoạt động này để xây dựng kỹ năng sống, phương thức hòa nhập cộng đồng, thái độ tự tin trong giao tiếp, tinh thần tự hào tập thể và phát huy tính năng động của người học. Các hoạt động ngoại khóa, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được Trường tổ chức thường xuyên hàng năm để chào mừng các ngày lễ lớn và các đợt hoạt động lớn trong năm học. Do được tổ chức tập trung, thành truyền thống nên các hoạt động này thu hút sự tham gia của người học: Giải bóng đá truyền thống, Giải bóng chuyền truyền thống, Liên hoan văn nghệ Chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam, Hội trại Truyền thống, Hội diễn Văn nghệ, Thi hát Tiếng Anh, Hội thi sinh viên thanh lịch, Liên hoan Tiếng hát Sinh viên,... [H6.6.2.8]. Các đội tuyển văn nghệ, thể thao của Trường đã tham gia thi đấu ở các giải cấp khu vực, thành phố và cấp quốc gia. Đội văn nghệ của Trường đạt huy chương vàng trong Hội diễn Văn nghệ Toàn trường, Hội thi Tiếng hát Sinh viên Toàn quốc [H6.6.2.9]. Tổng kinh phí đầu tư cho các hoạt động này mỗi năm trung bình khoảng 2 tỷ đồng [H6.6.2.10].

- Trong khuôn viên Nhà trường, các hoạt động học tập, NCKH, cũng như các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao của người học đều được Nhà trường đảm bảo an toàn. Công tác an ninh trật tự được Trường thường xuyên triển khai nhắc nhở nên có tác dụng tốt đối với người học [H6.6.02.11]. Người học tại Trường chấp hành các quy định của Trường với ý thức tự quản, tham gia vào việc hướng dẫn sử dụng trang thiết bị, khai thác phòng máy, giữ gìn Ký Túc xá và các CSVC khác của Trường. Trường có các “Tổ, đội, nhóm tình nguyện”, “Tổ thăm dò dư luận” thường xuyên nắm bắt tình hình an ninh trật tự và tư tưởng trong cán bộ, sinh viên của Nhà trường, do vậy, số vụ việc mất an toàn

trong Trường có xảy ra nhưng rất ít [H6.6.2.11]. Thông qua việc tổ chức các hoạt động, các chủ trương của Trường đã được triển khai, các biện pháp hỗ trợ người học được thực hiện một cách đa dạng và mang lại hiệu quả, được các đơn vị phối hợp như công an, chính quyền địa phương và PA83 - Công an thành phố đánh giá cao. Kết quả thăm dò ý kiến người học cho thấy trên 90% người học hài lòng với chất lượng khám sức khỏe, điều kiện hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, đảm bảo các chế độ chính sách cũng như công tác an ninh, an toàn tại Trường [H6.6.2.11]

2. Điểm mạnh

Người học tại Trường được đảm bảo đầy đủ quyền lợi theo các chế độ, chính sách của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT và được hỗ trợ kịp thời về học tập, NCKH cũng như về y tế, sức khỏe và các hoạt động ngoại khóa, văn nghệ, thể thao.

Ngoài việc đảm bảo thực hiện nghiêm túc các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với người học thuộc diện chính sách, Trường còn tìm các nguồn tài trợ khác nhằm hỗ trợ đối với những người học gặp khó khăn bất thường không nằm trong diện chính sách.

3. Tồn tại

Tại một số thời điểm do lượng người học lớn nên Trạm Y tế chưa đáp ứng được tất cả nhu cầu của sinh viên.

Khu vực ký túc xá vẫn còn xảy ra một số vụ việc về an ninh trật tự.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Nhà trường yêu cầu Trạm Y tế lập kế hoạch tìm phương án hợp đồng với các cơ quan y tế để huy động nhân lực thời vụ tại một số thời điểm, đáp ứng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe của sinh viên.

Phòng Bảo vệ phối hợp với Trung tâm dịch vụ hỗ trợ đào tạo có phương án bổ sung nhân lực và tuyên truyền, phát động phong trào an ninh, kỷ luật ký túc xá để tăng cường đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực ký túc xá, đặc biệt trong các dịp lễ hay các sự kiện trọng đại của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.3. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học được thực hiện có hiệu quả.

1. Mô tả

Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học là một mặt công tác quan trọng được Trường quan tâm triển khai hàng năm và được khẳng định đánh giá là một trong những công tác đạt hiệu quả tốt. Công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng đạo đức đạt được những thành tích nổi bật do Nhà trường đã quan tâm từ việc tuyên truyền tới hình thức tổ chức và nội dung rèn luyện. Cụ thể như sau:

Trường ban hành “Hướng dẫn thực hiện quy chế rèn luyện” cho người học của Trường kèm phiếu tự đánh giá và bảng tổng hợp kết quả đánh giá. Các văn bản này được in trong “Những điều Sinh viên Đại học Kinh tế quốc dân cần biết” [H6.6.2.1]; được phổ biến trực tiếp trong Tuần Sinh hoạt công dân sinh viên, trên trang web của Trường [H6.6.1.4]. Phục vụ nhu cầu rèn luyện, tu dưỡng phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và định hướng thẩm mỹ của người học, tổ chức Đoàn - Hội, thư viện Trường có đặt mua báo Đảng, báo Đoàn, Hội và nhiều loại báo, tạp chí khác [H6.6.3.1]. Trang web của Trường và trang web Đoàn Thanh niên Kinh tế quốc dân thường xuyên đăng tải, cập nhật các hoạt động của Trường và của người học [H6.6.1.1]. Bản tin nội bộ Trường, bảng tin của Khoa, Viện, Phòng, Ban, Trung tâm cùng với các ấn phẩm của các Khoa, Viện, Trung tâm và chương trình “Phát thanh trong kí túc xá” [H6.6.3.2] đều là những kênh cung cấp thông tin cho người học. Trường còn tạo điều kiện cho người học có cơ hội chủ động tham gia và phát biểu những thắc mắc về việc rèn luyện chính trị, đạo đức và lối sống; được trò chuyện và lắng nghe. Trong Tháng Thanh niên và các đợt hoạt động cao điểm hàng năm, Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên phối hợp với Đoàn TN - Hội Sinh viên tổ chức các hoạt động chuyên đề về thời sự, chính trị, kỹ năng sống, giao tiếp, ứng xử trong sinh viên. Các nội dung này cũng được thực hiện trong “Tuần Sinh hoạt công dân sinh viên” hàng năm, [H6.6.3.3]. Tháng 3 hàng năm, Hội thi “Olympic các môn

khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”, “Olympic Tiếng Anh”, “Olympic Toán học sinh viên toàn quốc”, “Olympic Tin học toàn quốc” được tổ chức rộng rãi cho người học từ cấp Khoa, Viện quản lý sinh viên đến cấp Trường tham gia; các nội dung chính trị - xã hội, giáo dục truyền thống, ngoại ngữ được đề cập nội dung thi,... giúp người học nắm vững thêm các thông tin trên [H6.6.3.4]. Hội trại tập huấn kỹ năng tân sinh viên do Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức hàng năm vừa mang nội dung giáo dục truyền thống, lý tưởng cho người học, tập huấn cho cán bộ Đoàn, Hội, vừa là cơ hội để nhân rộng các điển hình rèn luyện [H6.6.3.5]. Các hoạt động trên tổ chức thành quy trình, đều đặn và thường xuyên mỗi năm đã mang lại hiệu quả thiết thực.

Đánh giá hiệu quả của công tác rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của người học được thể hiện ở Tỷ lệ sinh viên được xếp loại rèn luyện khá trở lên trong các năm trung bình đạt 97 % [H6.6.3.7]. Số sinh viên đăng ký tham gia các hoạt động tình nguyện thường xuyên và trong hè ngày một tăng [H6.6.3.0].

2. Điểm mạnh

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống được triển khai thường xuyên và kịp thời hàng năm, bằng nhiều hình thức, nội dung thiết thực đã đáp ứng được nhu cầu tìm hiểu và rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống của người học.

3. Tồn tại

Công tác truyền thông về kết quả rèn luyện chính trị, tư tưởng đạo đức và lối sống của người học còn chưa được chú trọng nên hiệu quả lan tỏa chưa cao, chưa được xã hội biết đến nhiều. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng đối với người học đôi khi còn khô khan, cứng nhắc và chỉ tập trung chủ yếu ở người học là sinh viên hệ đào tạo đại học chính quy, chưa lan tỏa và phát triển tới người học thuộc các hệ đào tạo khác.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016, Nhà trường đã có chủ trương thành lập Phòng Truyền thông

và quan hệ công chúng và năm 2017 Phòng Truyền thông và Quan hệ công chúng sẽ phối hợp với Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên đề xuất các phương án tăng cường công tác truyền thông, kịp thời cập nhật các hoạt động trên trang web của Trường và tuyên truyền sâu rộng hơn nữa trong sinh viên. Tìm kiếm các hình thức, phương pháp tuyên truyền, giáo dục mới phù hợp với tâm lý của người học hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.4. Công tác Đảng, đoàn thể có tác dụng tốt trong việc rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống cho người học.

1. Mô tả

Đảng bộ Trường ĐHKQTĐ luôn coi trọng việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho SV, thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo sát sao các tổ chức ĐTN và Hội SV trong các hoạt động. Đảng bộ trường thành lập 2 chi bộ sinh viên trực thuộc, mỗi chi bộ có hơn 90 đảng viên sinh viên tham gia sinh hoạt, trung bình hàng năm kết nạp và tiếp nhận hàng chục đảng viên sinh viên. Hàng năm, Đảng ủy tổ chức kết nạp trung bình từ 100 - 110 đảng viên mới [H6.6.4.1]. Quá trình phấn đấu của nhiều đảng viên trong chi bộ đã chứng minh hiệu quả của việc Trường quan tâm động viên người học tham gia sinh hoạt và trưởng thành trong các tổ chức Đảng, đoàn thể.

Đoàn Thanh niên Trường liên tục là đơn vị xuất sắc, được nhận nhiều bằng khen và cờ thi đua của Thành Đoàn, Trung ương Đoàn [H6.6.4.2]. Cùng với sự lớn mạnh của phong trào sinh viên Trường, tổ chức Hội Sinh viên đã phối hợp cùng Đoàn Thanh niên Trường trong việc tổ chức các hoạt động phong trào, tập hợp ngày càng đông đảo người học sinh hoạt trong đoàn thể và luôn đạt đơn vị xuất sắc dẫn đầu. Trường chú trọng gắn kết hoạt động Đoàn - Hội với việc nâng cao chất lượng học tập.

Hàng năm, ĐTN và Hội SV Trường đều có các chương trình hành động thiết thực, phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng của SV, qua đó góp phần giáo dục

chính trị, tư tưởng cho SV. Trong những năm qua, ĐTN và Hội SV đã tổ chức rất nhiều hoạt động xã hội như: hoạt động từ thiện, chương trình mùa hè xanh, hiến máu nhân đạo, tình nguyện chung sức cùng cộng đồng, đội tuyên truyền các ca khúc cách mạng... [H6.6.5.8]. Các hoạt động này đã thu hút đông đảo SV tham gia.

Các hoạt động, các phong trào hành động của Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên trường đã tạo điều kiện cho người học rèn luyện, cống hiến và trưởng thành, nhanh chóng có việc làm sau khi ra trường. Số sinh viên vi phạm pháp luật, bị kỷ luật chiếm chưa tới 0,01 % [H6.6.4.6], số sinh viên tình nguyện tham gia các công tác xã hội, hoạt động vì cộng đồng, số sinh viên có kết quả rèn luyện từ tốt trở lên ngày càng nhiều [H6.6.4.7].

Thông qua các kỳ đại hội Đoàn, Hội các cấp, ĐTN và Hội SV nắm bắt được nhu cầu và nguyện vọng của SV. Cùng với phòng CTCT&QLSV, ĐTN và Hội SV tổ chức các buổi đối thoại trực tiếp giữa BGH Nhà trường với cán bộ Đoàn, Hội và Ban cán sự các lớp hàng năm. Đây là dịp để Nhà trường lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, giải đáp những thắc mắc của SV, chia sẻ với SV những công việc của Nhà trường nhằm giúp SV nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành quy định, quy chế để hợp tác, chung sức cùng xây dựng Nhà trường [H6.6.2.8].

Vào cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tiến hành đánh giá điểm rèn luyện của SV. Nhờ làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng nên tỷ lệ SV có điểm rèn luyện đạt loại khá trở lên trong các năm trung bình đạt 97% [H6.6.3.7]. Đặc biệt, những SV đạt kết quả học tập xuất sắc và giỏi, có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, tích cực tham gia các hoạt động ĐTN và Hội SV được các chi bộ cử đi học lớp nhận thức về Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc đưa đoàn viên ưu tú đi học cảm tình Đảng được Đảng ủy Trường chủ động thực hiện [H6.6.4.4], phân công tổ chức đoàn, chi bộ sinh viên giúp đỡ, bồi dưỡng, xem xét, kết nạp những Đoàn viên ưu tú vào Đảng. Từ năm 2011 đến năm 2016 có hơn 400 người học đã vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam [H2.2.4.4].

Công tác Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên tại Trường đã tác động tốt đối với người học.

2. Điểm mạnh

Công tác Đảng, đoàn thể tại Trường đã được Trường chú trọng, có tác động tích cực không chỉ với việc rèn luyện đạo đức, chính trị, tư tưởng của người học mà còn góp phần nâng cao chất lượng, kết quả học tập chuyên môn, NCKH của người học

3. Tồn tại

Một số hoạt động phong trào còn mang nặng tính hình thức. Sự phối hợp của Đoàn Thanh niên và Hội Sinh viên trong tổ chức các hoạt động vẫn có lúc chưa nhuần nhuyễn.

Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho người học mới chỉ chú trọng tới sinh viên hệ đào tạo đại học chính quy, chưa bao quát toàn bộ người học thuộc các hệ đào tạo khác.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017 giao cho ĐTN biên soạn cuốn “Cẩm nang sinh viên Kinh tế quốc dân”, trong đó ghi rõ quy trình hướng dẫn Đoàn viên ưu tú phấn đấu trở thành đảng viên ngay từ năm thứ nhất.

Chỉ đạo củng cố, kiện toàn đội ngũ cán bộ Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên. Tăng cường cán bộ đoàn chuyên trách tham gia đội ngũ cán bộ chủ chốt của Hội Sinh viên để tạo sự nhịp nhàng trong phối hợp tổ chức hoạt động. Tổ chức các hoạt động phong trào có chọn lọc trên cơ sở thăm dò dư luận sinh viên, đầu tư thời gian, hướng dẫn hoạt động để đảm bảo chất lượng cao.

Đảng ủy trường có kế hoạch và đưa vào Nghị quyết năm 2017 để chỉ đạo Chi bộ sinh viên đẩy mạnh công tác kết nạp Đảng viên trong SV, tạo nguồn phát triển Đảng viên là SV.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.5. Có biện pháp cụ thể, có tác dụng tích cực để hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học.

1. Mô tả

Để hỗ trợ người học trong học tập, NCKH và rèn luyện đạo đức, lối sống, Nhà trường và các khoa có những biện pháp rất cụ thể và đạt hiệu quả tốt.

Biện pháp trước tiên là Nhà trường và các khoa đều bố trí đội ngũ cố vấn học tập để bám sát hỗ trợ sinh viên [H6.6.5.1], có lịch tiếp sinh viên để giải đáp các thắc mắc liên quan đến học tập.

Các phương pháp học tập hiệu quả cùng với địa chỉ, trang web các trung tâm ngoại ngữ, tin học được đưa vào chương trình tuần sinh hoạt công dân đầu khóa [H6.6.5.2].

Về CSVC hỗ trợ học tập, NCKH, Nhà trường có các phòng học đều được trang bị đèn, quạt, máy chiếu projector [H9.9.3.2]. Thư viện Trường phục vụ cả buổi tối, có phòng học nhóm, đa dạng các đầu sách, đặc biệt là sách chuyên ngành, có trang bị các máy tính nối mạng, sẵn sàng phục vụ người học [H9.9.1.1]. Mạng internet không dây (wifi) được phủ kín trong khuôn viên Ký túc xá, khu vực thư viện, khuôn viên Trường bố trí các ghế băng hiện đại đặt tại các vị trí yên tĩnh, có bóng mát để sinh viên ngồi học ngoài giờ lên lớp [H6.6.5.3].

Trường huy động nguồn tài trợ từ các ngân hàng, doanh nghiệp trị giá hàng trăm triệu đồng mỗi năm để tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoại khóa nhằm hỗ trợ hoạt động học tập của người học như hội thi: “Go Finance”, “Hành trình Kinh doanh”, “Olympic các môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”, “Olympic Toán học sinh viên”, “Olympic Tiếng Anh”,... [H6.6.5.4].

Không chỉ hỗ trợ về học tập, NCKH, đối với các hoạt động tập thể, văn nghệ, thể dục thể thao, Trường cũng có các biện pháp cụ thể về chủ trương, chính sách, CSVC. Nhà trường có hội trường lớn, sức chứa hơn 500 người với đầy đủ trang thiết bị âm thanh, ánh sáng dành cho các đợt học tập chuyên đề và biểu diễn nghệ thuật. Khuôn viên sân Ký túc xá ngoài trời có thể phục vụ được

2.000 người, dành cho các hoạt động văn hóa văn nghệ và võ thuật, các sinh hoạt câu lạc bộ đội nhóm; tổ chức được các giải bóng đá mi ni, bóng chuyền; đáp ứng tốt tất cả các hoạt động thể dục thể thao, vui chơi, rèn luyện sức khỏe của người học [H6.6.5.5].

Hỗ trợ về sinh hoạt đời sống của người học, Nhà trường có những biện pháp hiệu quả, hữu ích và được người học quan tâm đánh giá tốt. Căng - tin Trường cung cấp bữa ăn, nước uống với mức giá phù hợp với người học [H6.6.5.6]. Tổ chức bãi giữ xe với giá hỗ trợ người học. Trường có Ký túc xá sức chứa lớn (gần 3000 sinh viên), đảm bảo chỗ ở cho 30% người học. Ban Quản lý Ký túc xá gần 20 người, được phân chia quản lý từng khu nhà ở, đảm bảo an ninh, an toàn và giải quyết những vấn đề thường kỳ cũng như phát sinh đối với người học [H6.6.5.7]. Đầu mỗi năm học Trường đều có văn bản hướng dẫn quy trình đăng ký ở Ký túc xá, có nội quy, quy định quản lý sinh viên ngoại trú và nội trú cụ thể, rõ ràng. Các văn bản đều được in trong cuốn “Những điều sinh viên Đại học Kinh tế quốc dân cần biết” [H6.6.2.1]. Ngoài ra, Trường giao cho tổ chức Đoàn TN - Hội SV thực hiện chương trình tìm và giới thiệu nhà trọ phù hợp cho người học. Đoàn Thanh niên - Hội Sinh viên Trường trung bình mỗi năm giới thiệu cho người học khoảng 2.000 chỗ trọ, (cùng với 3000 chỗ ở trong ký túc xá, Nhà trường đáp ứng khoảng 50% nhu cầu của người học) và 1.000 đầu việc làm thêm [H6.6.5.8], cùng gần 1.600 suất học bổng giá trị hàng tỷ đồng [H6.6.5.9]. Khi vào học tại Trường, thông qua Cổng thông tin điện tử, các kênh thông tin chính thức và các bộ phận chức năng, người học luôn được cập nhật thông tin về chi phí sinh hoạt, học tập [H6.6.5.10].

2. Điểm mạnh

Trường đã có các biện pháp cụ thể, thiết thực hỗ trợ việc học tập và sinh hoạt của người học, xem người học là trung tâm. Các hoạt động ngoại khóa và hỗ trợ có tác dụng tích cực, thiết thực đối với người học phần lớn từ các tỉnh xa, hoàn cảnh, điều kiện kinh tế khó khăn.

3. Tồn tại

Trường đã nỗ lực để giải quyết chỗ ở cho sinh viên trong ký túc xá nhưng do số lượng sinh viên quá đông nên điều kiện phục vụ ở một số dãy nhà trong Ký túc xá còn hạn chế. Chất lượng dịch vụ ăn uống trong Căng-tin Trường chưa đáp ứng hết mọi nhu cầu của sinh viên.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Trường tiếp tục đầu tư và nâng cấp CSVC tại Ký túc xá sinh viên. Chuẩn bị điều kiện, CSVC khi Nhà trường hoàn thành Nhà Trung tâm, chuyển sang thư viện mới, cải tạo khu ký túc xá và căng tin theo tiêu chuẩn hiện đại, sức chứa lớn, đáp ứng ngày càng tốt hơn mọi nhu cầu của người học

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.6. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học.

1. Mô tả:

Nhà trường giao Phòng CTSV& QLSV chịu trách nhiệm lập kế hoạch và tổ chức triển khai các công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm, tôn trọng luật pháp, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước và các nội quy của Nhà trường cho người học [H6.6.6.1].

Hàng năm, vào đầu năm học mới, Nhà trường tổ chức “Tuần sinh hoạt công dân - SV”, cho SV toàn Trường [H6.6.1.2]. Thông qua hoạt động này Nhà trường đã phổ biến nội quy, quy định, công khai tiêu chí đánh giá người học, công khai mọi quyền lợi và nghĩa vụ của người học. Kết thúc đợt sinh hoạt chính trị này, người học phải thực hiện bài thu hoạch kết hợp với nhận thức thu được từ những báo cáo chuyên đề chính trị, xã hội và một số luật có liên quan (Luật Giao thông Đường bộ, Luật Phòng chống Ma túy, Luật Nghĩa vụ Quân sự, Luật Giáo dục, Luật Thanh niên, Luật Hôn nhân Gia đình,...). Tỷ lệ người học hoàn thành bài thu hoạch chiếm đại đa số [H6.6.6.6].

Bên cạnh đó, các tài liệu nhằm tuyên truyền và định hướng cho SV về đạo đức, lối sống lành mạnh, tôn trọng, tuân thủ luật pháp và nội quy của Nhà trường được phổ biến công khai trên Cổng thông tin điện tử của Trường [H6.6.6.7].

Công tác giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống của SV còn được lồng ghép vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ của Nhà trường [H6.6.6.8] [H6.6.6.9], các hoạt động công tác xã hội cộng đồng, công tác từ thiện,... của ĐTN và Hội SV [H6.6.5.8] .

Vào cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức đánh giá điểm rèn luyện của SV, kết quả này phản ánh đầy đủ quá trình tu dưỡng đạo đức và tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chế của SV. Việc đánh giá điểm rèn luyện có sự tham gia của cá nhân SV, tập thể lớp và CVHT [H6.6.6.9]. Các kết quả đánh giá đều được công khai và được sử dụng cho việc xét học bổng, xếp hạng tốt nghiệp của SV.

Các cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh học đường, ký túc xá, chấp hành nội quy của Trường được người học hưởng ứng bằng hành động thiết thực. Người học đã thể hiện đạo đức, lối sống lành mạnh, tinh thần trách nhiệm bằng các hoạt động: Tự nguyện tham gia ngày chủ nhật vì môi trường xanh, sạch, đẹp tại Trường, tham gia chiến dịch Mùa thanh niên tình nguyện [H6.6.6.2], tự nguyện giúp đỡ điu dắt những người học lớp sau bằng các hoạt động giới thiệu nhà trọ, việc làm, giúp đỡ, hướng dẫn tân sinh viên nhập học, hiến máu nhân đạo [H6.6.6.3], mua dụng cụ học tập, sinh hoạt, quyên góp gây quỹ từ thiện giúp đỡ các trẻ em nghèo, nạn nhân chất độc da cam [H6.6.6.4]. Người học thể hiện tinh thần trách nhiệm cao qua nhiều hoạt động Đoàn, Hội cũng như việc tham gia hệ thống làm việc của Trường. Số người học đạt điểm rèn luyện từ khá và giỏi trở lên chiếm tỷ lệ đại đa số [H6.6.4.7].

Trường thường xuyên cảnh báo, định hướng sinh viên trước các vấn đề nhạy cảm, phức tạp ngoài xã hội [H6.6.6.5]. Trong 5 năm qua, Trường không có người học bị xử lý kỷ luật do thiếu hiểu biết pháp luật, chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Hàng năm, Trường và nhiều người học được

khen thưởng về thành tích tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, phòng chống các tệ nạn xã hội, hỗ trợ cộng đồng [H6.6.6.10].

2. Điểm mạnh:

Trường đã duy trì được các hoạt động thường xuyên, liên tục, ổn định trong từng học kỳ, từng năm học để giáo dục người học có đạo đức, lối sống lành mạnh, có hiểu biết, có ý thức và gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

3. Tồn tại:

Cách chuyển tải các nội dung trong “Tuần Sinh hoạt công dân sinh viên” đôi khi còn khô cứng, chưa thực sự phù hợp với tâm lý lứa tuổi.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016 - 2017, đổi mới phương pháp chuyển tải các nội dung trong “Tuần Sinh hoạt công dân sinh viên đầu khóa”, mời thêm các báo cáo viên có kinh nghiệm và bổ sung các chuyên đề trang bị kỹ năng mềm trong “Tuần Sinh hoạt công dân sinh viên” để tăng hiệu quả tiếp nhận từ người học.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.7. Có các hoạt động hỗ trợ hiệu quả nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

1. Mô tả:

Trường chú trọng tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học nhằm tăng tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo dưới nhiều hình thức đa dạng với các biện pháp thiết thực, cụ thể như sau:

Người học được tham dự các hoạt động hướng nghiệp định kỳ hàng năm; qua đó được định hướng về nghề nghiệp, được tư vấn phương pháp học tập phù hợp, được tư vấn về thực tập ngành nghề.

Mối quan hệ với các doanh nghiệp được Nhà trường duy trì thường xuyên và được mở rộng để cập nhật chương trình giảng dạy, mời giảng chuyên đề,...

nhằm tạo điều kiện cho người học tiếp cận thị trường lao động không chỉ ở thời điểm tốt nghiệp mà trong suốt quá trình đào tạo [H6.6.7.1]. Mối quan hệ với cựu học viên, sinh viên được Trường ý thức chủ động gìn giữ để tạo cầu nối cho những thế hệ người học đi sau. Phòng Công tác Chính trị và Quản lý sinh viên là đầu mối thông qua mạng lưới cựu sinh viên của Trường đã tích cực giới thiệu nơi thực tập, việc làm cho sinh viên. Mạng lưới cựu sinh viên xem đó là một trong các nhiệm vụ chủ yếu của mình [H6.6.7.4]. Những hoạt động này góp phần giúp tỷ lệ người học có việc làm liên quan đến nghề nghiệp luôn ở mức cao và qua khảo sát được nhà tuyển dụng đánh giá trên 85 % đáp ứng được yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ [H6.6.7.5]

Các Ngày hội Việc làm được tổ chức định kỳ với các nhu cầu tuyển dụng thực sự từ hàng chục doanh nghiệp (chủ yếu là các doanh nghiệp, ngân hàng, tài chính...) mỗi năm. Hàng ngàn người học đã được phỏng vấn và tuyển dụng ngay tại các Ngày Hội [H6.6.7.1].

Khi chuẩn bị tốt nghiệp, người học được hướng dẫn các kỹ năng viết đơn, viết lý lịch, phỏng vấn xin việc thông qua các chuyên đề,... Các lớp kỹ năng giao tiếp tại công sở trong Ngày hội Việc làm và trong Tuần sinh hoạt công dân cuối khóa [H6.6.7.1].

Được Trường tổ chức bồi dưỡng và động viên, nhiều người học đã tham gia các kỳ thi chuyên môn, khẳng định được bản lĩnh nghề nghiệp, đạt giải thưởng cao, có điều kiện thuận lợi tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp có sự có mặt của các chuyên gia, đã hướng dẫn trao đổi trực tiếp với SV về các kỹ năng cần thiết [H6.6.7.3].

2. Điểm mạnh

Trường đã có nhiều hình thức tổ chức phù hợp, thiết thực giúp người học có việc làm đúng chuyên ngành sau khi tốt nghiệp.

3. Tồn tại

Tính chuyên nghiệp trong hoạt động tư vấn hướng nghiệp chưa cao, chưa

tập trung vào một đơn vị đầu mối. Trường chưa triển khai thu thập được phản hồi của sinh viên đối với công tác hướng nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Năm học 2016 - 2017 tập trung bồi dưỡng đội ngũ làm công tác hỗ trợ sinh viên, tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của sinh viên đối với công tác hướng nghiệp. Phân công thêm cán bộ phụ trách mảng hướng nghiệp cho sinh viên.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.8. Người học có khả năng tìm việc làm và tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp. Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, trên 50% người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo.

1. Mô tả

Người học tại Trường ĐHKQTĐ hoàn toàn có đủ năng lực và kỹ năng để tự tìm việc làm hoặc tự tạo việc làm sau khi tốt nghiệp không chỉ do được hưởng những chương trình đào tạo chất lượng cao do đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm đảm nhiệm mà còn do Nhà trường chú trọng tới các biện pháp hỗ trợ rất hiệu quả. Cụ thể:

Nhà trường đã chủ động mời các nhà tuyển dụng đến tư vấn tuyển dụng. Các khoa, viện, trung tâm có quản lý sinh viên cũng chủ động mời nhà tuyển dụng trao đổi kinh nghiệm tìm việc và kỹ năng làm việc với sinh viên [H6.6.8.1].

Ngay trong thời gian học tại Trường, thông qua giới thiệu của cán bộ, giáo viên các khoa và trong quá trình thực tập, nhiều người học đã tiếp cận được với cơ hội nghề nghiệp và có được việc làm ngay khi vừa tốt nghiệp [minh chứng kết quả khảo sát SV tốt nghiệp của p. Khảo thí]

Trong năm đầu sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ người tốt nghiệp tìm được việc làm đúng ngành được đào tạo của Trường khá cao [minh chứng kết quả khảo sát SV tốt nghiệp của p. Khảo thí]. Để nắm được thông tin và đánh giá kết quả các biện pháp hỗ trợ người học tìm được việc làm ngay sau khi vừa tốt nghiệp, hàng năm, Nhà trường đã tổ chức lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp [minh chứng về

kế hoạch khảo sát SV tốt nghiệp của p. Khảo thí]. Nhà trường cũng thành lập mạng lưới cựu sinh viên từ năm 2015. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của mạng lưới cựu sinh viên NEU là tham gia công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng cho sinh viên, đồng thời giúp đỡ mǎng giới thiệu thực tập, việc làm cho sinh viên. Mới thành lập được 1 năm, mạng lưới cựu sinh viên đã phối hợp với Nhà trường trong mǎng tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, trao đổi kinh nghiệm và hướng nghiệp, tạo việc làm cho sinh viên cuối khóa. Trong số những người học của Trường đã tốt nghiệp, có những người học thực sự trưởng thành và có khả năng tạo được việc làm cho người khác [6.6.8.2].

2. Điểm mạnh

Do đặc thù của ngành KT, QL&QTKD trong bối cảnh kinh tế phát triển và hội nhập cùng với việc sinh viên tốt nghiệp của Trường có kiến thức chuyên môn sâu, số lượng người học ra trường có việc làm và có việc làm liên quan đến lĩnh vực được đào tạo chiếm tỷ lệ cao.

3. Tồn tại

Quy trình khảo sát sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp chưa được chuyên nghiệp hóa và thực hiện thường xuyên tại tất cả các khoa. Trường chưa xây dựng được CSDL toàn diện về sinh viên tốt nghiệp và tình trạng việc làm.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, xây dựng bộ dữ liệu sinh viên tốt nghiệp và tình trạng việc làm sau khi ra trường của sinh viên, hoàn chỉnh quy trình khảo sát sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp và giao cho Văn phòng Mạng lưới Cựu sinh viên, chủ trì, phối hợp với các khoa, viện, trung tâm thực hiện quy trình này mỗi năm, đồng thời tăng cường hoạt động của Mạng lưới Cựu sinh viên Trường để hỗ trợ sinh viên tạo việc làm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 6.9. Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.

1. Mô tả:

Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên ngay khi kết thúc học phần và cũng được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường trước khi tốt nghiệp. Nhà trường có văn bản quy định việc người học tham gia đánh giá này [H6.6.9.1], [H3.3.6.1].

Nội dung đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên sau khi kết thúc học phần bao trùm đầy đủ các vấn đề liên quan như kỹ năng sư phạm, tác phong sư phạm của giảng viên, về kỹ luật giảng dạy... [H6.6.9.2]. Nội dung lấy ý kiến người học đã tốt nghiệp về CTĐT của Trường, phiếu lấy ý kiến cũng yêu cầu thông tin đầy đủ về nội dung CTĐT, về kiểm tra đánh giá, về đội ngũ giảng viên cũng như về hệ thống quản lý, hỗ trợ, phục vụ đào tạo... [H4.4.3.3]

Trường hướng dẫn quy trình người học đánh giá chất lượng giảng dạy và chất lượng CTĐT, quy trình xử lý số liệu, báo cáo và phản hồi kết quả đánh giá và các hoạt động sau đánh giá theo quy định chung của Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở đặc thù của Trường và tuyên truyền để người học hiểu được ý nghĩa và lợi ích của việc tham gia đánh giá nên người học đã thể hiện thái độ hợp tác khi tham gia đánh giá. Việc lấy ý người học về công tác giảng dạy của giảng viên sau mỗi học phần được triển khai trên toàn bộ các hệ đào tạo với các hình thức, công cụ khác nhau để phù hợp với từng loại hình đào tạo tương ứng. Đối với hệ đào tạo đại học chính quy Nhà trường tổ chức lấy ý kiến trực tuyến thông qua phần mềm tích hợp vào Cổng thông tin điện tử của Trường [H6.6.9.3]. Đối với các hệ đào tạo khác Nhà trường thực hiện lấy ý kiến phản hồi qua việc phát phiếu giấy, gửi thư qua bưu điện và qua hộp thư điện tử [H4.4.3.4],

Sau mỗi đợt đánh giá hàng năm, Trường tổ chức rút kinh nghiệm về việc đánh giá của người học và cải tiến quy trình đánh giá. Trên cơ sở đó, xem xét, sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến phương pháp giảng dạy, điều chỉnh chương trình đào tạo, cải tiến các hoạt động hỗ trợ đào tạo cho người học [H4.4.3.3].

2. Điểm mạnh

Người học của các hệ đào tạo đều được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp. Điều này đã tác động tích cực trong quá trình đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên và tạo dựng niềm tin với người học

3. Tồn tại

Việc triển khai để người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp chưa được thực hiện đồng bộ theo hướng dẫn của Trường, còn mang tính hình thức nên hiệu quả chưa cao. Công tác truyền thông về kết quả xử lý số liệu chưa được chú trọng nên công tác này chưa có tác dụng thúc đẩy người học tham gia đánh giá.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2016-2017, tăng cường việc kiểm tra, đôn đốc tiến độ và chất lượng khảo sát, quan tâm hơn nữa đến việc khảo sát sinh viên tốt nghiệp, giao cho Phòng KT&ĐBCLGD chủ động tăng cường thực hiện công tác này. Phòng CTCT&QLSV phối hợp với Phòng TCCB và Phòng Truyền thông và Quan hệ công chúng nghiên cứu đề xuất các phương án để công bố kết quả xử lý thông tin thu được sau mỗi đợt triển khai đánh giá.

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận về Tiêu chuẩn 6:

Đến nay, những hoạt động của Trường luôn tập trung vào đối tượng chính là người học bởi lẽ người học luôn được coi là trung tâm. Các hoạt động này luôn được đánh giá là điểm mạnh của Trường ĐHKQTĐ. Tư tưởng coi người học là trung tâm đã đi vào từng hoạt động thiết thực của Trường. Nhà trường luôn chủ trương cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin cần thiết để giúp người học chủ động tổ chức hoạt động học tập của mình, môi trường học

tập và rèn luyện tại Trường. Chủ trương này đã thể hiện được tính dân chủ, khuyến khích được sự năng động và sáng tạo của người học, thúc đẩy và tạo điều kiện cho người học đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện. Trong những năm qua, công tác đối với người học đã đi vào chiều sâu, thực sự tạo môi trường tốt về vật chất lẫn tinh thần để người học tu dưỡng, rèn luyện. Nhà trường cũng chú trọng nâng cấp CSVC tại ký túc xá, căng-tin và cải tiến chất lượng phục vụ của các khoa, phòng, ban chức năng. Các số liệu khảo sát cho thấy người học tốt nghiệp từ Trường ĐHKQTĐ luôn được thị trường lao động chấp nhận. Đây là những kết quả mong muốn và đáng tự hào nhằm kỉ niệm 60 năm ngày thành lập Trường.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 6: Đạt yêu cầu: 9/9 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 7

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, ỨNG DỤNG, PHÁT TRIỂN VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Mở đầu

Với lịch sử 60 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHKQTĐ đã có được lực lượng nghiên cứu về kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh hàng đầu của cả nước. Kết quả nghiên cứu của Nhà trường đã được xã hội ghi nhận và đánh giá cao với nhiều công trình nghiên cứu phục vụ trực tiếp cho các cơ quan của Đảng và Nhà nước, cho các Bộ, Ban, Ngành, các địa phương và các doanh nghiệp. Với uy tín và thế mạnh hiện có về NCKH, Trường ĐHKQTĐ đã xác định tầm nhìn đến năm 2030 sẽ trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế. Trong những năm qua, cả về chủ trương, chính sách của trường và nỗ lực của mỗi cán bộ đã đều tập trung củng cố, xây dựng lực lượng nghiên cứu mạnh, tăng cường xuất bản quốc tế, nâng cao chất lượng nghiên cứu để tăng hiệu quả đầu tư cho NCKH và qua đó tiếp tục vun đắp hình ảnh và uy tín về NCKH của trường.

Tiêu chí 7.1. Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động khoa học, công nghệ phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Sứ mệnh của Nhà trường là cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao, có thương hiệu và danh tiếng, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế về lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. [H1.1.1]. Với sứ mệnh cao cả đó, Trường ĐHKQTĐ đã xác định mục tiêu đến năm 2020 sẽ trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu đạt đẳng cấp khu vực và

quốc tế... Để đạt được mục tiêu này, hàng năm, Nhà trường đều đã xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ hướng đến từng bước đạt được mục tiêu đề ra. Cụ thể kế hoạch hàng năm đã bao gồm những nội dung chính như sau: Kế hoạch bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu [H7.7.1.1]. Đây là hoạt động cần thiết được thực hiện hàng năm để nâng cao năng lực nghiên cứu chung của đội ngũ cán bộ, giảng viên của trường, đặc biệt là các giảng viên trẻ. Lực lượng nghiên cứu được bồi đắp hàng năm sẽ giúp Nhà trường tiến bước vững chắc tới mục tiêu trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu.

- Kế hoạch triển khai đề tài cấp trường và hỗ trợ tuyển chọn đề tài các cấp [H7.7.1.2]. Đây là hoạt động thiết thực nhằm một mặt giải quyết các vấn đề thực tiễn mặt khác nâng cao năng lực nghiên cứu của những cán bộ tham gia đề tài. Và để hướng đến mục tiêu hội nhập quốc tế và đạt đẳng cấp khu vực, Nhà trường đã đưa vào kế hoạch hàng năm triển khai các đề tài cấp trường viết bằng tiếng Anh. Đây là cơ hội để các cán bộ trẻ rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và viết bằng tiếng Anh, hướng đến xuất bản quốc tế kết quả nghiên cứu.

- Kế hoạch tổ chức Tọa đàm, Hội thảo được xây dựng dựa trên nhu cầu thực tế của các đơn vị trong trường. Đây cũng là những hoạt động thiết thực để công bố các kết quả nghiên cứu, trao đổi, thảo luận các vấn đề khoa học, các vấn đề “nóng” phát sinh trong xã hội cũng như trong quá trình quản lý. Thông qua Tọa đàm, Hội thảo, Nhà trường có thể kiến nghị trực tiếp đến các cơ quan quản lý trong quá trình điều hành nền kinh tế giúp giải quyết kịp thời các vấn đề của xã hội từ đó làm tăng uy tín và hình ảnh của Nhà trường. Các Hội thảo Quốc tế cũng được quan tâm thúc đẩy và đưa vào kế hoạch hàng năm. Thông qua các hội thảo quốc tế các nhà khoa học quốc tế sẽ biết đến Trường ĐHKQTĐ nhiều hơn, các mạng lưới các nhà khoa học trong trường và quốc tế được hình thành và phát triển. Đối với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu, hàng năm Nhà trường đã tổ chức các lớp bồi dưỡng phương pháp nghiên cứu cho giảng viên. Các lớp đều có quyết định tổ chức lớp học [H7.7.1.3] quyết định cử viên chức, cán bộ đi học [H7.7.1.4] có quyết định cấp chứng chỉ [H7.7.1.5]

2. Mặt mạnh

Nhà trường có Kế hoạch hoạt động NCKH của trường phù hợp với sứ mạng và mục tiêu trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu. Việc triển khai Kế hoạch hoạt động NCKH của Trường nhận được sự đồng thuận cao của cán bộ, giảng viên trong trường và được sự tham gia rất tích cực của toàn thể cán bộ, giảng viên.

3. Tồn tại

Việc triển khai thực Kế hoạch hoạt động NCKH, tổ chức hội thảo, tọa đàm cấp trường còn chưa đúng thời gian đề ra và chưa theo sát với nhu cầu thực tế, một số Hội thảo, Tọa đàm còn mang tính hình thức.

4. Kế hoạch hành động

Từ năm 2016, Hội đồng đánh giá đề xuất nghiên cứu của Trường sẽ đưa tiêu chí đánh giá tính khả thi của đề xuất nghiên cứu (vào thang chấm điểm.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.2. Có các đề tài, dự án được thực hiện và nghiệm thu theo kế hoạch

1. Mô tả

Các đề tài, dự án NCKH cấp bộ, ngành, địa phương; cấp nhà nước, nghị định thư của Trường được thực hiện và nghiệm thu theo đúng kế hoạch. Việc tuân thủ kế hoạch, tiến độ thực hiện đề tài được đảm bảo do Nhà trường áp dụng một quy trình triển khai khá chặt chẽ:

- Các đề tài khi được giao cho các chủ nhiệm cùng các thành viên thực hiện bao gồm: Quyết định giao đề tài, Hợp đồng triển khai thực hiện đề tài trong đó nêu rõ kế hoạch chi tiết các hoạt động để hoàn thành đề tài, các sản phẩm cần hoàn thành và tiến độ thực hiện [H7.7.2.1] [H7.7.2.2] [H7.7.2.3] [H7.7.2.4].

Trong quá trình thực hiện các đề tài được đánh giá giữa kỳ để rà soát những nội dung đã hoàn thành, những khó khăn vướng mắc và đề xuất điều chỉnh (nếu có). Trước khi đến hạn nghiệm thu, các chủ nhiệm đề tài được nhắc để làm thủ tục nghiệm thu và rà soát các sản phẩm theo yêu cầu hợp đồng. Đối với các đề tài cấp Bộ, cấp Nhà nước, ngoài sự quản lý của trường, các đề tài còn

chịu sự quản lý và giám sát của các cơ quan quản lý về KH&CN của Bộ và của Nhà nước.

Khi đề tài đủ điều kiện nghiệm thu, Nhà trường thành lập hội đồng đánh giá và nghiệm thu đề tài. Chủ nhiệm đề tài báo cáo kết quả nghiên cứu trước hội đồng, nghe ý kiến nhận xét, đánh giá và trả lời các câu hỏi nếu có. Đề tài sẽ chính thức được nghiệm thu sau khi Hội đồng đánh giá kết quả từ mức “đạt” trở lên và Chủ nhiệm đề tài đã chỉnh sửa theo ý kiến của hội đồng, và gửi kết quả nghiên cứu của đề tài lên thư viện trường [H7.7.2.5].

2. Mặt mạnh

Với kế hoạch chi tiết và quy trình triển khai chặt chẽ, các đề tài nghiên cứu khoa học của Trường được hoàn thành và nghiệm thu đúng thời hạn. Nhiều đề tài đã được đánh giá cao, kết quả nghiệm thu đạt loại tốt và được áp dụng thành công trong ứng dụng thực tiễn, phục vụ trong công tác đào tạo, nghiên cứu và phát triển KTXH ở địa phương. Trường ĐHKQTĐ vẫn luôn dẫn đầu các trường đại học khối kinh tế và quản trị kinh doanh trong cả nước về số lượng và chất lượng thực hiện đề tài các cấp. Các đề tài nghiên cứu đều được nghiệm thu từ kết quả khá trở lên và đã phục vụ trực tiếp cho công tác giảng dạy, công tác quản lý cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn.

3. Tồn tại

Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác quản lý và sự nỗ lực chung của các cán bộ tham gia thực hiện đề tài, tuy nhiên, tình trạng đề tài cấp cơ sở bị quá hạn vẫn còn tồn tại. Năm 2014 có 10% đề tài quá hạn, năm 2015 có 4% đề tài bị quá hạn.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường giao phòng Quản lý khoa học phối hợp với sẽ đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý đề tài các cấp qua đó, các chủ nhiệm đề tài sẽ có những mốc báo cáo quan trọng được nhắc một cách tự động và có cảnh báo cho cán bộ quản lý các đề tài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.3. Số lượng bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH và phù hợp với định hướng nghiên cứu và phát triển của trường đại học

1. Mô tả

Với mục tiêu trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu và với đội ngũ giảng viên có kinh nghiệm nghiên cứu, được đào tạo bài bản ở nước ngoài về, nên tuy không phải là yêu cầu bắt buộc phải có bài báo quốc tế nhưng nhiều giảng viên đã xuất bản được trên các tạp chí có uy tín. Nhiều đề tài nghiên cứu khoa học đã vượt định mức về sản phẩm là các bài báo khoa học đã cam kết. Bên cạnh đó, nhiều giảng viên không thực hiện đề tài nghiên cứu nhưng vẫn tích cực tham gia viết bài báo khoa học trong và ngoài nước. Vì thế tổng số lượng bài báo của trường hàng năm đều trên 300 bài và phù hợp với chuyên môn đào tạo và nghiên cứu của trường.

Việc xuất bản và công bố kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH là yêu cầu bắt buộc. Trong thuyết minh của các đề tài khoa học đều nêu rõ yêu cầu về sản phẩm khi nghiên cứu đề tài trong đó có bài hội thảo, bài báo [H7.7.3.1]. Do vậy các đề tài khoa học khi bảo vệ phải có tối thiểu 1 bài tham luận hội thảo khoa học hoặc 1 bài báo khoa học trong nước hoặc quốc tế. [H7.7.3.2]. Các bài báo được giảng viên của trường công bố từ kết quả nghiên cứu của đề tài đều nằm trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu về kinh tế, quản trị kinh doanh .

2. Mặt mạnh

Số lượng bài báo của các giảng viên được công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế tương ứng với số đề tài NCKH tăng hàng năm và phù hợp với sứ mệnh, mục tiêu của trường trở thành trường đại học định hướng nghiên cứu. .

3. Tồn tại

Số lượng bài đăng tải trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế, đặc biệt là các bài đăng trên các tạp chí quốc tế được xếp hạng cao. Ngoài ra, số lượng tham gia

viết bài đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế chưa rộng. Còn có những cán bộ giảng viên 3-5 năm không đăng được bài trên tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2016 Nhà trường đã ban hành chính sách hỗ trợ cán bộ giảng viên có bài đăng và được lựa chọn trình bày tại các hội thảo quốc tế được hỗ trợ lệ phí tham dự hội thảo. Trong những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục và điều chỉnh tăng hỗ trợ giảng viên có bài báo đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín. Nhà trường có kế hoạch trong giai đoạn 2016-2018 tiếp tục hỗ trợ nâng cao năng lực viết bài thông qua các lớp bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu, chia sẻ kết quả nghiên cứu của các bài đã được đăng tải quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.4. Hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học có những đóng góp mới cho khoa học, có giá trị ứng dụng thực tế để giải quyết các vấn đề phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước

1. Mô tả

Sứ mệnh của Nhà trường là cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao, có thương hiệu và uy tín, đạt đẳng cấp khu vực và quốc tế về lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh, góp phần quan trọng vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong bối cảnh hội nhập kinh tế thế giới. [H1.1.1.1]

Với mục tiêu phát triển trường ĐHKQTĐ thành trường Đại học định hướng nghiên cứu, Nhà trường đã quan tâm và thúc đẩy hoạt động NCKH ở cả 2 khía cạnh, nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng. Đối với các nghiên cứu cơ bản, hàng năm trường đều có thực hiện các đề tài nghiên cứu do Quỹ NAFOSTED tài trợ [H7.7.3.1]. Đây là những đề tài theo hướng nghiên cứu cơ bản, có đóng góp chính vào kho tàng tri thức về kinh tế và quản lý và quản trị kinh doanh, tạo ra những giá trị mới về khoa học. Kết quả nghiên cứu của những

đề tài này đã được xuất bản thành sách chuyên khảo và xuất bản bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

NCKH ứng dụng thực tế là thế mạnh của trường ĐHKQTĐ. Hàng năm, Trường đều thực hiện các đề tài cấp quốc gia theo đơn đặt hàng của các cơ quan Trung Ương. Kết quả nghiên cứu của các đề tài này đều được các cơ quan trung ương đặt hàng xác nhận ứng dụng triển khai trong thực tiễn. Các đề tài cấp bộ, cấp trường khi nghiệm thu cũng thường được hội đồng đánh giá có giá trị thực tiễn cao, các giải pháp được đúc rút từ kết quả nghiên cứu có tính khả thi và thiết thực khi áp dụng thực tiễn [H7.7.4.1].

Ngoài ra, để đưa kết quả nghiên cứu sớm vào thực tiễn, giải quyết nhanh các vấn đề kinh tế - xã hội của đất nước, trường thường xuyên tổ chức các hội thảo phối hợp với các cơ quan của Đảng và Nhà nước như Ban Kinh tế Trung ương, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Hội đồng Lý luận Trung ương. Thông qua các hội thảo này, các kết quả nghiên cứu, các kiến nghị chính sách của Nhà trường đã trực tiếp đến được các cơ quan của Đảng và Nhà nước [H7.7.4.2].

2. Mặt mạnh

Nhà trường có đội ngũ giảng viên được đào tạo bài bản từ nước ngoài về đang ngày một tăng thêm. Đây chính là lực lượng nòng cốt để thực hiện các đề tài nghiên cứu cơ bản, có giá trị khoa học, được ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn. Lực lượng này đang ngày một lớn mạnh và ngày càng đóng góp nhiều hơn giá trị khoa học trong lĩnh vực kinh tế, quản lý và quản trị kinh doanh của đất nước

3. Tồn tại

Hiện Nhà trường còn tồn tại khoảng cách giữa các nhà khoa học đầu ngành, các giáo sư với lực lượng nghiên cứu trẻ.

Sự gắn kết giữa các nhà khoa học trong trường còn hạn chế và chưa tạo ra được sức mạnh tổng thể trong mỗi lĩnh vực khoa học.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường có kế hoạch trong 2 năm tới sẽ tiếp tục thực hiện các hoạt động

bồi dưỡng lực lượng các nhà khoa học trẻ thông qua các lớp bồi dưỡng về phương pháp nghiên cứu, tham gia của giảng viên trẻ vào đề tài nghiên cứu các cấp.

Nhà trường giao nhiệm vụ cho phòng QLKH phối hợp với phòng TCCB lập kế hoạch nghiên cứu đề xuất xem xét tuyển chọn để thành lập lại các nhóm nghiên cứu mạnh, tạo nền tảng để lực lượng nghiên cứu của trường có thể phối hợp, chia sẻ và cùng hợp tác trong khai thác, triển khai các nhiệm vụ nghiên cứu trong giai đoạn từ 2015 tới 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.5. Đảm bảo nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ không ít hơn kinh phí của trường đại học dành cho các hoạt động này

1. Mô tả

Nguồn thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của trường có được từ các nguồn: Nguồn thu từ thực hiện đề tài cấp quốc gia, cấp bộ, các địa phương; nguồn thu từ các hợp đồng nghiên cứu, tư vấn; nguồn thu từ các hoạt động hợp tác quốc tế trong NCKH.

Các hoạt động NCKH có nguồn thu được thực hiện trên nguyên tắc tự cân đối thu-chi. Đối với các hoạt động NCKH do giảng viên trong trường tự khai thác, Nhà trường có yêu cầu trích nộp về trường với tỷ lệ 7% tổng nguồn thu, phần còn lại sẽ do chủ nhiệm nhiệm vụ cân đối thu – chi. Như vậy, Nhà trường không phải bỏ thêm kinh phí mà còn có thể giữ lại 1 phần kinh phí khi thực hiện các hoạt động NCKH có thu [H10.10.1.7].

Bên cạnh chi để thực hiện các hoạt động NCKH có thu, Nhà trường còn chi thường xuyên cho các hoạt động hỗ trợ NCKH như tổ chức các lớp bồi dưỡng phương pháp NCKH, tổ chức sinh hoạt khoa học bộ môn, tổ chức tọa đàm, hội thảo, thực hiện đề tài nghiên cứu cấp trường, tổ chức cho sinh viên NCKH... Các khoản chi này được lấy từ nguồn thu sự nghiệp của trường [H10.10.2.6].

2. Mặt mạnh

Với lực lượng nghiên cứu mạnh, nguồn thu từ hoạt động NCKH của trường ngày càng tăng và các nguồn thu cũng ngày càng đa dạng.

3. Tồn tại

Nhiều giảng viên của trường có nhiều kinh nghiệm khai thác các đề tài NCKH đã đến độ tuổi nghỉ hưu trong khi lực lượng trẻ lại chưa tiếp cận kịp.

4. Kế hoạch hành động

Trường sẽ chủ động ký các thoả thuận hợp tác với các đơn vị có nguồn chi cho hoạt động NCKH. Lấy khung thoả thuận là nền tảng để khai thác các đề tài nghiên cứu, tránh lệ thuộc nhiều vào các cá nhân. Bên cạnh đó thực hiện kế hoạch tự chủ về NCKH, từ năm 2016, Trường sẽ tiếp tục nghiên cứu các chế độ chính sách để động viên, khuyến khích các giảng viên có kinh nghiệm trong khai thác đề tài chuyển giao và hỗ trợ cán bộ trẻ trong khai thác đề tài.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.6. Các hoạt động NCKH và phát triển công nghệ của trường đại học gắn với đào tạo, gắn kết với các viện NCKH, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Kết quả của các hoạt động khoa học và công nghệ đóng góp vào phát triển các nguồn lực của trường

1. Mô tả

Các đề tài NCKH của trường bên cạnh sự đóng góp về khoa học và thực tiễn còn có sự gắn kết chặt chẽ với đào tạo, với các viện NCKH, các trường đại học khác và các doanh nghiệp. Cụ thể, khi thực hiện đề tài nghiên cứu các cấp đều gắn với tham gia đào tạo nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên [H7.7.6.1]

Việc nghiên cứu sinh, học viên cao học, và sinh viên trực tiếp tham gia thực hiện đề tài thực chất chính là quá trình đào tạo về cả chuyên môn lẫn khả năng viết các báo cáo. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học còn được gián tiếp phục vụ đào tạo thông qua việc làm giàu nguồn tài liệu phục vụ đào tạo. Các sách tham khảo, chuyên khảo, các bài báo khoa học đã được sử dụng để phục vụ đào tạo.

Hoạt động nghiên cứu của trường cũng gắn kết với doanh nghiệp khi nhiều đề tài đã trực tiếp giải quyết các vấn đề thực tiễn của doanh nghiệp [H7.7.6.2]

Kết quả NCKH đã trực tiếp góp phần phát triển các nguồn lực của trường. Thông qua thực hiện và công bố các kết quả nghiên cứu, giảng viên của trường đã dần được nâng cao năng lực và khẳng định được uy tín. Hàng năm, Nhà trường đã được Hội đồng chức danh giáo sư nhà nước công nhận trên 10 giảng viên đạt chuẩn chức danh phó giáo sư [H7.7.6.3] . Ngoài ra, nhờ phần đóng góp cho trường từ việc khai thác các đề tài, hợp đồng tư vấn bên ngoài, hoạt động NCKH của trường đã góp phần củng cố nguồn lực tài chính của trường [H10.10.2.2].

2. Mặt mạnh

Hoạt động NCKH của trường luôn gắn với quá trình đào tạo, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của trường. Kết quả nghiên cứu của các công trình khoa học trực tiếp hoặc gián tiếp phục vụ đào tạo thông qua việc làm giàu nguồn tài liệu phục vụ đào tạo. **3. Tồn tại**

Các hoạt động tư vấn cho doanh nghiệp hiện chỉ tập chung ở một số giảng viên của trường có kỹ năng tư vấn và chuyên môn sâu về quản trị. Phần đông giảng viên chưa có kinh nghiệm và chưa tham gia tư vấn cho doanh nghiệp.

4. Kế hoạch hành động

Với việc hình thành vào năm 2015 mạng lưới cựu sinh rộng khắp trên các lĩnh vực và các ngành của đất nước, nhà trường có kế hoạch và chủ trương từ năm 2016 sẽ thúc đẩy hơn nữa quan hệ với các doanh nghiệp để mở rộng và phát triển hoạt động tư vấn doanh nghiệp qua các đề tài NCKH ứng dụng vào thực tiễn để từ đó nâng cao chất lượng đào tạo của đội ngũ giảng viên theo định hướng lý thuyết gắn với thực tiễn.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tiêu chí 7.7. Có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực và đạo đức trong các hoạt động khoa học và công nghệ theo quy định; có các biện pháp để đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ

1. Mô tả

Khi các cán bộ, giảng viên của trường tham gia các hoạt động KH&CN, trước hết chính cán bộ giảng viên phải tự chịu trách nhiệm về nội dung và đạo

đức trong nghiên cứu. Ngoài ra, Nhà trường cũng có các quy định cụ thể về tiêu chuẩn cán bộ, giảng viên được tham gia chủ nhiệm đề tài các cấp, trong đó nêu rõ điều kiện để được chủ nhiệm đề tài các cấp [H7.7.7.1]. Về nội dung và đạo đức trong nghiên cứu, Nhà trường thành lập các hội đồng đánh giá kết quả nghiên cứu là các đề tài. Nếu có tình trạng vi phạm đạo đức trong nghiên cứu hay chất lượng không đảm bảo sẽ không được nghiệm thu. Trong nhiều năm qua, trường không có tình trạng vi phạm đạo đức trong NCKH.

Từ năm 2016 Nhà trường đã ban hành Quy định về sự trung thực trong đào tạo, NCKH tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân, theo đó Nhà trường sẽ sử dụng phần mềm kiểm tra tính trung thực của các giảng viên làm công tác NCKH và có các chế tài xử lý những trường hợp vi phạm đạo đức, đạo văn. [H7.7.7.2]

Các chủ nhiệm đề tài, nếu có nhu cầu đều được Nhà trường hỗ trợ đăng ký kết quả nghiên cứu với Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ KH&CN [H7.7.7.3]

2. Mặt mạnh

Các nhà khoa học trong trường đều có năng lực và đạo đức nghiên cứu tốt. Các quy định hiện hành về điều kiện được chủ nhiệm đề tài các cấp của trường là rõ ràng và phù hợp với các quy định chung trong quản lý hoạt động KH&CN.

Nhà trường có Quy định và có công cụ để kiểm tra phát hiện vi phạm đạo đức trong NCKH

3. Tồn tại

Việc kiểm tra tính trùng lặp trong nghiên cứu chủ yếu dựa vào hội đồng nghiệm thu. Do vậy chưa thể rà soát được hết sự trùng lặp trong nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường bắt đầu thực hiện kiểm tra tính liên chính trong NCKH bằng phần mềm Turnitin từ tháng 6 năm 2016 và sẽ tiếp tục triển khai trong những năm tiếp theo.

5. Tự đánh giá: Đạt

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 7: Đạt yêu cầu: 7/7 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 8

HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

Hoạt động HTQT tại Trường ĐHKQTĐ bao gồm các hoạt động tiếp xúc, làm việc, giảng dạy, hội thảo, các chương trình, dự án HTQT trong giáo dục, đào tạo, NCKH, phát triển công nghệ và tài trợ của các cá nhân, đơn vị trong Trường với các nước, các tổ chức quốc tế, các trường và các cơ sở giáo dục quốc tế, cá nhân người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài, các đại sứ quán, tổng lãnh sự quán, các tổ chức nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam... và những hoạt động nhằm xúc tiến, phát triển các nội dung kể trên. Tổ chức các hoạt động HTQT có liên quan tới tổ chức các hoạt động NCKH.

Tiêu chí 8.1: Các hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy định của Nhà nước

1. Mô tả

Hoạt động HTQT của Trường ĐHKQTĐ được triển khai theo đúng các Quy định của Nhà nước. Trường ĐHKQTĐ đã ban hành các quy định và hướng dẫn thực hiện công tác quan hệ quốc tế trong trường để cụ thể và chi tiết hóa các quy định hiện hành. Trường thống nhất phạm vi và đối tượng áp dụng, nguyên tắc tổ chức thực hiện các hoạt động HTQT, mục tiêu của hoạt động HTQT, nội dung các hoạt động HTQT, trách nhiệm và quyền hạn trong hoạt động HTQT. Thể hiện rõ trong các Quy định như: Phòng HTQT, các đơn vị phối hợp và các đơn vị chủ trì thực hiện hoạt động HTQT, cá nhân tham gia hoạt động HTQT, Giám đốc hoặc Trưởng ban điều hành của các chương trình, dự án liên doanh, liên kết, đoàn ra và cá nhân được cử ra nước ngoài công tác và học tập. Quy trình tổ chức các hoạt động HTQT đối với các thủ tục quản lý đoàn ra, các quy định với đoàn vào, thủ tục xin cấp visa vào Việt Nam cho các đoàn khách vào, tổ chức hội thảo khoa học quốc tế tại trường, xây dựng các chương trình, dự án, hoạt động HTQT, quản lý tài chính đối với hoạt động HTQT. Các nội dung này

đã bao trùm toàn bộ công tác quản lý các hoạt động HTQT của Trường, đảm bảo các đơn vị và các cá nhân trong Trường thực hiện theo đúng trách nhiệm và quyền hạn đã được phân công [H8.8.1.1] [H8.8.1.2] [H8.8.1.3].

Trong đó, đối với mảng công tác HTQT lớn khác là hoạt động quản lý lưu học sinh, Nhà trường giao Phòng HTQT là đơn vị đầu mối đã chủ trì xây dựng “Bộ thủ tục quản lý lưu học sinh” với những hướng dẫn cụ thể, thống nhất và điều phối công tác quản lý lưu học sinh tại các đơn vị đầu mối trong ngoài trường, đảm bảo thực hiện đúng các thông tư hiện hành về quản lý lưu học sinh nước ngoài học tập tại Việt Nam [H8.8.1.4].

2. Điểm mạnh

Trong quá trình thực hiện các hoạt động HTQT, Nhà trường đã bám sát các yêu cầu quản lý hoạt động HTQT, đảm bảo quy trình quản lý thống nhất xuyên suốt giữa các đơn vị, thường xuyên đánh giá, tổng kết hoạt động và báo cáo với các đơn vị quản lý chức năng như Cục Đào tạo với nước ngoài, Vụ HTQT, Bộ GD&ĐT... Các báo cáo này cũng thể hiện rõ trong thời gian qua, trực tiếp là 5 năm trở lại đây Nhà trường không vi phạm bất kỳ quy định nào về công tác quan hệ quốc tế.

3. Tồn tại

Việc quản lý các hoạt động HTQT tại Trường ĐHKQTĐ thiếu những công cụ hữu hiệu để thực hiện như các phần mềm ứng dụng CNTT trong quản lý, CSDL điện tử

Hoạt động HTQT gặp một số khó khăn trong việc phối hợp chung trong công tác quản lý, đặc biệt đối với chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài.

4. Kế hoạch hành động:

Triển khai đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015-2017 và theo chiến lược phát triển chung, Nhà trường giao Phòng HTQT đẩy mạnh việc tăng cường phối hợp với các đơn vị liên quan nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động HTQT ở cấp đơn vị và cấp trường; Soạn

thảo trình Hiệu trưởng ký ban hành quy định về xây dựng, phê duyệt đề án và quản lý các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài, lập kế hoạch theo dõi thực hiện, báo cáo, kiểm tra hàng năm.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.2: Các hoạt động hợp tác quốc tế về đào tạo có hiệu quả, thể hiện qua các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học, các hoạt động tham quan khảo sát, hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị của trường đại học.

1. Mô tả

Hoạt động HTQT của Trường ĐHKQTĐ đã đạt được những hiệu quả to lớn trong việc phát triển các các chương trình hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật; các chương trình trao đổi giảng viên và người học và trong việc hỗ trợ, nâng cấp CSVC, trang thiết bị của trường. Cụ thể như sau:

Hiện nay, toàn trường có 18 chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài từ bậc cử nhân tới cao học, các hình thức đào tạo đa dạng, tập trung tại 11 đơn vị của trường: Viện Đào tạo Quốc tế, Viện Quản trị Kinh doanh, Khoa Quản Trị Kinh Doanh, Trung tâm Pháp Việt Đào tạo về Quản lý, Viện ĐTSĐH, Khoa Toán Kinh tế, Viện Quản lý châu Á - Thái Bình Dương, Trung tâm Đào tạo tiên tiến, Chất lượng cao và POHE, Viện Kế toán - Kiểm toán, Viện Ngân hàng - Tài chính [H8.8.2.1]. Ngoài ra, Trường cũng phát triển chuyên giao đào tạo của Việt Nam sang Lào, hợp tác với Trường Đại học Quốc gia Lào. Các CTĐT tạo liên kết với nước ngoài cùng với các dự án hợp tác trong đào tạo đã trở thành mũi tiên phong trong đào tạo, tạo ra tác động lan tỏa trong việc xây dựng và phát triển các CTĐT mới với chất lượng cao tại Trường ĐHKQTĐ nói riêng và giáo dục Việt Nam nói chung. Nhiều sinh viên, học viên tốt nghiệp từ các chương trình này đã và đang đảm nhiệm những vị trí quan trọng trong các cơ quan quản lý của nhà nước, tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Các hoạt động hợp tác về đào tạo có hiệu quả cũng thể hiện qua kết quả triển khai các chương trình trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên và sinh viên. Nhà trường đã ký kết thỏa thuận hợp tác với 10 trường quốc tế triển khai hình thức trao đổi sinh viên thường xuyên, trong đó sinh viên có thể lấy tín chỉ hoặc không lấy tín chỉ, tổ chức các khóa học ngắn hạn tại Trường ĐHKQTĐ cho sinh viên quốc tế và ngược lại; hay Dự án “Trao đổi học thuật và chuyển giao tri thức quốc tế” - IMPAKT nằm trong chương trình Erasmus Mundus do Ủy ban châu Âu tài trợ học bổng cho sinh viên và giảng viên trao đổi học tập và nghiên cứu tại châu Âu. Trường cũng phối hợp với các tập đoàn và cơ quan quốc tế tổ chức các chuỗi bài giảng, seminar... Những hoạt động hợp tác này đều thu hút sự tham gia của giảng viên và sinh viên trong trường, góp phần mở rộng kiến thức xã hội và kiến thức chuyên môn [H8.8.2.3] [H8.8.2.4].

Các chương trình HTQT trong đào tạo đã góp phần hiệu quả trong việc nâng cao năng lực đào tạo và nghiên cứu của giảng viên. Thông qua việc trợ giảng hay trực tiếp giảng dạy cho các chương trình liên kết đào tạo bằng tiếng Anh, trên 150 giảng viên có điều kiện nâng cao trình độ học vấn, được đào tạo và tự đào tạo để có thể đào tạo theo chuẩn quốc tế. Hiện nay, Nhà trường đã có thể chủ động nguồn nhân lực giảng dạy bằng tiếng Anh. Ngoài ra, các chương trình hợp tác đào tạo như dự án với Đại học St.Mary, Chương trình tiên tiến cũng đưa đi đào tạo hàng chục lượt giảng viên tại Mỹ, Canada và thăm quan khảo sát, trao đổi học thuật với đối tác. Bên cạnh đó, sự hợp tác và kiểm soát chặt chẽ của đối tác cũng giúp cán bộ Nhà trường tiếp thu và tích lũy kinh nghiệm trong việc quản lý các chương trình theo chuẩn quốc tế [H8.8.2.2].

Các chương trình hợp tác đào tạo nước ngoài tạo nguồn thu lớn, ước tính đóng góp gần 1/3 tổng doanh thu của Nhà trường, góp phần nâng cấp CSVC và trang thiết bị của Nhà trường theo chuẩn quốc tế, đóng góp xây dựng nguồn tư liệu, học liệu của Nhà trường qua tài trợ của các đối tác như Tổ chức các trường Đại học khối Pháp ngữ (AUF), Hiệp hội Kế toán công chứng Anh Quốc (ACCA).

2. Điểm mạnh

Hoạt động HTQT của Trường ĐHKQTĐ được tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước và của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã cụ thể hóa bằng những văn bản hướng dẫn chi tiết để hỗ trợ triển khai hoạt động hợp tác quốc tế của Trường.

Các hoạt động HTQT của Trường được triển khai thực hiện theo hướng phát triển bền vững. Được thể hiện qua việc phát triển, nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên và góp phần đem lại nguồn thu đáng kể cho Nhà trường cũng như cải thiện hệ thống CSVC phục vụ đào tạo của Trường.

3. Tồn tại

Nhu cầu tiếp tục mở rộng các giảng đường có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu về chuẩn giáo dục của các chương trình vẫn còn nhiều; chưa phát triển được hệ thống chuyên gia tín chỉ với các trường đại học quốc tế nên sinh viên trường ĐHKQTĐ còn gặp khó khăn trong việc quy đổi tín chỉ sau khi kết thúc trao đổi.

4. Kế hoạch hành động

- Nhà trường giao phòng HTQT hoàn thiện Quy định về xây dựng, phê duyệt đề án và quản lý các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài trong năm 2016 để làm cơ sở cho việc thực hiện tự chủ về liên kết đào tạo với nước ngoài: Phát huy vai trò tự chủ tự chịu trách nhiệm, cân đối ngành nghề đào tạo khi xây dựng các chương trình liên kết tránh việc cạnh tranh giữa chính các đơn vị trong trường khi có các chương trình liên kết đào tạo cùng chuyên ngành, nâng cao chất lượng các chương trình liên kết đào tạo hiện có;

- Năm 2017, Phòng HTQT xây dựng và triển khai Đề án phát triển sinh viên quốc tế tại Trường ĐHKQTĐ nhằm phát triển trường thành trung tâm đào tạo sinh viên quốc tế lớn ở Việt Nam, có uy tín trong lĩnh vực KT, QL&QTKD, phát triển đa dạng các hình thức đào tạo sinh viên quốc tế khác nhau, nâng cao doanh thu từ hoạt động này.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 8.3: Các hoạt động hợp tác quốc tế về NCKH có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ, các chương trình áp dụng kết quả NCKH và công nghệ vào thực tiễn, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, công bố các công trình khoa học chung.

1. Mô tả

Các hoạt động HTQT về nghiên cứu được phát triển và triển khai tại trường ĐHKQTĐ được nhận định và đánh giá trong thời gian 5 năm vừa qua là đạt hiệu quả với nhiều hình thức khác nhau thông qua: Các Dự án nghiên cứu theo Nghị định thư, các Dự án tài trợ nghiên cứu và nâng cao năng lực NCKH và đào tạo của giảng viên, đầu tư trang thiết bị và tài liệu... Nhà trường đã chủ động tìm kiếm, khai thác các mối quan hệ, liên kết với các cơ quan, tổ chức quốc tế, doanh nghiệp và các cơ sở giáo dục nước ngoài tổ chức nhiều hội thảo quốc tế, tọa đàm khoa học quy tụ hàng nghìn lượt nhà nghiên cứu và các doanh nghiệp tham gia trao đổi về các vấn đề phát triển kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực và thế giới trên cả khía cạnh học thuật lẫn khía cạnh thực tiễn và xây dựng chính sách. [H7.7.6.2]

Một nét đáng chú ý trong công tác HTQT về NCKH là các Khoa, Viện cũng đã chủ động, sáng tạo trao đổi học thuật với các đối tác nước ngoài và tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế khác nhau.

Các dự án HTQT trong NCKH ngày càng nhiều và phát triển nhanh về phạm vi và quy mô, chất lượng các công trình hợp tác nghiên cứu được thừa nhận và đánh giá cao. HTQT trong lĩnh vực khoa học của Trường đã có nhiều đóng góp tích cực trong quá trình tư vấn, xây dựng chính sách kinh tế-xã hội của Việt Nam cũng như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu của Trường, nhiều công trình nghiên cứu được xuất bản có chất lượng cao, trở thành dự án tiêu biểu cho hoạt động HTQT trong lĩnh vực KH&CN của Bộ GD&ĐT và có tính thực tiễn cao.

2. Điểm mạnh

Hoạt động HTQT của Trường ĐHKQTĐ trong NCKH ngày càng phát

triển nhanh về phạm vi và quy mô, chất lượng các công trình hợp tác nghiên cứu được thừa nhận và đánh giá cao. HTQT trong lĩnh vực khoa học của Trường đã có nhiều đóng góp tích cực trong quá trình tư vấn, xây dựng chính sách kinh tế-xã hội của Việt Nam cũng như đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nghiên cứu của Trường.

3. Tồn tại:

Hiện tại các hoạt động HTQT về NCKH có suy giảm so với các năm trước do các dự án ODA hỗ trợ nâng cao năng lực cho Việt Nam nói chung đã bị cắt giảm.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường giao phòng HTQT phối hợp với Phòng Quản lý khoa học xây dựng kế hoạch năm 2017 trong đó chú trọng tìm kiếm đối tác nước ngoài mới, củng cố phát triển và mở rộng các hình thức hợp tác NCKH với các đối tác nước ngoài truyền thống của Trường. Hoạt động hợp tác nghiên cứu với các trường đại học thuộc các nước theo chương trình liên kết nghiên cứu hoặc nhiệm vụ nghiên cứu thuộc Nghị định thư.

5. Tự đánh giá: Đạt.

() Ban hành kèm theo Quyết định số 76/QĐ-ĐHKTQD ngày 19 tháng 01 năm 2011, và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 758/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 8: Đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 9

THƯ VIỆN, TRANG THIẾT BỊ HỌC TẬP VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT KHÁC

Mở đầu

Trường ĐHKQTĐ có đầy đủ các điều kiện số lượng, chất lượng về thư viện, trang thiết bị học tập và CSVC khác đảm bảo phục vụ tốt cho các hoạt động dạy, học, NCKH của Trường.

Thư viện của trường có 130.000 ấn phẩm tài liệu, sách giáo trình; 75 đầu báo tạp chí chuyên ngành, khoảng 13.000 cuốn luận văn thạc sỹ, tiến sỹ; 348 đề tài NCKH và hệ thống CSDL điện tử phục vụ giáo viên, học viên tra cứu tài liệu.

Hệ phòng phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh ánh sáng, thiết bị trình chiếu và hệ thống điều hoà. 2/3 số phòng học đạt tiêu chuẩn phòng học hiện đại. Hiện nay, trường có 2.183 máy tính, trong đó 1.000 máy tính phục vụ dạy và học cho sinh viên. Số còn lại cung cấp cho các viện, khoa, phòng ban để phục vụ NCKH và quản lý. Tất cả các máy vi tính trong toàn trường được nối mạng Internet 24/24 giờ, hệ thống mạng Wifi đã phủ sóng toàn khu vực trong Trường. Viên chức, sinh viên được cấp account thư điện tử miễn phí, các máy tính tại viện, khoa, phòng ban, trên các phòng học giảng đường máy tính đều được truy cập Internet miễn phí. Trường đầu tư hệ thống máy chủ để đảm bảo cho hoạt động CNTT của Trường thông suốt và đạt hiệu quả tốt nhất.

Ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

Công tác quy hoạch đất đai Trường cũng được chú trọng. Nhà trường có quy hoạch hiện trạng tổng thể, diện tích khuôn viên đất của Trường 127.888,1 m², diện tích xây dựng nhà 72.103,98 m², diện tích sàn sử dụng 161.548,87 m². Công tác quy hoạch tổng thể được chú trọng, khi có bất cứ thay đổi xây dựng thêm tòa nhà đều được điều chỉnh, thực hiện đúng các quy định Nhà nước, quy

hoạch phù hợp chiến lược phát triển của Trường cũng như phù hợp quy hoạch chung của Thành phố.

Trường có biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Những điều này được thể hiện chi tiết qua 9 tiêu chí sau đây:

Tiêu chí 9.1. Thư viện của trường đại học có đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học. Có thư viện điện tử được nối mạng, phục vụ dạy, học và NCKH có hiệu quả.

1. Mô tả

Thư viện của Trường ĐHKQTĐ có đầy đủ các điều kiện về số lượng, chất lượng, trang thiết bị học tập và CSVC khác đảm bảo phục vụ tốt và đáp ứng yêu cầu cho các hoạt động giảng dạy, học tập, NCKH của người học và của giảng viên. Thư viện có một tòa nhà 3 tầng riêng với diện tích gần 4500m², đây là điều kiện thích hợp cho hoạt động của Thư viện, bạn đọc có không gian riêng, yên tĩnh để đọc sách, nghiên cứu. [minh chứng là báo cáo về CSVC của trường về thư viện, Danh mục đầu sách, ấn phẩm tài liệu của thư viện, đường link vào thư viện điện tử]

Thư viện của trường hiện có:

a. Sách:

- Tài liệu loại giáo trình: 706 đầu ấn phẩm bằng 14.000 cuốn,
- Sách tham khảo quốc văn có 10.171 đầu sách bằng 99.199 cuốn;
- Sách tham khảo ngoại văn có trên 7516 đầu sách bằng 8.746 cuốn;

Tổng số các loại đầu sách Thư viện có hiện nay, bao gồm cả sách cũ lưu lên tới trên 130.000 ấn phẩm.

Các loại sách này được phân về các kho phục vụ như kho mở Việt văn, kho Ngoại văn (đọc tại chỗ), kho kín (mượn về nhà).

b. Báo, Tạp chí:

- Hiện tại Thư viện có 75 đầu báo tạp chí chuyên ngành.

Số lượng báo, tạp chí này được phục vụ tại kho riêng, tuy nhiên số bạn đọc hiện nay tham khảo báo, tạp chí trên bản giấy là rất ít.

c. Luận án, luận văn:

Thư viện hiện có :

- 1133 cuốn luận án tiến sỹ,
- 11461 thạc sỹ,
- 348 đề tài NCKH;

Toàn bộ nguồn tài liệu này được lưu trữ trong kho Luận án - Luận văn, số lượng bạn đọc tham khảo tài liệu này khá đông (khoảng 200 lượt/ngày)

d. Tài liệu điện tử :

Về nguồn tài liệu số, hiện tại Thư viện có:

✓ Tài liệu nội sinh:

- Luận văn thạc sỹ: 2646
- Luận án tiến sỹ: 275

✓ Tài liệu ngoại sinh:

- CSDL online mua của nước ngoài:
 - CSDL Proquest Central
 - CSDL Emerald Insightr
 - CSDL ScienceDirect
- Ebook mua của nước ngoài
 - Bộ 75 đầu sách điện tử Business Expert Press (BEP) 2013-2014.

1.2. Hệ thống máy tính:

Hiện Thư viện có hệ thống mạng LAN, 1 server và 58 máy trạm, được kết nối Internet.[H9.9.1.2]

2. Điểm mạnh

Nguồn tài liệu của Thư viện phong phú về thể loại, đầy đủ số lượng, đa dạng về loại hình đáp ứng tốt nhu cầu tham khảo tài liệu của bạn đọc

Thư viện có hệ thống mạng máy tính (58 máy) kết nối Internet, phục vụ bạn đọc tra cứu tài liệu ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào.

Thư viện thực hiện quản trị Thư viện qua phần mềm tích hợp, giúp cán bộ Thư viện thực hiện quản lý nguồn tài nguyên, cũng như quản lý bạn đọc hiệu quả.

3. Tồn tại

Không gian thư viện còn hạn chế, chưa đảm bảo chỗ cho việc học và nghiên cứu tại chỗ. Bởi vì Thư viện có một tòa nhà độc lập nhưng một phần của tòa nhà bị sử dụng cho việc khác.

Kinh phí dành cho việc mua tài liệu chưa nhiều, cơ sở thiết bị còn lạc hậu, chậm cập nhật đổi mới hay bảo trì, bảo dưỡng làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Thư viện.

Việc khai thác nguồn tài liệu điện tử của Thư viện hiện tại vẫn chưa đạt hiệu quả cao, nhất là nguồn tài liệu nội sinh, nguồn tài liệu này hiện vẫn đang trong quá trình xử lý dữ liệu. Việc khai thác nguồn tài liệu mua của nước ngoài vẫn còn hạn chế bởi rào cản tiếng Anh của người học.

4. Kế hoạch hành động

Hiện tại, Trường ĐHKQTĐ đang dự kiến cấp cho Thư Viện một không gian hợp lý, thuận tiện tại tòa nhà Trung tâm đào tạo của Trường. Đây là một Thư viện được thiết kế mới hoàn toàn, với diện tích hơn 10.000 m², cùng với trang thiết bị hiện đại. Kế hoạch năm 2017 sẽ đưa vào sử dụng, điều này hứa hẹn một tương lai gần, rất tốt đẹp cho Thư viện ĐHKQTĐ.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.2. Có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo

1. Mô tả

Với quy mô đào tạo hiện nay, Trường DDHKTQD đáp ứng đủ nhu cầu về CSVC, phòng học, phòng máy tính cho người học thuộc các hệ đào tạo của trường. Hiện nay, Trường có 148 phòng học, trong đó 07 phòng học ngoại ngữ, 19 phòng máy tính, 123 phòng học tại các khu giảng đường trong trường. Các phòng học này được khai thác sử dụng với tần suất cao 3 ca/ ngày kể cả ngày thứ 7 và chủ nhật để đáp ứng nhu cầu dạy học cho các hệ. [H9.9.2.3], [H9.9.2.4].

07 phòng học dành riêng cho học ngoại ngữ, 06 phòng nhỏ có sức chứa 45 sinh viên và 01 phòng được trang bị hiện đại với hệ thống phần mềm tương tác giữa giáo viên và người học để giúp sinh viên luyện nghe, nói và thực hành bài tập.

19 phòng học máy tính dùng chung cho các hệ chính quy, chương trình tiên tiến chất lượng cao, hệ văn bằng 2, học viên cao học... dùng để học và thi trắc nghiệm trên máy; Trong số đó có một số phòng được cài đặt các phần mềm phục vụ riêng cho từng chuyên ngành ví dụ C105 dùng cho các chuyên ngành của khoa Marketing; C106 dùng cho các chuyên ngành của khoa Môi trường và Đô thị, C205 dùng cho các chuyên ngành của Viện Ngân hàng Tài chính; C206 dùng cho các chuyên ngành của Khoa QTKD. Phòng C102,C202,C306 dùng cho thực tập và học công cụ lập trình tin học, từ phòng C301 đến phòng C305 phòng thực hành của môn toán kinh tế. 01 phòng máy tính tầng 4 nhà 10 dùng cho học sinh cao học của viện Châu Á Thái Bình Dương, Viện Chính sách công và Quản lý. 02 phòng máy để đào tạo các lớp ngắn hạn thuộc Trung tâm Đào tạo liên tục. Các phòng máy này được trang bị các phần mềm chuyên biệt, phục vụ tốt cho việc khai thác các dữ liệu điện tử để dạy, học, NCKH, đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo. [H9.9.2.1] và [H9.9.2.2].

Ngoài các phòng học nêu trên, Trường có 01 cơ sở thực hành cho sinh viên ngành Du lịch- Khách sạn.

Bên cạnh hệ thống phòng học hiện có tại trường, và để đáp ứng nhu cầu người học nên trường đã ký hợp đồng liên kết đào tạo với Trường Cao đẳng Công thương về việc sử dụng 37 phòng học để bố trí thời khoá biểu học cho các hệ tại giảng đường Vũ Trọng Phụng [H9.9.2.5]. Đến giữa năm 2017, khi nhà Trung tâm đào tạo của Trường đi vào sử dụng, Nhà trường sẽ có thêm 146 phòng học chất lượng cao nữa.

2. Điểm mạnh

Theo yêu cầu đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo, Trường đã đáp ứng đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

3. Tồn tại

Do Nhà trường đang tập trung nguồn vốn để hoàn thiện nhà Trung tâm Đào tạo nên tạm thời quỹ giảng đường còn thiếu, Nhà trường cần phải liên kết với Trường Cao đẳng Công thương để bố trí một số lớp học, những lớp học này cách xa Trường khoảng 4km nên gây khó khăn cho giảng viên và học viên trong việc đi lại.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà Trung tâm đào tạo, theo kế hoạch đến cuối năm 2017 toà nhà này sẽ được khai thác đưa vào sử dụng. Trường sẽ có thêm 146 phòng học, 08 hội trường với sức chứa 168 chỗ và 01 hội trường có sức chứa 1000 chỗ. Với số phòng học này Nhà trường lên kế hoạch đầu tư thành các phòng học đa năng, phòng học, phòng thực hành theo từng lĩnh vực, chuyên ngành đào tạo. Chắc chắn với số lượng CSVN này Trường sẽ đáp ứng đủ cả về số lượng và chất lượng phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.3. Có đủ trang thiết bị dạy và học để hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH, được đảm bảo về chất lượng sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của các ngành đang đào tạo:

1. Mô tả

Với quan điểm người học là trung tâm, Nhà trường luôn quan tâm chú trọng tới việc cung cấp, hỗ trợ đầy đủ trang thiết bị cho các hoạt động đào tạo, NCKH của Trường. Toàn bộ số phòng học, phòng thực hành mô tả tại tiêu chí 9.2. Trường đã đầu tư lắp đặt các thiết bị hỗ trợ tương ứng. Tại các giảng đường sử dụng làm phòng máy tính 100% lắp điều hoà, thiết bị âm thanh, máy chiếu.

Các phòng học đều đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng phòng học đạt chuẩn về âm thanh, ánh sáng, thiết bị trình chiếu, trong đó 2/3 số phòng học đạt tiêu chuẩn phòng học hiện đại, phục vụ cho các hệ chương trình tiên tiến, các chương trình liên kết với nước ngoài, đào tạo cao học, nghiên cứu sinh. Có 01 Hội trường và 02 phòng họp lớn để tổ chức hội thảo, hội nghị trong nước và quốc tế. Trường có 19 phòng máy tính. Trong 19 phòng này, hiện có 1.000 máy tính phục vụ sinh viên các hệ học tập và tra cứu số liệu.

Ngoài việc trang bị CSVN, trang thiết bị đạt chuẩn cho các CTĐT chung của toàn Trường, đối với các chuyên ngành đào tạo có đặc thù riêng, Nhà trường cũng đầu tư trang thiết bị đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập, giảng dạy, thực hành của những ngành đó. Khoa Môi Trường và Đô thị được trang bị bộ máy định vị vệ tinh GPS, Bộ test nhanh các tiêu chí đất, Máy thu GNSS phục vụ thu thập số liệu bản đồ, thiết bị quang phổ phân tích đa chỉ tiêu môi trường nước, thiết bị đa năng đo chỉ tiêu không khí, độ ồn và các dữ liệu điện tử online digitalize map support software, dữ liệu điện tử tài nguyên môi trường VN, Dữ liệu điện tử đô thị VN, phần mềm phục vụ dạy tin học lập trình, phần mềm học toán kinh tế, phần mềm QTKD, kinh tế học... Khoa Ngoại ngữ được trang bị phần mềm dạy học ngoại ngữ cho giáo viên và học viên... Thư viện có 01 phòng máy tính với 60 máy tính và dữ liệu luận văn điện tử quốc tế, tạp chí điện tử, proquets phục vụ bạn đọc tra cứu. [H9.9.3.1].

Các Viện, Khoa, bộ môn được trang bị máy tính để bàn và máy tính xách tay phục vụ quản lý sinh viên, quản lý điểm và hỗ trợ NCKH. [H9.9.3.2], [H9.9.3.5].

Các máy móc, thiết bị được khai thác sử dụng hợp lý và hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo [H9.9.3.6], [H9.9.3.7], [H9.9.3.8].

Trường có bộ phận chuyên trách được giao nhiệm vụ quản lý trang thiết bị [H9.9.3.3].

Hàng năm, Trường có kế hoạch tổng kiểm kê đánh giá chất lượng thiết bị. Qua đó bộ phận chức năng lập kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng và định kỳ thay thế các thiết bị cũ hỏng, hết khấu hao để đảm bảo máy móc thiết bị phục vụ quản lý, dạy, học và NCKH [H9.9.3.4]. Kinh phí cho kế hoạch này được phân bổ từ nguồn ngân sách và nguồn thu hợp pháp của Trường.

2. Điểm mạnh

Trường cung cấp đủ trang thiết bị phục vụ cho công tác quản lý, dạy, học, và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo và NCKH trong toàn Trường.

3. Tồn tại

Thiết bị đầu tư còn dàn trải, một số chuyên ngành cần tăng cường đầu tư thêm thiết bị, ví dụ như khoa Ngoại ngữ cần đầu tư thêm một số phòng lab dạy, học ngữ hiện đại và đầu tư thêm thiết bị phục vụ NCKH phù hợp với định hướng phát triển Trường là trở thành Trường định hướng nghiên cứu.

4. Kế hoạch hành động:

Nhà trường giao Phòng Quản trị thiết bị chủ động phối hợp với Khoa Ngoại ngữ kinh tế và Phòng Tài chính kế toán lập kế hoạch cử 01 Tổ khảo sát tham quan học hỏi kinh nghiệm của các trường đào tạo ngoại ngữ trong nước, đề xuất đầu tư mua phần mềm, thiết bị chuyên dụng cho việc dạy, học ngoại ngữ, dự kiến triển khai ngay trong năm học 2016-2017.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.4. Cung cấp đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy và học, NCKH và Quản lý.

1. Mô tả

Nhà trường đầu tư và cung cấp đầy đủ thiết bị CNTT cho công tác giảng dạy đào tạo, NCKH của trường và hệ thống CNTT, các thiết bị tin học được Nhà trường đầu tư cho tới nay đang hoạt động rất hiệu quả. Trường có 2.183 máy tính, trong đó 1.000 máy tính phục vụ dạy và học cho sinh viên. Số còn lại cung cấp cho các viện, khoa, phòng ban phục vụ NCKH và quản lý. Các giảng đường 100% đã lắp máy chiếu [H9.9.3.1]. Đối với cán bộ phòng, ban mỗi viên chức được cấp 01 máy tính bàn để làm việc. Khoa bộ môn đều được cấp máy tính xách tay, máy tính bàn, máy photocopy, máy chiếu phục vụ giảng dạy, NCKH và quản lý [H9.9.3.2].

Tất cả các máy vi tính trong toàn Trường được nối mạng Internet 24/24 giờ thông qua các đường truyền dẫn do các nhà cung cấp dịch vụ VDC, NETNAM, FPT, Viettel,... Hệ thống mạng Wifi đã phủ sóng mạng không dây khu làm việc trong Trường. Viên chức, sinh viên được cấp account thư điện tử miễn phí, các máy tính tại viện, khoa, phòng ban, trên các phòng học giảng đường máy tính đều được truy cập Internet miễn phí. Trường đầu tư hệ thống máy chủ để đảm bảo cho hoạt động CNTT của trường thông suốt và đạt hiệu quả tốt nhất.

Mỗi sinh viên được cấp 01 hộp thư điện tử và một tài khoản để phục vụ cho quá trình học tập của mình [H4.4.5.1].

Bộ phận viên chức quản lý của Trường sử dụng phần mềm E-Office Cloud là hệ thống phần mềm trao đổi thông tin, điều hành tác nghiệp và quản lý trình duyệt công văn, văn bản, hồ sơ công việc trên mạng máy tính giúp công tác điều hành và quản lý tiết kiệm thời gian và đạt hiệu quả cao. [H9.9.4.1], [H9.9.4.2], [H9.9.4.3].

Toàn bộ giảng viên, viên chức, sinh viên đều được cấp account thư điện tử miễn phí để tra cứu thông tin, và lấy số liệu, bài viết, giáo trình để phục vụ cho quá trình dạy, học, NCKH.

Nhà trường có 01 bộ phận Quản trị mạng với đội ngũ kỹ thuật viên có tay nghề cao để hỗ trợ, hướng dẫn việc sử dụng các thiết bị tin học cho cán bộ, giảng viên và người học [H9.9.4.4].

Bên cạnh hệ thống máy móc, thiết bị hiện có. Trường còn đầu tư hệ thống phần mềm học liệu điện tử, để phục vụ phục vụ cho việc dạy, học và NCKH của giảng viên, học viên các hệ. Gần đây nhất, Trường đã đầu tư phần mềm tra cứu luận văn và cung cấp tài khoản cho giảng viên, học viên trong việc viết và chấm luận văn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. Để phục vụ công tác quản lý, trường đầu tư phần mềm quản lý sinh viên, phần mềm quản lý điểm, phần mềm quản lý cán bộ, phần mềm kế toán, quản lý tài sản... [H9.9.3.2].

Để đảm bảo cho hệ thống CNTT của trường hoạt động tốt, Trường đã có các biện pháp bảo vệ an toàn, an ninh cho toàn bộ hệ thống mạng và các máy tính trong Trường. Cụ thể, Trường có hệ thống tường lửa (Firewall), Router, hệ thống cảnh báo xâm nhập (IDS) cho các máy chủ và mạng LAN của Trường. Các máy tính có phần mềm diệt vi rút. [H9.9.3.2].

Hàng năm, Trường có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, đầu tư hệ thống máy chủ, máy trạm, và mua thêm một số phần mềm mới. [H9.9.3.4]

2. Điểm mạnh

Hệ thống CNTT của trường gồm mạng lưới máy chủ, máy trạm, phần mềm và bộ máy quản trị mạng được Nhà trường chú trọng đầu tư và đang hoạt động tốt, hỗ trợ hiệu quả cho các hoạt động đào tạo, NCKH và quản lý.

3. Tồn tại

Một số phòng máy tính và phần mềm tin học hỗ trợ đào tạo, quản lý đào tạo được đầu tư từ những năm 2006 đã trở nên lỗi thời và hết khấu hao, hoạt động kém hiệu quả.

CSDL điện tử của Trường chưa được mở rộng và cập nhật thường xuyên.

4. Kế hoạch hành động

Với việc thực hiện đề án tự chủ và việc đưa vào sử dụng tòa nhà Trung

tâm đào tạo trong năm 2017, Trường sẽ đầu tư hơn nữa về trang thiết bị CNTT, để thay thế một số phòng máy tính được đầu tư từ năm 2006. Nhà trường cũng đang triển khai Đề án Thư viện điện tử dùng chung để đáp ứng nhu cầu tra cứu, cập nhật dữ liệu điện tử một cách nhanh nhất giúp cho giảng viên, viên chức, người học của Trường và các trường bạn đạt được hiệu quả cao trong quá trình dạy, học, NCKH và Quản lý.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.5 Có đủ diện tích lớp học theo quy định cho việc dạy và học; Có ký túc xá cho người học, đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; Có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo quy định.

1. Mô tả:

Hiện nay Nhà trường đang tập trung khai thác và sử dụng các giảng đường trong Trường B1, B2, C, D1, D2... tổng số 123 phòng học, diện tích hơn 13.000 m². Với quy mô 43.243 sinh viên các hệ trong đó hệ đào tạo đại học chính quy là 18.854 sinh viên, CSVN cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy [H9.9.2.1].

Hàng năm, Trường đều có kế hoạch cải tạo sửa chữa khu giảng đường. Bộ mặt giảng đường được cải thiện đáng kể, các phòng học khang trang, sạch sẽ, đa số các phòng học đều được trang bị đầy đủ các thiết bị hiện đại, một số phòng được lắp điều hòa đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập.

Đối với các giảng đường lớn B, C, D1 Nhà trường đã quyết định xây dựng cầu nối lưu thông giữa 3 giảng đường nhằm mục tiêu tăng cường giao lưu giữa các giảng đường, tạo thuận lợi cho việc đi lại qua các giảng đường của giảng viên, sinh viên trong Trường. Tại các giảng đường đều được đánh số các phòng học và có sơ đồ chỉ dẫn tại các tầng của giảng đường [H9.9.5.2].

Nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập, phù hợp hơn với quy mô sinh viên ngày càng phát triển qua các năm và chiến lược phát triển Trường, Trường

đã ký Hợp đồng với Trường Cao đẳng Công thương về việc sử dụng 37 phòng học để bố trí thời khoá biểu học cho các hệ tại giảng đường Vũ Trọng Phụng [H9.9.2.5].

Việc đầu tư xây dựng và sắp sửa hoàn thành đưa vào sử dụng tòa nhà Trung tâm đào tạo vào năm 2017, điều này sẽ góp phần nâng cao CSVC cho Nhà trường, phù hợp với chiến lược phát triển, đáp ứng nhu cầu phát triển trước mắt cũng như lâu dài của Nhà trường. Dự kiến 146 phòng học hiện đại đạt tiêu chuẩn phòng học hiện đại với tổng diện tích 11.335 m² được bổ sung thêm sẽ đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, học tập của học viên tạo nên sự chuyên nghiệp trong công tác đào tạo, góp phần đưa Trường trở thành cơ sở đào tạo hàng đầu trong lĩnh vực KT, QL & QTKD. Đây là công trình hiện đại nhất, quy mô lớn nhất, điển hình nhất trong các cơ sở đào tạo đại học và sau đại học ở nước ta.

Hiện nay, Nhà trường có 07 dãy nhà ở trong ký túc xá (KTX 1, 2, 3, 4, 11, 14 và nhà khách dân số) với 448 phòng đáp ứng nhu cầu của 2.893 sinh viên nội trú trong đó có 1 ký túc xá 5 tầng (nhà 14) dành riêng cho sinh viên Lào-Campuchia [H9.9.5.1]. Nhà trường đã ban hành các tiêu chuẩn được xét vào ở tại ký túc xá và các tiêu chuẩn ưu tiên cho các đối tượng được hưởng các chế độ đặc biệt [H6.6.2.3] theo quy định của Nhà nước. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch sửa chữa, cải tạo nhằm nâng cao điều kiện sinh hoạt của sinh viên tại ký túc xá [H9.9.3.6] [H9.9.3.7].

Để phục vụ các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật. Nhà trường có 01 nhà văn hóa với diện tích 2.010,16 m², sức chứa hơn 600 chỗ ngồi và 01 phòng tưởng niệm, 01 phòng truyền thống và 02 sân tennis, 01 sân cầu lông và 01 sân thể thao với diện tích 5.060,34 m² [H9.9.5.2]. Các sân bãi đều được trang bị đầy đủ CSVC phục vụ tốt các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao [H9.9.5.2]. Nơi đây diễn ra nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao của Trường cũng như tổ chức các cuộc thi đấu, giao lưu với các Trường bạn và các đơn vị khác. Tại các sân thể thao đều có kế hoạch sử dụng, lịch sử dụng sân bãi rõ ràng, ngoài ra các sân được sinh viên sử dụng phục vụ học tập, rèn luyện thể chất và học các môn giáo dục quốc phòng.

2. Những điểm mạnh

Diện tích lớp học đáp ứng việc nhu cầu học tập, giảng dạy, các lớp học đa số được trang bị hiện đại. Ký túc xá đảm bảo diện tích nhà ở và sinh hoạt của sinh viên nội trú. Hệ thống sân bãi phục vụ hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao đầy đủ đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện giải trí của sinh viên và các hoạt động văn hóa nghệ thuật của Trường.

3. Những tồn tại

Do phải tập trung tài chính để đối ứng xây dựng công trình Nhà Trung tâm đào tạo, Nhà trường vẫn đang sử dụng một số phòng học cấp 4. Hàng năm Ký túc xá đều cải tạo sửa chữa nhưng vẫn dần trải, chưa thay đổi đồng bộ.

4. Kế hoạch hành động

Cùng với CSVN hiện có, Nhà trường phấn đấu hoàn thành, đưa vào sử dụng 146 phòng học tại tòa nhà Trung tâm đào tạo vào năm 2017 với trang thiết bị hiện đại đạt tiêu chuẩn sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy ngày càng phát triển của Nhà trường, tiến gần hơn sự chuyên nghiệp về giáo dục của các nước trong khu vực và trên thế giới. Bên cạnh đó Nhà trường đã có chiến lược quy hoạch tổng thể Trường đến năm 2020, cải tạo lại khuôn viên giảng đường trong Trường tạo cảnh quan môi trường học tập thân thiện, hiện đại, gần gũi thiên nhiên và có chiến lược quy hoạch tổng thể lại khu làm việc hiện nay sau khi tòa nhà Trung tâm đào tạo đưa vào sử dụng.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.6: Có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên cơ hữu theo quy định

1. Mô tả

Hiện nay, với đội ngũ cán bộ, giảng viên cơ hữu của Trường là 1.203 người và với tổng diện tích 13.083,71 m² tại các tòa nhà làm việc như: Nhà 5, 6, 6B, 7, 7B, 9,10,11,14, Viện Quản trị kinh doanh, Viện Dân số và các vấn đề xã hội, Trung tâm thư viện, Trạm y tế... Nhà trường có đủ phòng làm việc cho cán

bộ giảng viên cơ hữu theo quy định. Cụ thể: có phòng làm việc riêng cho Ban Giám hiệu, các phòng chức năng đều có phòng làm việc riêng cho lãnh đạo và các phòng cho viên chức trực thuộc. Các Khoa đều được bố trí văn phòng khoa và phòng sinh hoạt chuyên môn cho giảng viên. Các CBGV được bố trí làm việc tại hơn 200 phòng. Được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để làm việc. Các tòa nhà làm việc đa phần là 5 tầng, được thiết kế phù hợp với tính năng sử dụng. Hàng năm, Nhà trường đều có kế hoạch cải tạo sửa chữa [H9.9.6.1].

Với nhu cầu đào tạo ngày càng phát triển của Trường, số lượng cán bộ, giảng viên mới hàng năm đều được bổ sung thêm. Việc cải tạo sửa chữa hàng năm của Nhà trường là cần thiết. Trường đã có chiến lược để phù hợp với tình hình sử dụng trước mắt, cũng như lâu dài nhằm nâng cao CSVC, cải thiện điều kiện làm việc cán bộ giảng viên trong Trường. Nhà trường đang thực hiện quy hoạch xây dựng CSVC và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng tòa nhà Trung tâm đào tạo vào năm 2017. Tòa nhà hoàn thành khai thác sử dụng sẽ đáp ứng nhu cầu các phòng làm việc hiện đại cho cán bộ và giảng viên bổ sung thêm 115 phòng làm việc được trang bị hiện đại [H9.9.6.2].

Việc sửa chữa nâng cấp các phòng làm việc đều có kế hoạch hàng năm được duyệt. Các đơn vị sử dụng đăng ký nhu cầu, phòng quản trị thiết bị thẩm định, dự kiến mức kinh phí, Phòng Tài chính Kế toán cân đối kế hoạch tài chính năm và báo cáo Ban giám hiệu phê duyệt [H9.9.3.6]

Nhà trường có quy định cụ thể tiêu chuẩn trang thiết bị làm việc theo đơn vị và theo chức danh [H9.9.3.5]. Trang thiết bị tại đơn vị đều được Phòng Quản trị thiết bị quản lý, cập nhật tình trạng sử dụng và hàng năm đều có kiểm kê tài sản [H9.9.3.2].

2. Những điểm mạnh

Nhà trường có đủ phòng làm việc cho các cán bộ, giảng viên cơ hữu theo quy định. Các phòng làm việc đều được trang bị đầy đủ CSVC, thiết bị đáp ứng nhu cầu làm việc.

3. Những tồn tại

Nhà trường chưa có phòng làm việc riêng cho Giáo sư, Phó Giáo sư.

Một số đơn vị của Trường vẫn phải sử dụng phòng làm việc tại các khu nhà cấp 4.

4. Kế hoạch hành động

Nhà trường đã xây dựng dự án Đầu tư xây dựng Nhà Trung tâm đào tạo và sẽ hoàn thành, đưa vào sử dụng vào năm 2017. Với quy mô 01 khối làm việc 19 tầng, 01 khối giảng đường (13 tầng) khối thư viện 05 tầng và 2 tầng hầm. Tất cả được trang bị hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế sẽ góp phần đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu, giảng dạy ngày càng phát triển của Nhà trường, nâng cao hiện đại CSVC, tạo sự chuyên nghiệp trong đào tạo.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.7: Có đủ diện tích sử dụng đất theo quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-85. Diện tích mặt bằng tổng thể đạt mức tối thiểu theo quy định

1. Mô tả

Trường ĐHKQTĐ được thành lập theo Nghị định số 678-TTg ngày 25/01/1956 với tên gọi ban đầu là Trường Kinh Tế tài chính. Ngay từ khi Trường bắt đầu thành lập, Nhà nước đã ban hành các văn bản, quyết định giao đất cùng với các sơ đồ, bản vẽ mốc giới Trường [H9.9.7.1], [H9.9.7.3], [H9.9.7.4].

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác quản lý, khai thác sử dụng đất đai, Trường đã xây dựng tường rào bảo vệ, cắm mốc giới đất thuộc Trường quản lý. Bên cạnh đó, Trường phối hợp với các cơ quan có chức năng trên địa bàn như UBND Phường Đồng Tâm, UBND Quận Hai Bà Trưng, Công an Phường Đồng Tâm, Công an quận Hai Bà Trưng trong công tác quản lý sử dụng đất, chống lấn chiếm và đảm bảo an ninh trật tự khu vực đất đai Trường quản lý.

Công tác quy hoạch đất đai Trường cũng được chú trọng, điều đó thể hiện rõ qua các bản vẽ, sơ đồ quy hoạch hiện trạng tổng thể Trường [H9.9.7.2]. Hiện nay diện tích khuôn viên đất của Trường là 127.888,1m², diện tích xây dựng nhà là 72.103,98 m², diện tích sàn sử dụng là 161.548,87 m² [H9.9.7.5].

Nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập, phù hợp hơn với quy mô sinh viên ngày càng phát triển qua các năm và chiến lược phát triển Trường, Trường đã ký Hợp đồng với Trường Cao đẳng công thương về việc sử dụng 37 phòng học để bố trí thời khoá biểu học cho các hệ tại giảng đường Vũ Trọng Phụng [H9.9.2.5].

Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường cũng như nhằm nâng cao CSVC, Trường đã có quyết định đầu tư một số dự án xây dựng để tối ưu việc sử dụng diện tích đất trong phạm vi quản lý của mình [H9.9.7.8], [H9.9.7.9]. Bên cạnh đó, Trường có kế hoạch mở rộng diện tích đất đai đang quản lý bằng cách phối hợp với các cơ quan chức năng trên địa bàn giải phóng mặt bằng một số khu vực thuộc Trường quản lý để phục vụ xây dựng dự án đào tạo của Trường [H9.9.7.10], [H9.9.7.11], [H9.9.7.12]

2. Những điểm mạnh

Quản lý đất đai khuôn viên Trường tốt, Nhà trường có chiến lược quy hoạch đất đai hiện trạng Trường rõ ràng, bản vẽ mốc giới cụ thể, đầy đủ.

3. Những tồn tại

Một số khu đất vẫn bị lấn chiếm trước năm 1996 chưa thu hồi được, diện tích đất được giao chưa phù hợp với nhu cầu phát triển của Trường.

4. Kế hoạch hành động

Trường đã có văn bản đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, quyết định thu hồi phần diện tích còn lại để giải phóng mặt bằng xây dựng Trường, năm 2017 sau khi hoàn thành Tòa nhà Trung tâm đào tạo, Trường sẽ tái đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét giải quyết. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch, chiến lược lâu dài quy hoạch tổng thể đất đai phù hợp với định hướng phát triển Trường đến năm 2020.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.8: Có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển CSVC trong kế hoạch chiến lược của Trường

1. Mô tả

Nhà trường có trụ sở làm việc tại 207 đường Giải phóng, quận Hai Bà

Trung, Hà nội với diện tích 14ha (Quyết định giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Quy hoạch tổng thể Trường được thực hiện từ năm 2000 và được sở quy hoạch kiến trúc Hà nội chấp thuận [H9.9.7.6]. Khi Trường triển khai thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Nhà Trung tâm đào tạo đã xin điều chỉnh quy hoạch để xây dựng dự án và đã được phê duyệt điều chỉnh năm 2004 [H9.9.6.2]. Theo kế hoạch, cuối năm 2017 Nhà trường sẽ đưa tòa nhà Trung tâm đào tạo vào khai thác, sử dụng, đồng thời các tòa nhà làm việc hiện tại sẽ thay đổi công năng. Vì vậy, Trường đang đo đạc lại hiện trạng đất để chuẩn bị quy hoạch tổng thể Trường, phù hợp với nhu cầu phát triển, định hướng lâu dài của Trường.

2. Những điểm mạnh

Công tác quy hoạch tổng thể được chú trọng, được điều chỉnh, thực hiện đúng các quy định Nhà nước, quy hoạch phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển của Trường và phù hợp quy hoạch chung của Thành phố.

3. Những tồn tại:

Cần thực hiện công tác quy hoạch tổng thể Trường để phù hợp với tình hình hiện nay và nhu cầu phát triển lâu dài của Trường sau khi tòa nhà Trung tâm đào tạo được đưa vào sử dụng.

4. Kế hoạch hành động

Năm 2015, Nhà trường đã làm việc với Viện Quy hoạch và các tư vấn để tiến hành thực hiện quy hoạch tổng thể Trường, và trong năm 2016 sẽ hoàn thiện công tác đo đạc, lập bản đồ tỷ lệ 1/500 của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 9.9: Có biện pháp hữu hiệu bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

1. Mô tả

Nhà trường có Phòng Bảo vệ là đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ bảo vệ tài sản, giữ gìn an ninh, trật tự an toàn cho cán bộ, giảng viên và người học [H9.9.9.1]

Đội ngũ bảo vệ của Trường có kế hoạch làm việc có lịch phân công trực tại các địa điểm cần thiết và trong thời gian 24/24 giờ không kể cả các dịp lễ, tết [H9.9.9.2].

Với công tác bảo vệ, Trường ban hành đầy đủ các nội quy, quy định đã tạo điều kiện cho lực lượng bảo vệ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Trong 5 năm gần đây, tình hình trật tự an ninh của Trường được đảm bảo, ít xảy ra hiện tượng mất mát tài sản. Đội ngũ giảng viên, viên chức và người học được làm việc và học tập trong môi trường an ninh tốt, điều này được thể hiện trong các báo cáo tổng kết an ninh trật tự của Trường [H9.9.9.3], [H9.9.9.4], [H9.9.9.5].

Vì địa bàn trường rộng nên Trường đã huy động thêm nhân lực từ các phòng ban, khoa vào các ban phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, thiên tai. Toàn bộ đội ngũ này được tập huấn nghiệp vụ thường xuyên. Trường trang bị đầy đủ hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy, nếu có vụ việc xảy ra thì Trường có đủ phương tiện kỹ thuật và trình độ chuyên môn để ứng phó. Trước các mùa mưa bão, Trường tiến hành kiểm tra hệ thống đường dây điện, tỉa cành cây tránh bão. Vào ngày nghỉ lễ, tết hoặc khi có bão, toàn ban đều phân trực cùng đội ngũ bảo vệ để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học [H9.09.09.006].

Trường thường xuyên giữ mối liên hệ với chính quyền, như với công an Phường, Quận, Thành phố, Công an Phòng cháy chữa cháy trong việc bảo vệ trật tự trị an và an toàn con người và tài sản. Khi Trường có các hoạt động lớn như thi tuyển sinh, tốt nghiệp các hệ, các hội thảo, hội nghị, sinh viên tổ chức hội trại... Trường đều gửi công văn cho Chính quyền địa phương, Công an Phường Đồng tâm... hỗ trợ cho công tác bảo vệ.

2. Điểm mạnh

Trường có sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa phòng Bảo vệ với các ban do Trường thành lập như ban phòng cháy chữa cháy, ban phòng chống bão lụt, hội sinh viên,... kết hợp với các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

3. Tồn tại

An ninh, trật tự khu vực giảng đường chưa được tăng cường, chưa có một đội ngũ an ninh giảng đường riêng hoạt động liên tục để tránh tình trạng kẻ gian trà trộn giả làm sinh viên

4. Kế hoạch hành động

Năm 2017, Trường chuyển đổi trụ sở làm việc, nên một số vị trí sẽ thay đổi công năng. Trường sẽ xúc tiến kế hoạch thành lập Ban quản lý toà nhà, kiện toàn bộ máy bảo vệ cũng như nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ này bắt kịp thiết bị bảo vệ hiện đại, đáp ứng tốt công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Kết luận về tiêu chuẩn 9:

CSVC: Thư viện, phòng học, ký túc xá, máy móc thiết bị... của Trường ĐHKQTĐ hiện nay hoàn toàn đáp ứng được mục tiêu, nhiệm vụ Trường đặt ra. Hệ thống máy móc, thiết bị phòng học, môi trường an ninh đều đảm bảo tốt đáp ứng nhu cầu của giảng viên, học viên trong quá trình học tập và NCKH. Với nền tảng sẵn có Trường phát huy, khai thác triệt để những mặt mạnh cũng như tích cực khắc phục những điểm yếu, tập trung nguồn kinh phí hoàn thiện nhà Trung tâm đào tạo theo kế hoạch để đưa vào khai thác sử dụng, tiếp tục đầu tư mới cũng như dần thay thế các thiết bị cũ nâng dần số phòng học đa năng hiện đại và cập nhật thêm CSDL điện tử... Bên cạnh CSVC Trường sẽ bồi dưỡng đội ngũ bảo vệ, nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ này bắt kịp thiết bị bảo vệ hiện đại đáp ứng tốt công tác bảo vệ tài sản, trật tự, an toàn cho cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên và người học.

Qua đánh giá các tiêu chí trên Trường tự đánh giá: Có 9/9 tiêu chí của tiêu chuẩn 9 đạt yêu cầu.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 9: Đạt yêu cầu: 9/9 tiêu chí

TIÊU CHUẨN 10

TÀI CHÍNH VÀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Mở đầu

Trường ĐHKQTĐ được thành lập theo Nghị định số 678-TTg ngày 25 tháng 1 năm 1956 của Thủ tướng Chính Phủ. Là trường đại học công lập đa ngành trọng điểm trong hệ thống các trường đại học của cả nước. Trường đã được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 24/5/2006 và Quyết định số 1331/QĐ-BGDĐT ngày 26/3/2008 của Bộ GD&ĐT giai đoạn 2008-2011; Quyết định số 1093/QĐ-BGDĐT ngày 27/3/2011 giai đoạn 2012-2014. Sau 8 năm thực hiện, trường ĐHKQTĐ đã đảm bảo được toàn bộ kinh phí chi hoạt động thường xuyên, và có nhiều chuyển biến tích cực, từng bước tạo điều kiện cải cách thể chế, bộ máy tổ chức, đổi mới và nâng cao chất lượng cán bộ, giảng viên, chất lượng giảng dạy và học. Cơ chế tài chính có nhiều đổi mới, công tác quản lý tài chính và điều hành ngân sách được thực hiện theo cơ chế khuyến khích tạo nguồn và tập trung các nguồn thu, các khoản chi đều được kiểm soát sử dụng hợp lý và phân bổ rõ ràng trên nguyên tắc tiết kiệm hiệu quả các nguồn lực tài chính theo kế hoạch và dự toán ngân sách hàng năm được phê duyệt và theo quy chế thu-chi nội bộ của Trường. Chính vì vậy, trong những năm qua trường ĐHKQTĐ đã trở thành đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn lực tài chính vững mạnh đảm bảo các yêu cầu cho công tác đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng NCKH, tăng cường đầu tư về CSVC, phát triển các nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao, nâng cao vị thế và uy tín của trường ở trong nước và quốc tế.

Công tác quản lý, quản trị tài chính được tin học hóa trên hệ thống các phần mềm quản lý đào tạo, tài chính. Chế độ báo cáo quyết toán tài chính được

thực hiện định kỳ hàng Quý, Năm, số liệu tài chính được phản ánh chính xác, trung thực, kịp thời, đảm bảo tính công khai, minh bạch, hiệu quả và đúng quy định. Công tác lập và giao kế hoạch tài chính hàng năm đã gắn với kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế của Trường và các đơn vị. Mọi hoạt động thu - chi tài chính được đảm bảo tính dân chủ, công khai minh bạch. Song song với việc lập kế hoạch và giao kế hoạch phù hợp, trường cũng đã có nhiều giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế để thay đổi cơ cấu nguồn thu theo hướng tăng dần tỷ trọng các hoạt động dịch vụ, chương trình tiên tiến, chất lượng cao và liên kết với nước ngoài.

Thực hiện Nghị Quyết số 77/NQ-TTg ngày 24/10/2014 của Chính phủ về việc thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập giai đoạn 2014-2017. Ngày 17/03/2015 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 368/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án thí điểm cơ chế hoạt động của Trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015-2017, Trường là 01 trong 04 trường đại học đầu tiên được Thủ tướng Chính Phủ giao thí điểm thực hiện tự chủ tài chính cả chi thường xuyên và chi đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2015-2017.

Điều này được thể hiện thông qua việc đánh giá các tiêu chí cụ thể như sau:

Tiêu chí 10.1: Trường đại học có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính, tạo được các nguồn tài chính hợp pháp, đáp ứng các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của trường.

1. Mô tả:

Các nguồn tài chính của Trường đều hợp pháp và được sử dụng đúng mục đích, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động khác của Trường. Các nguồn tài chính của Trường gồm:

- Nguồn ngân sách Nhà nước cấp hàng năm thông qua quyết định giao dự toán [H10.10.1.1].

- Nguồn thu sự nghiệp khác, bao gồm:

+ Các khoản thu học phí của người học thuộc các loại hình đào tạo chính

quy và không chính quy (hệ cấp bằng). Mức học phí áp dụng hàng năm không vượt quá quy định của Nhà nước [H10.10.1.2].

+ Các loại phí dịch vụ đào tạo (hệ cấp chứng chỉ). Mức thu do Hiệu trưởng quyết định phù hợp với từng loại hình dịch vụ đào tạo và khả năng của người hưởng dịch vụ [H10.10.1.3].

+ Lệ phí tuyển sinh các hệ phù hợp với quy định của Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn của Nhà nước [H10.10.1.4].

+ Các khoản thu từ các chương trình liên kết đào tạo với các tổ chức trong và ngoài nước [H10.10.1.5].

+ Thu từ các hợp đồng NCKH, tư vấn với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

+ Thu từ các hoạt động cung ứng dịch vụ, khai thác CSVC. Thu từ các cá nhân là giảng viên, viên chức thực hiện các hoạt động NCKH, tư vấn, cung cấp dịch vụ với các tổ chức, cá nhân qua trường.

+ Thu từ các đơn vị trực thuộc để bù đắp các chi phí an ninh, môi trường, nước sạch, duy tu bảo dưỡng CSVC...

+ Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định của Nhà nước.

Các nguồn thu trên được quản lý trên hệ thống phần mềm thu, phản ánh đầy đủ, được hạch toán vào sổ sách kế toán theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC về “*Chế độ kế toán cho đơn vị hành chính sự nghiệp*”, tập hợp đầy đủ, ghi chép vào sổ sách rõ ràng theo đúng quy định của Nhà nước, thể hiện thông qua các báo cáo quyết toán tài chính hàng quý, năm và được lưu trữ ở Phòng Tài chính - Kế toán [H10.10.1.6].

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thu- chi tài chính và các hoạt động thực tế của đơn vị trong năm hiện tại cũng như dự kiến các nhiệm vụ trọng tâm của năm sau, Trường đều tổ chức làm việc trực tiếp với từng đơn vị trực thuộc về công tác lập kế hoạch công việc và dự toán ngân sách cho năm tiếp theo của từng đơn vị một cách rõ ràng, công khai, dân chủ và sát thực tế. Việc phân bổ kinh phí và

giao kế hoạch tài chính cho các nhiệm vụ trọng tâm của Trường về đào tạo, NCKH và các hoạt động khác được Nhà trường hết sức quan tâm đúng mức đảm bảo một cách hợp lý theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành. Công tác phân bổ kinh phí đã dựa vào các hoạt động và chiến lược phát triển của Nhà trường trên cơ sở vừa đáp ứng được yêu cầu công việc, vừa đảm bảo có tích lũy cho đầu tư phát triển và tăng thu nhập cho người lao động [H10.10.1.7].

Để đảm bảo đủ nguồn lực tài chính của Trường đáp ứng yêu cầu cho nhiệm vụ đào tạo và NCKH. Nhà trường đã thực hiện thí điểm giao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị trực thuộc Trường nhằm khuyến khích các đơn vị này chủ động trong các hoạt động đào tạo, tư vấn, NCKH, khai thác dịch vụ theo chức năng nhiệm vụ của mình, góp phần đáng kể vào tăng nguồn thu của Trường [H10.10.2.6].

Bên cạnh những giải pháp và chiến lược cụ thể nhằm tăng cường khai thác các nguồn tài chính hợp pháp nhằm đảm bảo toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư phát triển. Trường đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn tài chính cho từng giai đoạn gắn với sứ mệnh và nhiệm vụ chính trị của Trường. Đặc biệt Trường đã xây dựng Đề án thí điểm tự chủ tài chính tại trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2011-2015; Đề án thí điểm lộ trình tính đủ chi phí đào tạo cần thiết trong học phí đào tạo đại học tại Trường ĐHKQTĐ (năm 2013); Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động giai đoạn 2015-2017 theo Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014 của Chính phủ và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 [H10.10.1.9], tại các Quyết định được giao thí điểm thực hiện tự chủ tài chính.[H1.1.1.6]

2. Điểm mạnh

Các nguồn tài chính của Trường được quản lý tập trung thu tại Trường và được sử dụng hợp lý, đúng mục đích, các khoản chi được quản lý theo quy chế thu-chi nội bộ của Trường và kiểm soát chi tại Kho Bạc Nhà nước theo quy định.

Nguồn thu sự nghiệp từ học phí, lệ phí, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Trường tăng qua các năm. Nguồn tài chính để chi hoạt động thường xuyên

của Trường đảm bảo 100%, ngoài ra Trường còn có tích lũy cho đầu tư phát triển đối ứng 15% tổng mức đầu tư dự án Nhà trung tâm đào tạo - Trường ĐHKQTĐ.

3. Tồn tại

Nguồn thu chủ yếu của Trường hiện nay vẫn là học phí từ hoạt động đào tạo theo chỉ tiêu. Mặc dù là đơn vị được thí điểm tự chủ tài chính, nhưng mức thu học phí của Trường phải thực hiện theo lộ trình. Hiện nay khi thông báo áp dụng mức học phí mới theo đề án cao hơn gấp 2 lần học phí đang áp dụng cho các Trường chưa thực hiện tự chủ theo Nghị quyết số 77/NQ-CP, nên chưa tạo được sự đồng thuận của sinh viên vì có sự so sánh với Trường không tự chủ. Quy định mới của nhà nước về phương thức tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo và nguồn thu sự nghiệp của Trường chưa thể tăng để đáp ứng được yêu cầu phát triển đào tạo. Bộ máy của Trường còn cồng kềnh dẫn đến việc chi thường xuyên còn lớn, nguồn thu từ các hoạt động tư vấn, NCKH còn chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng thu.

4. Kế hoạch hành động

Với cơ chế tự chủ tài chính, Nhà trường đã có kế hoạch từ năm 2015 và triển khai thực hiện từ năm 2016 về đổi mới cơ chế quản lý tài chính để thực hiện tự chủ trong phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng NCKH, tăng cường đầu tư CSVC, đầu tư nâng cao trình độ, chất lượng giảng dạy, nâng cao vị thế và uy tín của Trường cả trong nước và quốc tế.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.2: Công tác lập kế hoạch tài chính và quản lý tài chính được chuẩn hóa, công khai, minh bạch và đúng quy định.

1. Mô tả

Kế hoạch tài chính của Trường đáp ứng yêu cầu đào tạo và các hoạt động khác của Trường. Công tác lập kế hoạch tài chính luôn được coi trọng, luôn bám sát với kế hoạch hoạt động của trường, phù hợp với yêu cầu đào tạo NCKH và các hoạt động khác. Hàng năm theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường tổ chức

đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính trong năm và tiến hành xây dựng kế hoạch cho năm sau theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, Bộ GD&ĐT, bao gồm kế hoạch và dự toán ngân sách trung hạn, ngắn hạn, hàng năm [H10.10.2.1]

Ngoài ra, hàng năm công tác tổ chức lập xây dựng và giao kế hoạch công việc và kế hoạch tài chính cho các đơn vị trong Trường rất được coi trọng. Trên cơ sở tình hình thực tế của đơn vị, luôn bám sát kế hoạch hoạt động của trường, phù hợp và ưu tiên kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các chiến lược quy hoạch phát triển cụ thể đồng thời có tích lũy để tái đầu tư phát triển. Hàng năm, Trường tổ chức hội nghị tổng kết và giao kế hoạch công việc và dự toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị bằng các quyết định giao kế hoạch của từng năm [H10.10.1.8].

Việc xây dựng kế hoạch công việc gắn liền với kế hoạch tài chính cũng được thực hiện công khai, minh bạch, dân chủ dựa trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động của năm hiện tại và các công việc lớn phát sinh trong năm sau theo thứ tự ưu tiên đảm bảo sự ổn định và phát triển chung của toàn trường. Toàn bộ dự toán thu chi cũng như tình hình quyết toán tài chính đều được chuẩn hóa, phản ánh trung thực trên hệ thống phần mềm kế toán đã giúp cho Trường trong công tác quản lý tài chính từ việc hạch toán theo dõi hàng ngày đến việc lập các báo cáo tài chính một cách tự động theo đúng các quy định của Nhà nước [H10.10.2.3].

Hàng năm đều được Bộ GD&ĐT kiểm tra xét duyệt quyết toán [H10.10.2.1]. Công tác quản lý tài chính của trường được các cơ quan Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Nhà nước tiến hành kiểm toán, thanh tra theo kế hoạch và đều được đánh giá tốt [H10.10.2.5].

Tình hình tài chính của Trường hàng năm đều được Trường công khai tại hội nghị cán bộ công nhân viên chức vào đầu mỗi năm học [H10.10.2.4] và báo cáo 3 công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường theo quy định [H10.10.2.5]. Tất cả các khoản thu- chi đều được Trường thực hiện ghi thu- ghi chi vào ngân sách nhà nước [H10.10.2.2]. Các định mức chi tiêu của Trường đều

được thảo luận rộng rãi, lấy ý kiến qua Công đoàn trường và toàn bộ cán bộ công nhân viên các đơn vị và được quy định trong Quy chế thu - chi nội bộ của Trường [H10.10.2.6] làm cơ sở để kiểm soát chi và quản lý tài chính của Trường.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch tài chính được xây dựng rõ ràng, phù hợp với yêu cầu thực tế, đáp ứng yêu cầu của các nhiệm vụ đào tạo, NCKH, có tích lũy cho đầu tư phát triển và đảm bảo ổn định và tăng dần thu nhập cho người lao động. Công tác quản lý tài chính chặt chẽ, công khai minh bạch, dân chủ, đúng quy định và được tin học hoá. Các đơn vị trong trường được chủ động đề xuất và thực hiện các công việc theo đúng chức năng và nhiệm vụ của đơn vị mình.

3. Tồn tại

Hiện nay, Nhà trường đã xây dựng hệ thống các phần mềm quản lý; quản lý đào tạo, phần mềm quản lý thu học phí, phần mềm kế toán, phần mềm giảng đường,.. tuy nhiên các phần mềm hiện nay vẫn còn hạn chế là chưa kết nối với nhau vì vậy vẫn còn khó khăn trong việc sử dụng chung CSDL phục vụ cho công tác báo cáo, công tác quản trị và quản lý tài chính của Trường. Hệ thống phần mềm thanh toán giờ giảng chưa hoàn thiện, chưa kết nối với phần mềm quản lý đào tạo và phần mềm quản lý giảng đường khó khăn cho công tác kê khai và quyết toán giờ giảng.

4. Kế hoạch hành động

Để đảm bảo đáp ứng yêu cầu trong công tác quản lý và quản trị tài chính trong điều kiện tự chủ, từ năm 2015, Trường đang triển khai xây dựng hoàn chỉnh hệ thống phần mềm quản lý chung toàn trường tích hợp đầy đủ hệ thống các mềm hỗ trợ quản lý tài chính tài sản, công khai công tác quản lý tài chính tài sản cho các khoa, phòng trong toàn trường. Hàng năm, Trường sẽ tổ chức đánh giá hiệu quả của công tác lập kế hoạch tài chính làm cơ sở để cải tiến và điều chỉnh công tác lập kế hoạch tài chính cho hiệu quả hơn.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tiêu chí 10.3: Đảm bảo sự phân bổ, sử dụng tài chính hợp lý, minh bạch và hiệu quả cho các bộ phận và các hoạt động của trường.

1. Mô tả

Cùng với việc xây dựng và giao kế hoạch công việc và dự toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị sát với thực tế, Trường cũng đã có các giải pháp phù hợp để quản lý, điều hành tập trung các nguồn thu. Tất cả các nguồn lực tài chính đều được phân bổ sử dụng hợp lý, rõ ràng, minh bạch và phát huy hiệu quả tốt. Việc phân bổ, sử dụng tài chính của Trường trên cơ sở quy chế thu chi nội bộ của trường trên nguyên tắc đảm bảo 100% chi phí cho các hoạt động thường xuyên của trường, vừa phải có tích lũy để đầu tư phát triển, tăng cường CSVC, đồng thời phải đảm bảo thu nhập của người lao động ngày một tăng lên. Các mục tiêu này đều được thể hiện qua Nghị quyết của Đảng ủy, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm hàng năm, và được thông qua tại hội nghị cán bộ công chức viên chức hàng năm của trường [H1.1.2.2].

Các khoản chi đều được kiểm soát và thực hiện theo kế hoạch tài chính và dự toán ngân sách được Trường phê duyệt và giao cho các đơn vị, theo đúng chế độ, định mức quy định về tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập và quy định trong quy chế Thu - chi nội bộ của Trường [H10.10.2.6] và các Quyết định giao kế hoạch công việc, Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm [H10.10.1.8] thực hiện theo tinh thần dân chủ, công khai, có ý kiến đóng góp từ các đơn vị trong trường, góp phần làm tăng tính chủ động của các đơn vị trong việc kiểm soát chi tiêu và là căn cứ để kiểm tra, kiểm soát chi tiêu trong năm. Sự phân bổ và sử dụng hợp lý các nguồn tài chính của trường đã góp phần tăng đầu tư CSVC của Trường phục vụ tốt công tác đào tạo và tăng thu nhập cho cán bộ nhân viên. Việc bố trí ngân sách, Trường luôn ưu tiên cho nhiệm vụ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy và học. Ngoài ra, hoạt động NCKH cũng được bổ sung một phần kinh phí đáng kể ngoài kinh phí Nhà nước cấp [H10.10.2.6]. CSVC của Trường cũng được nâng cao nhờ nguồn kinh phí tiết kiệm và tích lũy để tái đầu tư phát triển. Ngoài việc đảm bảo 100% chi hoạt động thường xuyên của trường để thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, NCKH,... sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực tài chính để thực hiện trích lập đầy đủ các quỹ khen thưởng, phúc lợi, ổn định thu nhập, quỹ phát triển sự nghiệp đảm

bảo nguồn tài chính vững mạnh để tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng NCKH, tăng cường đầu tư về CSVC, phát triển các nguồn nhân lực trình độ chuyên môn cao, nâng cao vị thế và uy tín của Trường.

2. Điểm mạnh

Trường đã đảm bảo được toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và có tích lũy cho đầu tư phát triển. Việc phân bổ và sử dụng tiết kiệm có hiệu quả các nguồn lực tài chính đã góp phần nâng cao uy tín và vị thế của Trường trong cung cấp cho xã hội các sản phẩm đào tạo, NCKH, tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ có chất lượng cao về KT, QL&QTKD cho xã hội.

3. Tồn tại

Do nguồn lực tài chính chung còn hạn chế, nhiều hạng mục chi tiêu của các đơn vị trong Trường chưa được đáp ứng theo đề nghị. Việc lập dự toán và phân bổ kinh phí hàng năm chỉ căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của các đơn vị trong Trường chứ chưa phân cấp kinh phí chuyên môn chi thường xuyên cho các đơn vị trực thuộc.

4. Kế hoạch hành động

Thực hiện Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/03/2015 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường ĐHKQTĐ giai đoạn 2015 - 2017. Trường đã thành lập tổ công tác triển khai thực hiện Đề án tự chủ theo Quyết định số 313/QĐ- ĐHKQTĐ ngày 08/06/2015, tất cả các nội dung của đề án để đảm bảo nguồn lực tài chính cho đào tạo và NCKH, cụ thể đã sửa đổi bổ sung và hoàn thiện quy chế thu chi nội bộ cho phù hợp với các quy định hiện hành đảm bảo nguyên tắc công bằng và tạo động lực phát triển. Quản lý tài chính Trường theo nguyên tắc minh bạch, công khai, hiệu quả. Đầu tư xây dựng CSVC phục vụ trực tiếp nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực NCKH của Trường. Tăng cường khai thác, chủ động tìm kiếm các nguồn tài chính từ các hoạt động đào tạo liên kết, hoạt động tư vấn và các hoạt động khác của Trường.

5. Tự đánh giá: Đạt.

Tự đánh giá Tiêu chuẩn 10: Đạt yêu cầu: 3/3 tiêu chí

PHẦN IV. KẾT LUẬN

Là một trong những trường đại học đầu tiên trên cả nước đăng ký tham gia kiểm định chất lượng giáo dục, năm 2009 Trường Đại học Kinh tế Quốc đã được Hội đồng quốc gia Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận Đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Trong những năm tiếp theo sau, tập thể sư phạm Nhà trường đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ chiến lược và có kế hoạch khắc phục những điểm còn tồn tại theo kiến nghị của Hội đồng KĐCL giáo dục, kết quả đã mang lại nhiều thay đổi tích cực, đáng khích lệ trong các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phát triển đội ngũ, phát triển cơ sở vật chất phục vụ dạy và học.

Thực hiện Quy định về quy trình và chu kỳ KĐCL trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số: 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường ĐH KTQD đã tiến hành công tác tự đánh giá một cách nghiêm túc, đúng quy định, đảm bảo kết quả tự đánh giá chính xác, phản ánh đúng thực trạng chất lượng của Trường. Thông qua việc tự đánh giá, tập thể sư phạm và Ban Giám hiệu Trường đã thấy được những điểm mạnh, những tồn tại trong từng lĩnh vực công tác, trên cơ sở đó lập kế hoạch hành động, tiếp tục phát huy ưu điểm, nâng cao hiệu quả những mặt đã làm được, khắc phục và cải tiến những mặt còn hạn chế để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, hướng đến thực hiện đầy đủ các yêu cầu trong sứ mạng đã tuyên bố với xã hội.

Với những kết quả tự đánh giá theo từng tiêu chuẩn, tập thể sư phạm và Hội đồng tự đánh giá Trường ĐHKQTĐ đã nhất trí thông qua kết quả tự đánh giá với mức: **ĐẠT TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC.**

Tập thể sư phạm và Hội đồng Tự đánh giá Trường Đại học Kinh tế Quốc dân trân trọng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cùng các cơ quan chức năng cho phép tiến hành các bước tiếp theo để Nhà trường được công nhận là Cơ sở đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2016

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
HIỆU TRƯỞNG**



GS.TS Trần Thọ Đạt

PHẦN V. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

Mã trường: KHA

Tên trường: Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Khối ngành: Kinh tế và QTKD

Ngày hoàn thành tự đánh giá: 30/9/2016

Các mức đánh giá: Đ: Đạt; C: Chưa đạt; KĐG: Không đánh giá



Tiêu chuẩn 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường đại học			
1.1	Đ		
1.2	Đ		
Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý			
2.1	Đ		
2.2	Đ		
2.3	Đ		
2.4	Đ		
2.5	Đ		
2.6	Đ		
2.7	Đ		
Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo			
3.1	Đ		
3.2	Đ		
3.3	Đ		
3.4	Đ		
3.5	Đ		
3.6	Đ		
Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo			
4.1	Đ		
4.2	Đ		
4.3	Đ		
4.4	Đ		
4.5	Đ		
4.6	Đ		
4.7	Đ		
Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên			
5.1	Đ		
5.2	Đ		
5.3	Đ		
5.4	Đ		
5.5	Đ		
5.6	Đ		
5.7	Đ		
5.8	Đ		

Tiêu chuẩn 6: Người học			
6.1	Đ		
6.2	Đ		
6.3	Đ		
6.4	Đ		
6.5	Đ		
6.6	Đ		
6.7	Đ		
6.8	Đ		
6.9	Đ		
Tiêu chuẩn 7: NCKH, ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ			
7.1	Đ		
7.2	Đ		
7.3	Đ		
7.4	Đ		
7.5	Đ		
7.6	Đ		
7.7	Đ		
Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế			
8.1	Đ		
8.2	Đ		
8.3	Đ		
Tiêu chuẩn 9: Thư viện trang thiết bị học tập và CSVC khác			
9.1	Đ		
9.2	Đ		
9.3	Đ		
9.4	Đ		
9.5	Đ		
9.6	Đ		
9.7	Đ		
9.8	Đ		
9.9	Đ		
Tiêu chuẩn 10: tài chính và quản lý tài chính			
10.1	Đ		
10.2	Đ		
10.3	Đ		

Tổng hợp:

- Số tiêu chuẩn có ít nhất 1 tiêu chí đạt: 0 ; Số tiêu chí đạt: 61 (chiếm 100%);
- Số tiêu chí chưa đạt: 0 (chiếm 0 %); Số tiêu chí không đánh giá: 0 (chiếm 0 %).

Hà Nội, ngày 30 tháng 9 năm 2016
HIỆU TRƯỞNG

 GS.TS. Trần Thọ Đạt

PHẦN VI. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. CSDL kiểm định chất lượng giáo dục

Phụ lục 2. Các văn bản về hoạt động tự đánh giá của Trường

Phụ lục 3. Danh mục Minh chứng

Phh llc 3

CƠ Sllc 3. Danh mục Minh chứng động tự đánh

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

1. Tên trường

Tiếng Việt: ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Tiếng Anh: NATIONAL ECONOMICS UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của Trường:

Tiếng Việt: ĐHKQTĐ

Tiếng Anh: NEU

3. Tên trước đây: Trường Đại học Kinh tế kế hoạch

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Địa chỉ: 207 Đường Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

6. Thông tin liên hệ: (04)36280280

Fax: (04)38695992

E-mail: khaothi-dbcl@neu.edu.vn

Portal: <http://www.neu.edu.vn>

7. Năm thành lập Trường (theo quyết định thành lập): 1956

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa 1: 1959

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa thứ nhất: 1962

10. Loại hình trường: Công lập.

II. GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ TRƯỜNG

11. Khái quát về lịch sử phát triển, tóm tắt thành tích nổi bật của Trường

Đầu năm 1954, để đáp ứng nhu cầu cán bộ kinh tế cho tiếp quản Thủ đô và các vùng giải phóng, Trung ương Đảng, Chính phủ đã quyết định mở khóa bồi dưỡng cán bộ Kinh tế Tài chính đầu tiên tại ATK châu Sơn Dương - tỉnh Tuyên Quang, lớp có 3 chuyên ngành: Công thương, Tài chính, Ngân hàng. Đây là cơ sở tiền thân để xây dựng và phát triển Trường.

Ngày 25 tháng 01 năm 1956, Trường Đại học Kinh tế Tài chính được thành lập trong hệ thống Đại học Nhân dân trực thuộc Phủ Thủ tướng. Khi mới thành lập Trường chỉ có 40 giáo viên với 2 khoa là Công - Nông - Mậu gồm các chuyên ngành Công nghiệp, Nông nghiệp, Thương nghiệp và Khoa Thống - Kế - Tài gồm các chuyên ngành Thống kê, Kế hoạch và Tài chính Ngân hàng. Ngày 13 tháng 9 năm 1959, Trường khai giảng khóa dài hạn tập trung đầu tiên. Đến năm học 1962-1963, trường có 3 khoa với 21 chuyên ngành. Số lượng sinh viên tuyển vào tăng nhanh chóng và một số khoa được tách ra để thành lập một số trường khác. Tháng 1-1965, Trường đổi tên thành trường Đại học Kinh tế Kế hoạch.

Ngày 22/10/1985, Bộ Đại học và THCN nay là (Bộ Giáo dục và Đào tạo) ra Quyết định số 1443/QĐ-KH đổi tên Trường thành Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (ĐHKQTĐ) và xác định Trường là trường trọng điểm quốc gia.

Tập thể cán bộ, giảng viên, công nhân viên của Trường luôn chủ động, sáng tạo, khắc phục khó khăn đi đầu đổi mới và đổi mới thành công. Đặc biệt, Trường đã đổi mới toàn diện về nội dung, chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy và cơ cấu ngành nghề đào tạo. Trường đã đổi mới và xây dựng chương trình đào tạo 39 chuyên ngành thuộc 8 ngành của 4 khối ngành. Hệ thống chương trình, giáo trình tiếp tục được biên soạn và biên soạn mới. Nhiều giáo trình của Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) đánh giá cao và được nhiều trường đại học thuộc khối kinh tế sử dụng.

Hàng năm, theo kết quả các báo cáo điều tra của Trường, có trên 70% sinh viên của Trường đã có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp. Sinh viên tốt nghiệp trường ĐHKQTĐ đã thể hiện được bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức tốt và có kiến thức về kinh tế và quản trị kinh doanh, có khả năng thích ứng nhanh trong cơ chế thị trường, được các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tín nhiệm và đánh giá cao. Hiện nay có hàng trăm người là cựu sinh viên của trường đang giữ các vị trí quan trọng tại các cơ quan Đảng, Quốc hội, Chính phủ, các Bộ ngành, các Đoàn thể cũng như tại các địa phương, doanh nghiệp.

Trường luôn coi trọng việc xây dựng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có chất lượng cao. Đội ngũ những người phục vụ nhiệt tình, có trách nhiệm trên cả ba mặt đạo đức nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và phương pháp công tác. Bên cạnh việc đào tạo lại đội ngũ cán bộ, Trường luôn tích cực quan tâm bồi dưỡng đội ngũ kế cận, nhờ vậy trình độ, năng lực chuyên môn của một số cán bộ này đã đáp ứng nhanh yêu cầu về đội ngũ cán bộ trong cơ chế mới. Trường luôn củng cố và hoàn thiện bộ máy tổ chức và thể chế lãnh đạo, quản lý. Trường không ngừng nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý để vừa đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng bộ và lãnh đạo cấp trường, vừa phát huy sự chủ động sáng tạo của các tổ chức quần chúng trong mọi hoạt động nhằm hướng tới vào mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH (NCKH). Tháng 11 năm 2005, Trường bắt đầu áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2000 do tổ chức AFAQ của Pháp cấp chứng nhận.

Trường ĐHKQTĐ có quan hệ hợp tác với nhiều trường, viện và các tổ chức quốc tế. Trường có mối quan hệ hợp tác đào tạo và nghiên cứu với nhiều trường đại học ở các quốc gia và vùng lãnh thổ như Liên Xô (cũ), Trung Quốc, Đức, Ba Lan, Thụy Điển, Anh, Mỹ, Australia, Canada, Pháp, Thái Lan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Singapo, Newzealand... Đặc biệt, Trường đã nhận được sự tài trợ của các nước và các tổ chức quốc tế như tổ chức SIDA của Thụy Điển, UNPA, Chính phủ Hà Lan, ODA Vương

quốc Anh, UNDP, World Bank, CIDA Canada, Chính phủ Bỉ, quỹ Hanns Seidel Đức để tổ chức nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo và mở các lớp cao học tại Trường về Quản trị kinh doanh, Kinh tế tài chính, Kinh tế phát triển. Trường còn hợp tác với nhiều công ty nước ngoài trong việc đào tạo và nghiên cứu.

CSVC của trường về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động giảng dạy và học tập tại trường. Trường đã sửa chữa, nâng cấp, cải tạo hệ thống giảng đường cũ, xây thêm 1 nhà 5 tầng và đã đưa tổng số phòng học lên 120 phòng với hệ thống ánh sáng, quạt, bàn ghế theo đúng tiêu chuẩn. Xây thêm một nhà ký túc xá 5 tầng với 130 phòng ở, một nhà làm việc 5 tầng với 1 phòng hội thảo lớn. Trang thiết bị văn phòng luôn được bổ sung, do vậy về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu công tác giảng dạy, học tập, NCKH. Hệ thống máy tính của Trường đã được nối mạng internet. Trang WEB của Trường đã được đưa lên mạng thông tin quốc tế. Hệ thống thư viện đủ phục vụ cho sinh viên và nghiên cứu sinh (NCS) với hàng trăm ngàn đầu sách và hàng trăm loại báo chí, tạp chí.

Tập thể Nhà trường luôn đoàn kết, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Trường thực sự là tấm gương tiêu biểu, có uy tín đối với các ngành, các địa phương và doanh nghiệp, có vị thế cao trong xã hội và có uy tín đối với trường đại học trong nước, khu vực và quốc tế.

Huân đoàn kết, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. T

Truôn đoàn kết, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khăn, gương mẫu thực hiện tốt chương đào t kế22 ngành v kết, phát huy cao độ tinh thần trách nhiệm, chủ động sáng tạo, khắc phục khó khã

Trường ĐHKQTĐ đang là đối tác của 135 tổ chức giáo dục, chính trị, xã hội quốc tế có uy tín thuộc các châu lục trên thế giới. Thông qua hợp tác quốc tế, Trường đang thực hiện 17 chương trình đào tạo bậc đại học và sau đại học liên kết với nước ngoài.

Với những đóng góp của trường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Trường đã được Đảng và Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như:

Huân chương Hồ Chí Minh năm 2001 và 2011

Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới năm 2000.

01 Huân chương Độc lập Hạng Nhất năm 1996.

01 Huân chương Độc lập Hạng Nhì năm 1991

01 Huân chương Độc lập Hạng Ba năm 1986.

01 Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 1983.

02 Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1978, 2013.

03 Huân chương Lao động hạng Ba năm 1961, 1972, 2007.

Huy chương Hữu nghị của Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Lào năm 1987 và 2008.

Cờ luân lưu của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng năm học 1979-1980, 1980-1981.

Cờ thi đua của Chính phủ năm học 2006-2007, 2008-2009.

Bằng Khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 1990-1991, 1991-1992, 2004-2005, 2005-2006.

Trường tiên tiến xuất sắc của Bộ năm học 1992-1993, 2000-2001, 2002-2003, 2003-2004, 2004-2005, 2005-2006, 2006-2007, 2007-2008, 2008-2009.

Khen thưởng về thực hiện 4 chỉ số năm học 1993-1994.

Cờ tiên tiến xuất sắc của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm học 1994-1995, 2006-2007, 2008-2009.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo liên tục từ năm 2002-2010 về phong trào NCKH sinh viên.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho các cá nhân liên tục từ năm 2004, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016.

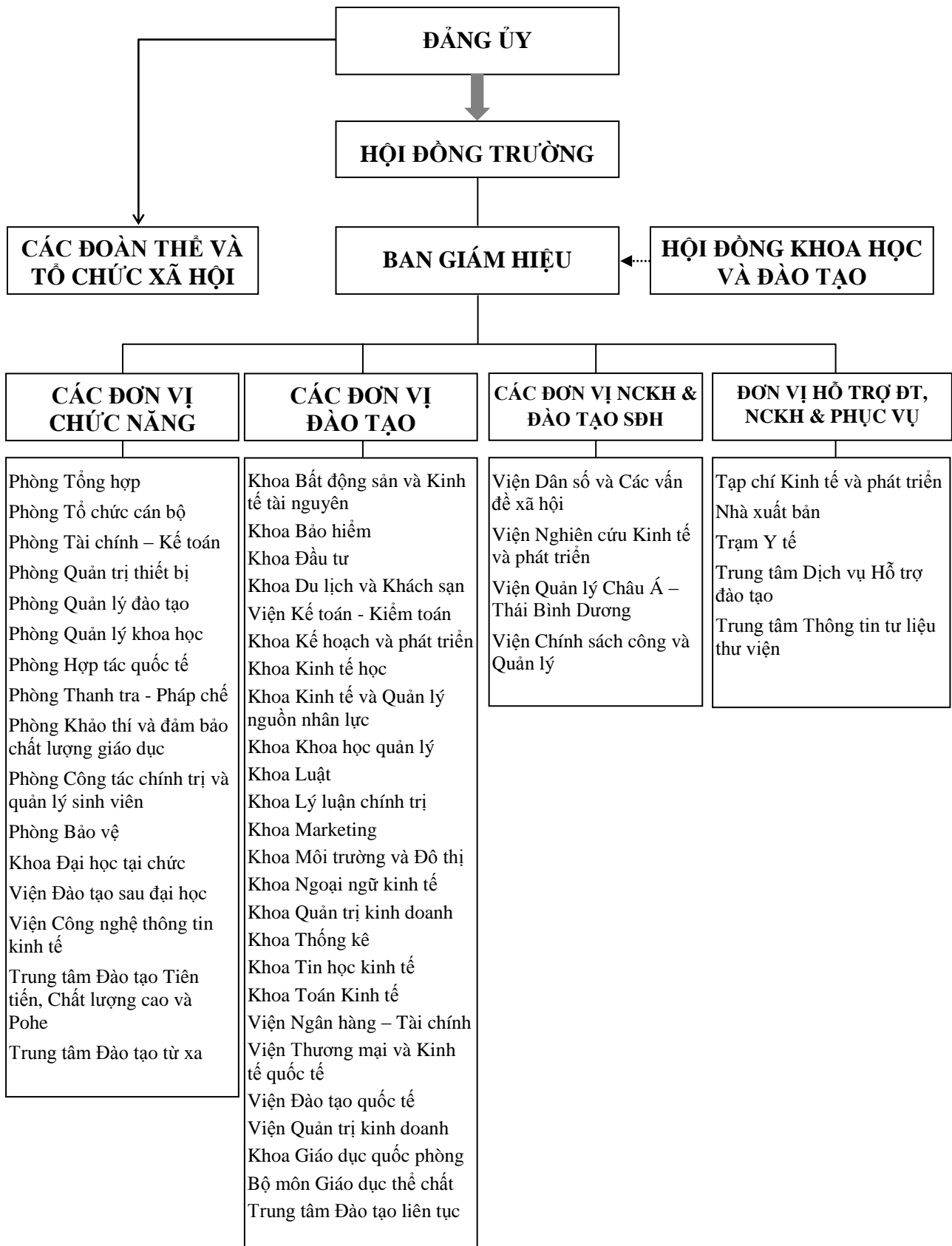
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ dành cho các tập thể đơn vị và cá nhân liên tục qua các năm 2004, 2007, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014.

Huân chương Lao động hạng Ba dành cho các cá nhân thuộc trường qua các năm 2004, 2007, 2010, 2011, 2013, 2015.

Từ năm 1990 đến nay, Trường có 1 cá nhân được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động, 27 đơn vị và cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động, 37 Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, 335 Huy chương vì sự nghiệp giáo dục, 16 cá nhân và 3 tập thể được tặng Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về “mười năm đổi mới”, 66 Huy chương vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn, 21 Huy chương vì thế hệ trẻ.

12. Cơ cấu tổ chức hành chính của Nhà trường

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



13. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Nhà trường

Thông tin các bộ phận		Họ và tên	Chức danh Học vị	Chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Hội đồng trường						
		Nguyễn Thanh Hà	PGS.TS	Chủ tịch	0913230253	hant@neu.edu.vn
2. Ban Giám hiệu						
		Trần Thọ Đạt	GS.TS	Hiệu trưởng	0903441047	tranthodat@neu.edu.vn
		Phạm Quang Trung	GS.TS	Phó Hiệu trưởng	0913212887	phamquangtrung@neu.edu.vn
		Phạm Hồng Chương	PGS.TS	Phó Hiệu trưởng	0903487487	chuongph@neu.edu.vn
		Hoàng Văn Cường	PGS.TS	Phó Hiệu trưởng	0913362279	cuonghv@neu.edu.vn
		Trần Thị Vân Hoa	PGS.TS	Phó Hiệu trưởng	0906282828	ttvhoa@bsneu.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TN						
		Trần Thọ Đạt	GS.TS	Bí thư Đảng ủy	0903441047	tranthodat@neu.edu.vn
		Bùi Trung Hải	ThS	Bí thư Đoàn TN	0904190911	haibt@neu.edu.vn
		Nguyễn Hữu Đồng	TS	CT Công đoàn	0903284000	dongnh@neu.edu.vn
4. Các đơn vị chức năng						
1.	Phòng Tổng hợp	Bùi Đức Dũng	ThS	Trưởng phòng	0912016788	dungbd@neu.edu.vn
2.	Phòng Tổ chức cán bộ	Nguyễn Thanh Hà	PGS.TS	Trưởng phòng	0913230253	hant@neu.edu.vn
3.	Phòng Tài chính - Kế toán	Phạm Thị Bích Chi	PGS.TS	Trưởng phòng	0988834889	chipb@neu.edu.vn
4.	Phòng Quản trị thiết bị	Nguyễn Đình Trung	TS	Trưởng phòng	0913575757	trungnd@neu.edu.vn
5.	Phòng Quản lý đào tạo	Bùi Đức Triệu	PGS.TS	Trưởng phòng	0913004030	trieubd@neu.edu.vn
6.	Phòng Quản lý khoa học	Bùi Đức Thọ	PGS.TS	Trưởng phòng	0983471417	thobd@neu.edu.vn
7.	Phòng Hợp tác quốc tế	Đào Thanh Tùng	TS	Trưởng phòng	0936476429	tungdt@neu.edu.vn
8.	Phòng Thanh tra - Pháp chế	Đỗ Xuân Dũng	ThS	Trưởng phòng	0912483395	doxuandung@neu.edu.vn
9.	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Lê Xuân Tùng	ThS	Trưởng phòng	0979417869	tunglx@neu.edu.vn
10.	Phòng Công tác chính trị và quản lý sinh viên	Nguyễn Hoàng Hà	ThS	Trưởng phòng	0989505050	hoangha@neu.edu.vn

Thông tin các bộ phận		Họ và tên	Chức danh Học vị	Chức vụ	Điện thoại	E-mail
11	Phòng Bảo vệ	Đoàn Đức Cường	CN	Trưởng phòng	0987641668	cuongdd@neu.edu.vn
12	Khoa Đại học tại chức	Phạm Quang	PGS.TS	Trưởng khoa	0989355355	quangp@neu.edu.vn
13	Viện Đào tạo sau đại học	Lê Trung Thành	PGS.TS	Viện trưởng	0913213993	ltthanh234@gmail.com
14	Viện Công nghệ thông tin kinh tế	Nguyễn Trung Tuấn	TS	Viện trưởng	0913537768	tuannt@neu.edu.vn
15	Trung tâm Đào tạo Tiên tiến, CLC và Pohe	Bùi Huy Nhung	PGS.TS	Giám đốc	0912021777	nhuongbh@neu.edu.vn
16	Trung tâm Đào tạo từ xa	Đàm Quang Vinh	PGS.TS	Giám đốc	0982564125	damquangvinhneu@yahoo.com
5. Các đơn vị đào tạo						
1	Khoa Bất động sản và Kinh tế tài nguyên	Vũ Thị Minh	PGS.TS	Trưởng khoa	0912170984	minhvt@neu.edu.vn
2	Khoa Bảo hiểm	Nguyễn Thị Chính	TS	Trưởng khoa	0909090974	chinhntbh@neu.edu.vn
3	Khoa Đầu tư	Phạm Văn Hùng	PGS.TS	Trưởng khoa	0904100662	hungpv@neu.edu.vn
4	Khoa Du lịch và Khách sạn	Phạm Trương Hoàng	PGS.TS	Trưởng khoa	0976596949	hoangpt@neu.edu.vn
5	Viện Kế toán - Kiểm toán	Nguyễn Hữu Ánh	PGS.TS	Viện trưởng	0906163535	anhnh@neu.edu.vn
6	Khoa Kế hoạch và phát triển	Nguyễn Ngọc Sơn	PGS.TS	Trưởng khoa	0913366644	sonnn@neu.edu.vn
7	Khoa Kinh tế học	Vũ Kim Dũng	PGS.TS	Trưởng khoa	0912045463	vukimdung2001@yahoo.com
8	Khoa Kinh tế và Quản lý nguồn nhân lực	Vũ Thị Mai	PGS.TS	Trưởng khoa	0978858616	vuthimai_2007@yahoo.com
9	Khoa Khoa học quản lý	Đỗ Thị Hải Hà	PGS.TS	Trưởng khoa	0903969489	hadh@neu.edu.vn
10	Khoa Luật	Trần Văn Nam	PGS.TS	Trưởng khoa	0904245260	namtv@neu.edu.vn
11	Khoa Lý luận chính trị	Nguyễn Hữu Công	TS	Trưởng khoa	0982192458	congh@neu.edu.vn
12	Khoa Marketing	Trương Đình Chiến	PGS.TS	Trưởng khoa	0913588377	chientd@neu.edu.vn
13	Khoa Môi trường và Đô thị	Lê Thu Hoa	PGS.TS	Trưởng khoa	0913043585	hoalethu@neu.edu.vn
14	Khoa Ngoại ngữ kinh tế	Phạm Thị Thanh Thùy	TS	Trưởng khoa	0912953737	thuyptt@neu.edu.vn
15	Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Thành Hiếu	TS	Trưởng khoa	0983828468	hieuntqtkd@neu.edu.vn
16	Khoa Thống kê	Trần Thị Bích	TS	Trưởng khoa	0972875264	bichtt@neu.edu.vn
17	Khoa Tin học kinh tế	Phùng Tiến Hải	ThS	Q. Trưởng khoa	0903216863	phungtienhai@neu.edu.vn

Thông tin các bộ phận		Họ và tên	Chức danh Học vị	Chức vụ	Điện thoại	E-mail
18	Khoa Toán Kinh tế	Nguyễn Thị Minh	PGS.TS	Trưởng khoa	0972652898	minhkthn@gmail.com
19	Viện Ngân hàng - Tài chính	Đặng Ngọc Đức	PGS.TS	Viện trưởng	0903226809	dangngocduc@neu.edu.vn
20	Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế	Hoàng Đức Thân	GS.TS	Viện trưởng	0903297981	hoangducthan@neu.edu.vn
21	Viện Đào tạo quốc tế	Đồng Xuân Đảm	TS	Viện trưởng	0986576905	dong.dam@isneu.org
22	Viện Quản trị kinh doanh	Lê Thị Lan Hương	PGS.TS	Viện trưởng	0912265789	lthuong@bsneu.edu.vn
23	Khoa Giáo dục quốc phòng	Phạm Văn Hùng	Đại tá	Trưởng khoa	0983667505	hungqp.63@neu.edu.vn
24	Bộ môn Giáo dục thể chất	Giang Thị Khánh Vân	ThS	Trưởng Bộ môn	0904302122	vangk@neu.edu.vn
25	Trung tâm Đào tạo liên tục	Nguyễn Anh Tuấn	PGS.TS	Giám đốc	0903252747	tuanna@neu.edu.vn
6. Các đơn vị nghiên cứu và đào tạo sau đại học						
1	Viện Dân số và Các vấn đề xã hội	Lưu Bích Ngọc	PGS.TS	Viện trưởng	0912378681	luubichngoc@neu.edu.vn
2	Viện Nghiên cứu Kinh tế và phát triển	Nguyễn Minh Ngọc	TS	Q.Viện trưởng	01653363789	ngochv2000@yahoo.com
3	Viện Quản lý Châu Á - Thái Bình Dương	Nguyễn Văn Thắng	PGS.TS	Viện trưởng	0985489976	nguyenvanthang@neu.edu.vn
4	Viện Chính sách công và Quản lý	Giang Thanh Long	PGS.TS	Viện trưởng	0936639629	giang.long@ippm.edu.vn
7. Các đơn vị trực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ						
1	Tạp chí Kinh tế và phát triển	Lê Quốc Hội	PGS.TS	Tổng biên tập	0912999272	hoilq@neu.edu.vn
2	Nhà xuất bản	Nguyễn Anh Tú	TS	Giám đốc	0945668869	anhtu229@gmail.com
3	Trạm Y tế	Lê Đức Hưng	Dược sỹ	Trưởng trạm	0913039555	hungld@neu.edu.vn
4	Trung tâm Dịch vụ Hỗ trợ đào tạo	Cần Anh Tuấn	TS	Giám đốc	0913366736	cananhtuan@neu.edu.vn
5	Trung tâm Thông tin tư liệu thư viện	Đào Thiện Quốc	ThS	Giám đốc	0903278491	quocdt@neu.edu.vn
8. Các tổ chức khác						
1	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	Nguyễn Hữu Đồng	TS	Chánh văn phòng	090328400	dongnh@neu.edu.vn
2	Văn phòng Hội cựu chiến binh	Hoàng Ngọc Việt	GS.TS	Chủ tịch	0913021836	hoangngocviet@neu.edu.vn
4	Văn phòng Hội sinh viên	Lâm Tùng		Chủ tịch	0949223366	lamtungktqd@gmail.com

14. Số lượng các chương trình đào tạo theo bậc học:

- Đại học: 49
- Thạc sĩ: 36
- Tiến sĩ: 33

15. Các loại hình đào tạo của Nhà trường:

- | | Có | Không |
|---|-------------------------------------|--------------------------|
| - Chính quy | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| - Không chính quy | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| - Từ xa | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| - Liên kết đào tạo với nước ngoài | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| - Liên kết đào tạo trong nước | <input checked="" type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| - Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)..... | | |

16. Tổng số các khoa/viện đào tạo: 21**III. CÁN BỘ, GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN CỦA NHÀ TRƯỜNG****17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của Nhà trường:**

STT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu¹ <i>Trong đó:</i>	557	646	1203
I.1	Cán bộ trong biên chế	233	236	469
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	324	410	734
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng ²)	44	27	71
	Tổng số	601	673	1274

¹ Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế (đối với các trường công lập) và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

² Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được nhà trường mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn, môn học, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi.

18. Thống kê, phân loại giảng viên (chỉ tính những giảng viên trực tiếp giảng dạy trong 5 năm gần đây):

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng giảng viên	Giảng viên cơ hữu			Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên quốc tế
			Giảng viên Trong biên chế trực tiếp giảng dạy	Giảng viên hợp đồng dài hạn ³ trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Giáo sư, Viện sĩ	17	9	0	8	0	12
2	Phó Giáo sư	112	55	0	57	0	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	183	61	30	84	8	19
5	Thạc sĩ	474	85	265	68	56	8
6	Đại học	75	9	58	1	7	11
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng số	861	219	353	218	71	52

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 790 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: $790/1203 = 65,67\%$

Quy đổi số lượng giảng viên của Nhà trường⁴:

Số liệu bảng 19 được lấy từ bảng 18 nhân với hệ số quy đổi.

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	<i>Hệ số quy đổi</i>			<i>1,0</i>	<i>1,0</i>	<i>0,3</i>	<i>0,2</i>	<i>0,2</i>	
1	Giáo sư	3,0	17	9	0	8	0	12	41,4
2	Phó Giáo sư	2,0	112	55	0	57	0	2	145
3	Tiến sĩ khoa học	2,0	0	0	0	0	0	0	0

³ Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn

⁴ Việc quy đổi áp dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo có hiệu lực tại thời điểm đánh giá

Số TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số lượng GV	Giảng viên cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quốc tế	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý			
4	Tiến sĩ	1,5	183	61	30	84	8	19	182,4
5	Thạc sĩ	1,0	474	85	265	68	56	8	383,2
6	Đại học	0,8	75	9	58	1	7	11	56,72
	Tổng		861	219	353	218	71	52	808,72

Hệ số quy đổi trình độ (cột 3) của các trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, thạc sĩ và đại học, đối với các trường ĐH, học viện theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,0; 0,8; đối với các trường CĐ và TCCN: theo thứ tự 3,0; 2,0; 2,0; 1,5; 1,3; 1,0 (không tính các trình độ thấp hơn ĐH) theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 57/2011/TT-BGDĐT ngày 02/12/2011 của Bộ GDĐT. Nếu có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với phó giáo sư.

Cách tính:

$$\text{Cột 10} = \text{cột 3} * (\text{cột 5} + \text{cột 6} + 0,3 * \text{cột 7} + 0,2 * \text{cột 8} + 0,2 * \text{cột 9})$$

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

STT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại Theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	17	2,15	16	1	0	0	0	9	8
2	Phó Giáo sư	112	14,18	75	37	0	13	22	57	20
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	175	22,15	80	95	0	103	43	25	4
5	Thạc sĩ	418	52,91	156	262	87	272	43	16	0
6	Đại học	68	8,61	41	27	51	8	3	6	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng	790	100	368	422	138	396	111	113	32

19.1 Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

STT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	7,72%	100%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	8,86%	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	83,42%	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	-	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	-	-
	Tổng	100%	100%

19.2. Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37 tuổi

19.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: 38,48%.

19.4. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường: 52,91%.

IV. NGƯỜI HỌC

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

20. Tổng số học sinh đăng ký dự thi vào trường, số sinh viên trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh dự thi (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
Đại học							
2010-2011				5094	19		37
2011-2012	20968	4801	1/43	4575	19		32
2012-2013	19945	4909	1/41	4523	22		31
2013-2014	16514	5246	1/31	4408	22,5		35
2014-2015	13322	5150	1/26	5113	23,75		24

Số lượng sinh viên hệ chính quy đang học tập tại trường: 14044 người.

21. Thống kê, phân loại số lượng người học nhập học trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy:

Đơn vị: người

Các tiêu chí		2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Nghiên cứu sinh		78	104	105	138	170
2. Học viên cao học		1343	1454	1531	1374	1513
3. Sinh viên đại học, trong đó:	Hệ chính quy	5094	4575	4523	4408	5113
	Hệ không chính quy	3718	2607	2965	3450	2422
4. Khác...						

Tổng số sinh viên chính quy (chưa quy đổi): 23713

Tổng số sinh viên quy đổi: 31294

Tỷ lệ sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 36,3

22. Số sinh viên quốc tế nhập học trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Số lượng	54	54	47	46	33
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	0,17	0,17	0,15	0,15	0,11

23. Sinh viên có chỗ ở trong kí túc xá / tổng số sinh viên có nhu cầu trong 5 năm gần đây:

Các tiêu chí	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Tổng diện tích phòng ở (m ²)	24.024,27	24.024,27	24.024,27	24.024,27	24.024,27
2. Số lượng sinh viên có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá)					
3. Số lượng sinh viên được ở trong ký túc xá					2.893
4. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m ² /người					8.3

24. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học tham gia NCKH:

	Năm học				
	2011	2012	2013	2014	2015
Số lượng (người)	851	931	925	965	874
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên quy đổi	2,72	2,98	2,95	3,08	2,79

25. Thống kê số lượng người tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	41	54	58	48	66
2. Học viên tốt nghiệp cao học	861	1673	1192	1263	1445
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	3849	3794	4088	4409	4475
Hệ không chính quy	5784	6356	5914	5789	3358
4. Khác...					

(Tính cả những học viên đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	3849	3846	4184	4509	4572
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	76	84	92.5	102	89
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				9	13.4
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)				70	68.3

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp				21	18,3
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp			85 90	90 95	85 90
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)			10	5	10
4.3 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm			2tr-5tr	3tr-7tr	3tr-7tr
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)				51	44,1
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)				31	24,6
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)				57	65,2

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là Nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy: Không có (Nhà trường không đào tạo bậc học này)

V. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

28. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của Nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại đề tài	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	8	5	10	4	3	60
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	6	14	6	4	8	38
3	Đề tài cấp trường	0,5	57	51	71	65	71	158
4	Tổng		71	70	87	73	82	256

Cách tính: Cột 9 = cột 3 . (cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 256

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 256/1203

29. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của Nhà trường trong 5 năm gần đây:

STT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của Nhà trường (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (VNĐ/ người)
1	2011-	16.189.000.000	3,57	13. 457.190,35
2	2012	18.961.000.000	3,53	15.761.429,76
3	2013	16.182.000.000	3,13	13.451.371,57
4	2014	9.186.000.000	1,80	7.635.078,90
5	2015	12.190.000.000	2.15	10.133.000,83

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	288	304	1032	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	182	
Trên 6 đề tài	0	0	18	
Tổng số cán bộ tham gia	288	304	1232	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của Nhà trường được xuất bản trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại sách	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2012	2013	2014	2015	2016	
1	Sách chuyên khảo	2,0	6	8	8	7	4	66
2	Sách giáo trình	1,5	25	3	0	7	12	70.5
3	Sách tham khảo	1,0	27	26	29	32	14	128
4	Sách hướng dẫn	0,5				3	1	2
5	Tổng		58	37	37	49	31	266.5

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 266,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 266,5/1203

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	215	0	20
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	0	215	0	20

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của Nhà trường được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

STT	Phân loại tạp chí	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Tạp chí KH quốc tế	1,5	11	11	43	24	27	174
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	1,0	224	387	410	346	418	1785
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0,5	224	213	218	157	133	473
4	Tổng		459	611	671	527	578	2432

**Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 2432

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2432/1203

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng CBGD có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	140	2142	1135
Từ 6 đến 10 bài báo	6	330	0
Từ 11 đến 15 bài báo	0	247	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	140	2719	1135

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của Nhà trường báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số**	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2011	2012	2013	2014	2015	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	156	217	181	205	268	1027
2	Hội thảo trong nước	0,5	419	436	497	552	648	1276
3	Hội thảo cấp trường	0,25	0	15	21	0	0	18
4	Tổng		575	668	699	757	916	2321

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

****Hệ số quy đổi:** Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng học hàm và chức danh khoa học nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 2321

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: $2321/1203=1,93$

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của Nhà trường có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng CB có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo ở trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	189	356	22
Từ 6 đến 10 báo cáo	8	37	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	197	393	22

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2011-2016	Đề tài nhà nước thuộc chương trình: 6
2011-2016	Đề tài độc lập: 3
2011-2016	Đề tài NĐT: 3

38. NCKH của sinh viên

37.1. Số lượng sinh viên của Nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	12	152	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	12	152	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

37.2. Thành tích NCKH của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

STT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2010- 2011	2011- 2012	2012- 2013	2013- 2014	2014- 2015
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	7	9	7	10	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố					

VI. CƠ SỞ VẬT CHẤT, THƯ VIỆN, TÀI CHÍNH

39. Tổng diện tích đất sử dụng của trường (tính bằng m²): 123.522,10
40. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau (tính bằng m²):
 - Nơi làm việc: 14.055,2 Nơi học: 20.772,02 Nơi vui chơi giải trí: 5.060,3
41. Diện tích phòng học (tính bằng m²)
 - Tổng diện tích phòng học: 33.253,02
 - Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2,4
42. Tổng số đầu sách trong thư viện của Nhà trường: 130.000 ấn phẩm
 Tổng số đầu sách gắn với các ngành đào tạo có cấp bằng của Nhà trường: 143.423 cuốn.
43. Tổng số máy tính của trường:
 - Dùng cho hệ thống văn phòng: 1.183
 - Dùng cho sinh viên học tập: 1.000
 Tỷ số số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,07
44. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:
 - Năm 2011: 452,620,572,000 đồng
 - Năm 2012: 537,100,098,493 đồng
 - Năm 2013: 516,356,405,976 đồng
 - Năm 2014: 509,017,953,523 đồng
 - Năm 2015: 565,002,243,396 đồng
45. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:
 - Năm 2011: 148,466,859,968 đồng
 - Năm 2012: 183,420,205,224 đồng
 - Năm 2013: 206,681,809,558 đồng
 - Năm 2014: 226,525,308,800 đồng
 - Năm 2015: 274,348,523,214 đồng

VII. TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ SỐ QUAN TRỌNG

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 790

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 65,67

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường (%): 38,48

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của Nhà trường (%): 52,91

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 23.713

Tổng số sinh viên quy đổi (người): 31.294

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 36,3

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 88,7

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của Nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 11,2

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 69,2

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%): 86,7

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 8,3

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 3-7

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 47,6

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 27,8

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 256/1203

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 10.133.000,83

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 266,5/1203

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2432/1203

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 2321/1203=1,93

7. CSVC (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số máy tính dùng cho sinh viên trên sinh viên chính quy: 0,07

Tỷ số diện tích phòng học trên sinh viên chính quy: 2,4

Tỷ số diện tích ký túc xá trên sinh viên chính quy: 8,3

Phụ lục 2
CÁC VĂN BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA TRƯỜNG

1. Quyết định về việc thành lập Hội đồng Tự đánh giá
2. Quyết định về việc thành lập Ban thư ký và Các nhóm chuyên trách
3. Kế hoạch Tự đánh giá

Số: 234 /QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 06 tháng 05 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá để thực hiện việc tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá để thực hiện việc tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân gồm các ông, bà có tên sau đây:

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá có các chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều 9, Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kinh phí của Hội đồng tự đánh giá do Trường bảo đảm (qua Phòng TC-KT). Hội đồng tự đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng TCCB, TH, TC-KT, Khảo thí và ĐBCLGD, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *MM*
- Như điều 3;
- ĐU (để b/c);
- Lưu TCCB, TH.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thọ Đạt

Số: 426/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá
của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 06/05/2015 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá để thực hiện việc tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Xét nhu cầu công tác và khả năng cán bộ;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân gồm các ông, bà có tên sau đây:

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá có nhiệm vụ giúp Hội đồng triển khai công tác tự đánh giá theo các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Kinh phí của Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá do Trường bảo đảm (qua Phòng TC-KT). Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Trường phòng TCCB, TH, TC-KT, Khảo thí và ĐBCLGD, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

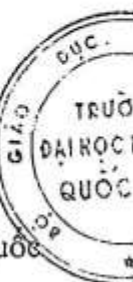
Nơi nhận: *ƯH*

- Như điều 3;
- ĐU (để b/c);
- Lưu TCCB, TH.

HIỆU TRƯỞNG



GS.TS Trần Thọ Đạt



**DANH SÁCH BAN THƯ KÝ CỦA HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN**

*(Kèm theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14 tháng 08 năm 2015
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)*

I. THƯỜNG TRỰC BAN THƯ KÝ

STT	Họ và tên	Chức vụ/ Đơn vị công tác	Nhiệm vụ được giao
1	Lê Xuân Tùng	TP. KT&ĐBCLGD	Trưởng Ban
2	Bùi Đức Dũng	TP. Tổng hợp	Phó Trưởng ban
3	Tạ Mạnh Thắng	Phó TP KT&ĐBCLGD	Ủy viên TT
4	Vũ Thị Thu Hòa	P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên
5	Nguyễn Quang Kết	P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên
6	Nguyễn Thanh Lan	P.QLKH	Ủy viên
7	Dương Quỳnh Mai	P.TCKT	Ủy viên

II. TỔ CÔNG TÁC PHỤ TRÁCH CÁC TIÊU CHUẨN

STT	Tổ	Họ và tên	Chức vụ/ ĐV công tác	Nhiệm vụ	Tiêu chuẩn phụ trách
1	Tổ 1	Bùi Đức Dũng	TP Tổng hợp	Tổ trưởng	Tiêu chuẩn 1: sứ mạng và mục tiêu của trường ĐH (2 tiêu chí)
2		Hồ Quỳnh Anh	Phó TP. Tổng hợp	Tổ phó	
3		Trương Văn Thanh	P.Tổng hợp	Thư ký	
4		Dương Nguyệt Nga	TBM PLKD, Khoa Luật	Ủy viên	
5		Trần Đức Hiếu	P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
1	Tổ 2	Nguyễn Thanh Hà	Trưởng phòng TCCB	Tổ trưởng	Tiêu chuẩn 2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí)
2		Vũ Văn Ngọc	Phó TP. TCCB	Tổ phó	
3		Phạm Thị Phương Thúy	P. TCCB	Thư ký	
4		Đặng Ngọc Đức	VT. Viện NHTC	Ủy viên	Tiêu chuẩn 5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)
5		Nguyễn Thành Hiếu	TK. QTKD	Ủy viên	
6		Nguyễn Thị Chính	TK. Bảo hiểm	Ủy viên	
7		Nguyễn Trung Thành	P. TCCB	Ủy viên	
8		Nguyễn Quang Kết	P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
1	Tổ 3	Nguyễn Quang Dong	TP. QLĐT	Tổ trưởng	
2		Lê Việt Thủy	Phó TP. QLĐT	Tổ phó	
3		Lê Anh Đức	P.QLĐT	Thư ký	
4		Đinh Tiến Dũng	Phó VT. V.ĐTSĐH	Ủy viên	Tiêu chuẩn 4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)
5		Bùi Đức Triệu	TK. Thống kê	Ủy viên	
6		Đỗ Thị Hải Hà	TK. Khoa học quản lý	Ủy viên	
7		Phạm Văn Hữu	PTK.ĐHTC	Ủy viên	
8		Vũ Đăng Luych	K.ĐHTC	Ủy viên	
9		Đỗ Tuyết Nhung	V.ĐT Sau đại học	Ủy viên	
10		Vũ Thị Thu Hòa	P.KT&ĐBCLGD	Ủy viên	

Handwritten signature

STT	Tổ	Họ và tên	Chức vụ/ ĐV công tác	Nhiệm vụ	Tiêu chuẩn phụ trách
1	Tổ 4	Nguyễn Hoàng Hà	TP. CTCT&QLSV	Tổ trưởng	Tiêu chuẩn 6: Người học (9 tiêu chí)
2		Vũ Trọng Nghĩa	Phó TP. CTCT&QLSV	Tổ phó	
3		Trần Minh Châu	P. CTCT&QLSV	Thư ký	
4		Bùi Trung Hải	Bí thư ĐTN	Ủy viên	
5		Lâm Tùng	Chủ tịch Hội sinh viên	Ủy viên	
6		Nguyễn Phương Thanh	P. CTCT&QLSV	Ủy viên	
7		Nguyễn Trọng Tuấn	P. KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
1	Tổ 5	Bùi Đức Thọ	TP. QLKH	Tổ trưởng	Tiêu chuẩn 7: NCKH, Ứng dụng phát triển và chuyển giao CN (7 tiêu chí)
2		Phạm Trương Hoàng	TP. Hợp tác QT	Tổ phó	
3		Hồ Thị Hải Yến	P. QLKH	Thư ký	
4		Nguyễn Trung Tuấn	VT. V. CNTT KT	Ủy viên	
5		Trịnh Mai Vân	P. QLKH	Ủy viên	Tiêu chuẩn 8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)
6		Nguyễn Thùy Tiên	P. Hợp tác QT	Ủy viên	
7		Nguyễn Tuyết Thanh	P. KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
1	Tổ 6	Nguyễn Đình Trung	TP. QTTB	Tổ trưởng	Tiêu chuẩn 9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)
2		Nguyễn Hồng Mạnh	Phó TP. QTTB	Tổ phó	
3		Trần Thu Hiền	P. QTTB	Thư ký	
4		Đào Thiện Quốc	GD. TTTTL Thư viện	Ủy viên	
5		Nguyễn Thị Lan Hương	P. QTTB	Ủy viên	
6		Nguyễn Thị Chung	P. KT&ĐBCLGD	Ủy viên	
1	Tổ 7	Phạm Thị Bích Chi	TP. TCKT	Tổ trưởng	Tiêu chuẩn 10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)
2		Bùi Văn Hào	Phó TP. TCKT	Tổ phó	
3		Dương Quỳnh Mai	P. TCKT	Thư ký	
4		Nguyễn Bá Nhâm	P. TCKT	Ủy viên	
5		Đỗ Thu Hà	P. TCKT	Ủy viên	
6		Tạ Mạnh Thắng	Phó TP. KT&ĐBCLGD	Ủy viên	

Alle

Số: 546/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc kiện toàn Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá
của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Điều lệ Trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 17/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 234/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 06/05/2015 của Hiệu trưởng về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá để thực hiện việc tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Căn cứ Quyết định số 426/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/8/2015 của Hiệu trưởng về việc thành lập Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân;

Xét nhu cầu công tác và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Trường phòng Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử ông Lương Minh Tú, chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ thay cho ThS Phạm Thị Phương Thúy, chuyên viên Phòng Tổ chức cán bộ tham gia Ban thư ký của Hội đồng tự đánh giá của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường phòng TCCB, TH, TC-KT, Khảo thí và ĐBCLGD, các đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *AM*

- Như Điều 3;
- ĐU (để b/c);
- Lưu TH, TCCB.

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS Trần Thọ Đạt

Số: 1357/QĐ-ĐHKQTĐ

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Kế hoạch Tự đánh giá chất lượng giáo dục lần 2

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN

Căn cứ Điều lệ trường đại học được ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TTg, ngày 17 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân giai đoạn 2015-2017;

Căn cứ Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 62/2012/TT-BGDĐT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tự đánh giá chất lượng giáo dục lần 2 của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông, bà Trưởng các phòng Chức năng, Trưởng các Khoa, Bộ môn; Trưởng các đơn vị Quản lý đào tạo, Giám đốc các Viện, Trung tâm và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /v

Nơi nhận:

- Đảng ủy, BGH (Để chỉ đạo thực hiện)
- Như điều 3
- Lưu TH, KT&ĐBCLGD



HIỆU TRƯỞNG

GS.TS TRẦN THỌ ĐẠT

Hà Nội, ngày 01 tháng 9 năm 2015

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LẦN 2

1. Mục đích tự đánh giá

Trường Đại học Kinh tế quốc dân là một trong 10 trường đại học đầu tiên của cả nước triển khai công tác kiểm định chất lượng giáo dục vào năm 2005. Sau khi thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo 53 tiêu chí của 10 tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, Trường Đại học Kinh tế quốc dân đã được Đoàn đánh giá ngoài của Bộ GD-ĐT khảo sát, đánh giá và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục (với 92,86% số phiếu thành viên Hội đồng – Thông báo số 97/TB-BGDĐT ngày 25/2/2009). Việc tổ chức tự đánh giá chất lượng (đánh giá nội bộ-Internal Evaluation) là hoạt động cần thiết để đạt được những mục tiêu cơ bản sau:

- **Tổ chức tự đánh giá để thực hiện các quy định của Luật giáo dục đại học, của các Quy định, chỉ thị về kiểm định, đảm bảo chất lượng giáo dục;**

- **Mục tiêu chính nhằm đánh giá tổng thể các hoạt động của các đơn vị để từ đó cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của trường:** Tự đánh giá là để tiến hành xem xét, nghiên cứu phân tích và đánh giá, báo cáo tình trạng chất lượng và hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, kế hoạch tài chính, tổ chức cán bộ, quan hệ quốc tế, công tác sinh viên và các công tác liên quan khác v.v... của Đại học Kinh tế quốc dân trong giai đoạn vừa qua từ đó điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra và xác định mục tiêu cho giai đoạn tiếp theo, lập kế hoạch cải tiến, hoàn thiện và hành động theo kế hoạch.

- **Tổ chức tự đánh giá là tiền đề cho việc đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục lần 2 và Trường Đại học Kinh tế quốc dân sẽ là một trong số các trường đại học đầu tiên trên cả nước thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục lần 2.** Đây là mục tiêu nhằm khẳng định và nâng cao vị thế, uy tín của Trường Đại học Kinh tế quốc dân; khẳng định vai trò trường đầu ngành, trọng điểm quốc gia trong hệ thống giáo dục đại học của cả nước;

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của Nhà trường theo 10 tiêu chuẩn và 61 tiêu chí đánh giá chất lượng giáo dục đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số: 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm 2014.

3. Hội đồng tự đánh giá

3.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 234/QĐ-ĐHKTQD ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hội đồng gồm có 27 thành viên (QĐ và danh sách kèm theo).

3.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Ban thư ký của Hội đồng được thành lập theo Quyết định số 426/QĐ-ĐHKTQD ngày 14 tháng 8 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân (QĐ và danh sách kèm theo).

3.3. Phân công thực hiện

STT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin và minh chứng
1	TC 1: Sứ mạng và mục tiêu của trường ĐH (2 tiêu chí)	1	2 tháng
2	TC2: Tổ chức và quản lý (7 tiêu chí) TC5: Đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên (8 tiêu chí)	2	2 tháng
3	TC3: Chương trình đào tạo (6 tiêu chí) TC4: Hoạt động đào tạo (7 tiêu chí)	3	2 tháng
4	TC6: Người học (9 tiêu chí)	4	2 tháng
5	TC7: NCKH, Ứng dụng phát triển và chuyển giao CN (7 tiêu chí) TC8: Hoạt động hợp tác quốc tế (3 tiêu chí)	5	2 tháng
6	TC9: Thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác (9 tiêu chí)	6	2 tháng
7	TC10: Tài chính và quản lý tài chính (3 tiêu chí)	7	2 tháng

4. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định các nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và tài chính cần huy động hoặc cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp.

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động
1	TC1	Thu thập, xử lý các tài liệu, văn bản liên quan về sứ mệnh và mục tiêu của Trường	Nhân lực: Nhóm 1, khi cần thiết, sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng
2	TC2, TC5	Thu thập, xử lý các tư liệu, văn bản liên quan về tổ chức và quản lý, và về đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên của Trường	Nhân lực: Nhóm 2, khi cần sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng
3	TC3, TC4	Thu thập, xử lý các tư liệu, văn bản về chương trình đào tạo, và về hoạt động đào tạo của Trường	Nhân lực: Nhóm 3, khi cần sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng
4	TC6	Khảo sát ý kiến từ phía người học, thu thập, xử lý các tư liệu, văn bản về người học của Trường	Nhân lực: Nhóm 4, khi cần sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng

STT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động
5	TC7, TC8	Thu thập, xử lý các tài liệu, văn bản về nghiên cứu khoa học; ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ, và về hoạt động hợp tác quốc tế	Nhân lực: Nhóm 5, khi cần sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng
6	TC9	Thu thập, xử lý các tài liệu, văn bản về thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất khác của Trường	Nhân lực: Nhóm 6, khi cần sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng
7	TC10	Thu thập, xử lý các tài liệu, văn bản về tài chính và quản lý tài chính của Trường	Nhân lực: Nhóm 7, khi cần sẽ huy động thêm CBGV khác của Trường Tài chính: Thường trực Ban thư ký căn cứ Quy chế thu chi nội bộ, kế hoạch hoạt động, lập dự toán trình Chủ tịch Hội đồng phê duyệt	2 tháng

5. Công cụ đánh giá

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 06/VBHN-BGDĐT ngày 04 tháng 3 năm của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu, văn bản hướng dẫn triển khai công tác tự đánh giá.

6. Kế hoạch thu thập thông tin ở ngoài nhà trường:

Xác định các thông tin cần thu thập từ bên ngoài qua các nguồn:

- Các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước đang thực hiện liên kết đào tạo với Trường Đại học Kinh tế quốc dân: thời gian thu thập thông tin tối đa là 14 tuần, kinh phí sẽ được Thường trực Ban thư ký lập dự toán trình Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

- Các đơn vị sử dụng nhân sự là sinh viên tốt nghiệp từ Trường Đại học Kinh tế quốc dân: thời gian thu thập thông tin tối đa là 14 tuần, kinh phí sẽ được Thường trực Ban thư ký lập dự toán trình Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

- Các trường, học viện trong và ngoài nước có cựu sinh viên của Trường Đại học Kinh tế quốc dân đang theo học các chương trình đào tạo khác: thời gian thu thập thông tin tối đa là 14 tuần, kinh phí sẽ được Thường trực Ban thư ký lập dự toán trình Hiệu trưởng, Chủ tịch Hội đồng phê duyệt.

7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài:

Xác định những lĩnh vực cần thuê chuyên gia, mục đích thuê chuyên gia, vai trò của chuyên gia, số lượng chuyên gia, thời gian:

- Tập huấn về Tự đánh giá (TĐG) cho Ban Giám hiệu, Hội đồng TĐG, Ban Thư ký và các nhóm công tác phụ trách các nhóm tiêu chí (02 chuyên gia, 02 ngày)

- Tư vấn cách giải quyết các khó khăn phát sinh trong quá trình đánh giá (02 chuyên gia, thời gian tương ứng với vấn đề phát sinh)

- Tư vấn đề cương chi tiết báo cáo TĐG: 02 chuyên gia, tối đa 02 tuần

- Tư vấn chỉnh lý báo cáo TĐG: 02 chuyên gia, thời gian tối đa 03 tuần

8. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá với lịch trình như sau:


Thời gian	Các hoạt động
2/12/2014 – 8/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng Lãnh đạo nhà trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá; • Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; • Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> - Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá; - Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng; - Phân công dự thảo kế hoạch tự đánh giá; - Dự kiến các nhóm công tác chuyên trách để giúp các thành viên Hội đồng thực hiện các nhiệm vụ được giao. • Tiến hành dự thảo kế hoạch tự đánh giá.

Thời gian	Các hoạt động
1/9/2015-30/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng • Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, giáo viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa, phòng, ban...); • Tổ chức tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, các cán bộ chủ chốt của nhà trường, khoa, phòng, ban... (do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá hoặc phối hợp với chuyên gia từ bên ngoài để tổ chức Hội thảo);
1/10/2015-30/11/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Chuẩn bị đề cương báo cáo tự đánh giá; • Thu thập thông tin và minh chứng; • Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được; • Mô tả thông tin và minh chứng thu được; • Phân tích, lý giải các kết quả đạt được;
1/12/2015-15/12/2015	<p>Họp Hội đồng tự đánh giá đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định nhu cầu thu thập thông tin bổ sung; • Điều chỉnh đề cương báo cáo tự đánh giá và xây dựng đề cương chi tiết.
20/12/2015-31/12/2015	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập, xử lý thông tin bổ sung (nếu cần thiết) • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua đề cương chi tiết báo cáo tự đánh giá
01/1/2016-15/1/2016	<ul style="list-style-type: none"> • Thu thập thông tin bổ sung (nếu cần thiết); • Các cuộc họp bổ sung (nếu cần thiết); • Soạn Dự thảo báo cáo tự đánh giá; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong Báo cáo tự đánh giá.
15/1/2016-30/1/2016	<ul style="list-style-type: none"> • Hội đồng tự đánh giá họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. • Họp Hội đồng tự đánh giá để thông qua bản báo cáo tự đánh giá đã sửa chữa; • Công bố báo cáo tự đánh giá trong nội bộ nhà trường và thu thập các ý kiến đóng góp.

Thời gian	Các hoạt động
1/2/2016- 14/2/2016	<ul style="list-style-type: none"> • Xử lý các ý kiến đóng góp và hoàn thiện bản báo cáo tự đánh giá • Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ nhà trường)
15/2/2016- 22/2/2016	<ul style="list-style-type: none"> • Tập hợp các ý kiến đóng góp cho quy trình tự đánh giá, các biểu mẫu và các phần khác của tài liệu hướng dẫn; • Lưu trữ bản báo cáo tự đánh giá; <p>Gửi các file báo cáo về Cục KTKĐCLGD.</p>

Nơi nhận:

- Đảng ủy, BGH (Để chỉ đạo thực hiện)
- Như điều 3
- Lưu TH, KT&ĐBCLGD

HIỆU TRƯỞNG 



GS.TS Trần Thọ Đạt

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC MINH CHỨNG DÙNG TRONG BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
1	H1.1.1.1	Sứ mệnh tầm nhìn: http://www.neu.edu.vn/vi/su-menh-tam-nhin/su-menh-tam-nhin	Cổng thông tin điện tử	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
2	H1.1.1.2	Báo cáo Chính trị Đại hội Đại biểu Đảng bộ trường Đại học Kinh tế Quốc dân nhiệm kỳ 2015-2020	Số 22-NQ/ĐUT	Trường KTQD	
3	H1.1.1.3	Dự án khả thi Đầu tư xây dựng Nhà trung tâm Đào tạo Trường Đại học Kinh tế Quốc dân		Trường KTQD	
4	H1.1.1.4	Các văn bản, tài liệu giới thiệu về Trường bản Tiếng Việt Các văn bản, tài liệu giới thiệu về Trường bản Tiếng Anh		Trường KTQD	
5	H1.1.1.5	Thỏa thuận hợp tác và đào tạo nguồn nhân lực theo địa chỉ cho các địa phương; Hợp đồng triển khai các Thỏa thuận hợp tác với một số địa phương, doanh nghiệp Báo cáo tổng kết về đào tạo theo địa chỉ của các địa phương;	Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT-2015/ĐHKQTQD-NHĐTPTVN, Thỏa thuận hợp tác giữa Đại học Quốc gia LÀO và Trường Đại học Kinh tế QD Thỏa thuận hợp tác số 02/TTHT-2015/ĐHKQTQD-NHĐTPTVN, Thỏa thuận hợp tác giữa Đại học Quốc gia LÀO và Trường Đại học Kinh tế QD Thỏa thuận Hợp tác giữa tập đoàn VINGROUP và trường ĐH Kinh tế Quốc dân Thỏa thuận Hợp tác Đào tạo, Giảng dạy, NCKH và tư vấn giữa UBND tỉnh Điện Biên và Trường ĐH Kinh tế Quốc dân		Minh chứng dung chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			giai đoạn 2015-2020 Thỏa thuận Hợp tác giữa trường ĐH Kinh tế Quốc dân và Tổng công ty viễn thông VIETTEL Thỏa thuận hợp tác số 80/TTHT-2015/ĐHKQTĐ-TĐBV giữa Đại học KTQD với tập đoàn Bảo Việt Thỏa Thuận hợp tác giữa Trường Đại học KTQD với Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện. Thỏa thuận hợp tác giữa Đại học KTQD với ANZIIF.		
6	H1.1.1.6	Quyết định 368/QĐ-TTg về phê duyệt Đề án đổi mới cơ chế quản lý của trường ĐH KTQD giai đoạn 2015-2017	Quyết định 368/QĐ-TTg	Chính phủ	Minh chứng dùng chung
7	H1.1.2.1	Báo cáo hội nghị CBCCVV năm học 2010-2011	Số 1203/BC-ĐHKQTĐ ngày 10/11/2010	Trường KTQD	
8	H1.1.2.2	Nghị quyết của HNCBCCVC năm 2012 Nghị quyết của HNCBCCVC năm 2013 Nghị quyết của HNCBCCVC năm 2014-2015 Nghị quyết của HNCBCCVC năm 2015-2016	Số 115/BC-KTQD ngày 15/02/2012 Số 125/BC-KTQD ngày 30/01/2013 Số 1390/BC-ĐHKQTĐ ngày 27/11/2014 Số 1439/BC-ĐHKQTĐ ngày 11/11/2015	Trường KTQD	
9	H2.2.1.1	Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường	Bộ quy định Tổ chức và Quản lý của Trường ĐH KTQD	Trường KTQD	
10	H2.2.1.2	Sơ đồ cơ cấu tổ chức trên website của Trường;	Chụp ảnh màn hình	Trường KTQD	
11	H2.2.1.3	Danh sách nhân sự (mới nhất) của Trường		Phòng TCCB	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
12	H2.2.1.4	Kết quả hoạt động của Trường trong Báo cáo tại các Hội nghị CB, CC, VC (5 năm gần nhất)		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
13	H2.2.1.5	Quyết định v/v thành lập Tổ rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện tổ chức bộ máy của Trường;	Số 562/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/9/2013	Trường KTQD	
14	H2.2.1.6	Các báo cáo định kỳ về kết quả hoạt động của Tổ rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện tổ chức bộ máy của Trường theo QĐ số 562/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/9/2013 (2 năm gần nhất)		Trường KTQD	
15	H2.2.1.7	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH KTQD ban hành kèm theo QĐ số 1723/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 và QĐ số 154/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 30/3/2015 sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường	Số 1723/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 Số 154/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 30/3/2015	Trường KTQD	
16	H2.2.1.8	Các quyết định phân công nhiệm vụ của Ban Giám hiệu (3 năm gần nhất)		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
17	H2.2.1.9	Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH KTQD ban hành kèm theo QĐ số 1723/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010	Số 1723/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010	Trường KTQD	
18	H2.2.1.10	Quyết Định số 1724/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 và QĐ số 749/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2011 sửa đổi, bổ sung	Số 1724/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2010 Số 749/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2011 sửa đổi, bổ sung.	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
19	H2.2.2.1	Bộ quy định tổ chức và quản lý của Trường ban hành kèm	Số 769/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		theo QĐ số 769/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 11/11/2011	11/11/2011		
20	H2.2.2.2	Các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản đã cũ, không còn phù hợp (5 năm gần nhất)		Trường KTQD	
21	H2.2.2.3	Quyết định thành lập rà soát, đánh giá và đề xuất hoàn thiện các văn bản pháp lý của Trường		Trường KTQD	
22	H2.2.2.4	Báo cáo hoạt động của Tổ rà soát văn bản		Trường KTQD	
23	H2.2.3.1	Quy chế làm việc của Trường ban hành kèm theo QĐ số 72/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 19/11/2010	Số 72/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 19/11/2010	Trường KTQD	
24	H2.2.4.1	Kế hoạch công việc hàng năm được Hiệu trưởng phê duyệt (3 năm gần nhất);	Số 66/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 11/01/2016 Số 158/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 23/01/2015 Số 367/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 18/4/2014	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
25	H2.2.4.2	Dữ liệu báo cáo hoạt động hàng năm của văn phòng Đảng ủy, Công đoàn trường, ĐTN trường (5 năm gần nhất)		Đảng Ủy	
26	H2.2.4.3	Dữ liệu báo cáo về số lượng được kết nạp Đảng hàng năm (5 năm gần nhất)		Đảng Ủy	Minh chứng dùng chung
27	H2.2.4.4	Các khen thưởng của văn phòng Đảng ủy, Công đoàn trường, ĐTN trường (3 năm gần nhất)		Đảng Ủy	
28	H2.2.4.5	Tỷ lệ đảng viên, đoàn viên của các đơn vị được đánh giá tốt hàng năm (3 năm gần nhất)		Trường KTQD	
29	H2.2.5.1	Quyết định tách phòng KT&ĐBCLGD từ Phòng TT, KT&ĐBCLGD	Số 809/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/12/2013	Trường KTQD	
30	H2.2.5.2	Danh sách cán bộ, viên chức của Phòng KT&ĐBCLGD có		Phòng TCCB	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		kèm theo các thông tin về chức danh nghề nghiệp, học hàm, học vị			
31	H2.2.5.3	Lý lịch của cán bộ, viên chức của tổ chức này theo quy định của Nhà nước có xác nhận của người có thẩm quyền;		Phòng TCCB	
32	H2.2.5.4	Quyết định cử cán bộ đi tập huấn về KĐ và ĐBCL.	Số 879/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/10/2014	Trường KTQD	
33	H2.2.5.5	Báo cáo định kỳ các hoạt động của Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục;		Phòng KT&ĐBCLGD	
34	H2.2.5.6	Kế hoạch triển khai tự đánh giá;	Số 1112/QĐ-ĐHKTQD ngày 23/11/2012	Trường KTQD	
35	H2.2.5.7	Kế hoạch công việc hàng năm được Hiệu trưởng phê duyệt (kế hoạch của đơn vị ĐBCLGD) (3 năm gần nhất);		Trường KTQD	
36	H2.2.6.1	Kế hoạch chiến lược của Trường (mới nhất)		Trường KTQD	
37	H2.2.6.2	Các QĐ thành lập BCD và TCT rà soát việc thực hiện Kế hoạch công việc và dự toán chi ngân sách trường hàng năm (3 năm gần nhất)			
38	H2.2.6.3	Các kết luận giao ban tháng, quý (3 năm gần nhất);		Trường KTQD	
39	H2.2.7.1	Các chính sách và biện pháp giám sát, đánh giá việc thực hiện các kế hoạch của Trường (mới nhất)			
40	H2.2.7.2	Báo cáo thống kê và xác định chỉ tiêu tuyển sinh các năm học (5 năm gần nhất)		Trường KTQD	
41	H2.2.7.3	Quyết định về công tác văn thư ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/01/2011 và Quyết định số 1235/QĐ-ĐHKTQD ngày 11/11/2011	Số 64/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/01/2011 Số 1235/QĐ-ĐHKTQD ngày 11/11/2011	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
42	H2.2.7.4	Các kết luận tổng kết năm học (3 năm gần nhất)		Trường KTQD	Số lượng lớn, có thể thu thập tại nơi lưu trữ văn bản của trường
43	H3.3.1.1	Quyết định số 455/QĐ-KTQD ngày 16/5/2013	Số 455/QĐ-KTQD ngày 16/5/2013	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
44	H3.3.1.2	Quyết định số 547/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/5/2014 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình tiên tiến, chuyên ngành Tài chính khóa 55 Quyết định số 546/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/5/2014 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình tiên tiến, chuyên ngành Kế toán khóa 55 Quyết định số 958/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Kinh tế đầu tư khóa 56 Quyết định số 552/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/5/2014 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Kinh tế đầu tư khóa 55 Quyết định số 959/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy,	Số 547/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/05/2014 Số 546/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/05/2014 Số 958/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/06/2015 Số 552/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/05/2014 Số 959/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/06/2015	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<p>Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Quản trị Marketing khóa 56</p> <p>Quyết định số 553/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/5/2014 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Quản trị Marketing khóa 55</p>	Số 553/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/05/2014		
		<p>Quyết định số 960/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Kiểm toán khóa 56</p>	Số 960/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/06/2015		
		<p>Quyết định số 551/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/6/2014 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Kinh tế Quốc tế khóa 55</p>	Số 551/QĐ-ĐHKTQD ngày 14/06/2014		
		<p>Quyết định số 961/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Quản trị kinh doanh quốc tế khóa 56</p>	Số 961/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015		
		<p>Quyết định số 957/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy, Chương trình chất lượng cao, chuyên ngành Ngân hàng khóa 56</p>	Số 957/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/6/2015		

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
45	H3.3.1.3	Quyết định 109/QĐ-ĐHKQTĐ về việc phê duyệt Đề án Đào tạo cử nhân đại học Quản lý công và Chính sách công bằng tiếng Anh Quyết định số 951/QĐ-BGD&ĐT về việc phê duyệt chương trình đào tạo EBBA (Chưa thu thập được văn bản minh chứng)	Số 109/QĐ-ĐHKQTĐ Số 951/QĐ-BGD&ĐT	Trường KQTĐ Bộ GDĐT	Minh chứng dùng chung
46	H3.3.1.4	Quyết định 477/QĐ-KTQĐ ngày 21/05/2013 về việc ban hành khung chương trình đào tạo hệ Đại học hình thức vừa làm vừa học khối ngành Kinh tế và Quản trị kinh doanh, ngành luật của trường Đại học Kinh tế quốc dân Quyết Định 0206/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 02/06/2014 Ngành Quản trị du lịch, quản trị khách sạn Quyết Định 515/QĐ-QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/5/2013 ngành quản trị doanh nghiệp, kế toán, quản lý kinh tế, luật kinh tế, luật dinh doanh, quản trị kinh doanh tổng hợp	Số 477/QĐ-KTQĐ ngày 21/05/2013 Số 0206/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 02/06/2014 Số 515/QĐ-QĐ-ĐHKQTĐ ngày 21/5/2013	Trường KQTĐ	Minh chứng dùng chung
47	H3.3.1.5	Quyết định 276/QĐ-ktqd ngày 10/4/2013 việc ban hành quy định đào tạo cấp bằng đại học theo phương thức giáo dục từ xa của trường ĐHKQTĐ Quyết Định 268 ngày 07/03/2016 ngành Luật	Số 276/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 10/4/2013	Trường KQTĐ	Minh chứng dùng chung
48	H3.3.1.6	Quyết định số 1929/QĐ-KTQĐ ngày 19/10/2015 về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sỹ Quyết Định 428/QĐ-KTQĐ ngày 15/5/2015 về việc công bố danh sách các môn học thuộc trình độ đại học và giao nhiệm vụ quản lý môn học cho các Bộ môn Biên bản họp bổ sung nội dung chương trình thạc sỹ	Số 1929/QĐ-KTQĐ ngày 19/10/2015 Số 428/QĐ-KTQĐ ngày 15/5/2015	Trường KQTĐ	Minh chứng dùng chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		2015 Quyết định số 15/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 15/01/2015 của Hiệu trưởng về việc ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sỹ của ĐHKQTĐ Quyết Định số 554/QĐ-KTQD về việc thành lập Hội đồng môn học	số 15/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 15/01/2015		
49	H3.3.1.7	Quyết Định 184 ngày 24/02/2016 về việc phê duyệt đề án mới ngành đào tạo Kinh tế đầu tư trình độ đại học hệ chính quy tại ĐHKQTĐ Quyết Định 225/QĐBGDDT ngày 11/1/2011 về việc chuyển đổi tên ngành đào tạo trình độ đại học theo thông tư số 14/2010/TT-BGDDT Quyết Định 1128/QĐĐHKQTĐ ngày 13/thang 6 năm 2011 về việc Ban hành quy định đào tạo chương trình thí điểm Thạc sỹ Điều hành cao cấp Quyết Định 1208 ngày 13/1/2015 về việc cho phép trường ĐHKQTĐ đào tạo 05 ngành trình độ đại học hệ chính quy Thông tư 08/2011/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 về khối lượng kiến thức, quy trình xây dựng , thẩm định, ban hành CTĐT	Số 184/ĐHKQTĐ ngày 24/02/2016 Số 225/QĐBGDDT ngày 11/1/2011 Số 1128/QĐĐHKQTĐ ngày 13/thang 6 năm 2011 Số 1208/QĐĐHKQTĐ ngày 13/1/2015 Số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015	Trường KTQD Bộ GD và ĐT	
50	H3.3.1.8	Quyết Định 548/QĐ-KTQD ngày 01/10/2015 về việc thành lập Ban chỉ Đạo và Tổ công tác xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành của Trường ĐHKQTĐ Kế hoạch triển khai xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành 1325/KH KTQD ngày 20/10/2015	Số 548/QĐ-KTQD ngày 01/10/2015 Số 1325/KH-KTQD ngày 20/10/2015	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<p>Quyết định số 514/QĐ ĐHKQTĐ về việc thành lập Ban chỉ đạo các tổ chuyên môn và thư ký hoàn thiện khung chương trình cho khóa 55 đào tạo theo chương trình tiên tiến, chất lượng cao và Pohe</p> <p>Quyết định 615/QĐ-ĐHKQTĐ về việc kiện toàn thư ký tổ chuyên môn hoàn thiện chung chương trình cho khóa 55 theo chương trình tiên tiến, chất lượng cao và POHE</p> <p>QĐ 243/QĐKTQĐ ngày 2/4/2013 về việc thành lập nhóm tư vấn cho Hội đồng KHĐT trường về việc hoàn thiện chương trình đào tạo chuyên ngành K54</p> <p>QĐ 723/QĐĐHKQTĐ ngày 29/11/2013 về việc thành lập Ban chỉ đạo và các tiểu ban xây dựng đề án mở 05 ngành đào tạo mới trình độ đại học của trường ĐH kinh tế Quốc dân</p>	<p>Số 514/QĐ ĐHKQTĐ</p> <p>Số 615/QĐ-ĐHKQTĐ</p> <p>Số 243/QĐKTQĐ ngày 2/4/2013</p> <p>Số 723/QĐĐHKQTĐ ngày 29/11/2013</p>		
51	H3.3.1.9	Công văn quy định khối lượng kiến thức số 472/ĐHKQTĐ-ĐT ngày 27/05/2011	Số 472/ĐHKQTĐ-ĐT ngày 27/05/2011	Trường KTQĐ	
52	H3.3.1.10	<p>Hồ sơ mở ngành Kinh tế nông nghiệp 2013</p> <p>Hồ sơ mở ngành kinh doanh thương mại 2013</p> <p>Hồ sơ mở ngành kinh doanh quốc tế 2013</p> <p>Hồ sơ mở ngành kinh tế quốc tế 2013</p> <p>Hồ sơ mở ngành bảo hiểm 2013</p>			
53	H3.3.1.11	Quyết định số 1098/QĐKTQĐ ngày 17/10/2011 về việc phản biện chương trình đào tạo đại học hệ chính quy	Số 1098/QĐKTQĐ ngày 17/10/2011	Trường KTQĐ	
54	H3.3.1.12	Biên bản làm việc, họp tổng kết với đại diện các công ty			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
55	H3.3.1.13	Hội đồng khoa/viện thảo luận, hoàn thiện chương trình			
56	H3.3.1.14	Biên bản họp đội đồng góp ý chương trình đào tạo cử nhân đại học chuyên ngành quản lý công và chính sách bằng tiếng anh 30/10/2014 Biên bản họp hội đồng khoa học và đào tạo 2011, ngành Bất động sản, Kinh tế tài nguyên, Toán ứng dụng trong kinh tế, Thống kê kinh tế, Quản trị nhân lực, Marketing, Quản trị khách sạn, Quản trị dịch vụ du lịch lữ hành Nhận xét các thành viên hội đồng		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
57	H3.3.1.15	Đề án chương trình EPMP		Trường KTQD	
58	H3.3.1.16	Quản lý đề cương chi tiết môn học	Công bố trên cổng thông tin điện tử trường		
59	H3.3.2.1	Quyết định số 1020/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 8/7/2015 về việc ban hành đề cương chi tiết học phần trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy Quyết định sinh viên tốt nghiệp tháng 3 hàng năm	Số 1020/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 8/7/2015 Số 412/QĐ-ĐHKQTĐ 14/4/2010 Số 456/QĐ-ĐHKQTĐ	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
60	H3.3.2.2	Thống kê số sinh viên K54 đạt chuẩn về ngoại ngữ		Trường KTQD	
61	H3.3.4.1	Ban chỉ đạo, tổ công tác, ý kiến các khoa, Hội đồng KH&ĐT		Trường KTQD	
62	H3.3.4.2	Chương trình đào tạo 16 ngành	Cuốn chương trình theo quyết định 465/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/5/2013	Trường KTQD	
63	H3.3.4.3	Chương trình đào tạo K52	Cuốn chương trình theo quyết định 464/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/5/2013	Trường KTQD	
64	H3.3.4.4	Tổng kết 5 năm EBBA	Phô tô kỷ yếu hội nghị tổng kết 5 năm	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
			hoạt động của chương trình EBBA		
65	H3.3.4.5	<p>- Kế hoạch số 299/KH-ĐHKQTĐ ngày 27/3/2014 về việc Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp Hệ chính quy, Khóa 51.</p> <p>Báo cáo số 61/BC-KT&ĐBCLGD ngày 14/8/2014 v/v Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp HCQ – Khóa 51.</p> <p>- Kế hoạch số 265/KH-ĐHKQTĐ ngày 10/3/2015 của PHT về việc Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp Hệ chính quy, Khóa 52.</p> <p>Báo cáo số 143/BC-KT&ĐBCLGD ngày 09/7/2015 v/v Lấy ý kiến Phản hồi của SV Tốt nghiệp HCQ, Khóa 52.(BC Thầy GS.TS Phạm Quang Trung-PHT).</p> <p>- Kế hoạch số 16/KH-ĐHKQTĐ ngày 14/3/2016 của Trường phòng Khảo thí và ĐBCLGD về việc Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp Hệ chính quy, Khóa 53.</p> <p>Báo cáo số 62/BC-KT&ĐBCLGD ngày 15/08/2016 của Trường phòng Khảo thí và ĐBCLGD v/v Lấy ý kiến Phản hồi của SV Tốt nghiệp HCQ, Khóa 53.</p>	<p>Số 299/KH-ĐHKQTĐ ngày 27/3/2014</p> <p>Số 61/BC-KT&ĐBCLGD ngày 14/8/2014</p> <p>Số 265/KH-ĐHKQTĐ ngày 10/3/2015</p> <p>Số 143/BC-KT&ĐBCLGD ngày 09/7/2015</p> <p>Số 16/KH-ĐHKQTĐ ngày 14/3/2016</p> <p>Số 62/BC-KT&ĐBCLGD ngày 15/08/2016</p>	Trường KTQD	
66	H3.3.5.1	Chương trình đào tạo VB2 chính quy trước khóa 26, Chương trình đào tạo VB2 chính quy áp dụng từ khóa 26(tuyển sinh năm 2014), Văn bản quy định nguyên tắc xây dựng CTĐT VB2 khóa 26		Trường KTQD	
67	H3.3.5.2	Quyết định số 1212/QĐ-ĐHKQTĐ Quy định đào tạo tín chỉ của Trường	Số 1212/ĐHKQTĐ ngày 12/12/2012	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
68	H3.3.6.1	<p>Quyết định số 340/QĐ-ĐHKQTĐ về việc ban hành quy định về công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học đối với hoạt động giảng dạy của giảng viên trường đại học KTQĐ.</p> <p>Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hệ chính quy kỳ 2 năm học 2013-2014 số 49/BC-KTĐBCLGD.</p> <p>Thông báo v/v lấy ý kiến sinh viên hệ ĐH chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ 1 năm học 2014-2015 số 1232/TB-ĐHKQTĐ.</p> <p>Thông báo v/v lấy ý kiến sinh viên hệ ĐH chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ 2 năm học 2014-2015 số 393/TB-ĐHKQTĐ.</p> <p>Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hệ chính quy năm học 2014-2015 số 148/BC-KT&ĐBCLGD</p> <p>Thông báo v/v lấy ý kiến sinh viên hệ ĐH chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ 1 năm học 2015-2016 số 1121/TB -ĐHKQTĐ</p> <p>Công văn v/v lấy ý kiến sinh viên hệ ĐH chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ 1 năm học 2015-2016 số 1286/ĐHKQTĐ-KT&ĐBCLGD</p> <p>Kế hoạch v/v lấy ý kiến sinh viên hệ ĐH chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ 2 năm học 2015-2016 số 197/KH-ĐHKQTĐ</p> <p>Thông báo v/v lấy ý kiến sinh viên hệ ĐH chính quy về hoạt động giảng dạy của giảng viên kỳ 2 năm học 2015-2016 số 286/TB-ĐHKQTĐ</p> <p>Báo cáo kết quả công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên hệ chính quy năm học 2015-2016 số 61/BC-KT&ĐBCLGD.</p>	<p>Số 340/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 11/05/2012</p> <p>Số 49/BC-KTĐBCLGD</p> <p>Số 1232/TB-ĐHKQTĐ</p> <p>Số 393/TB-ĐHKQTĐ</p> <p>Số 148/BC-KT&ĐBCLG</p> <p>Số 1121/TB-ĐHKQTĐ</p> <p>Số 1286/ĐHKQTĐ-KT&ĐBCLGD</p> <p>Số 197/KH-ĐHKQTĐ</p> <p>Số 286/TB-ĐHKQTĐ</p> <p>Số 61/BC-KT&ĐBCLGD</p>	<p>Trường KTQĐ Phòng KT&ĐBCLGD</p>	<p>Minh chứng dùng chung</p> <p>213</p>

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
69	H3.3.6.2	Kỷ yếu hội nghị/ Hội thảo về các CTĐT		Trường KTQD	
70	H4.4.1.1	Quy định đào tạo theo học chế tín chỉ Quy định về đào tạo TT, CLC & POHE Quy định về đào tạo VLVH Quy định về đào tạo từ xa Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Kinh tế quốc dân được ban hành theo Quyết định số 15/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 15/01/2015 của Hiệu trưởng	Số 15/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 15/01/2015	Trường KTQD	
		Quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân được ban hành theo Quyết định số 1176/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/05/2013 của Hiệu trưởng	Số 1176/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/05/2013		
		Quyết định số 1749/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 08/09/2015 của Hiệu trưởng Quy định đào tạo chương trình thí điểm thạc sĩ điều hành cao cấp Executive-MBA được ban hành theo Quyết định số 1128/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 13/6/2011 của Hiệu trưởng Các hợp đồng liên kết, văn bản của Bộ	số 1749/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 08/09/2015 Số 1128/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 13/6/2011		
71	H4.4.1.2	Các quyết định của Bộ			
72	H4.4.1.3	Các quyết định của Trường		Trường KTQD	
73	H4.4.1.5	Quyết định của Bộ giao và Quyết định của UBND các tỉnh Quyết định của Bộ , công hàm của các sứ quán		Bộ GD & ĐT	
74	H4.4.2.1	Quy chế về tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi và công nhận tốt nghiệp đại học và cao đẳng hệ chính quy số 04/1999/QĐ-	Số 04/1999/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/02/1999	Bộ GD & ĐT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		BGD&ĐT ngày 11/02/1999 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006 của Bộ Giáo dục Và Đào tạo cho hệ đào tạo đại học chính quy của Trường	Số 25/2006/QĐ-BGD&ĐT ngày 26/6/2006		
75	H4.4.2.2	Quyết định số 95/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 25/1/2008 về việc ban hành quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Quyết định sinh viên tốt nghiệp tháng 3 hàng năm Quyết định tốt nghiệp đợt tháng 3 năm 2015, 2016	Số 95/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 25/1/2008 Quyết định 412/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 14/4/2010 Quyết định 456/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 31/3/2015	Trường ĐHKQTĐ	
76	H4.4.3.1	Quy chế tuyển dụng, thử việc và bổ nhiệm vào ngạch viên chức (QĐ 1489/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB, 11/10/2010 và sửa đổi bổ sung theo QĐ 761/QĐ-ĐHKQTĐ - TCCB, 11/11/2011)	Số 1489/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày, 11/10/2010, Số 761/QĐ-ĐHKQTĐ – TCCB ngày 11/11/2011	Trường ĐHKQTĐ	
77	H4.4.3.2	Kế hoạch triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên năm học 2014,2015,2016		Phòng KT & ĐBCLGD	
78	H4.4.3.3	Phiếu đánh giá, Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của sinh viên tốt nghiệp hệ chính quy khóa 51 (Số 61/BC-KT&ĐBCLGD,14/8/2014) Phiếu đánh giá, Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của	Số 61/BC-KT&ĐBCLGD ngày 14/8/2014 Số 143/BC-KT&ĐBCLGD ngày	Phòng KT&ĐBCLGD	Minh chứng dùng chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		sinh viên tốt nghiệp hệ chính qui khóa 52 (143/BC-KT&ĐBCLGD, 9/7/2015 Kế hoạch công việc và giao dự toán thực hiện (P.KT&ĐBCLGD)	9/7/2015		
79	H4.4.3.4	Báo cáo kết quả lấy ý kiến phản hồi VLVH, TX, SĐH		Phòng KT&ĐBCLGD	
80	H4.4.4.1	Thông tư số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định về kiểm tra, đánh giá được thể hiện tại Quy chế Số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT	Số 08/2011/TT-BGDĐT ngày 17/02/2011 Số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT	Bộ GD & ĐT Trường KTQD	
81	H4.4.4.2	Thông tư 55 (hệ liên thông) Thông tư 57 đối với hệ chính quy Quy chế số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT đối với hình thức vừa làm vừa học Quyết Định số 2470/QĐ-ĐHKTQD, 31/12/2009 Ban hành quy định về công tác chấm thi học phần theo hình thức thi viết; Quyết Định số 1962/QĐ-ĐHKTQD, 15/12/2010 ban hành Quy định về đề thi tự luận cho các hệ đào tạo của Trường ĐHKQTĐ	Số 36/2007/QĐ-BGD&ĐT Số 2470/QĐ-ĐHKTQD ngày 31/12/2009 Số 1962/QĐ-ĐHKTQD ngày 15/12/2010	Bộ GD & ĐT Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
82	H4.4.4.3	Công văn 426/ĐHKTQD-QLĐT ngày 14/4/2015 về việc công bố lịch thi học kỳ II năm 2014-2015 khóa 53,54,55 Công văn 525/ĐHKTQD-QLĐT ngày 06/5/2015 về việc công bố lịch thi học kỳ II năm 2014-2015 khóa 56 Công văn số 177/KT&ĐBCLGD ngày 6/11/2015 về việc phân công in đề thi Công văn số 176/KT&ĐBCLGD ngày 6/11/2015 về việc phân công thu bài thi	Số 426/ĐHKTQD-QLĐT ngày 14/4/2015 Số 525/ĐHKTQD-QLĐT ngày 06/5/2015 Số 177/KT&ĐBCLGD ngày 6/11/2015 Số 176/KT&ĐBCLGD ngày 6/11/2015	Phòng Đào tạo	
83	H4.4.4.4	Quyết Định số 694/QĐ-ĐHKTQD, 13/8/2013 ban hành Quy định về Tổ chức xem lại kết quả bài thi học phần hệ đào tạo đại học chính quy của Trường ĐHKTQD, Thống báo kết quả sau khi xem lại bài thi	Số 694/QĐ-ĐHKTQD ngày 13/8/2013	Trường KTQD	
84	H4.4.5.1	Quyết Định số 2281/ĐHKTQD, về miễn học, miễn thi và chuyển điểm tiếng Anh từ K54 (2015)	Số 2281/ĐHKTQD ngày 30/12/2015	Trường KTQD	Minh chứng chung
		Quyết Định số 872/QLĐT, 24/11/2008 về nhập điểm lên hệ thống mạng quản lý đào tạo	Số 872/QLĐT ngày 24/11/2008	Phòng QLĐT	
85	H4.4.5.2	Viện CNTT cung cấp thông tin về hệ thống lưu trữ		Viện CNTT	
86	H4.4.5.3	Photo một trang số ký nhận văn bằng		Phòng QLĐT	
87	H4.4.5.4	Thông tin về văn bằng của người học được cung cấp công khai		Phòng QLĐT	
88	H4.4.5.5	Thông báo về việc cung cấp dịch vụ liên quan đến công tác tốt nghiệp áp dụng từ khóa 54		Phòng QLĐT	
89	H4.4.6.1	Kế hoạch, thông báo tuyển sinh được Nhà trường công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường		Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		<p>Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo được công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường</p> <p>Chương trình đào tạo được lưu giữ tại các đơn vị quản lý đào tạo và các khoa/viện đào tạo chuyên ngành và công khai</p>			
90	H4.4.6.2	<p>Quyết định công nhận tốt nghiệp được lưu giữ tại Phòng QLĐT</p> <p>Màn hình đăng ký học của 1 sinh viên</p>		Phòng QLĐT	
91	H4.4.6.4	Sổ thông tin sinh viên tốt nghiệp		Phòng QLĐT	
92	H4.4.7.1	Bảng hỏi, Báo cáo khảo sát sinh viên sau khi tốt nghiệp		Phòng KT&ĐBCLGD	
93	H4.4.7.2	Khảo sát của các chương trình POHE, các ngành mới mở, E-PMP			
94	H5.5.1.1	Kế hoạch về tuyển dụng (3 năm gần nhất)	Số 109/KH-ĐHKQTĐ ngày 27/01/2016; số 349/KH-ĐHKQTĐ ngày 31/03/2015	Trường KTQD	
95	H5.5.1.2	Thông báo tuyển dụng trên website trường	neu.edu.vn		Chụp màn hình
96	H5.5.1.3	Tiêu chuẩn và tiêu chí cho từng vị trí quản lý	Số 1906/QĐ-TCCB ngày 27/10/2008 Số 1907/QĐ-TCCB ngày 27/10/2008	Phòng TCCB	
97	H5.5.1.4	<p>Quyết Định số 789/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/12/2013 ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, kéo dài thời gian giữ chức vụ, luân chuyển, thôi giữ chức vụ và miễn nhiệm viên chức quản lý</p> <p>Quyết Định số 396/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/7/2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ số 789/QĐ-ĐHKQTĐ</p>	Số 789/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 24/12/2013; Số 396/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 27/7/2015	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
98	H5.5.1.5	Quyết định về quy trình, tiêu chí tuyển dụng	Số 1489/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/10/2010	Phòng TCCB	
99	H5.5.1.6	Quyết định ban hành Quy chế tuyển dụng, ký kết HĐLV, tập sự và bổ nhiệm vào ngạch viên chức của Trường ĐH KTQD	Số 94/QĐ-ĐHKTQD ngày 03/3/2015	Trường KTQD	
100	H5.5.1.7	Kế hoạch bổ nhiệm cán bộ (3 năm gần nhất)	Số 1578/KH-ĐHKTQD ngày 27/12/2013	Trường KTQD	
101	H5.5.2.1	Quyết định về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường	Số 04/2000/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 01/3/2000	Bộ GD&ĐT	
102	H5.5.2.2	Quyết định Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường nhằm cụ thể hóa Quyết định số Số 04/2000/QĐ-BGDĐT-TCCB ngày 01/3/2000	Số 73/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 19/11/2010	Phòng TCCB	Minh chứng dùng chung
103	H5.5.2.3	Lịch tiếp cán bộ, giảng viên, nhân viên của lãnh đạo trường (1 năm gần nhất)		Trường KTQD	
104	H5.5.2.4	Các dự thảo quy chế được xin ý kiến góp ý của các cá nhân, đơn vị trong trường có liên quan (3 năm gần nhất)		Trường KTQD	
105	H5.5.2.5	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường (mới nhất)		Trường KTQD	
106	H5.5.2.6	Quyết định về Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT trường ĐH KTQD;	Số 608/QĐ-ĐHKTQD ngày 02/11/2015	Trường KTQD	
107	H5.5.2.7	Quyết định công nhận Ban thanh tra nhân dân Trường ĐH KTQD nhiệm kỳ 2015-2017	Số 37/QĐ-CĐT ngày 18/11/2015	Trường KTQD	
108	H5.5.2.8	Báo cáo tổng kết 10 năm (2006-2015) của Ban Thanh tra nhân dân Trường;	Báo cáo ngày 01/3/2016	Phòng Thanh tra	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
109	H5.5.3.1	Một số quyết định cử cán bộ, giảng viên đi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước được trường hỗ trợ kinh phí;		Trường KTQD	
110	H5.5.3.2	Quy chế thu chi nội bộ	Năm 2016	Trường KTQD	
111	H5.5.3.3	Số liệu thống kê giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên từ năm 2013 đến 5/2016 (hiện tại).		Phòng TCCB	
112	H5.5.4.1	Số liệu thống kê về cơ cấu của đội ngũ cán bộ quản lý (3 năm gần nhất)		Phòng TCCB	
113	H5.5.4.2	Kết quả đánh giá thi đua hàng năm (3 năm gần nhất)		Trường KTQD	
114	H5.5.5.1	Số liệu giảng viên cơ hữu theo Báo cáo giảng viên cơ hữu năm 2015		Phòng TCCB	Minh chứng dùng chung
115	H5.5.5.2	Số lượng đề tài NCKH, bài báo đăng tạp chí KH và Hội thảo KH (3 năm gần nhất)		Trường KTQD	
116	H5.5.5.3	Tỷ lệ Giảng viên có thể giảng trực tiếp bằng ngoại ngữ/Tổng số giảng viên/năm theo Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động (đề án tự chủ) giai đoạn 2015-2017		Phòng TCCB	
117	H5.5.6.1	Quyết định về Quy chế tuyển dụng;	Số 94/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 03/3/2015	Trường KTQD	
118	H5.5.6.2	Bảng cấp kê khai trong hồ sơ viên chức (mới nhất)		Phòng TCCB	
119	H5.5.6.3	Lý lịch khoa học của giảng viên (mới nhất);		Phòng TCCB	
120	H5.5.7.1	Số liệu thống kê về độ tuổi, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác của đội ngũ giảng viên (mới nhất)		Phòng TCCB	
121	H5.5.7.2	Số liệu thống kê trình độ chuyên môn của giảng viên có độ tuổi dưới 35 (mới nhất)		Phòng TCCB	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
122	H5.5.7.3	Quyết định phân công hướng dẫn giảng viên tập sự; chế độ đối với người hướng dẫn TS (mới nhất)		Trường KTQD	
123	H5.5.8.1	Danh sách thống kê đội ngũ kỹ thuật viên, nhân viên theo chuyên môn: giới tính, tuổi đời, học vị, chức danh, thâm niên công tác, trình độ ngoại ngữ, trình độ tin học (3 năm gần nhất)		Phòng TCCB	
124	H5.5.8.2	Quy định về nhiệm vụ, mô tả chức danh, trách nhiệm của các kỹ thuật viên, nhân viên trong việc hỗ trợ cán bộ và giảng viên sử dụng trang thiết bị phục vụ giảng dạy và NCKH (mới nhất)		Phòng TCCB	
125	H6.6.1.1	http://youthneu.edu.vn/			Chụp màn hình
126	H6.6.1.2	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên năm 2015 - 2016		Trường KTQD	Chụp màn hình
127	H6.6.1.3	https://qldt.neu.edu.vn		Phòng QLĐT	Chụp màn hình
128	H6.6.1.4	https://neu.edu.vn/ mục Khoa – Viện			
129	H6.6.1.5	Quyết định kỉ luật sinh viên năm 2014 - 2015		Trường KTQD	
130	H6.6.2.1	Những điều sinh viên đại học Kinh tế Quốc dân cần biết		Trường KTQD	
131	H6.6.2.2	http://www.phongctctqlsv.neu.edu.vn		Phòng CTCT&QLSV	Chụp màn hình
132	H6.6.2.3	Danh sách SV diện chính sách và ngoài chính sách được miễn giảm học phí từ năm học 2009 – 2010 đến 2013 – 2015; tổng số tiền được miễn giảm từng năm		Phòng CTCT&QLSV	Minh chứng dùng chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
133	H6.6.2.4	Quyết định bổ nhiệm Trạm trưởng Y tế		Trường KTQD	
134	H6.6.2.5	Báo cáo tình hình tham gia bảo hiểm y tế - Trạm y tế		Trường KTQD	
135	H6.6.2.6	Kế hoạch học chính trị đầu cho sinh viên khóa K57	Số 1080/KH-ĐHKQD	Trường KTQD	
136	H6.6.2.7	Danh mục thuốc tại trạm y tế		Trạm y tế	
137	H6.6.2.8	Các kế hoạch tổ chức hàng năm		Trường KTQD	
138	H6.6.2.9	Ảnh đoạt huy chương vàng			
139	H6.6.2.10	Dự trù kinh phí các hoạt động			
140	H6.6.2.11	Báo cáo tổng kết tình hình an ninh trật tự trong Trường từ 2009 đến 2015	Báo cáo công tác đảm bảo ANTCT và TTATXH năm 2010	Trường KTQD	
141	H6.6.3.1	Danh mục báo, tạp chí quý I2016			
142	H6.6.3.2	Chương trình phát thanh KTX – Hội SV		Hội Sinh viên	
143	H6.6.3.3	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân sinh viên cuối khóa năm 2015, 2016		Phòng CTCT&QLSV	
144	H6.6.3.4	Kế hoạch tổ chức các cuộc thi Olympic Tin, Toán, Mác Lê nin			
145	H6.6.3.5	Kế hoạch tổ chức hội trại hàng năm của ĐTN - HSV			
146	H6.6.3.6	Báo cáo tổng kết Chiến dịch Mùa Hè TNTN các năm 2014, 2015		Đoàn TN	
147	H6.6.3.7	Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện của SV các Khoa trong các năm học từ 2009 – 2010 đến 2013 – 2015	Kết quả điểm rèn luyện 2015	Phòng CTCT&QLSV	Minh chứng dùng chung
148	H6.6.4.1	Kết quả công tác phát triển Đảng hàng năm		Đảng Ủy	
149	H6.6.4.2	Ảnh nhận bằng khen, cờ thi đua của Thành đoàn, TU Đoàn			

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
150	H6.6.4.3	Quy định của Đoàn TN, HSV		Đoàn Thanh niên Hội Sinh viên	
151	H6.6.4.4	QĐ mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; Thông báo tổ chức học lớp nhận thức về Đảng; Thông báo về kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho Học viên đối tượng kết nạp Đảng; Thông báo tổ chức lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho Đảng viên mới; Thông báo về kế hoạch tổ chức lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho Học viên đối tượng kết nạp Đảng; Quyết Định mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng; Quyết Định mở lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cho Đảng viên mới; Quyết Định về việc mở lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng;	Số 152-QĐ/ĐU Số 145-TB/ĐU Số 52-TB/ĐU Số 83-TB/ĐU Số 84-TB/ĐU Số 02-QĐ/ĐU Số 12/QĐ-ĐUT Số 14/QĐ-ĐU	Đảng Ủy	
152	H6.6.4.5	Thống kê số lượng sinh viên tham gia lớp cảm tình Đảng và được cấp chứng nhận các năm 2008 – 2015.	Báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ Trường ĐHKQTĐ nhiệm kỳ 20152020	Trường KTQD	
153	H6.6.4.6	Quyết định v/v kỷ luật sinh viên 2009,2011,2012,2013,2014,2015,2016		Trường KTQD	
154	H6.6.4.7	Kết quả điểm rèn luyện 2015			
155	H6.6.5.1	Quyết định về việc Bổ nhiệm Cố vấn học tập của trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Số 1367/QĐ-ĐHKQTĐ	Trường KTQD	
156	H6.6.5.2	Kế hoạch học chính trị đầu cho sinh viên khóa K55 Kế hoạch học chính trị đầu cho sinh viên khóa K56(Dự thảo) Ngày 04/09/2014 Kế hoạch học chính trị đầu cho sinh viên khóa K57	Số 1019/KH-ĐHKQTĐ ngày 06/09/2013 Số 1080/KH-ĐHKQTĐ ngày 04/09/2015	Phòng CTCT&QLSV	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
157	H6.6.5.3	Sơ đồ mặt bằng và bảng tổng hợp diện tích từng khu vực, từng loại hình mặt bằng (phòng học, phòng hội thảo, hội trường, sân bóng...)			
158	H6.6.5.4	Quyết định về việc thưởng điểm cho sinh viên đạt thành tích trong cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh năm 2015	Số 981/QĐ-ĐHKTQD	Trường KTQD	
159	H6.6.5.5	Hình ảnh Nhà văn hóa, Sân Kí túc xá			
160	H6.6.5.6	Hình ảnh Cổng tin			
161	H6.6.5.7	hình ảnh các nhà khu KTX			
162	H6.6.5.8	Báo cáo tổng kết hoạt động của Đoàn TN, HSV các năm			
163	H6.6.5.9	Quyết định và danh sách SV được nhận các loại học bổng các năm học từ 2009 – 2010 đến 2013 – 2015		Trường KTQD	
164	H6.6.5.10	http://neu.edu.vn mục thông báo, trang web của Phòng CTCT và QLSV, Đoàn TN			
165	H6.6.6.1	Chức năng nhiệm vụ của P. CTCT&QLSV	Bộ Quy định	Trường KTQD	
166	H6.6.6.2	Kế hoạch tổ chức Mùa hè TNTN của ĐTN năm 2015, 2016		Đoàn Thanh niên	
167	H6.6.6.3	Kế hoạch tổ chức ngày hội hiến máu “Dòng máu Lạc Hồng”			
168	H6.6.6.4	Hình ảnh các hoạt động thiện nguyện			
169	H6.6.6.5	Kế hoạch tổ chức tuần sinh hoạt công dân cuối khóa năm 2014, 2015, 2016			
170	H6.6.6.6	Kết quả kiểm tra chính trị đầu khóa K55 Kết quả kiểm tra chính trị đầu khóa K56		Phòng CTCT&QLSV	
171	H6.6.6.7	http://www.phongctctqlsv.neu.edu.vn		Phòng CTCT&QLSV	
172	H6.6.6.8	Kế hoạch tham gia và hình ảnh giải nhất cuộc thi Olympic các môn khoa học Mác Lê nin và Tư tưởng Hồ Chí Minh – Ánh sáng soi đường năm 2015			
173	H6.6.6.9	Chức năng nhiệm vụ của Cố vấn học tập	Bộ quy định	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
174	H6.6.6.10	Báo cáo công tác quản lý sinh viên năm 2014, 2015		Phòng CTCT&QLSV	
175	H6.6.7.1	Hình ảnh Ngày hội việc làm sinh viên năm 2014, 2015		Phòng CTCT&QLSV	
176	H6.6.7.2	Hình ảnh hoạt động hướng nghiệp tại Tuần sinh hoạt công dân cuối khóa năm 2014, 2015			
177	H6.6.7.3	Hình ảnh sinh viên Đinh Thị Nho, Trần Văn Bằng, Trần Anh Tuấn Nghĩa (Khóa 54)			
178	H6.6.7.4	http://alumni.neu.edu.vn/			
179	H6.6.8.1	Hình ảnh hướng nghiệp của các Khoa QTKD, Viện NHTC, TT Đào tạo Tiên tiến CLC và POHE			
180	H6.6.8.2	Báo cáo 1 năm hoạt động mạng lưới CSV, hình ảnh TS Đặng Quốc Chính và TS Đỗ Minh Khương trao đổi với sinh viên		Phòng CTCT&QLSV	
181	H6.6.9.1	http://khaothi-dbclgd.neu.edu.vn/ViewThongBao.aspx?ID=118		Phòng KT&ĐBCLGD	
182	H6.6.9.2	Mẫu phiếu lấy ý kiến về công tác giảng dạy của Giảng viên		Phòng KT & ĐBCLGD	
183	H6.6.9.3	Đường link phần mềm lấy ý kiến phản hồi trên trang Web	http://khaothi-dbclgd.neu.edu.vn/ViewAllVanBan.aspx?a=2&b=22	Phòng KT & ĐBCLGD	
184	H7.7.1.1	Kế hoạch Số 1380/KH-ĐHKQTĐ về việc Tổ chức Lớp phương pháp NCKH Thiết kế điều tra xã hội học Kế hoạch Số 870/KH-ĐHKQTĐ về việc Tổ chức Lớp phương pháp NCKH dành cho giảng viên năm 2015 Kế hoạch Số 52/KH-ĐHKQTĐ về việc Tổ chức Lớp phương pháp NCKH năm 2016 Công văn số 170/ĐHKQTĐ-ĐHKQTĐ về việc thông báo kế hoạch tổ chức các hội thảo khoa học năm 2016	Số 1380/KH-ĐHKQTĐ ngày 25/11/2014 Số 870/KH-ĐHKQTĐ ngày 18/03/2015 năm 2016 Số 52/KH-ĐHKQTĐ ngày 18/01/2016 Số 170/ĐHKQTĐ-ĐHKQTĐ ngày 25/02/2016	Trường KQTĐ	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
185	H7.7.1.2	Kế hoạch số 165/ĐHKQTĐ-QLKH lựa chọn nhiệm vụ KH&CN năm 2017 Kế hoạch Số 718/KH-ĐHKQTĐ và quy trình triển khai thực hiện đề tài cấp trường năm 2015 Kế hoạch số 1032/KH-ĐHKQTĐ về việc tổ chức triển khai hoạt động NCKH sinh viên năm 2016	Số 165/ĐHKQTĐ-QLKH ngày 24/02/2016 Số 718/KH-ĐHKQTĐ ngày 12/06/2015 Số 1032/KH-ĐHKQTĐ ngày 14/10/2015	Trường KTQĐ	
186	H7.7.1.3	Quyết định Số 138/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB về việc tổ chức khóa học “Các tiêu chuẩn báo cáo tài chính quốc tế” Quyết định số 132/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập Ban tổ chức lớp bồi dưỡng “Quản lý dự án trong các trường đại học” Quyết định Số 181/QĐ-ĐHKQTĐ Về việc thành lập Ban tổ chức lớp bồi dưỡng “Giao tiếp kinh doanh: kỹ năng viết” Quyết định số 204/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập ban tổ chức lớp bồi dưỡng “Marketing các ngành dịch vụ” Quyết định số 415/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập BTC lớp bồi dưỡng “Kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phê phán dành cho lãnh đạo” Quyết định số 774/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập BTC và QLKH “Phương pháp NCKH nâng cao” Quyết định Số 969/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập BTC(lớp 1) khóa học “Phương pháp NCKH-Thiết kế điều tra xã hội học” Quyết định số 13/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập BTC và quản lý lớp phương pháp NCKH “Phân tích định lượng trong NCKH sử dụng phần mềm thống kê Stata”	Số 138/QĐ-ĐHKQTĐ-TCCB ngày 23/02/2011 Số 132/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/03/2012 Số 181/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 13/04/2012 Số 204/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/04/2012 Số 415/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 10/07/2012 Số 774/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/12/2013 Số 969/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/12/2014 Số 13/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 08/01/2016	Trường KTQĐ	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
187	H7.7.1.4	<p>Quyết định Số 182/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử cán bộ, giảng viên đi học lớp bồi dưỡng “Giao tiếp kinh doanh: kỹ năng viết”</p> <p>Quyết định số 203/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử cán bộ, giảng viên đi học lớp bồi dưỡng “Marketing các ngành dịch vụ”</p> <p>Quyết định số 775/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử viên chức đi học khóa học “Phương pháp NCKH nâng cao”</p> <p>Quyết định số 147/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử viên chức đi học khóa học “Phân tích diễn ngôn phê phán và phân tích thuật chuyện”</p> <p>Quyết định Số 970/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử viên chức đi học (Lớp 1) khóa học “Phương pháp NCKH-Thiết kế điều tra xã hội học”</p> <p>Quyết định số 14/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử viên chức tham gia lớp phương pháp NCKH “Phân tích định lượng trong NCKH sử dụng phần mềm thống kê Stata”</p> <p>Quyết định số 15/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cử viên chức tham gia lớp phương pháp NCKH “Phân tích định lượng trong NCKH sử dụng phần mềm thống kê Stata” (lớp 2)</p>	<p>Số 182/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 13/04/2012</p> <p>Số 203/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/04/2012</p> <p>Số 775/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/12/2013</p> <p>Số 147/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 03/03/2014</p> <p>Số 970/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 12/12/2014</p> <p>Số 14/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 08/01/2016</p> <p>Số 15/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 08/01/2016</p>		
188	H7.7.1.5	<p>Quyết định số 129/QĐ-ĐHKQTĐ về việc cấp chứng chỉ khóa học “Bồi dưỡng cơ bản về phương pháp NCKH”</p> <p>Quyết định số 23/QĐ-ĐHKQTĐ về việc Cấp chứng chỉ lớp “Phương pháp NCKH nâng cao”</p>	<p>Số 129/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/03/2013</p> <p>Số 23/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 19/03/2014</p>		
189	H7.7.2.1	<p>Thông báo số 439/TB-ĐHKQTĐ về việc kế hoạch triển khai đề tài NCKH cấp trường năm học 2015-2016</p> <p>Thông báo số 07/QLKH-ĐHKQTĐ về việc gửi đề xuất nghiên cứu đề tài cấp trường năm 2015</p> <p>Thông báo số 221/TB-ĐHKQTĐ về việc triển khai xây dựng quyết minh đề tài cấp trường năm 2015</p>	<p>Số 436/TB-ĐHKQTĐ ngày 15/4/2015</p> <p>Số 07/QLKH-ĐHKQTĐ ngày 27/04/2014</p> <p>Số 221/TB-ĐHKQTĐ</p>	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
190	H7.7.2.2	<p>Quyết định số 898/QĐ-ĐHKTQD về việc giao nhiệm vụ KHCN cấp Trường năm 2015</p> <p>Quyết định số 480/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài NCKH cấp Trường năm 2015 thuộc lĩnh vực kinh tế</p> <p>Quyết định số 2271/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh nhiệm vụ NCKH cấp trường năm 2016 phục vụ công tác quản lý</p> <p>Quyết định số 479/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng xét bổ xung đề xuất và thẩm định thuyết minh đề tài NCKH cấp Trường năm 2015 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo</p> <p>Quyết định số 481/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài NCKH cấp trường năm 2015 thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh</p> <p>Quyết định số 1100/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài NCKH trọng điểm cấp trường năm 2015</p> <p>Quyết định số 2270/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng thuyết minh đề tài NCKH cấp Trường năm 2016 thuộc lĩnh vực quản trị doanh</p> <p>Quyết định số 2269/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài NCKH cấp Trường năm 2016 thuộc lĩnh vực kinh tế</p> <p>Quyết định số 2271/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng thẩm định thuyết minh nhiệm vụ NCKH cấp trường năm 2016 phục vụ công tác quản lý</p> <p>Quyết định số 2272/QĐ-ĐHKTQD về việc thành lập Hội đồng thẩm định thuyết minh đề tài NCKH cấp Trường năm 2016 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo</p>	<p>Số 898/QĐ-ĐHKTQD ngày 10/06/2015</p> <p>Số 480/QĐ-ĐHKTQD ngày 06/04/2015</p> <p>Số 2271/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2015</p> <p>Số 479/QĐ-ĐHKTQD ngày 06/04/2015</p> <p>Số 481/QĐ-ĐHKTQD ngày 06/04/2015</p> <p>Số 1100/QĐ-ĐHKTQD ngày 24/07/2015</p> <p>Số 2270/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2015</p> <p>Số 2269/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2015</p> <p>Số 2271/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2015</p> <p>Số 2272/QĐ-ĐHKTQD ngày 29/12/2015</p>	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
191	H7.7.2.3	Hợp đồng số 36/HĐ 2015-ĐTCT triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp Trường năm 2015	Số 36/HĐ 2015-ĐTCT ngày 10/06/2015		Minh chứng dùng chung
192	H7.7.2.4	Báo cáo tiến độ thực hiện đề tài NCKH cấp Trường năm 2015-2016 Đơn xin gia hạn thực hiện đề tài NCKH			
193	H7.7.2.5	Phiếu thu đề tài NCKH Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài NCKH cấp trường ngày 07/09/2016 Biên bản giải trình sửa chữa/bổ sung đề tài theo ý kiến của hội đồng nghiệm thu ngày 12/09/2016		Trường KTQD	
194	H7.7.3.1	Hồ sơ đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học xã hội và nhân văn năm 2011,2012,2014		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
195	H7.7.3.2	Thông kê các bài báo Quốc tế giai đoạn 2011-2015		Trường KTQD	
196	H7.7.4.1	Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài khoa học cấp trường ngày 18/10/2016. Biên bản họp hội đồng đánh giá cấp nhà nước ngày 12/04/2016. Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH &CN sử dụng ngân sách nhà nước số 2016-52-677/KQNC. Phiếu nhận xét của thành viên hội đồng (số lượng nhiều). Phiếu nhận xét của Ủy viên phản biện(số lượng nhiều) Quyết định số 720/QĐ-BKHCN về việc thành lập Hội đồng KHCN cấp quốc gia đánh giá, nghiệm thu đề tài KX.01.16/11-15 thuộc chương trình “NCKH phát triển kinh tế và quản lý kinh tế ở Việt nam đến năm 2020” mã xã KX.01/11-15. Quyết định Số 1192/QĐ-BKHCN về việc phê duyệt danh mục đặt hàng đề tài KHCN cấp quốc gia để xét giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2015.	Số 720/ QĐ-BKHCN ngày 04/04/2016 Số 1192/QĐ-BKHCN ngày 29/05/2015	Bộ KHCN Bộ KHCN	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Danh mục đề tài KHCN cấp quốc gia đặt hàng để xét giao trực tiếp thực hiện trong kế hoạch năm 2015 ban hành kèm theo Quyết định Số 1192/QĐ-BKHCN ngày 29/05/2015. Công văn Số 159-CV/BKTTW về việc xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài KX.01.16/11-15. Công văn Số 81/HĐND-VP về việc xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học công nghệ. Công văn Số 2957/UBKT13 về việc sử dụng kết quả nghiên cứu đề tài khoa học cấp nhà nước KX.01.16/16/11-15 Công văn Số 963/UĐCNTT-VP về việc xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài. Công văn số 1001/QLKTTW-VP về việc xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài cấp nhà nước Công văn số 566/VCL&CSCN về việc xác nhận khả năng ứng dụng kết quả nghiên cứu của đề tài cấp NN.	Số 159-CV/BKTTW ngày 22/03/2016 Số 81/HĐND-VP ngày 18/03/2016 Công văn Số 2957/UBKT13 ngày 23/03/2016 Số 963/UĐCNTT-VP ngày 05/12/2012 Công văn số 1001/QLKTTW-VP ngày 02/12/2012 Số 566/VCL&CSCN ngày 04/12/2012	Ban Kinh tế TƯ HĐND TP. Hà nội Ủy Ban Kinh tế của QH Cục Ứng Dụng CNTT Viện Nghiên cứu QLKT TƯ Viện Nghiên cứu CLCS Công nghiệp	
197	H7.7.4.2	Quyết định số 2185/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập Ban chỉ đạo, BTC, BBT và TTK Hội thảo khoa học “Kinh tế-xã hội Việt nam năm 2015, TPP Cơ hội và thách thức”. Tờ trình số 35/V.NH-TC về việc hoàn thiện thể chế cho sự phát triển bền vững hệ thống ngân hàng Việt nam giai đoạn 2016-2020. Quyết định số 548/QĐ-ĐHKQTĐ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH và CN cấp Quốc gia.	Số 2185/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 18/12/2015. Số 35/V.NH-TC ngày 05/07/2016 Số 548/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 20/04/2016.	Trường KTQD Viện NH-TC	
198	H7.7.6.1	Quyết định số 215/QĐ-ĐHKQTĐ về việc giao nhiệm vụ KHCN cấp trường năm 2016(lần 1)	Số 215/QĐ-ĐHKQTĐ ngày 02/03/2016	Trường KTQD	
199	H7.7.6.2	Thông kê các đề tài, dự án NCKH và CGCN phối hợp với bên ngoài năm 2013-2014	Năm 2013-2014	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
200	H7.7.6.3	Quyết định Số 06/QĐ-HĐCDGSNN về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2015 Quyết định Số 46/QĐ-HĐCDGSNN về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2015. Quyết định Số 55/QĐ-HĐCDGSNN về việc công nhận đạt tiêu chuẩn chức danh giáo sư, phó giáo sư năm 2016.	Số 06/QĐ-HĐCDGSNN ngày 21/01/2015 Số 46/QĐ-HĐCDGSNN ngày 22/10/2015 Số 55/QĐ-HĐCDGSNN ngày 10/10/2016.	HĐ Chức danh GSNN	
201	H7.7.7.1	Quy chế hoạt động KH &CN của trường KTQD (Ban hành kèm theo Quyết định số 67/QĐ-ĐHKTQD-QLKH ngày 19/01/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 755/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11 năm 2011). Quy định về quản lý đề tài NCKH cấp cơ sở (Ban hành kèm theo Quyết định số 69/QĐ-ĐHKTQD-QLKH ngày 19/01/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 757/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11 năm 2011). Quy định về định mức tính thời gian cho hoạt động NCKH trường KTQD (Ban hành kèm theo Quyết định số 68/QĐ-ĐHKTQD-QLKH ngày 19/01/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 756/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11/2011)	Số 67/QĐ-ĐHKTQD-QLKH ngày 19/01/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 755/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11 năm 2011 Số 69/QĐ-ĐHKTQD-QLKH ngày 19/01/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 757/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11 năm 2011 Số 68/QĐ-ĐHKTQD-QLKH ngày 19/01/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 756/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11/11/2011	Trường KTQD	
202	H7.7.7.2	Quyết định số 1317/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/8/2016 về sự trung thực trong đào tạo NCKH tại KTQD	Số 1317/QĐ-ĐHKTQD ngày 4/8/2016	Trường KTQD	
203	H7.7.7.3	Giấy chứng nhận Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước		Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia	
204	H8.8.1.1	Quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế tại trường KTQD: Quyết định số 76/QĐ-ĐHKTQD ngày 19 tháng 01 năm 2011, và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 758/QĐ-ĐHKTQD-TCCB ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)	Số 76/QĐ-ĐHKTQD ngày 19/01/2011 Số 758/QĐ-ĐHKTQD-TCCB 11/11/2011	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
205	H8.8.1.2	Báo cáo thường niên công tác hợp tác quốc tế tại trường KTQD 5 năm gần nhất		Phòng HTQT	
206	H8.8.1.3	Dự thảo Quy định về xây dựng, phê duyệt đề án và quản lý chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài		Phòng HTQT	
207	H8.8.1.4	Bộ thủ tục quản lý lưu học sinh lưu hành nội bộ		Phòng HTQT	
208	H8.8.2.1	Bản sao Danh sách các chương trình liên kết đào tạo tại trường KTQD đăng trên cổng thông tin điện tử trường KTQD		Trường KTQD	
209	H8.8.2.2	Danh sách cán bộ giảng viên đủ khả năng giảng dạy các chương trình bằng tiếng nước ngoài		Phòng TCCB	
210	H8.8.2.3	Thông báo các chương trình trao đổi sinh viên năm học 2016-2017 và danh sách các trường đối tác thực hiện chương trình trao đổi sinh viên với trường KTQD kèm theo		Trường KTQD	
211	H8.8.2.04	Danh sách tổng hợp các trường đại học có ký kết thỏa thuận hợp tác/ biên bản ghi nhớ với trường KTQD từ năm 1996-2016		Phòng HTQT	
212	H9.9.1.1	Thư viện điện tử	http://lic.neu.edu.vn/	TT Thư viện	
213	H9.9.1.2	Nội quy sử dụng thư viện Hợp đồng mua bán Nội quy ra vào trung tâm thư viện Giấy mời tham gia chương trình giao lưu bạn đọc Thông báo giao lưu bạn đọc	Năm 2014 Số 154, 155/KTQD-HĐ năm 2015 Năm 2014 Năm 2015 Năm 2015	Thư viện Trường KTQD Thư viện Thư viện Thư viện	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
		Tờ trình về tổ chức tọa đàm đối thoại giữa Thư viện và bạn đọc Bạn đọc cần biết Danh mục báo, tạp chí quý I năm 2016 Thông báo mở lớp hướng dẫn tra cứu, tham khảo tài liệu Thư viện Hợp đồng cung cấp CSDL proquest central	Năm 2014 Năm 2016 Số 1372/TB-ĐHKTQD năm 2014 Số 01/LHTV-ITGVN-NEU/2014	Thư viện Thư viện Thư viện Thư viện	
214	H9.9.2.1	Báo cáo thống kê hiện trạng các nhà làm việc và giảng đường lớn trong trường		Phòng QTTB	Minh chứng dùng chung
215	H9.9.2.2	Bản vẽ thiết kế xây dựng các giảng đường lớn		Phòng QTTB	Minh chứng dùng chung
216	H9.9.2.3	Báo cáo ba công khai tại trang web www.neu.edu.vn			
217	H9.9.2.4	Thời khóa biểu theo từng học kỳ của các chuyên ngành đào tạo		Phòng QLĐT	
218	H9.9.2.5	Hợp đồng phối hợp đào tạo tại trường Trung cấp Công thương Hà Nội Hợp đồng phối hợp đào tạo tại trường Trung cấp Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội 1	Số 194/ĐHKTQD-TCCT năm 2004 Số 01/ĐHKTQD-KTKT năm 2014		Minh chứng dùng chung
219	H9.9.3.1	Sổ phát thiết bị tại giảng đường		Phòng QTTB	
220	H9.9.3.2	Sổ kiểm kê dụng cụ lâu bền năm 2013 Sổ kiểm kê tài sản cố định năm 2013 Sổ kiểm kê dụng cụ lâu bền năm 2014 Sổ kiểm kê tài sản cố định năm 2014	Năm 2013 Năm 2014	Phòng QTTB	Minh chứng dùng chung

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
221	H9.9.3.3	Chức năng, nhiệm vụ phòng QTTB		Trường KTQD	
222	H9.9.3.4	Quyết Định giao kế hoạch công việc và dự toán chi ngân sách trường cho các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ năm 2014 Quyết Định giao kế hoạch công việc và dự toán chi ngân sách trường cho các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ năm 2015 Quyết Định giao kế hoạch công việc và dự toán chi ngân sách trường cho các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ năm 2016	Số 367/QĐ-ĐHKTQD năm 2014 Số 158/QĐ-ĐHKTQD năm 2015 Số 66/QĐ-ĐHKTQD năm 2016	Trường KTQD	
223	H9.9.3.5	Định mức trang bị tài sản, phương tiện cho các chức danh cán bộ quản lý cấp cơ sở		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
224	H9.9.3.6	Quy trình cải tạo sửa chữa nhỏ		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
225	H9.9.3.7	Quy trình xây dựng dự án đầu tư xây dựng		Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
226	H9.9.3.8	Quy định về sửa chữa tài sản		Trường KTQD	
227	H9.9.4.1	Truy cập trang Web tra cứu kết nối mạng intranet cho tất cả các máy PC các khóa, phòng ban chức năng trong trường	www.neu.edu.vn		
228	H9.9.4.2	Hợp đồng cung cấp dịch vụ phần mềm Eoffice cho trường Đại học Kinh tế Quốc dân	Số 336-1010/HĐ-BKAV15 ngày 11/12/2015		
229	H9.9.4.3	Hộp thư sinh viên Tài liệu hoàn công kết nối mạng máy tính tại Ban quản lý dự án giáo dục đại học	Truy cập trang Web email: https://mail.edu.vn . Truy cập trang Web mail sinh viên tại www.neu.edu.vn mục sinh viên		

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
230	H9.9.4.4	Quy định chức năng nhiệm vụ của Viện CNTT&KT tại Bộ quy định tổ chức quản lý trường ĐH KTQD	Bộ quy định	Trường KTQD	
231	H9.9.5.1	Bản vẽ, sơ đồ khu KTX sinh viên		Trường KTQD	
232	H9.9.5.2	Sơ đồ mặt bằng và bảng tổng hợp diện tích từng khu vực, từng loại hình mặt bằng (phòng học, phòng hội thảo, hội trường, sân bóng...)		Trường KTQD	
233	H9.9.6.1	Sơ đồ, diện tích, số lượng các phòng làm việc		Trường KTQD	
234	H9.9.6.2	Quyết Định của Thủ tướng chính phủ về việc đầu tư xây dựng Nhà trung tâm đào tạo Trường ĐHK&TQD		Chính phủ	Minh chứng dùng chung
235	H9.9.7.1	Giấy ủy quyền của Ủy ban hành chính thành phố HN cho phép trường sử dụng diện tích 20.450m ² tạm thời làm lán trại	Số 4002-UN/CD năm 1956	UBND Hà nội	
236	H9.9.7.2	Quyết Định của Thủ tướng chính phủ về điều chỉnh lại diện tích đất đai cho các đơn vị trực thuộc BĐH THCN ở khu vực Bạch Mai (Hà Nội)	Số 327/TTg năm 1975	Chính phủ	
237	H9.9.7.3	Quyết định của Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội giao 14ha đất cho trường ĐHK&TQD	Số 199/QĐQH năm 1976	UBND Hà nội	
238	H9.9.7.4	Giấy ủy nhiệm sử dụng đất của Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội cho trường ĐHK&TQD	Số 449/K/TH năm 1961	UBND Hà nội	
239	H9.9.7.5	Hồ sơ thửa đất năm 2004 (mốc giới)			
240	H9.9.7.6	Bản vẽ quy hoạch trường			
241	H9.9.7.7	Hồ sơ thửa đất năm 2004 (mốc giới)			
242	H9.9.7.8	Quyết Định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà học 5 tầng trường ĐHK&TQD	Số 7412/QĐ-BGD&ĐT năm 2007	Bộ GD&ĐT	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
243	H9.9.7.9	Quyết Định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng hạng mục công trình Nhà học 01 tầng trường ĐHKQTĐ	Số 5533/QĐ-BGDĐT năm 2010	Bộ GD&ĐT	
244	H9.9.7.10	Văn bản thu hồi giải phóng đất đai của trường		Trường KTQD	
245	H9.9.7.11	Bản vẽ điều chỉnh quy hoạch nhà trung tâm đào tạo			
246	H9.9.7.12	Quyết Định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nhà học 01 tầng trường ĐHKQTĐ	Số 1597/QĐ-BGDĐT năm 2010	Bộ GD&ĐT	
247	H9.9.9.1	Chức năng, nhiệm vụ phòng Bảo vệ	Bộ quy định	Trường KTQD	
248	H9.9.9.2	Bảng phân công nhiệm vụ theo từng khu vực			
249	H9.9.9.3	Báo cáo tổng kết công tác đơn vị năm học 2013 2014		Trường KTQD	
250	H9.9.9.4	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học 2014 2015, kế hoạch hoạt động năm học 2015 2016	Năm 2015	Trường KTQD	
251	H9.9.9.5	Báo cáo sơ kết công tác đơn vị quý I 2015 và phương hướng kế hoạch công tác quý II 2015	Năm 2015	Trường KTQD	
252	H9.9.9.6	Quyết Định về việc thành lập Ban chỉ đạo và Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở của Trường ĐHKQTĐ Quyết Định về việc thành lập Ban chỉ đạo và Đội phòng cháy và chữa cháy cơ sở của Trường ĐHKQTĐ Quyết Định về việc thành lập Ban phòng chống thiên tai cơ sở của trường ĐHKQTĐ	Số 187/QĐ-ĐHKQTĐ năm 2014 Số 673/QĐ-ĐHKQTĐ năm 2015 Số 674/QĐ-ĐHKQTĐ năm 2015	Trường KTQD	
253	H10.10.1.1	Quyết định giao dự toán ngân sách hàng năm		Bộ TC	
254	H10.10.1.2	Quyết định mức thu học phí các hệ đào tạo hàng năm	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
255	H10.10.1.3	Thông báo thu học phí (cấp chứng chỉ) các loại	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
256	H10.10.1.4	Thông báo thu lệ phí các hệ	Năm 2010-2015	Trường KTQD	

STT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số ngày tháng ban hành	Nơi ban hành	Ghi chú
257	H10.10.1.5	Thông báo thu học phí loại hình đào tạo liên kết với nước ngoài	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
258	H10.10.1.6	Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC về chế độ kế toán cho đơn vị hành chính sự nghiệp	Số 19/2006/QĐ-BTC	Bộ TC	
259	H10.10.1.7	Quy chế thu chi nội bộ của các đơn vị có thu	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
260	H10.10.1.8	Quyết định giao công việc và dự toán ngân sách hàng năm cho các đơn vị.	Năm 2010-2015	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
261	H10.10.1.9	Nghị quyết số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014	Số 77/NQ-CP ngày 24/10/2014	Chính phủ	
262	H10.10.2.1	Dự toán và kế hoạch ngân sách nộp Bộ GD&ĐT hàng năm	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
263	H10.10.2.2	Báo cáo tài chính quý, năm, sổ sách kế toán.	Năm 2010-2015	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung
264	H10.10.2.3	Hệ thống phần mềm kế toán			
265	H10.10.2.4	Báo cáo tài chính tại Hội nghị CBCC hàng năm.	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
266	H10.10.2.5	Báo cáo tài chính 3 công khai	Năm 2010-2015	Trường KTQD	
267	H10.10.2.6	Quy chế thu chi nội bộ	Năm 2010-2015	Trường KTQD	Minh chứng dùng chung